

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ MÁY CHẾ BIẾN TINH BỘT SẮN, CÔNG SUẤT
24.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

Địa điểm: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ
“NHÀ MÁY CHẾ BIẾN TINH BỘT SẮN, CÔNG SUẤT
24.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

Địa điểm: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN TINH
BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC**

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Hải

Bình Phước, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH	vi
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	3
3.1. Công suất của cơ sở.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu của Cơ sở.....	9
4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện	12
4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước	13
4.5. Nhu cầu sử dụng lao động.....	21
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	21
5.1. Vị trí địa lý	21
5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở.....	23
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	25
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	28
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	28
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường	28
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	30
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	30

1.1. Thu gom, thoát nước mưa	30
1.2. Thu gom, thoát nước thải	32
1.3. Xử lý nước thải.....	33
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	45
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	55
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	57
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	58
5.1. Nguồn phát sinh.....	58
5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	60
5.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở	60
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	60
6.1. Sự cố đối với bề tự hoại	60
6.2. Sự cố tại hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải.....	61
6.3. Phương án phòng ngừa sự cố máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất.....	62
7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác	63
7.1. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ	63
7.2. Biện pháp phòng chống tai nạn lao động	64
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	64
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	68
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	68
1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải.....	68
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	69
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	70
2.1. Nội dung cấp phép đối với khí thải	70
2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:.....	71
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	73
3.1. Nguồn phát sinh	73
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	73

3.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:.....	73
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	73
4.1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh:	73
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	75
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	76
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	76
1.1. Thông tin đơn vị quan trắc	76
1.2. Kết quả quan trắc.....	76
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và không khí xung quanh	78
2.1. Thông tin đơn vị quan trắc	78
2.2. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh.....	78
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	84
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	84
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật	84
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	84
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	84
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	85
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	87
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	88
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	89
PHỤ LỤC BÁO CÁO	91

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTR CNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TSS	Chất rắn lơ lửng
Stt	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GPXD	Giấy phép xây dựng

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở	9
Bảng 1.2. Định mức sử dụng nguyên liệu trên 1 tấn sản phẩm	12
Bảng 1.3. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra.....*	12
Bảng 1.4. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở	13
Bảng 1.5. Bảng cân bằng nước của cơ sở	18
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng lao động của Cơ sở	21
Bảng 1.7. Vị trí tọa độ của Cơ sở.....	21
Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	23
Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	25
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	31
Bảng 3.2. Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom nước thải.....	33
Bảng 3.3. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ	34
Bảng 3.4. Các hạng mục công trình HTXLNT công suất 1.680 m ³ /ngày đêm.....	38
Bảng 3.5. Định mức tiêu thụ hóa chất cho HTXLNT	42
Bảng 3.6. Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra.....	44
Bảng 3.7. Kết quả tính toán hiệu suất xử lý như sau:	44
Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí thải của lò đốt khí Biogas	45
Bảng 3.9. Tải lượng các chất ô nhiễm khí thải quá trình đốt dầu FO.....	46
Bảng 3.10. Nồng độ các chất ô nhiễm khí thải từ quá trình đốt dầu FO.....	46
Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí thải của lò đốt dầu FO.....	46
Bảng 3.12. Thông số kỹ thuật của Hệ thống Cyclone thu hồi bụi từ quá trình sấy tinh bột mì và đóng bao sản phẩm.....	48
Bảng 3.13. Thông số kỹ thuật của Hệ thống Cyclone thu hồi bụi từ quá trình sấy bã sắn	51
Bảng 3.14. Khối lượng rác thải sản xuất sinh phát sinh.....	56
Bảng 3.15. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	57
Bảng 3.16. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới	58
Bảng 3.17. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	59
Bảng 3.18. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số	59
Bảng 3.19. Phương án khắc phục sự cố trong vận hành HTXL nước thải	61

Bảng 3.20. Nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....	66
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022 và năm 2023	77
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực cổng 79	79
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực gần hồ sinh học	80
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực gần hồ Biogas.....	81
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực mài vó	82
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc ánh sáng tại Cơ sở	83
Bảng 6.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	86
Bảng 6.2. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	87

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Hình ảnh Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước.....	1
Hình 1.2. Quy trình sản xuất tinh bột sắn	4
Hình 1.3. Quy trình sấy bã sắn.....	8
Hình 1.4. Sản phẩm của cơ sở.....	9
Hình 1.5. Sơ đồ khai thác và xử lý nước mặt tại nhà máy	14
Hình 1.6. Một số hình ảnh hệ thống xử lý nước cấp của nhà máy.....	15
Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng sử dụng nước của cơ sở.....	20
Hình 1.8. Vị trí cơ sở trên bản đồ.....	22
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở	30
Hình 3.2. Một số hình ảnh thu gom nước mưa tại cơ sở.....	32
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải	33
Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc.....	34
Hình 3.5. Quy trình xử lý nước thải của Cơ sở, công suất 1.680 m ³ /ngày đêm	36
Hình 3.6. Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải.....	43
Hình 3.7. Quy trình thu gom bụi từ quá trình sấy và đóng bao sản phẩm	47
Hình 3.8. Sơ đồ nguyên lý của Cyclone.....	48
Hình 3.9. Hệ thống Cyclone tại cơ sở	49
Hình 3.10. Quy trình thu gom bụi từ quá trình sấy bã	50
Hình 3.9. Một số hình ảnh hệ thống Cyclone thu hồi bụi bã sấy	54
Hình 3.11. Sơ đồ thu gom chất thải của cơ sở	55

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC.
- Địa chỉ văn phòng: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Minh Hải.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0948157394.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3800438905 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/01/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

2. Tên cơ sở

“Nhà máy chế biến tinh bột sắn, công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm”



Hình 1.1. Hình ảnh Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước

- Địa điểm cơ sở: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Giấy chứng nhận công trình số 02/UBND-CNCT ngày 5/2/2007 của UBND tỉnh Bình Phước.

+ Giấy phép xây dựng số 12/2008/GPXD ngày 31/01/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty CP FOCOCEV Bình Phước.

+ Giấy phép xây dựng số 90/2009/GPXD ngày 23/7/2009 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty CP FOCOCEV Bình Phước.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Thành lập Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước số 2673/QĐ-UB ngày 25/10/2000 của UBND tỉnh Bình Phước (*Cơ sở được phê duyệt với công suất 20.000 tấn/năm*).

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung số 715/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của UBND tỉnh Bình Phước (*Cơ sở nâng công suất từ 20.000 tấn sản phẩm/năm lên 50.000 tấn sản phẩm/năm, hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000 m³/ngày đêm*).

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước (*Cơ sở sản xuất với công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm, hệ thống xử lý nước thải 1.680 m³/ngày đêm*).

+ Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 36/GP-UBND ngày 15/05/2020 của UBND tỉnh Bình Phước.

+ Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH 70.000346.T ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

+ Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Xác định theo khoản 3 Điều 10, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2019 và thuộc Phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 10 tỷ đồng, do đó cơ sở được phân loại **Nhóm C** (Dự án có mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng).

+ Phân loại theo Luật bảo vệ môi trường: Cơ sở thuộc Dự án đầu tư Nhóm I, căn cứ theo quy định thuộc số thứ tự 14, mục III, phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: "*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải*

nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.

- Căn cứ Khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường: “Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;”

Ngoài ra, Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2019. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường do UBND tỉnh cấp.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở được xây dựng theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

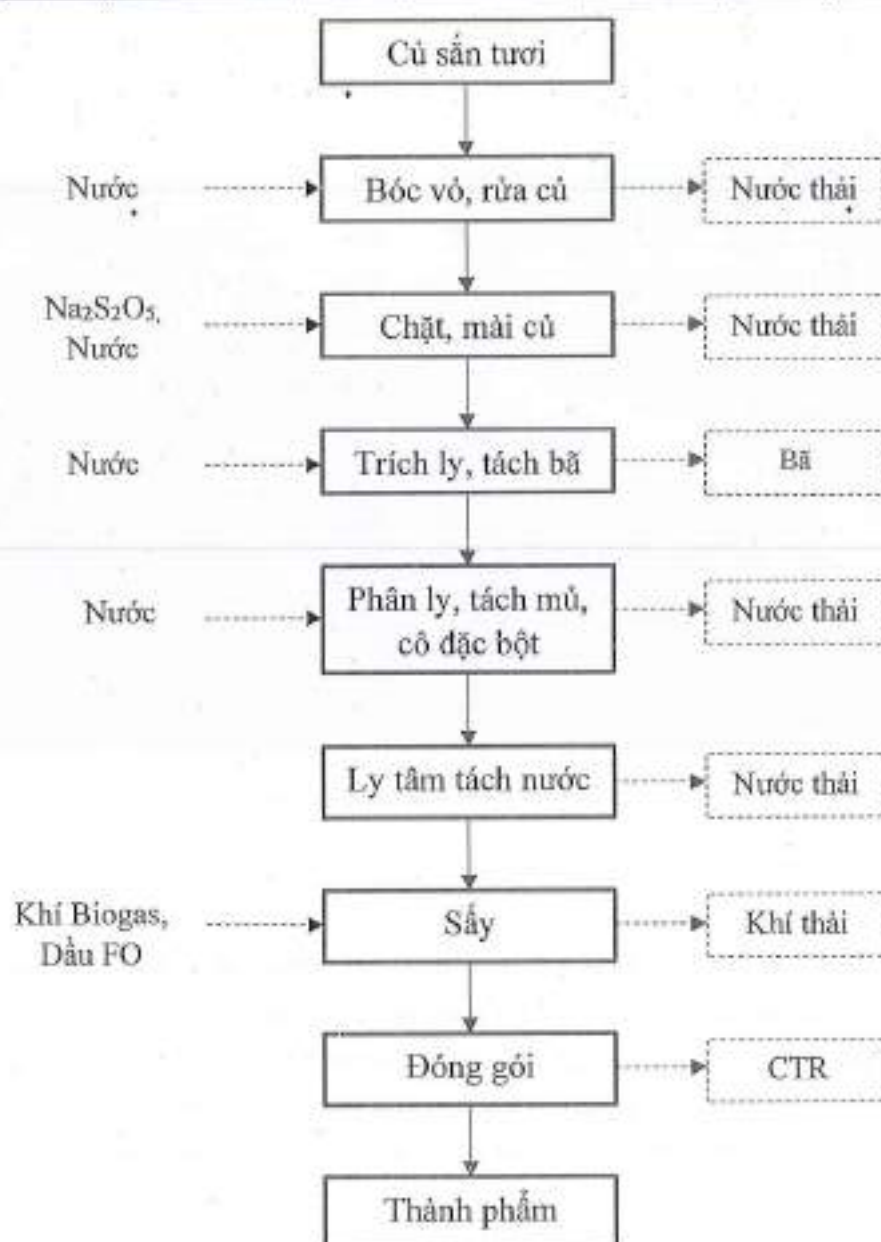
3.1. Công suất của cơ sở

Cơ sở sản xuất chế biến tinh bột sắn với công suất 24.000 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình sản xuất tinh bột sắn

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 nhằm kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu, kiểm soát chặt chẽ chế độ chạy máy. Tối ưu số lượng máy trên dây chuyền và thực hiện các cải tiến hợp lý hóa kỹ thuật đảm bảo hiệu quả sản xuất và tiết kiệm, thực hiện lắp đặt đồng hồ đo kiểm soát lưu lượng nước sử dụng với Sơ đồ quy trình công nghệ như sau:



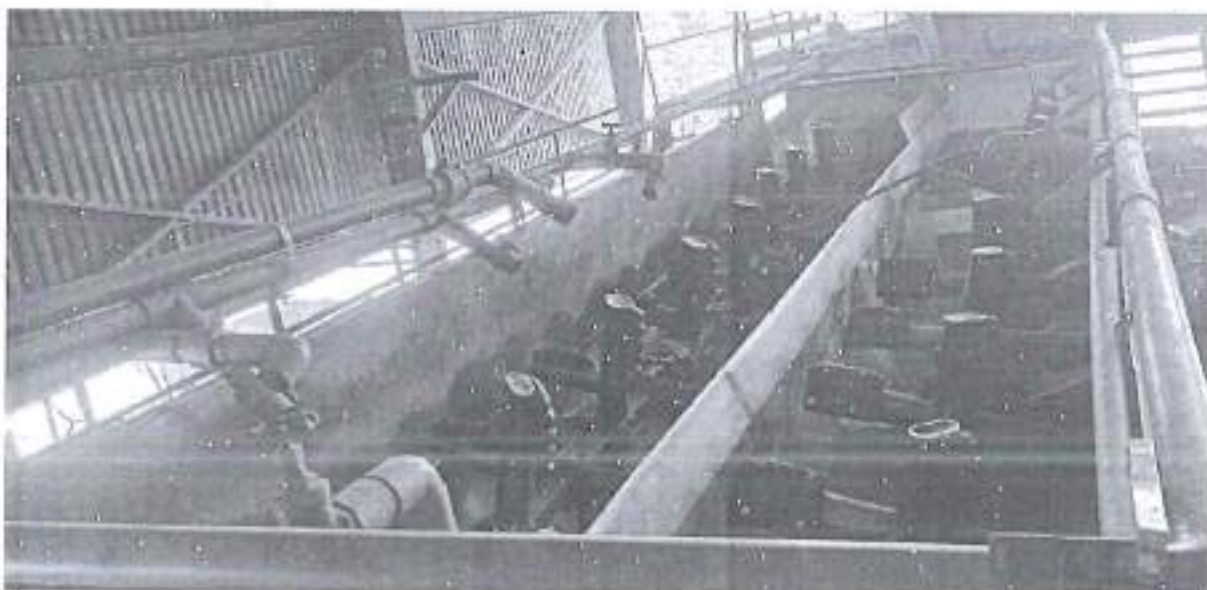
Hình 1.2. Quy trình sản xuất tinh bột sẵn

Thuyết minh quy trình công nghệ:

- Công đoạn 1: Nạp liệu - bóc vỏ - rửa sạch

Nguyên liệu củ sắn tươi được thu mua từ các thương lái vận chuyển đến Nhà máy để cân và kiểm tra hàm lượng tinh bột, củ sắn tươi thu mua không quá 3 ngày phải được sản xuất lấy tinh bột. Củ sắn tươi được nạp vào phễu liệu bằng xe xúc lật, nhờ sản rung định lượng, nguyên liệu được cấp đều đặn vào dây chuyền qua băng tải nghiêng đi vào lồng bóc vỏ. Dưới tác động của lực quay, các gân lồng bóc vỏ và lực ma sát, củ sắn di chuyển từ đầu lồng đến cuối lồng, đồng thời loại bỏ tạp chất (đất, sạn nhỏ, ...) và một phần vỏ.

Củ sắn tươi sau khi được bóc một phần vỏ lụa, được chuyển qua dây chuyền rửa, để tiếp tục chà xát và làm sạch hoàn toàn vỏ lụa bằng nước tưới và nước chứa trong máng rửa.



Công đoạn rửa củ

- *Công đoạn 2: Chặt và mài*

Sau khi làm sạch, củ sắn tươi được chuyển qua công đoạn chặt và mài để giải phóng toàn bộ bột ra khỏi mô củ, quá trình này được thực hiện bằng dao chặt và máy mài với sự tham gia của $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$ (định mức sử dụng $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$ là 0,2 g/20 tấn thành phẩm), $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$ có tác dụng giữ cho dịch bào bột không bị oxy hóa biến màu ảnh hưởng đến chất lượng bột trong môi trường nước. Qua công đoạn này thu được hỗn hợp sữa bột nhuyễn gồm bột tự do, bã và nước có hòa tan dịch bào củ.

- *Công đoạn 3: Trích ly, tách bã*

Hỗn hợp sữa bột nhuyễn tiếp tục được bơm vào hệ thống máy trích ly thô, quá trình này bã được lọc qua 3 cấp để thu hồi tinh bột sắn, phần dịch sữa loãng từ công đoạn trích ly tận dụng được dẫn quay trở về cấp cho dây chuyền tại máy mài, bã ra khỏi các máy trích ly thô được xả qua băng tải ra ngoài, bã này là một loại phụ phẩm của Nhà máy, có thể dùng chế biến thức ăn gia súc...

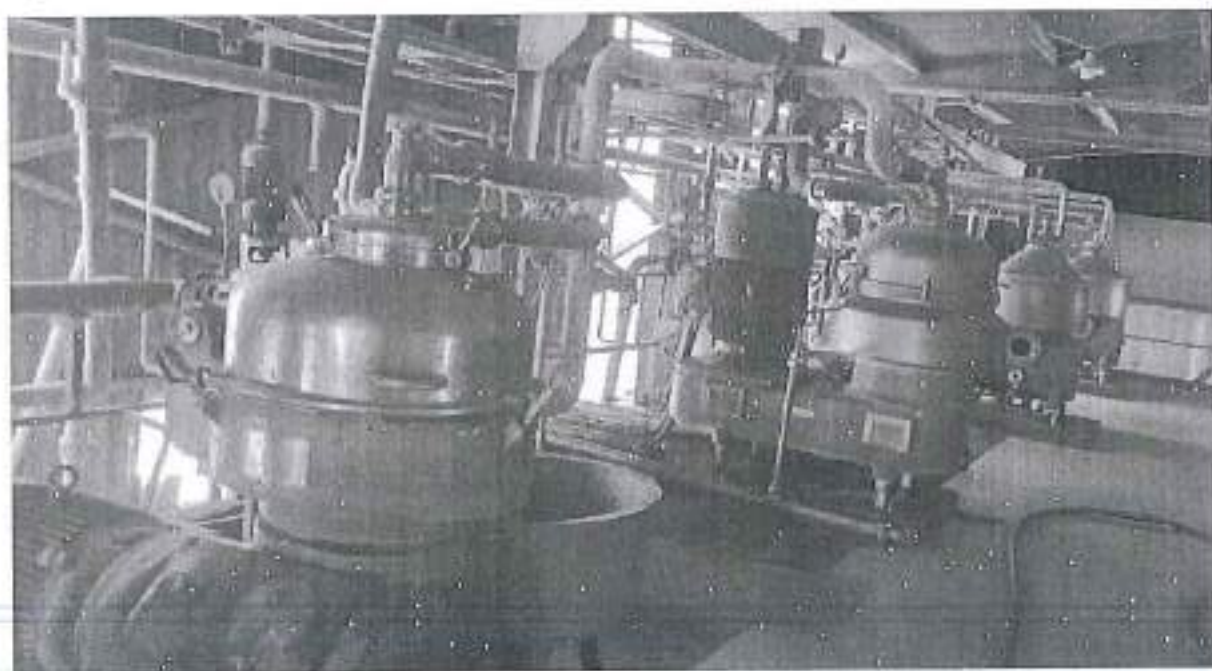


Công đoạn trích ly tách bã

- Công đoạn 4: Phân ly, tách mù và cô đặc bột

Dịch sữa sạch được bơm vào các bồn 2 cấp phân ly để loại bỏ toàn bộ dịch bào cũ và cô đặc dịch sữa đến khi độ đạt $19-21^{\circ}\text{C}$ để sẵn sàng cho công đoạn tách nước sau đó.

Quá trình phân ly được thực hiện bởi các máy phân ly có tốc độ quay đến 5.100 vòng/phút và được hỗ trợ bởi các thiết bị lọc chổi quay và cyclone tách cát đảm bảo đạt hiệu quả toàn diện để cho ra sữa bột có độ đặc và độ sạch đạt yêu cầu.



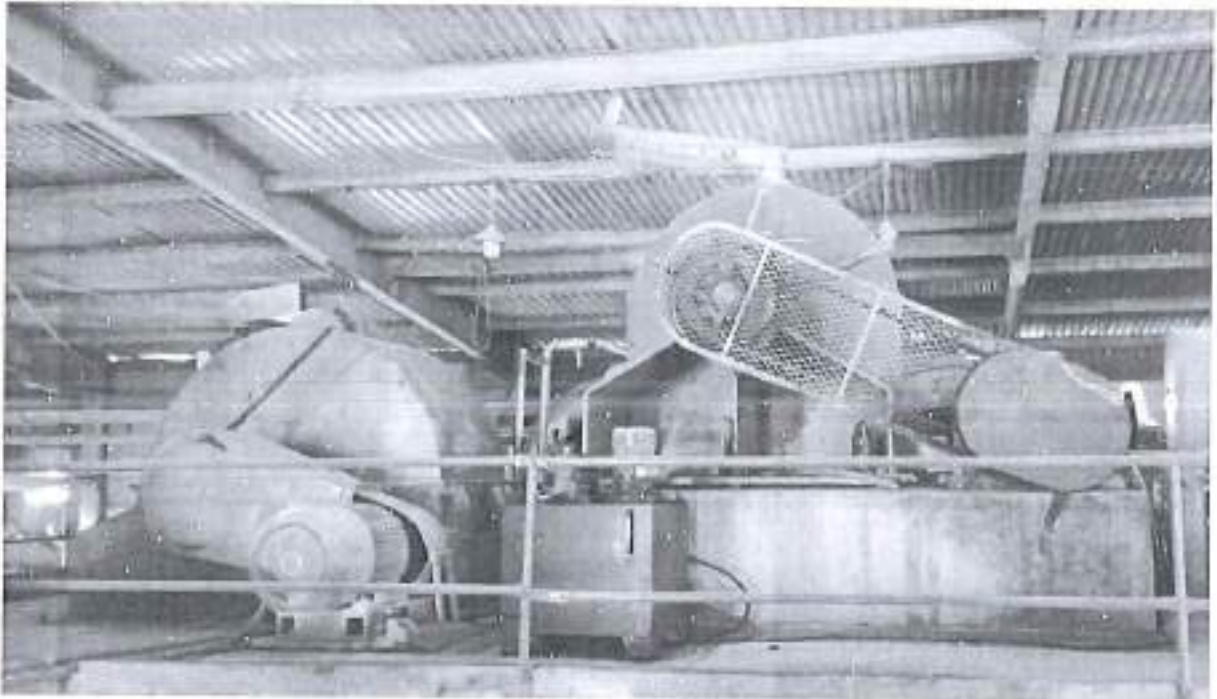
Công đoạn phân ly

Công đoạn 5: Ly tâm tách nước

Dịch sữa từ thùng chứa sau phân ly cuối được bơm cao áp chuyển vào hệ thống máy ly tâm tách nước cho ra bột ở độ ẩm tối đa 35%. Bột ở độ ẩm này dễ dàng đánh tơi

và phân tán trong không khí, sẵn sàng cho giai đoạn sấy sau đó. Sữa loãng từ các máy ly tâm được hồi lưu về các công đoạn trước để tái sử dụng.

Lượng dịch sữa loãng từ ly tâm và trích ly tận dụng giúp giảm khoảng 38,5% lượng nước cấp cho công nghệ.



Công đoạn ly tâm tách nước

- Công đoạn 6: Sấy tinh bột và đóng gói

Tinh bột ẩm được băng tải chuyển vào bộ phận đánh tơi, định lượng và phân tán vào ống sấy, nhờ dòng khí nóng mà khối bột được phân tán triệt để và thoát ẩm nhanh chóng. Dòng khí nóng được tạo ra nhờ quạt hút công suất lớn, được lọc kỹ và gia nhiệt ở bộ trao đổi nhiệt. Nguồn nhiệt được cấp từ 02 lò đốt (mức độ sử dụng nhiên liệu khí biogas khoảng 265.116 m³/tháng, ngoài ra khi dây chuyền hoạt động lại sau thời gian nghỉ vụ, nghỉ tết do lượng khí gas không đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng nên đơn vị có sử dụng thêm một lượng nhỏ dầu FO khoảng lượng dầu FO này chiếm khoảng 3% nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong năm) dầu dẫn nhiệt mang nhiệt từ lò đốt qua bộ trao đổi nhiệt để truyền cho không khí. Việc điều chỉnh công suất đốt lò và nạp liệu vào ống sấy được tự động hoàn toàn đảm bảo cho quá trình sấy ổn định, hiệu quả cao nhất và chất lượng tinh bột thành phẩm luôn đạt yêu cầu.

Bột sau khi sấy khô được tách khỏi không khí nóng nhờ hệ cyclone rồi đi qua van quay vào đường ống làm nguội nhờ quạt hút. Dòng không khí tự nhiên được đi qua hệ thống xử lý (lọc, khử mùi và diệt khuẩn) sẽ làm nguội bột đến nhiệt độ gần với nhiệt độ môi trường để có thể cất giữ trong kho lâu dài.

Trước khi đóng bao, bột khô được rây lần cuối để loại bỏ tất cả các hạt thô. Bao tiêu chuẩn có khối lượng tịnh 50kg được kiểm tra bằng cân điện tử có độ chính xác cao.

Tuy nhiên, tùy yêu cầu của khách hàng, nhà máy có thể đóng các loại bao có khối lượng lớn hoặc nhỏ hơn.

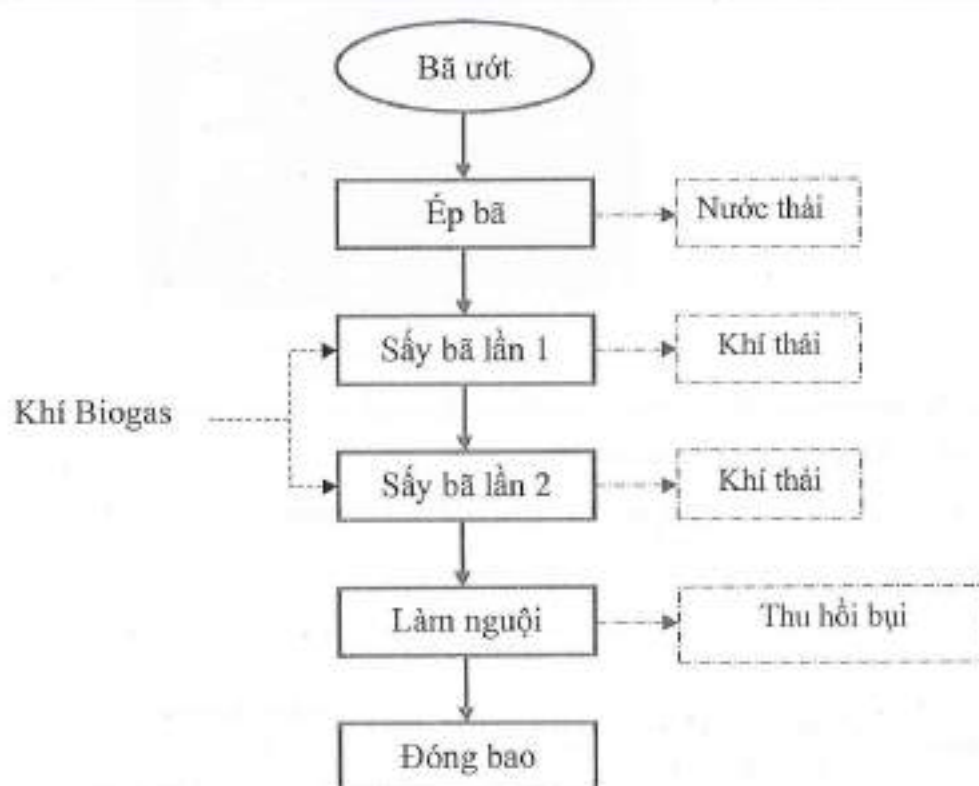
❖ **Chất thải phát sinh và phương pháp xử lý:**

- Nước thải: Nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày.

- Khí thải: Khí thải phát sinh từ lò đốt khí biogas và lò đốt dầu FO được phát tán qua ống phát thải cao lần lượt 11m và 15m.

- Chất thải rắn: Bã, vỏ mì được hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng đến thu gom và xử lý.

b. Quy trình sấy bã sẵn



Hình 1.3. Quy trình sấy bã sẵn

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Bã ướt (độ ẩm 88%) sau công đoạn trích ly tận dụng của quy trình sản xuất tinh bột sẵn được băng tải dẫn vào phễu chứa, sau đó theo vít tải cấp vào máy ép bã.

Tại máy ép bã, bã được dân trải và một phần nước trong bã ướt được ép tách để đảm bảo yêu cầu trước khi vào hệ thống sấy bã.

Bã sau khi ép đến độ ẩm 77% được vít tải dẫn cấp vào hệ thống sấy đối lưu 2 lần.

Khí bã được quạt thúc đẩy vào ống sấy, bã được tiếp xúc trực tiếp với dòng không khí nóng đã được cấp nhiệt tại lò đốt khí Biogas. Với tác dụng của dòng không khí nóng, nước trong bã được bốc hơi và bã được sấy khô. Bã sấy khô được tách ra khỏi dòng khí nóng bằng các cyclon thu hồi. Quá trình sấy bã diễn ra 2 lần để đảm bảo độ ẩm phù hợp

với yêu cầu của khách hàng. Bã sấy đảm bảo độ ẩm đạt 13% được vít tải dẫn vào khu vực đóng bao để đóng bao hoàn thiện.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở là tinh bột sắn thành phẩm



Hình 1.4. Sản phẩm của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu của Cơ sở:

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu của Cơ sở thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng		Nguồn gốc
			ĐTM	Hiện nay	
1	Nguyên liệu sản xuất				
1.1	Sắn củ tươi	Tấn/ngày	320	320	Việt Nam, campuchia
1.2	Na ₂ S ₂ O ₅	Tấn/năm	-	0,0048	Thái Lan, Trung Quốc
1.3	Bao bì	Tấn/năm	-	86,4	Việt Nam
2	Hóa chất xử lý nước thải				

2.1	Vôi	Tấn/năm	12,93	12,93	Việt Nam; Trung Quốc
2.2	NaOH	Tấn/năm	0,97	0,97	Ấn Độ, Trung Quốc
2.3	PAC	Tấn/năm	96,99	12,0	Trung Quốc, Ấn Độ
2.4	Polymer (APAM)	Tấn/năm	0,48	0,48	Trung Quốc
2.5	Clorine 70%	Tấn/năm	0,32	0,32	Trung Quốc
3 Hóa chất xử lý nước cấp					
3.1	NaOH	Tấn/năm	-	1,20	Ấn Độ, Trung Quốc
3.2	PAC	Tấn/năm	-	7,20	Trung Quốc, Ấn Độ
3.3	Polymer (APAM)	Tấn/năm	-	0,072	Trung Quốc
3.4	Clorine 70%	Tấn/năm	-	0,02	Trung Quốc
4 Nhiên liệu lò đốt					
4.1	Dầu FO	Lít/ năm	10.000	57,6	Việt Nam
5 Nhiên liệu máy móc, thiết bị					
5.1	Dầu DO	Lít/năm	-	28.800	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

❖ **Đặc tính vật lý – hóa học của hóa chất.**

Vôi - Ca(OH)_2 :

- Canxi hydroxit là một hợp chất hóa học với công thức hóa học Ca(OH)_2 . Nó là một chất dạng tinh thể không màu hay bột màu trắng. Nó cũng có thể kết tủa xuống khi trộn dung dịch chứa Canxi clorua (CaCl_2) với dung dịch chứa Natri hydroxit (NaOH). Tên gọi dân gian của canxi hydroxit là vôi tôi hay đơn giản chỉ là vôi. Tên gọi của khoáng chất tự nhiên chứa canxi hydroxit là portlandit.

- Nếu bị nung nóng tới 512 °C thì canxi hydroxit bị phân hủy thành ôxít canxi và

hơi nước. Thể vẩn của các hạt hydroxyt canxi rất mịn trong nước gọi là vôi sữa. Dung dịch chứa canxi hydroxit gọi chung là vôi nước và có tính bazơ trung bình-mạnh, có phản ứng mạnh với các axit và ăn mòn nhiều kim loại khi có mặt nước. Nó trở thành dạng sữa nếu điôxit cacbon đi qua đó, do sự kết tủa của Canxi cacbonat mới tạo ra, do có các tính chất bazơ mạnh của nó nên hydroxit canxi có một số ứng dụng, như: Chất kết bông trong xử lý nước, nước thải và cải tạo độ chua của đất.

Natri hidroxit (NaOH)

- Natri hidroxit là chất rắn không màu, hút ẩm mạnh, tan nhiều trong nước và tỏa nhiệt.

- Dung dịch natri hidroxit có tính nhờn, làm bục vải, giấy và ăn mòn da. Ở trong dung dịch nó tạo thành dạng monohydrat $\text{NaOH} \cdot \text{H}_2\text{O}$ ở $12,3 - 61,8^\circ\text{C}$ với nhiệt độ nóng chảy $65,1^\circ\text{C}$ và tỷ trọng trong dung dịch là $1,829 \text{ g/cm}^3$

PAC (Poly Aluminium Chloride)

- Thành phần hóa học cơ bản: Poly Aluminium Chloride, có thêm chất khử trùng gốc Chlorin.

- Poly Aluminium Chloride hay Poly nhôm clorua được sử dụng rộng rãi như một chất kết tủa công nghiệp và trong các ngành công nghiệp khác nhau.

- Hóa chất PAC được sử dụng trong xử lý nước để loại bỏ các chất rắn lơ lửng (đục) và chất gây ô nhiễm khác như chất hữu cơ tự nhiên từ lớp nước mặt, sinh vật nhỏ và các hạt keo, bùn và đất sét. Ngoài ra, hóa chất PAC còn được sử dụng trong công nghiệp dệt nhuộm, bột giấy, giấy.

Polymer (APAM)

- Chất trợ lắng Polymer Anion APAM (Anionic Polyacrylamide)

- Trọng lượng phân tử: $5 - 24.000.000$

- Nhận dạng: Dạng bột màu trắng đục.

- Tính chất vật lý: Hút ẩm mạnh.

- Khi cho polymer vào nước thải sẽ xảy ra các giai đoạn sau:

- + Các hạt keo bị hấp phụ bởi polymer, không còn bền vững, gọi là quá trình keo tụ.

- Các hạt keo bị phá vỡ sẽ kết dính với nhau thành các cục bông nhỏ, sau đó thành cụm to hơn và lắng được, gọi là quá trình kết bông.

Clorin 70%

Đặc điểm: Dạng hạt trắng ngà, tính diệt khuẩn cao, độ tan tốt, ít lắng cặn.

* Chuyên dùng: Khử trùng nước cấp, nước thải.

❖ **Cân bằng nguyên vật liệu của cơ sở**

Bảng 1.2. Định mức sử dụng nguyên liệu trên 1 tấn sản phẩm

STT	Thành phần	Nhu cầu sử dụng trên 1 tấn sản phẩm (tấn)	Tỷ lệ hao hụt (%)	Khối lượng hao hụt (tấn)	Đi vào sản phẩm
1	Củ sắn tươi	4	75%	3	1
2	Na ₂ S ₂ O ₅	0,00002	1%	0,0000002	0,0000198
3	Bao bì đóng gói	0,0036	0,15%	0,0000054	0,0035946
Tổng		4,00362	-	3,0000056	1,0036144

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra như bảng sau:

Bảng 1.3. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra

Stt	Đầu vào		Đầu ra			
	Tên nguyên liệu	Khối lượng (tấn/năm) (1)	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm) (2)	Tên sản phẩm	Khối lượng (tấn/năm) (3)
1	Củ sắn tươi	95.360	Vỏ củ sắn	23.840	Tinh bột sắn thành phẩm	23.926,746
			Bã sắn	47.680		
2	Na ₂ S ₂ O ₅	0,48	Bao bì thải	0,0048		
3	Bao bì đóng gói	86,4	Bao bì thải	0,1296		
Tổng		95.446,88	-	71.520,1344	-	≈ 24.000

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp điện: Từ hệ thống lưới điện Quốc gia do Công ty điện lực Bình Phước cung cấp.

- Mục đích sử dụng: sử dụng cho thiết bị, máy móc sản xuất, phục vụ chiếu sáng và các thiết bị sinh hoạt.

- Lượng điện sử dụng: Căn cứ theo hóa đơn sử dụng điện từ tháng 10/2023 đến tháng 03/2024, lượng điện tiêu thụ trung bình của cơ sở khoảng 353.286 kWh/tháng, tương đương 13.587,92 kWh/ngày (Hóa đơn điện đính kèm theo phụ lục).

Bảng 1.4. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở

Stt	Tháng	Đơn vị	Lượng điện tiêu thụ
1	Tháng 10/2023	kWh/tháng	130.752
2	Tháng 11/2023	kWh/tháng	250.640
3	Tháng 12/2023	kWh/tháng	611.329
4	Tháng 01/2024	kWh/tháng	629.373
5	Tháng 02/2024	kWh/tháng	188.565
6	Tháng 03/2024	kWh/tháng	309.057
-	Trung bình tháng (kWh/tháng)		353.286
-	Trung bình ngày (kWh/ngày)		13.587,92

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

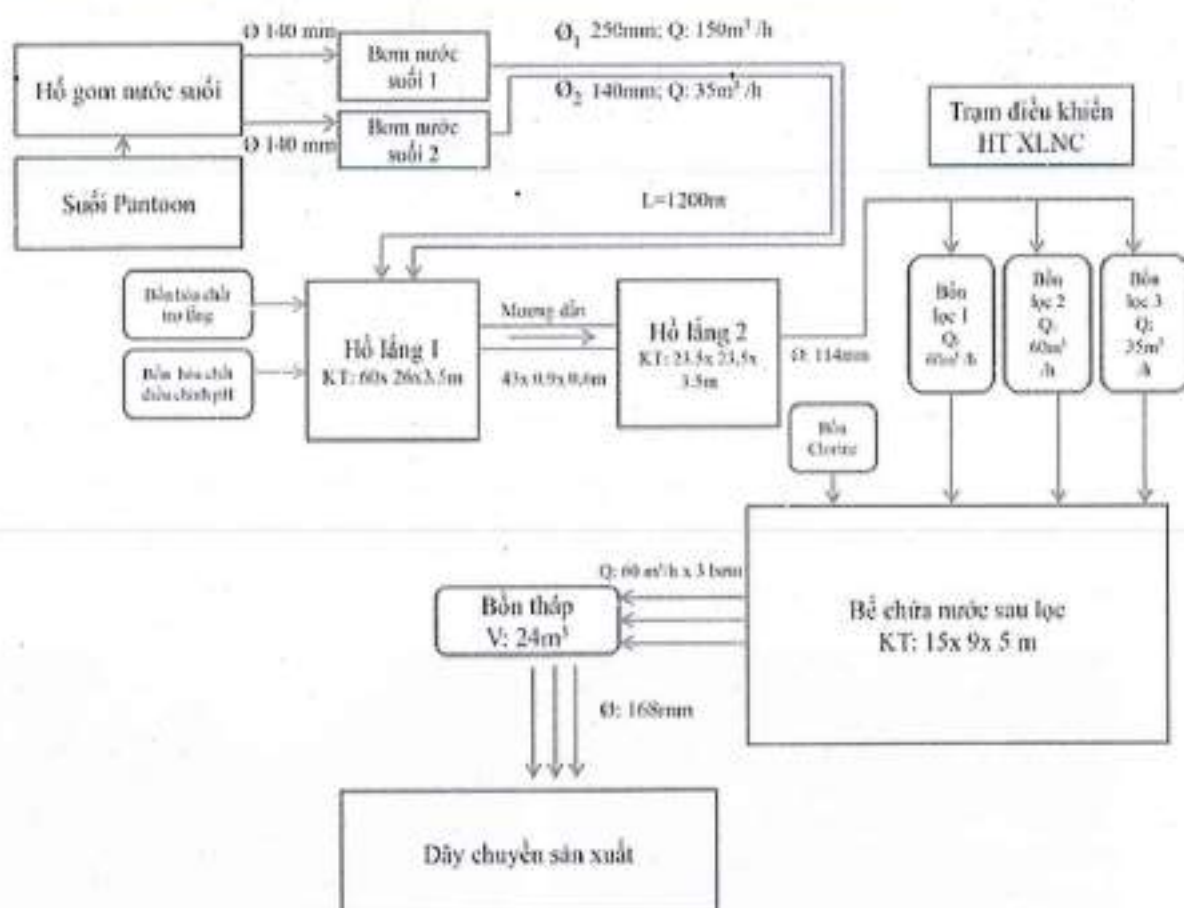
4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp: Nguồn nước mặt từ suối Đăk Panton tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cách nhà máy khoảng 200m về hướng Tây Nam, Đây là công trình có lượng nước tương đối ổn định, là nguồn cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất của Công ty với lưu lượng khai thác 600 m³/ngày theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 91/GP-UBND ngày 19/7/2023 được UBND tỉnh Bình Phước cấp.

- Nhu cầu sử dụng nước: Lượng nước sử dụng thực tế của cơ sở dùng cho sinh hoạt của công nhân viên và hoạt động sản xuất.

Lượng nước mà Nhà máy đang khai thác được sử dụng phần lớn cho các công đoạn rửa củ, một phần nhỏ dùng trong việc vệ sinh công nghiệp và tưới cây, rửa đường.

❖ Sơ đồ quy trình phương thức khai thác:



Hình 1.5. Sơ đồ khai thác và xử lý nước mặt tại nhà máy

Thuyết minh quy trình:

Hồ gom nước suối: Là khu vực khai thác nước mặt, là nguồn cung cấp nước hàng ngày cho Nhà máy hoạt động liên tục.

Ống dẫn nước (1): là ống nhựa PVC, có nhiệm vụ dẫn nước của trạm bơm hút nước từ cửa lấy nước.

Trạm bơm: được đặt ở gần cửa lấy nước, cách suối khoảng 200 m, có nhiệm vụ bơm nước từ suối qua ống dẫn nước. Máy bơm được để trong nhà trạm bơm có cửa che chắn bảo vệ máy móc khỏi bị hư tổn bởi thời tiết và đảm bảo an toàn cho nhân viên khi vận hành hay bảo trì máy móc.

Số lượng máy bơm: 02 máy.

Số giờ hoạt động: 5,5 -7 h/ngày.đêm (ngày cao điểm).

Lượng nước bơm: 150m³/h và 35m³/h

Ống dẫn nước số (2): ống làm bằng nguyên liệu nhựa PVC, có nhiệm vụ dẫn nước từ trạm bơm về hồ lắng 1.

Hồ lắng 1 và hồ lắng 2 có thể tích chứa nước khoảng 5.460m^3 và $1.932,9\text{m}^3$ dùng để lắng các hạt vật chất rắn xuống đáy hồ. Định kì được công ty nạo vét. Tại hồ lắng 1 phèn được sử dụng để keo tụ các cặn có trong nước và được dùng là loại phèn nhôm có sẵn trên thị trường và được pha thành dung dịch tại bồn phèn. Sau đó được bơm định lượng châm vào bể lọc NaOH với tỉ lệ pha $2,0 \div 6,8\text{ (g/m}^3\text{)}$, PAC là $6,0 \div 40\text{ (g/m}^3\text{)}$, Polymer (APAM) là $0,4\text{ (g/m}^3\text{)}$, Clorine 70% là $0,2 \div 0,5\text{ (g/m}^3\text{)}$ (công ty sử dụng với nồng độ 1%). Nước sau khi xử lý sơ bộ bằng phèn chua có độ pH giảm, chất rắn lơ lửng giảm, nước trong hơn.

Bồn lọc: Nước sau lắng được bơm qua bồn lọc để lọc các cặn nhỏ lơ lửng.

Bể chứa nước sau xử lý: Chứa nước sau khi xử lý, chứa được khoảng 675m^3 nước.

Bồn tháp: Nước sau xử lý được bơm lên bồn tháp nước 24m^3 để phục vụ cho hoạt động sản xuất, chế biến của nhà máy.



Hình 1.6. Một số hình ảnh hệ thống xử lý nước cấp của nhà máy

❖ **Nhu cầu dùng nước của công ty được tính như sau:**

Nước sinh hoạt:

Nước sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD thì nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 80 lít/người ngày . Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

$$60\text{ người} \times 80\text{ lít/người ngày đêm} = 4.800\text{ lít/ngày} = 4,8\text{m}^3/\text{ngày đêm}.$$

Nước dùng cho sản xuất sản xuất:

+ Lượng nước rửa củ trung bình: $7,5\text{ m}^3/\text{tấn thành phẩm}$

+ Lượng nước công nghệ trung bình: $10,5\text{ m}^3/\text{tấn thành phẩm}$

Công suất sản xuất tại nhà máy lớn nhất là $80\text{ tấn sản phẩm/ngày}$. Để sản xuất ra $80\text{ tấn sản phẩm/ngày}$ thì cần $320\text{ tấn nguyên liệu}$, tương đương 4 tấn nguyên liệu sản tươi sản xuất được 1 tấn thành phẩm .

- Lượng nước rửa củ lớn nhất trong 1 ngày:

$$Q_1 = 7,5 \text{ m}^3/\text{tấn thành phẩm} \times 320 \text{ tấn nguyên liệu /ngày.đêm} / 4 \text{ tấn nguyên liệu/tấn thành phẩm} = 600 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

- Lượng nước công nghệ lớn nhất:

$$Q_2 = 10,5 \text{ m}^3/\text{tấn} \times 80 \text{ tấn/ngày} = 840 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

- ❖ Nhu cầu sử dụng nước cho tưới cây:

Cơ sở tái sử dụng nước sau xử lý để dùng tưới cây trong khuôn viên cơ sở với lưu lượng là 172,18 m³/ngày.

- ❖ Nhu cầu sử dụng nước cho PCCC:

Theo QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình lưu lượng nước cho chữa cháy là 15 lít/giây, đám cháy, tương đương 54 m³/giờ.đám cháy với 01 đám cháy trong 3 giờ liên tục. $Q_{cc} = 54 \text{ m}^3/\text{giờ.đám cháy} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3 \text{ giờ} = 162 \text{ m}^3$.

Nước thải từ công đoạn ép bã sắn:

Tính toán lượng nước thải từ công đoạn sấy bã:

STT	Công đoạn	Đặc điểm công đoạn	Tính toán/1 tấn bã ướt đầu vào	Lượng nước thải từ công đoạn	Lượng nước hao hụt công nghệ
1	Cấp liệu	Độ ẩm bã ướt: $W_1 = 88\%$	Khối lượng chất khô trong 1 tấn bã ướt: $m_{ck} = 1 \times (100 - W_1) / 100 = 1 \times (100 - 88) / 100 = 0,12 \text{ tấn}$	0	0
2	Ép bã	Độ ẩm bã ép: $W_2 = 77\%$	Khối lượng bã ép tạo ra được từ 1 tấn bã ướt: $m_1 = m_{ck} / (100 - W_2) \times 100 = 0,12 / (100 - 77) \times 100 = 0,52 \text{ tấn}$	$NT_{ép} = 1 - 0,52 = 0,48 \text{ tấn} \approx 0,48 \text{ m}^3$	0
3	Sấy bã	Độ ẩm bã sấy: $W_3 = 13\%$	Khối lượng bã sấy tạo ra được từ 1 tấn bã ướt: $m_2 = m_{ck} / (100 - W_3) \times 100 = 0,12 / (100 - 13) \times 100 = 0,14 \text{ tấn}$ Lượng nước bốc hơi trong quá trình sấy từ 1 tấn bã ướt đầu vào: $HH = m_1 - m_2 = 0,52 - 0,14 = 0,38 \text{ tấn} \approx 0,38 \text{ m}^3$	0	$HH = m_1 - m_2 = 0,52 - 0,14 = 0,38 \text{ tấn} \approx 0,38 \text{ m}^3$

*Kết luận:

1 tấn bã ướt (độ ẩm 88%) $\Rightarrow$ 0,52 tấn bã ép (độ ẩm 77%) $\Rightarrow$ 0,14 tấn bã sấy (độ ẩm 13%)

Và 1 tấn bã ướt qua công đoạn ép bã sẽ thải ra lượng nước thải: $NT_{\text{ép}} \approx 0,48 \text{ m}^3$

Tổng sản lượng bã sấy sản xuất trong 1 năm của đơn vị: $M_{\text{bã sấy}} = 500 \text{ tấn sản phẩm/năm}$

Như vậy, lượng nước thải từ công nghệ sấy bã trong 1 năm của đơn vị:

$$NT = M_{\text{bã sấy}} / m_2 * NT_{\text{ép}} = 500 / 0,14 * 0,48 = 1.714 \text{ m}^3 / \text{năm}$$

⇒ Lượng nước thải từ công nghệ sấy bã trung bình/ngày.đêm: **$7 \text{ m}^3 / \text{ngày.đêm}$**

Lượng nước thải này được dẫn vào đường mương dẫn nước thải chính để dẫn vào bể lắng cát 2 trước khi vào Hệ thống xử lý nước thải.

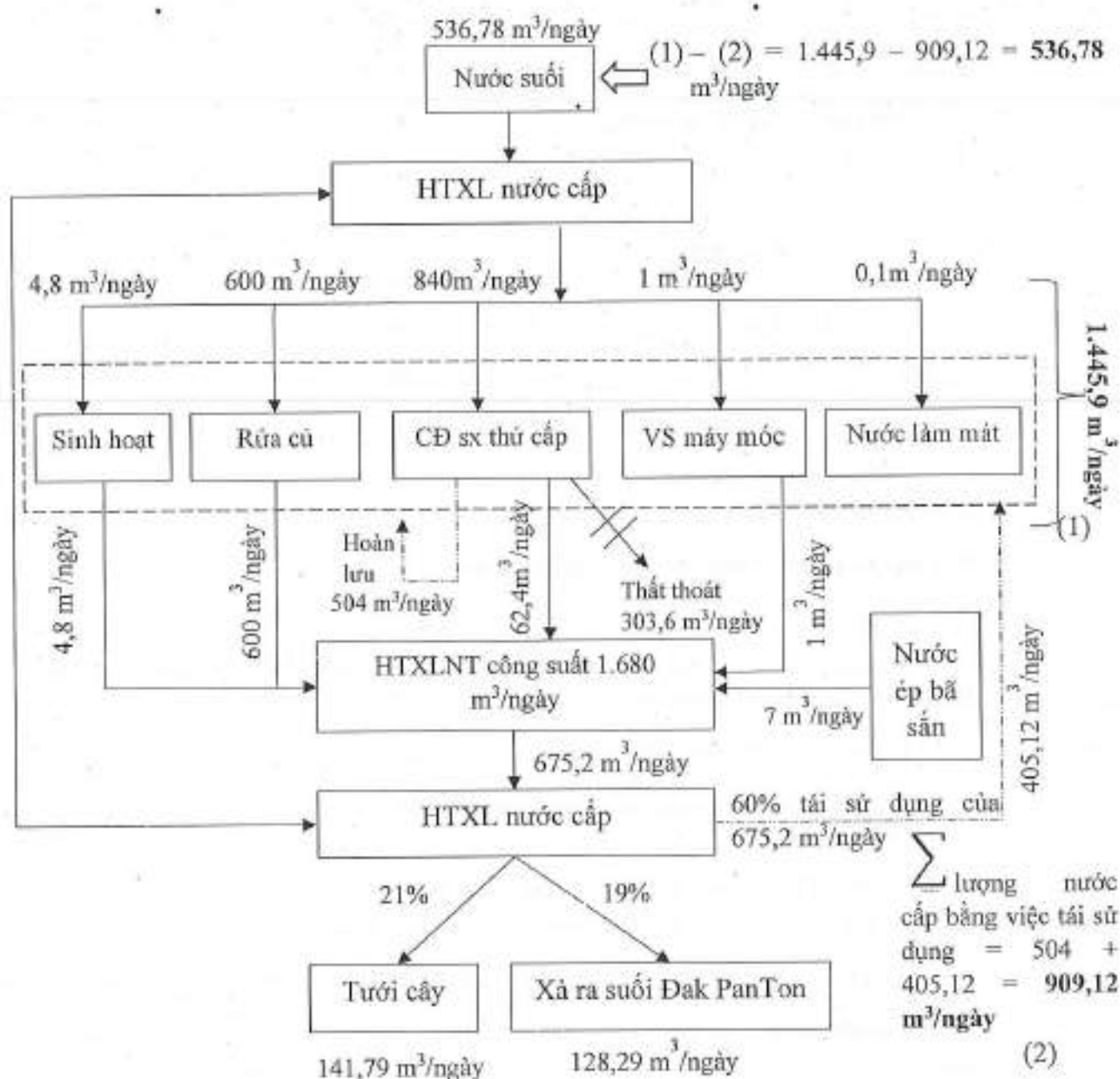
Bảng 1.5. Bảng cân bằng nước của cơ sở

STT	Công đoạn	Theo ĐTM				Hiện tại			Ghi chú
		Định mức sử dụng	Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	Ghi chú	Định mức sử dụng	Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	
1	Nước cấp cho sinh hoạt	66 người Định mức 100 lít/ngày	6,6	6,6	Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn về HTXL nước thải	60 người Định mức 80 lít/ngày (QCVN 01:2021/BXD)	4,8	4,8	Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn sau đó tự thấm sau đó dẫn về HTXL nước thải
2	Nước cấp cho sản xuất:	-	1.450	663,2	Lượng nước thải trên được đưa về HTXL nước thải của cơ sở	-	1.441,1	663,4	Lượng nước thải trên được đưa về HTXL nước thải của cơ sở
2.1	Nước rửa củ	7,5 m ³ /tấn TP 80 tấn TP/ngày	600	600	-	7,5 m ³ /tấn TP 80 tấn TP/ngày	600	600	-
2.2	Nước cấp các công đoạn sản xuất thứ cấp	10,5 m ³ /tấn TP 80 tấn TP/ngày	850	63,2	Hoàn lưu 60%, bị mất 32,57% và thải 7,43%	10,5 m ³ /tấn TP 80 tấn TP/ngày	840	62,4	-

STT	Công đoạn	Theo ĐTM				Hiện tại			
		Định mức sử dụng	Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	Ghi chú	Định mức sử dụng	Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
2.4	Nước cấp vệ sinh máy móc	-	-	-	-	1 m ³ /ngày	1	1	
2.3	Nước cấp làm mát quạt nóng của 02 lò đốt của HT sấy tinh bột sắn	-	-	-	-	2 lò Định mức: 0,05 m ³ /lò sấy	0,1	-	Không phát sinh nước thải
2.4	Nước thải từ quá trình ép bã sắn	-	-	-	-	-	-	7	Không sử dụng nước cấp
Tổng cộng			1.456,6	669,8			1.445,9	675,2	

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Sơ đồ cân bằng sử dụng nước của cơ sở:



Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng sử dụng nước của cơ sở

Lượng nước cần khai thác để phục vụ cho hoạt động sản xuất, chế biến của Nhà máy là 1.445,9 m³/ngày. Lượng nước thải phát sinh ra là 675,2 m³/ngày đêm, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. Từ đây, nhà máy tái sử dụng 60% lượng nước thải trên (tương đương 405,12 m³/ngày đêm). Ngoài ra, nhà máy hoàn lưu trong quá trình sản xuất các công đoạn thứ cấp tương đương với 504 m³/ngày đêm.

Vậy tổng lượng nước tái sử dụng là 405,12 m³/ngày đêm + 504 m³/ngày đêm = 909,12 m³/ngày đêm.

Tổng lượng nước lấy từ suối Đak Pan Ton dùng cho nhà máy = tổng lượng nước sản xuất – lượng nước tái sử dụng = $1.445,9 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} - 909,12 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} = 536,78 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và sử dụng thông qua hệ thống xử lý nước cấp để đảm bảo chất lượng nguồn nước sạch cho sản xuất, chế biến.

4.5. Nhu cầu sử dụng lao động

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng lao động của Cơ sở

Stt	Lao động	Số lượng	
		Theo ĐTM được phê duyệt	Hiện tại
1	Số lao động	66	60
Tổng		66	60

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Thời gian làm việc: thời gian hoạt động sản xuất của nhà máy từ tháng 9 năm nay đến hết tháng 4 năm sau, 03 ca/ngày, 8 giờ/ca.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý

Khu đất của cơ sở có tổng diện tích 452.474 m^2 thuộc địa bàn Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Cơ sở có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông : Giáp khu vườn điều của dân;
- Phía Bắc : Giáp QL 14;
- Phía Tây : Giáp khu vườn điều của dân;
- Phía Nam : Giáp khu vườn cao su, điều của dân.

Nhà máy sản xuất tinh bột sắn cách suối Đak PanTon 200m theo hướng Tây Nam

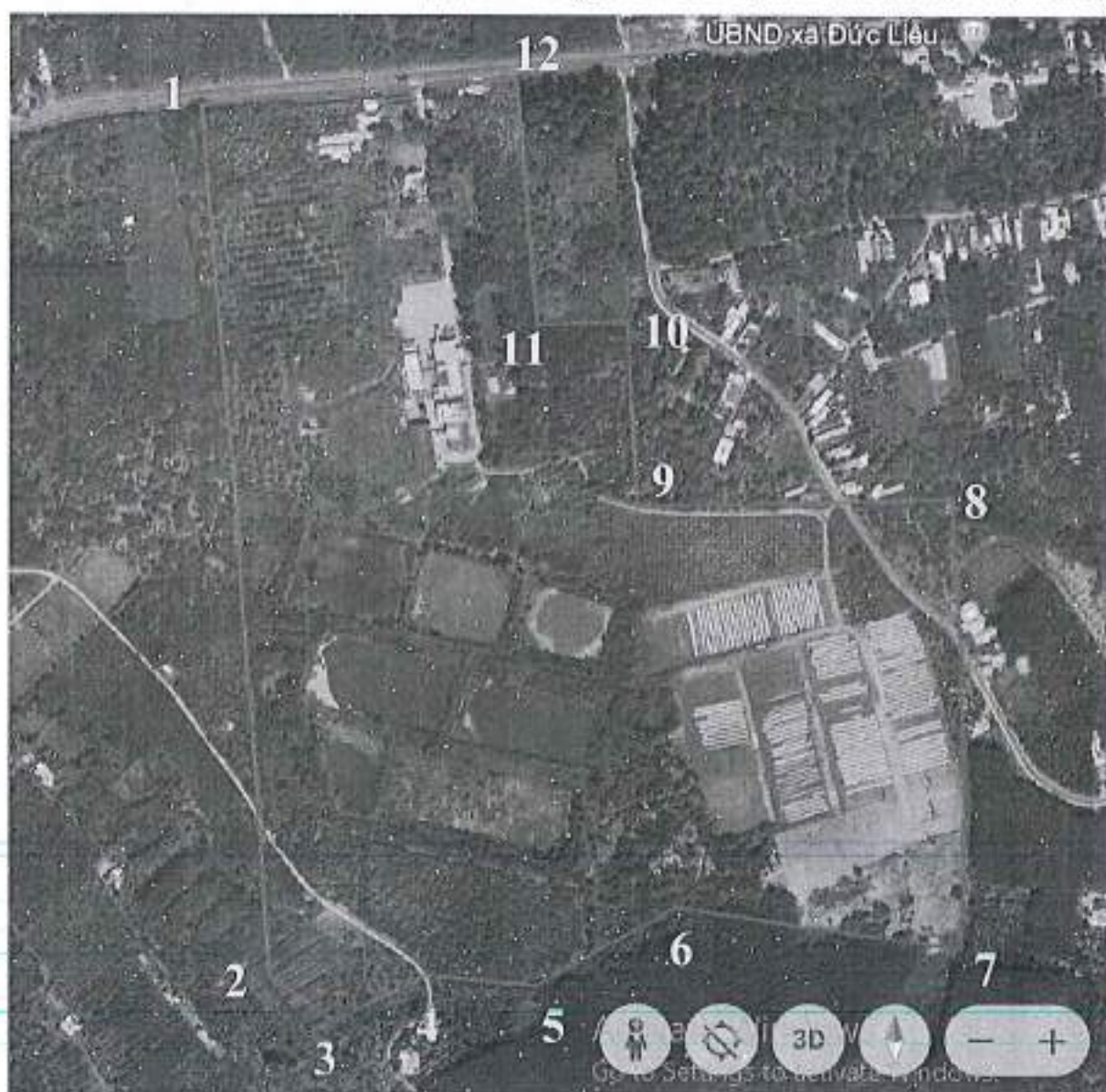
Tọa độ địa lý của Cơ sở (tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°) như sau:

Bảng 1.7. Vị trí tọa độ của Cơ sở

Điểm	Tọa độ VN2000, múi chiều 3°	
	X (m)	Y(m)
1	595.436	1.294.977
2	595.516	1.294.122
3	595.580	1.294.068
4	595.665	1.294.130
5	595.790	1.294.112

Điểm	Tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y(m)
6	595.919	1.294.204
7	596.189	1.294.156
8	596.173	1.294.600
9	595.855	1.294.591
10	595.840	1.294.767
11	595.769	1.294.765
12	595.735	1.295.000

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)



Hình 1.8. Vị trí cơ sở trên bản đồ

5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở

Cơ sở có diện tích 452.474,0 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN: CT05278 ngày 15/8/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp. Các hạng mục công trình được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Hạng mục	Số lượng		Diện tích (m ²)		Tỷ lệ (%)		Chênh lệch giữa thực tế so với ĐTM (+) tăng, (-) giảm
		Theo ĐTM được phê duyệt	Thực tế	Theo ĐTM được phê duyệt	Thực tế	Theo ĐTM được phê duyệt	Thực tế	
I	Các hạng mục công trình chính							
1	Nhà văn phòng	01	01	151,46	151,46	0,03	0,03	Không đổi
2	Nhà xưởng chính và kho thành phẩm	01	01	2.185,64	2.185,64	0,48	0,48	Không đổi
3	Sân chứa nguyên liệu củ mì	01	01	2.500	2.500	0,55	0,55	Không đổi
4	Nhà kho	01	01	955,20	955,20	0,21	0,21	Không đổi
5	Khu vực nhà chứa bã mì	01	01	441,64	441,64	0,09	0,09	Không đổi, hiện tại làm khu sấy bã mì
6	Khu vực để vỏ củ mì (Vỏ lựa)	01	01	30.000	30.000	6,63	6,63	Không đổi
7	Căn tin	01	01	135	135	0,03	0,03	Không đổi
II	Các hạng mục công trình phụ							
1	Công trình khác bao gồm: Sân bãi, đường nội bộ, công hàng rào bảo vệ, nhà để xe công nhân và nhà tập thể	05	05	50.709	50.709	11,21	11,21	Không đổi

2	Khu vực phơi bã sản	01	01	163.150	163.150	36,06	36,06	Không đổi
3	Nhà bơm khu vực nhà máy	01	01	38,64	38,64	0,01	0,01	Không đổi
4	Khu xử lý hóa chất	01	01	150	150	0,03	0,03	Không đổi
5	Bể nước sạch	01	01	144,76	144,76	0,03	0,03	Không đổi
6	Kho cơ điện	01	01	117	117	0,03	0,03	Không đổi
7	Nhà vệ sinh	01	01	50	50	0,01	0,01	Không đổi
8	Nhà bơm	01	01	27	27	0,01	0,01	Không đổi
9	Hồ lắng nước	02	02	2.400	2.400	0,53	0,53	Không đổi
III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường							
1	Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại	01	01	100	10	0,02	0,002	- 90 (m ²)
2	Khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp thông thường	-	01	-	20	-	0,004	+ 20 (m ²)
3	Hệ thống xử lý hóa lý	01	01	1.600	1.600	0,35	0,35	Không đổi
4	Hồ kỵ khí (hồ Biogas)	01	01	8.568	8.568	1,89	1,89	Không đổi
5	Hồ hiếu khí	06	01	69.102	8.000	0,01	1,77	- 61.102 (m ²)
6	Hồ ứng phó sự cố	-	01	-	5.000	-	1,11	+ 5.000 (m ²)
7	Hồ tự nhiên khác	-	04	-	56.102	-	12,4	+ 56.102 (m ²)
III	Cây xanh	-	-	120.000	120.000	26,52	26,52	Không đổi
IV	Đất dự trữ	-	-	-	34.044,66	15,24	7,52	+ 34.044,66 (m ²)
Tổng cộng		-	-	452.474	452.474	100	100	-

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng		Thông số kỹ thuật/công suất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
			ĐTM	Hiện nay				
1	Lồng bóc vỏ	Cái	1	1	- Kt: Ø1,8m x 3,9m - Cs: 7,5 HP	Thái Lan	1999	90%
2	Lồng tách rác	Cái	1	1	- Kt: Ø1,2m x 2,4m - Cs: 5,5 HP	Thái Lan	1999	90%
3	Máy rửa củ	Cái	1	1	- Kt: 8,4m x 2,6 m x 1,2m - Cs: 40 HP	Thái Lan	1999	90%
4	Máy chặt củ	Cái	1	1	- Gói bi SNL 517 - Cs: 20 HP	Việt Nam	2017	90%
5	Máy mài	Cái	3	3	- Tang Ø840x400mm - Cs: 150 HP	Thái Lan	1999	90%
6	Trích ly thô	Cái	8	8	- Lưới 60 mesh - Cs: 7,5 HP	Thái Lan	1999	90%
7	Trích ly tinh	Cái	8	8	- Lưới 100 mesh - Cs: 7,5 HP	Thái Lan	1999	90%
8	Trích ly tận dụng	Cái	6	6	- Lưới 40/30 mesh - Cs: 7,5/30 HP	Thái Lan	1999	90%
9	Trích ly cong	Cái	5	5	- Q=60m ³ /h-H=50m - Cs: 15 HP	Thái Lan	1999	90%
10	Phân ly	Cái	3	3	- 1/DA-100 (70KW)	Thái Lan	1999	90%

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng		Thông số kỹ thuật/công suất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
			ĐTM	Hiện nay				
11	Ly tâm	Cái	3	3	- 2/SDA-45 (45 KW) - 3/SDA-45 (45 KW) - Tang Ø1592x800mm - Cs: 50 HP	Thái Lan	1999	90%
12	Hệ thống sấy tinh bột	HT	1	1	Lò đốt gas: 01 cái - Lưu lượng 106,0m³/h - Cs: 1744KW Lò đốt dầu: 01 cái - Lưu lượng 106,0m³/h - Cs: 2093KW - Quạt hút nóng công suất 150 HP - Quạt hút nguội công suất 50 HP - Quạt thổi (thúc) công suất 30 HP - Hệ thống ống thép sấy đường kính 1m; Chiều dài khoảng 44m	Thái Lan	1999	90%
13	Hệ thống sấy bã sản	HT	0	1	- Máy ép cấp bã: 02 máy, công suất mỗi bộ là 7,5 kW; 1.450 vòng/phút (chỉ hoạt động 01 máy, dự phòng 01 máy) - Quạt hút nóng 1: 01 bộ, công suất 30 kW; 1.260 vòng/phút - Quạt hút nóng 2: 01 bộ, công suất 30 kW; 1.450 vòng/phút	Việt Nam	2019	.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng		Thông số kỹ thuật/công suất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
			ĐTM	Hiện nay				
14	Hệ thống đóng bao	HT	1	1	- Quạt nguội: 01 bộ, công suất 11 kW, 1.450 vòng/phút - Vít tải đóng bao: 01 bộ, công suất 2HP, 1.450 vòng/phút Hệ thống đóng bao tự động, công suất max 6 tấn/giờ	Việt Nam	2019.	90%

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sản Bình Phước)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

“Nhà máy chế biến tinh bột sắn, công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước làm chủ cơ sở phù hợp với định hướng, mục tiêu quy hoạch phát triển của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Quyết định số 518/QĐ-TTg ngày 16/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Phê duyệt đề án phát triển đô thị giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2023 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050;

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3800438905 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/01/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

Cơ sở đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước.

Như vậy, địa điểm thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường

Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường là không thay đổi.

- Về môi trường không khí: Khí thải từ lò sấy sử dụng nhiên liệu là khí Biogas là chủ yếu, 1 phần sử dụng dầu FO, khí thải xả ra môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Về môi trường đất: Cơ sở không xả chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải trực tiếp ra môi trường đất, không có các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

- Về môi trường nước:

- + Đối với nước mưa tại khu vực cơ sở: Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn chỉnh, riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa tại cơ sở, sau đó thoát ra mương thoát nước theo hình thức tự chảy.

+ Đối với nước thải: Tại cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý tại HTXLNT công suất 1.680 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, trước khi thải ra suối Đăk Pan Ton.

Cơ sở đã có Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 36/GP-UBND ngày 15/05/2020 của UBND tỉnh Bình Phước.

Như vậy, vị trí cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

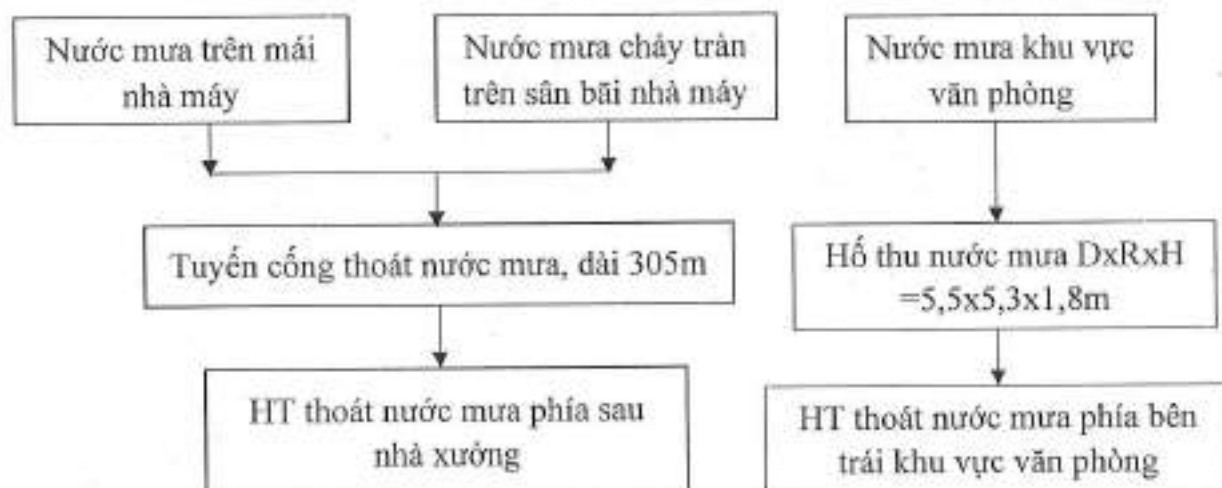
1.1.1 Thu gom nước mưa và thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Nhà máy có thay đổi so với nội dung của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt theo Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước. Mương thoát nước của Nhà máy sẽ được dẫn ra hướng vườn điều của người dân (Bản vẽ hệ thống thu gom và thoát nước mưa được đính kèm tại phụ lục báo cáo).

Nước mưa trên mái nhà máy được thu gom và dẫn về hệ thống mương thoát nước mưa bố trí xung quanh trong khuôn viên của cơ sở. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom theo máng xối và nước mưa chảy tràn trên sân bãi xưởng sản xuất theo độ dốc về các tuyến cống thoát nước mưa bố trí xung quanh khuôn viên, sau đó nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

Chủ cơ sở thường xuyên cho khai thông và nạo vét các mương thoát nước mưa để tránh tình trạng hệ thống thoát nước bị ứ đọng, gây ngập úng.



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

Phương án thoát nước mưa tại cơ sở như sau:

Nước mưa từ mái nhà xưởng → thu gom bằng máng xối → ống nhựa PVC Ø114, chiều dài 70m cùng với nước mưa chảy tràn trên bề mặt nhà xưởng → Hố ga thu gom nước mưa → cống BTCT Ø300, dài 305m → thoát vào hệ thống thoát nước mưa phía sau nhà xưởng.

Nước mưa ở khu vực văn phòng → Hồ thu nước mưa ($D \times R \times H = 5,5 \times 5,3 \times 1,8\text{m}$) → Hồ thu nước mưa ($D \times R \times H = 1,1 \times 2,0 \times 1,5\text{m}$) → Thoát vào hệ thống thoát nước mưa phía bên trái khu vực văn phòng.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống nhựa PVC Ø114	m	70
2	Cống BTCT Ø300	m	305
3	Hồ ga $D \times R \times H = 1000 \times 1000 \times 1000$ (mm)	Cái	16
4	Hồ thu nước mưa ($D \times R \times H = 5,5 \times 5,3 \times 1,8\text{m}$)	Cái	1
5	Hồ thu nước mưa ($D \times R \times H = 1,1 \times 2,0 \times 1,5\text{m}$)	Cái	1

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

1.1.2. Điểm xả nước mưa

- Phương thức chảy: Tự chảy.

- Vị trí xả nước mưa: 02 vị trí.

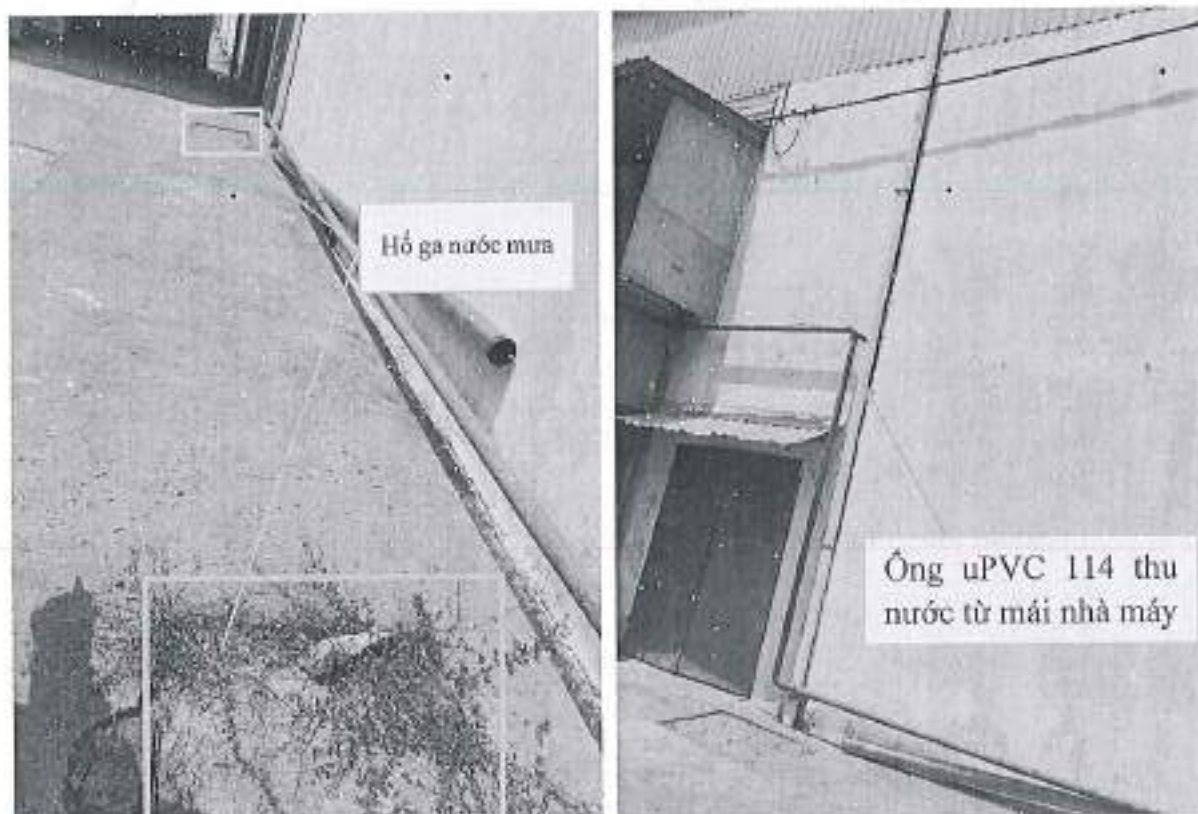
+ Vị trí số 01: phía sau nhà xưởng, thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

+ Vị trí số 02: phía bên trái khu vực văn phòng, thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa số 01: X (m) = 595.684; Y (m) = 1.294.615.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa số 02: X (m) = 595.547; Y (m) = 1.294.919.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3^o).



Hình 3.2. Một số hình ảnh thu gom nước mưa tại cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng và nhà vệ sinh của khu vực sản xuất được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

b. Nước thải sản xuất:

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn rửa củ được thu gom bằng mương dẫn riêng vào hệ thống lắng và lọc cát 1 trước khi qua bể lắng 2 để tách tạp chất, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày đêm.

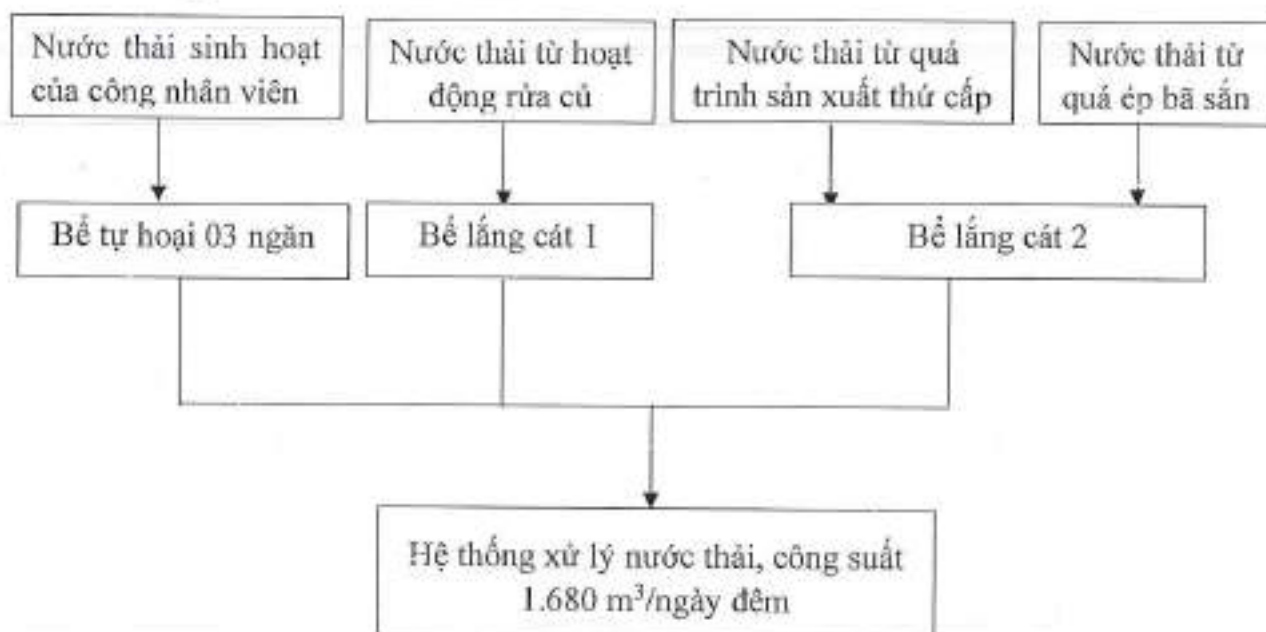
+ Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình sản xuất thứ cấp được thu gom qua bể lắng 2 để tách tạp chất sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình ép bã sản được thu gom qua bể lắng 2 để tách tạp chất sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày đêm.

Bảng 3.2. Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom nước thải

Stt	Vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống PVC Ø114mm	m	3
2	Ống PVC Ø90mm	m	30
3	Ống PVC Ø34mm	m	12
4	Ống PVC Ø60mm	m	6
5	Mương nước thải phụ RxH: 280x303mm	m	264
6	Mương nước thải chính RxH: 800x1.011mm	m	239

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải:



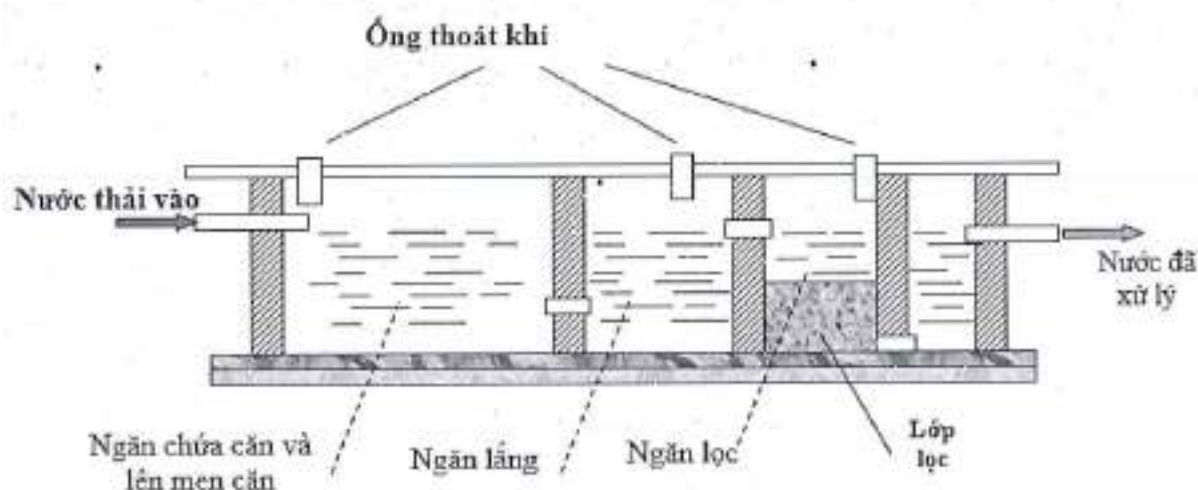
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

a. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhu cầu vệ sinh cá nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 4,8 m³/ngày (Lưu lượng nước trên tính cho ngày xả thải cao nhất), lượng nước thải này được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.



Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

Bể tự hoại có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1 – 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4 , CO_2 . Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Bảng 3.3. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ

Stt	Vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Bể tự hoại $V=18\text{ m}^3$	Cái	1

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

b. Nước thải sản xuất

- Nước thải của nhà máy phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau và có mức độ ô nhiễm khác nhau nên công ty tiến hành phân luồng nước thải để hạn chế tải lượng nước thải cần xử lý. Nước thải được phân luồng như sau:

- Nước thải rửa củ: Lưu lượng nước thải phát sinh $600\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm được thu gom bằng mương dẫn riêng vào hệ thống bể lắng và lọc cát 1 trước khi qua bể lắng 2 để tách tạp chất và xử lý trong hồ biogas.

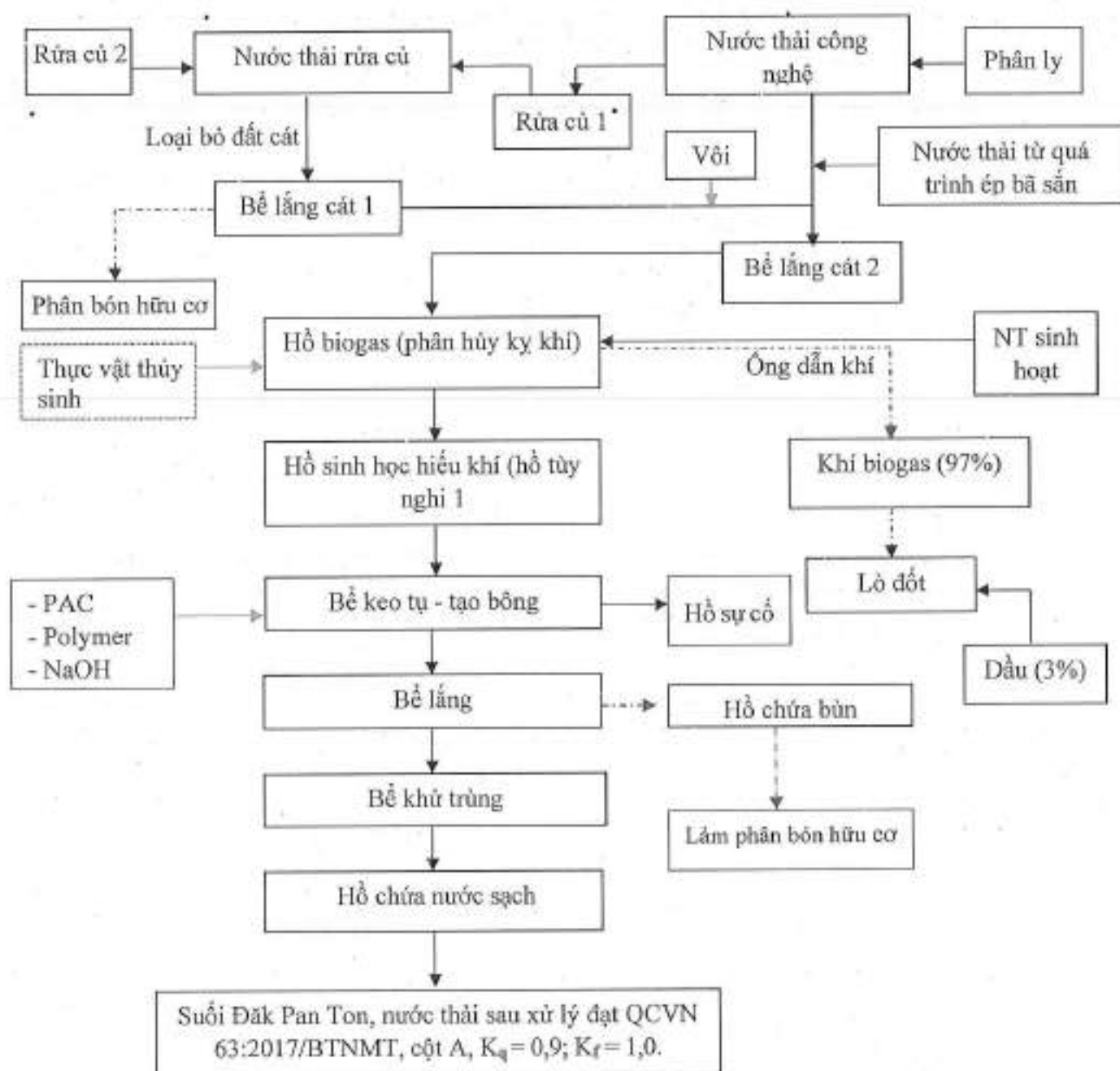
- Nước thải các công đoạn sản xuất thứ cấp: Lưu lượng nước thải phát sinh 63,2 m³/ngày đêm được thu gom bằng hệ thống mương dẫn riêng qua bể lắng 2 để tách tạp chất và xử lý trong hồ biogas.

Tổng lưu lượng nước thải sản xuất cần xử lý: $600 + 62,4 + 1 + 7 = 670,4$ m³/ngày đêm. Công ty đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày đêm.

+ Tên đơn vị thiết kế, thi công: Công ty Cổ phần môi trường Hista.

- Địa chỉ: Số 8 đường số 9, khu nhà ở Hiệp Bình, Khu phố 4, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0909 393 549

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải:



Hình 3.5. Quy trình xử lý nước thải của Cơ sở, công suất 1.680 m³/ngày đêm

❖ **Thuyết minh quy trình:**

- Nước thải từ rửa củ 1, 2 được dẫn vào bể lắng cát 1 để loại bỏ một phần các tạp chất lớn, đất, cát... sau đó dẫn vào bể lắng cát 2. Tại đây, vôi được thêm vào để nâng pH trong nước thải trước khi dẫn vào hồ Biogas (chỉ sử dụng trong trường hợp nồng độ pH trong nước thải thấp).

- Nước thải toàn bộ dây chuyền sau khi qua bể lắng cát 2 để loại bỏ thêm các tạp chất trước khi dẫn vào hồ Biogas.

- Sau quá trình phân hủy kỵ khí sinh khí Biogas để cấp khí gas cho sản xuất, nước thải được dẫn vào hồ sinh học hiếu khí 1 (hồ đã được lót bạt chống thấm).

- Nước từ hồ sinh học hiếu khí 1 sẽ tự chảy vào hồ ga thu nước. Tại hồ ga thu nước đặt 2 bơm chìm nước thải để bơm nước sang cụm bể keo tụ tạo bông (Hồ sinh học hiếu khí 2 công ty dùng để dự phòng ứng phó sự cố. Khi HTXLNT xảy ra sự cố, nước thải không đạt quy chuẩn sẽ bơm về các hồ này để xử lý).

Hai bơm nước thải sẽ hoạt động luân phiên và đảm bảo lượng nước được bơm lên đáp ứng được công suất thiết kế của hệ thống xử lý.

- Nước thải được bơm lên bể phản ứng để keo tụ tạo bông. Bể keo tụ được bố trí bằng 02 ngăn:

+ Ngăn 1: Bể sung PAC (Polyaluminum chloride)

Khi bổ sung PAC, các chất lơ lửng, các chất hữu cơ (hòa tan và không hòa tan), kim loại nặng và các chất keo hòa tan trong nước tạo ra bông cặn.

+ Ngăn 2: Bể sung Polymer (Polyacrylamide)

Polymer là hợp chất cao phân tử tạo có tác dụng hấp thụ các hạt keo, làm các hạt keo trở nên không bền vững và bị phá vỡ sẽ kết dính với nhau thành các cục bông nhỏ, sau đó hình thành cụm to hơn và lắng được.

Nồng độ và lưu lượng sử dụng của PAC và Polymer được định lượng theo tình trạng chất lượng và lưu lượng nước thải vào bể sao cho đạt hiệu quả tối ưu nhất.

Trong trường hợp nồng độ pH thấp, châm thêm một lượng NaOH để ổn định chất lượng nước thải trước khi qua bể lắng.

- Nước thải sau khi qua bể keo tụ, tạo bông sẽ tự chảy qua bể lắng, công ty xây dựng 02 bể lắng đứng chạy song song nhau. Tại đây nước thải đã hình thành các bông bùn được phân phối thông qua ống trung tâm ở giữa bể và nước thải được phân phối đều từ trung tâm ra thành bể, toàn bộ bông bùn, các chất lơ lửng, các chất vô cơ có trong nước thải sẽ lắng xuống đáy.

- Nước sau lắng theo đường ống chảy qua bể khử trùng để xử lý thành phần vi khuẩn gây bệnh trong nước. Bể khử trùng được thiết kế theo kiểu zích zắc đảm bảo trộn đều hóa chất khử trùng với thời gian lưu tối thiểu 20-30 phút. Tại đây, nước được khử trùng bằng Chlorine.

- Nước thải ra khỏi bể khử trùng sẽ được chảy qua hồ chứa nước sạch. Ở đây 60% lượng nước sạch (tương đương 405,12 m³/ngày) được bơm vào tái sử dụng cho mục đích sản xuất và 21% (tương đương 141,79 m³/ngày) được công ty dùng để tưới cây và 19% còn lại (tương đương 128,29 m³/ngày) công ty thải ra suối Đak Pan Ton.

✚ **Chi tiết các hạng mục bể của hệ thống như sau:**

Bảng 3.4. Các hạng mục công trình HTXLNT công suất 1.680 m³/ngày đêm

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước	Hiệu quả xử lý
I	Hạng mục công trình xử lý nước thải hiện hữu			
01	Bể lắng cát 01	01	Kích thước: LxBxH= 8m x 3.6m x 0.5m Kết cấu: - Bê tông cốt thép	SS = 85 % COD = 5 % BOD = 5 %
02	Bể lắng cát 02	01	Kích thước: LxBxH= 12m x 7.8m x 4m Kết cấu: - Bê tông cốt thép và gạch thẻ	SS = 85 % COD = 5 % BOD = 5 %
03	Hồ biogas	01	Kích thước: LxBxH= 100m x 80m x 4m Kết cấu: - Taluy bờ hồ bằng bê tông, kè đá - Che phủ bạt HDPE trên mặt hồ - Lót đáy bằng bạt HDPE	COD = 50-60 %, BOD = 60 %, SS = 70-80 %, Ntổng = 40 %, NH ₄ = 30 %, Ptổng = 20%
04	Hồ tùy nghi	01	Kích thước: LxBxH= 100m x 80m x 4m Kết cấu: - Taluy bờ hồ bằng bê tông, kè đá - Lót đáy bằng bạt HDPE	COD = 30 % BOD = 70-85 % SS = 40 % Ntổng = 30-40 % NH ₄ = 10 % Ptổng = 30% Coliform = 10%.
05	Hồ ga thu nước thải	01	Kích thước: LxBxH= 1,8m x 1,8m x 1,8m Kết cấu: - Bê tông cốt thép và gạch thẻ	
06	Hồ sinh học 2 (dể dự phòng ứng phó sự cố)	01	Kích thước: LxBxH= 80m x 58m x 6m Kết cấu: - Hồ đất, lót đáy bằng bạt HDPE.	
07	Bể thu nước	01	Kích thước: LxBxH= 1,5 x 1,5 x 1,5m Kết cấu: - Bê tông cốt thép và gạch thẻ	
07	Bể keo tụ - tạo bông	01	Kích thước: LxBxH= 7,5 x 3,1 x 3,4m Kết cấu: - Bê tông cốt thép và gạch thẻ	COD = 30-60 %, BOD = 40-70 %, TSS = 80-90 %, Ntổng = 20 %, NH ₄

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước	Hiệu quả xử lý
				=10 %, Ptổng = 20%, Coliform = 70%.
09	Bể lắng tròn	02	Kích thước: đường kính 5,4m, sâu 4m Kết cấu: Thép tấm CT3	
10	Bể khử trùng	01	Kích thước: LxBxH= 6,2 x 2,2 x 1,9m Kết cấu: - Bê tông cốt thép và gạch thẻ	COD = 20 %, BOD= 10 %, SS = 0 % Ntổng = 0 %, NH ₄ = 0 %, Ptổng = 0%, Coliform =99%.
11	Hồ chứa nước sạch	01	Kích thước: LxBxH= 11m x 7m x 2,5m Kết cấu: - Lót đáy bằng bạt HDPE	
12	Hồ chứa bùn	01	Kích thước: LxBxH= 10m x 10m x 2,5m Kết cấu: - Lót đáy bằng bạt HDPE	

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

✚ Máy móc thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

STT	Phần thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Bơm nước thải 1	Công suất động cơ: 3,7KW - Số vòng quay:1450 v/p - Điện áp:380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 8,7 A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng - Lưu lượng Qmax = 120 m ³ /h - Cao trình Hmax = 15 m	01	Nhật Bản
2	Bơm nước thải 2	Công suất động cơ: 3,7KW	01	Nhật Bản

		- Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 8,7 A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng - Lưu lượng $Q_{max} = 120 \text{ m}^3/\text{h}$ - Cao trình $H_{max} = 15 \text{ m}$		
3	Cánh khuấy 1	Công suất động cơ: 5, 5KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 11.6A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng	01	Việt Nam
4	Cánh khuấy 2	Công suất động cơ: 2.2KW - Số vòng quay : 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 5.6A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng	01	Việt Nam
5	Cánh khuấy 3	Công suất động cơ: 0.37KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp : 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 0.75A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng	01	Việt Nam
6	Cánh khuấy 4	- Công suất động cơ: 0.37KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz	01	Việt Nam

		- Dòng định mức: 0.75A - Vòng bi đầu motor : 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor : 2RS1 (SKF) vòng		
7	Bơm bùn 1	- Công suất động cơ: 1.5KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 3.7 A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng - Lưu lượng Qmax = 30 m³/h	01	EBARA
8	Bơm bùn 2	- Công suất động cơ: 1.5KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 3.7 A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor : 2RS1 (SKF) vòng - Lưu lượng Qmax = 30 m³/h	01	EBARA
9	Khuấy PAC	- Công suất động cơ: 2.2KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 5.4A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng	01	Việt Nam
10	Khuấy Polymer	- Công suất động cơ: 2.2KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 5.4A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng	01	Việt Nam

		- Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng		
11	Bơm PAC	Công suất động cơ: 0.37KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 0.75A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng	01	BONANI
12	Bơm Polymer	Công suất động cơ: 0.37KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 0.75 A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng	01	SIEMENS
13	Bơm nước rửa củ 1	Công suất động cơ: 7.5KW - Số vòng quay: 1450 v/p - Điện áp: 380V - Tần số: 50Hz - Dòng định mức: 15 A - Vòng bi đầu motor: 2RS1 (SKF) vòng - Vòng bi đuôi motor: 2RS1 (SKF) vòng - Lưu lượng Qmax = 50 m ³ /h - Cao trình Hmax = 30 m	01	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

- Danh mục hóa chất và định mức tiêu thụ hóa chất sử dụng trong HTXLNT được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.5. Định mức tiêu thụ hóa chất cho HTXLNT

STT	Hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng	Nguồn gốc
1	Vôi	g/m ³	5+80	Việt Nam; Trung Quốc
2	NaOH	g/m ³	1+6	Ấn Độ, Trung Quốc
3	PAC	g/m ³	30+600	Trung Quốc, Ấn Độ
4	Polymer (APAM)	g/m ³	0,6÷3,0	Trung Quốc

STT	Hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng	Nguồn gốc
5	Clorine 70%	g/m ³	2,0	Trung Quốc

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

⚡ Quy trình vận hành

- Kiểm tra các thiết bị kết nối với tủ điện, phải đảm bảo an toàn, không bị chập và còn hoạt động được.

- Kiểm tra hệ thống hóa chất: Quan sát lượng hóa chất chứa có đủ để vận hành trong thời gian dự kiến hay không. Nếu lượng hóa chất không đủ, nhân viên vận hành phải pha trộn hóa chất trước khi cho hệ thống hoạt động.

- Kiểm tra mực nước trong các bể xử lý. Sau khi kiểm tra nhân viên vận hành nhận thấy không có gì bất thường thì có thể cho hoạt động toàn bộ hệ thống. Ngược lại, phải tìm cách khắc phục hoặc báo cáo cho người có trách nhiệm tìm biện pháp khắc phục.

- Vào mỗi ca sáng, nhân viên vận hành tiến hành vệ sinh bùn nổi ở bể thu bùn.

- Ghi nhật ký lượng hóa chất sử dụng hằng ngày.

Một số hình ảnh về hệ thống xử lý nước thải tập trung



Hình 3.6. Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải

⚡ Đánh giá hiệu quả của HTXL nước thải

Để đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý nước thải, cơ sở tiến hành lấy mẫu đầu vào và đầu ra của HTXLNT, kết quả như sau:

Bảng 3.6. Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN* 63:2017/BTNMT (cột A)
			NT1	NT2	
1	pH	-	6,54	7,01	6-9
2	TSS	mg/L	155	35	50
3	COD	mg/L	240	62	100
4	BOD ₅	mg/L	126	20	30
5	Tổng Nitơ	mg/L	72,5	14,8	50
6	Tổng Phospho	mg/L	14,2	2,65	10
7	Sắt (Fe)	mg/L	1,12	0,22	-
8	Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH	KPH	0,07
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	8,4	2,9	-
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	4,2x10 ⁴	3,9x10 ³	3.000

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023)

Nhận xét:

Kết quả phân tích nước thải đầu vào và đầu ra của HTXL nước thải của nhà máy so sánh với QCVN 63:2017/BTNMT, cột A cho thấy:

+ Đối với mẫu nước thải đầu vào: Hầu hết các chỉ tiêu đều vượt quy chuẩn cho phép.

+ Đối với mẫu nước thải đầu ra: Tất cả các chỉ tiêu đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Hiệu suất xử lý toàn hệ thống như sau:

$$E = \frac{s_0 - s}{s_0} \times 100\% (\%)$$

S₀: Nồng độ chất ô nhiễm đầu vào HTXLNT (mg/l);

S: Nồng độ chất ô nhiễm đầu ra HTXLNT (mg/l);

Bảng 3.7. Kết quả tính toán hiệu suất xử lý như sau:

STT	Thông số	Hiệu suất (%)
1	TSS	77,41
2	COD	74,16
3	BOD ₅	84,13

STT	Thông số	Hiệu suất (%)
4	Tổng Nitơ	79,58
5	Tổng Phospho	81,34
6	Sắt (Fe)	80,36
7	Dầu mỡ khoáng	65,48
8	Tổng Coliform	90,71

Kết luận: Hiệu suất xử lý của hệ thống khá cao. Nồng độ các chất ô nhiễm đầu ra đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Bụi, khí thải từ lò đốt khí Biogas của khu vực sấy tinh bột mì

Công ty đã lắp đặt 01 lò đốt công suất 106 m³/giờ để cấp nhiệt cho lò sấy tinh bột khoai mì. Nhiên liệu đốt sử dụng là 100% khí biogas thu hồi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy. Đồng thời, khí Biogas là nhiên liệu sạch nên Công ty không lắp đặt thêm hệ thống xử lý khí thải.

Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí thải của lò đốt như bảng sau:

Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí thải của lò đốt khí Biogas

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Tình trạng hoạt động
1	Quạt hút	Cái	1	Công suất 11kW, Lưu lượng 4.000m ³ /h	Hoạt động bình thường
2	Ống thải	Cái	1	Thép CT3, D300, cao 11m so với mặt đất	

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sản Bình Phước)

Khí thải sau đó thoát ra ngoài môi trường bằng ống thải có đường kính D300mm, chiều cao 11m (so với mặt đất).

2.2. Bụi, khí thải từ lò đốt dầu FO

Ngoài nhiên liệu là khí gas công ty còn sử dụng 1 lượng nhỏ dầu FO dùng cho lò đốt (khí dây chuyền hoạt động lại sau thời gian nghỉ vụ, nghỉ tết do lượng khí gas không đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng nên đơn vị có sử dụng thêm một lượng nhỏ dầu FO) và lượng dầu FO này chiếm khoảng 3% nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong năm tương đương 2,4 kg dầu FO/giờ (tỷ trọng dầu FO khoảng 0,92-1,0 kg/lít; 1 năm làm 300 ngày, 1 ngày

làm 16 giờ). Lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu FO khoảng $10,6\text{m}^3/\text{kg}$ ở điều kiện chuẩn. Do đó, lượng khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu FO là $2,4 \times 10,6 \approx 25,4 \text{ m}^3/\text{giờ} = 0,01 \text{ m}^3/\text{s}$.

Tuy nhiên, khí thải từ quá trình đốt dầu FO không thường xuyên, chỉ xảy ra khi dây chuyền hoạt động lại sau thời gian nghỉ vụ, nghỉ tết do lượng khí gas không đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng. Dựa trên các hệ số tải lượng của tổ chức Y tế thế giới (WHO) có thể tính tải lượng các chất ô nhiễm trong bảng sau.

Bảng 3.9. Tải lượng các chất ô nhiễm khí thải quá trình đốt dầu FO

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số (Kg/tấn)	Tải lượng (Kg/h)
1	Bụi	$0,4 + 1,32S$	0,001
2	SO_2	20S	0,002
3	NO_2	8,5	0,021

(Nguồn: WHO, 1993)

Ghi chú: Tính cho trường hợp hàm lượng lưu huỳnh trong dầu là 0,05%.

Bảng 3.10. Nồng độ các chất ô nhiễm khí thải từ quá trình đốt dầu FO

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm^3)	QCVN 19:2009/BTNMT (mg/Nm^3) cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 1,2$
1	Bụi	39	200
2	SO_2	79	500
3	NO_2	827	850

Ghi chú: Nồng độ(C): $C = \text{Tải lượng (kg/h)} / \text{lưu lượng khí thải (m}^3/\text{giờ)}$.

Nhận xét: Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình đốt dầu FO đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 1,2$). Hơn nữa, đây là nguồn thải không liên tục vì quá trình đốt dầu FO chỉ xảy ra khi dây chuyền hoạt động lại sau thời gian nghỉ vụ, nghỉ tết do lượng khí gas không đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng, nên các tác động này không đáng kể.

Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí thải của lò đốt dầu FO

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Tình trạng hoạt động
1	Quạt hút	Cái	1	18,5kW, 15.000m ³ /h	Hoạt động bình thường
2	Ống thải	Cái	1	Thép CT3, D300 cao 15m so với mặt đất	

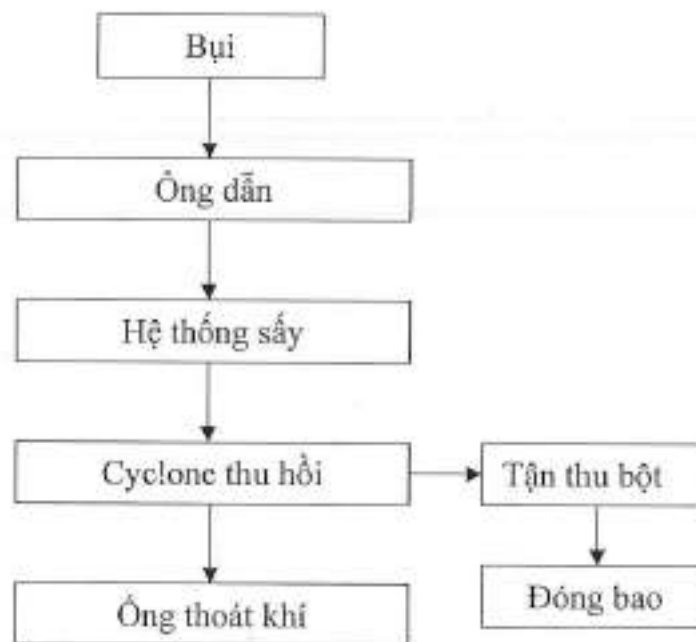
(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Khí thải sau đó thoát ra ngoài môi trường bằng ống thải có đường kính D300mm, chiều cao 15m (so với mặt đất).

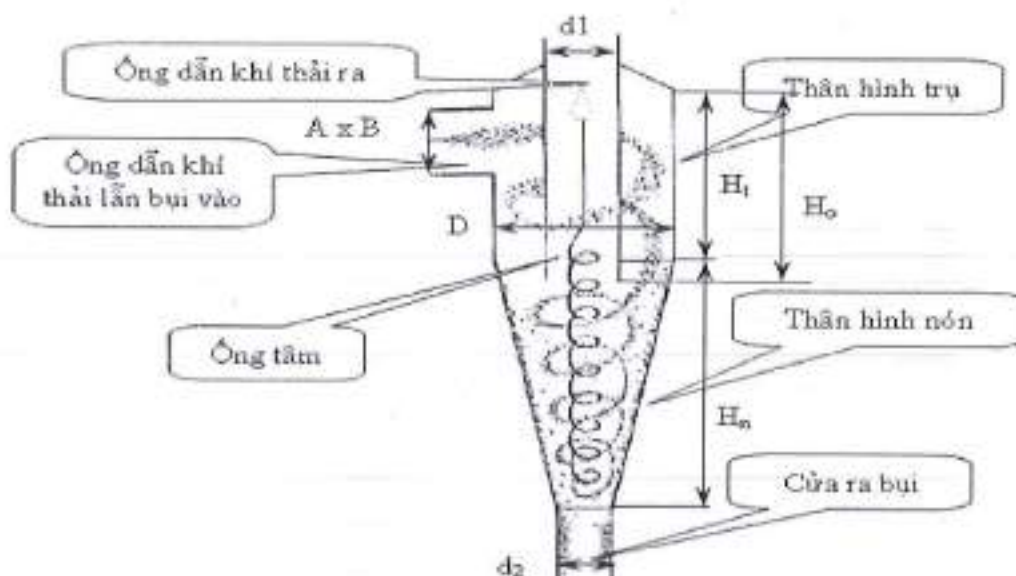
2.3. Công trình xử lý bụi trong quá trình sản xuất

- Bụi phát tán từ khu vực lò sấy tinh bột mì và khu vực đóng bao thành phẩm. Phần lớn các hạt tinh bột sẽ được thu giữ bằng hệ thống chụp hút sau đó theo hệ thống dẫn vào thiết bị Cyclone. Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống Cyclone thu hồi bụi từ quá trình sấy tinh bột mì và đóng bao sản phẩm tinh bột mì như sau:

- Quy trình công nghệ của hệ thống Cyclone thu hồi bụi như sau:



Hình 3.7. Quy trình thu gom bụi từ quá trình sấy và đóng bao sản phẩm



Hình 3.8. Sơ đồ nguyên lý của Cyclone

Thuyết minh công nghệ:

Bụi phát sinh được dẫn qua hệ thống ống dẫn đưa vào hệ thống Cyclone. Tại đây, không khí có chứa bụi đi vào Cyclone theo phương tiếp tuyến với thân hình trụ đứng, không khí vào sẽ chuyển động xoáy ốc bên trong thân hình trụ cyclone và khi chạm vào ống đáy hình phễu dòng khí sẽ chuyển động dôi ngược lên nhưng vẫn giữ được chuyển động xoáy ốc rồi theo ống thoát ra ngoài. Trong dòng chuyển động xoáy các hạt bụi chịu tác động bởi lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía thành ống thân hình trụ rồi chạm vào đó mất động năng và rơi xuống đáy phễu. Khi bụi ở đáy phễu tập trung nhiều sẽ được xả xuống bao chứa và được tái sử dụng. Dòng khí sạch sẽ được thoát ra ngoài nhờ ống thoát khí sạch. Còn bụi được thu gom lại dưới đáy của hệ thống sau đó được dẫn vào dây chuyền đóng bao. Hệ thống thu hồi bụi được thiết kế đi cùng với tháp sấy và dây chuyền đóng bao.

Bảng 3.12. Thông số kỹ thuật của Hệ thống Cyclone thu hồi bụi từ quá trình sấy tinh bột mì và đóng bao sản phẩm

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Tình trạng hoạt động
1	Quạt hút nóng	Cái	1	Công suất 150 HP	Hoạt động bình thường
2	Quạt hút nguội	Cái	1	Công suất 50 HP	
3	Quạt thổi	Cái	1	Công suất 30 HP	
4	Cyclone	HT	1	9 cyclone nhỏ	
5	Ống thoát khí	Cái	1	Đường kính D500, cao 8m so với mặt đất.	

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

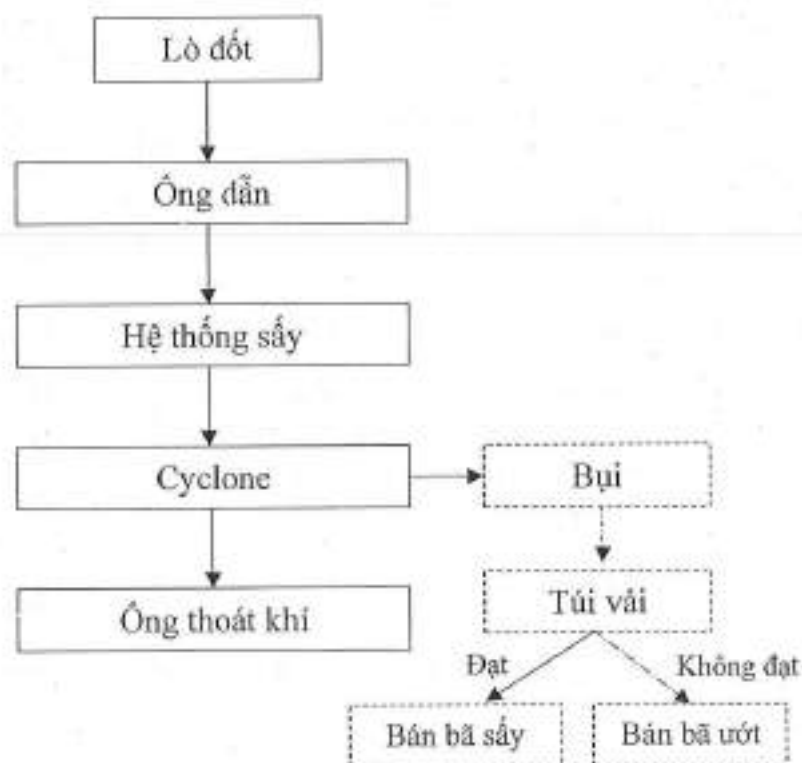


Cyclone tận thu bột

Hình 3.9. Hệ thống Cyclone tại cơ sở

2.4. Bụi, khí thải từ lò đốt khí Biogas ở khu vực sấy bã

- Công ty đã lắp đặt lò đốt sử dụng nhiên liệu đốt là khí Biogas thu hồi từ hệ thống xử lý nước thải để cấp nhiệt cho lò sấy bã. Khí Biogas thu hồi đảm bảo đủ để cung cấp nhiệt cho lò sấy bã. Biogas được quy ước là nhiên liệu sạch nên khi sử dụng làm nhiên liệu đốt khí sinh ra không gây ô nhiễm môi trường.
- Quy trình công nghệ của hệ thống Cyclone thu hồi bụi như sau:



Hình 3.10. Quy trình thu gom bụi từ quá trình sấy bã

Thuyết minh công nghệ:

Bụi phát tán từ khu vực lò sấy bã mì. Phần lớn bụi sẽ được thu giữ bằng hệ thống chụp hút sau đó theo hệ thống dẫn vào thiết bị Cyclone. Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống Cyclone thu hồi bụi từ quá trình sấy bã mì. Bụi (bột mì) sau thu hồi được lưu chứa trong túi vải, nếu bụi (bột mì) có độ ẩm đạt được Công ty đóng bao bán cùng với bã sấy. Nếu bụi (bột mì) không đạt còn độ ẩm cao, Công ty bán cùng với bã ướt. Đảm bảo không phát sinh bụi ra ngoài môi trường, khí sạch thoát ra 02 ống thải có kích thước Ø600, cao 3,5m so với mặt đất.

Bảng 3.13. Thông số kỹ thuật của Hệ thống Cyclone thu hồi bụi từ quá trình sấy bã sắn

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Tình trạng hoạt động
1	Lò đốt	Cái	01	DxRxH: 2628x 2300x 2245mm	Hoạt động bình thường
2	Đường ống dẫn khí gas 1	m	19,4	Đường kính Ø100mm	
3	Đường ống dẫn khí gas 2	m	14,4	Đường kính Ø100mm	
4	Ống sấy 1	Cái	01	Đường kính Ø600mm	
5	Ống sấy 2	Cái	01	Đường kính Ø600mm	
6	Ống thải khí nóng 1	Cái	01	Đường kính Ø600mm; H:3500mm	
7	Ống thải khí nóng 2	Cái	01	Đường kính Ø600mm; H:3500mm	
8	Ống xả quạt nguội	Cái	01	Đường kính Ø400mm	
9	Quạt ly tâm	Cái	01	Công suất 11 kW – 1460 vòng/phút Lưu lượng: 3500 m ³ /giờ Áp suất 5000Pa	
10	Ống thoát khí	Cái	02	Chiều cao mỗi ống H = 3,5m, đường kính mỗi ống Ø600	

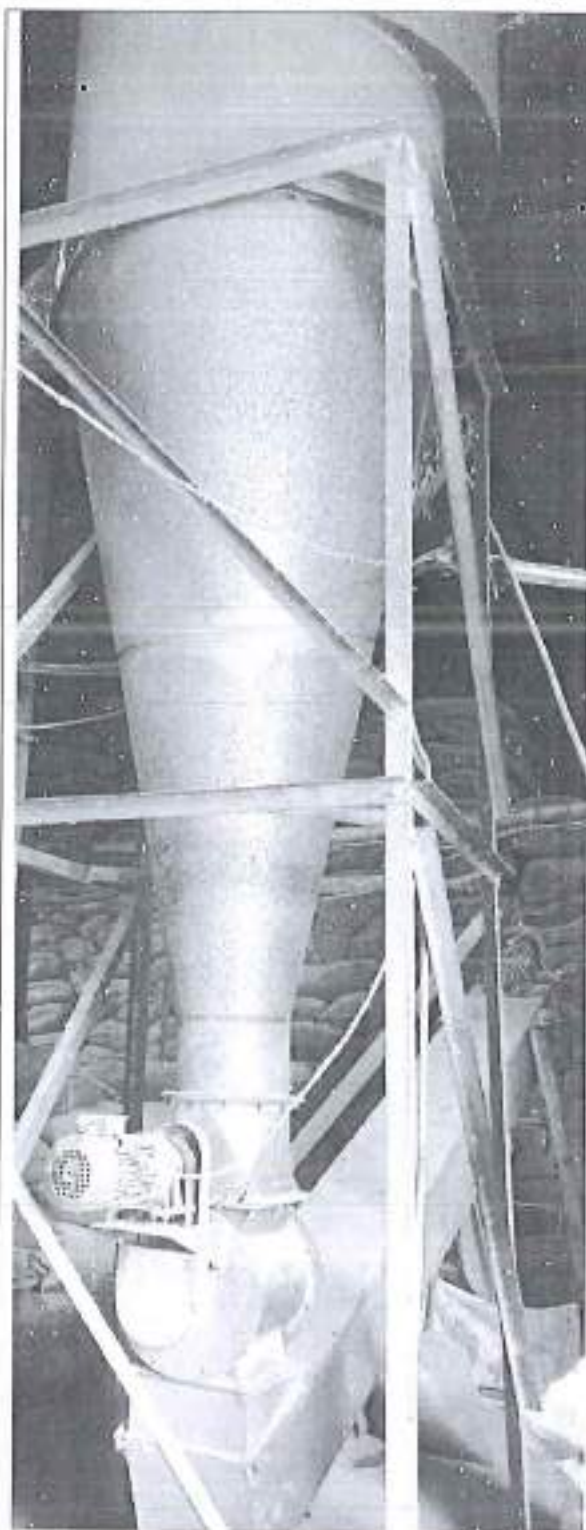
(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)



Bộ lọc khí Biogas



Cyclone thu bã sấy 1



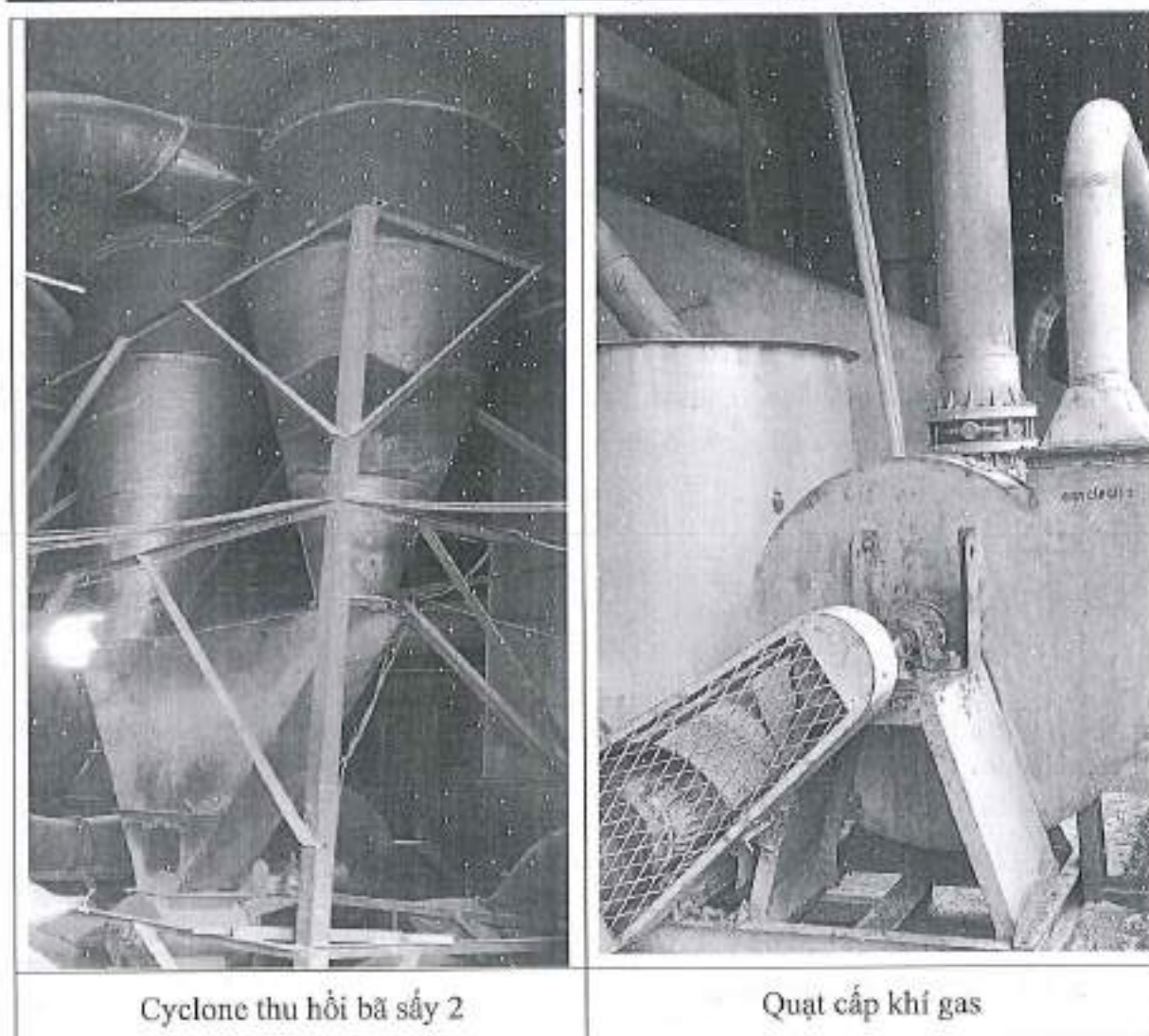
Cyclone thu bã tại quạt nguội



Quạt hút nóng



Ống sấy 1,2



Hình 3.11. Một số hình ảnh hệ thống Cyclone thu hồi bụi bã sấy

2.5. Bụi, khí thải từ quá trình bốc dỡ hàng, phương tiện giao thông

Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm của Cơ sở có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để hạn chế nguồn ô nhiễm này Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bê tông hóa các tuyến đường ra vào nhà máy,
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu để hạn chế bụi phát tán từ mặt đất,
- Thực hiện chế độ ra vào của phương tiện vận chuyển nguyên liệu hàng hóa: xe chạy chậm khi ra vào nhà máy, thực hiện tắt máy khi bốc dỡ hàng,
- Công nhân được trang bị đồ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay,...trong lúc bốc dỡ hàng.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ, khu vực nhận, chở nguyên liệu hàng hóa.

- Các phương tiện di chuyển trong nhà máy được bảo trì thường xuyên và khuyến cáo sử dụng nhiên liệu an toàn, thân thiện với môi trường.
- Trong quá trình bốc dỡ hàng yêu cầu tắt máy không để máy nổ.
- Phun tưới đoạn đường giao thông trước, công ra vào trong những ngày nắng nóng để giảm lượng bụi cuốn lên từ mặt đường.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ khối lượng CTRSH, CTR CNTT và CTNH tại Cơ sở được phân loại, thu gom vào các thùng chứa ngay tại khu vực phát sinh. Sau đó, dựa vào đặc tính rác thải mà được lưu giữ tại các kho chứa, chi tiết phương án thu gom, xử lý chất thải tại Cơ sở như sau:



Hình 3.12. Sơ đồ thu gom chất thải của cơ sở

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Rác sinh hoạt được phân loại như sau:

- Những thành phần rác thải không thể tái chế như các loại thực phẩm dư thừa, các loại rau quả, trái cây,... có khả năng phân hủy sinh học và phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác được thu gom riêng và lưu giữ trong các túi rác.
- **Khối lượng phát sinh**

Khối lượng CTR sinh hoạt Cơ sở là 31 kg/ngày (Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023).

Thu gom: Công ty bố trí 9 thùng rác nhựa dung tích 12 lít tại các khu vực trong công ty; cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ phân loại và đưa rác thải sinh hoạt vào thùng chứa có dung tích 240 lít.

+ **Lưu trữ:** Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí gần cổng Cơ sở với diện tích khoảng 10 m² (thuộc phạm vi của Cơ sở).

+ **Xử lý:** Chất thải phát sinh được đơn vị ký Hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt số 20/UBND/TBBP-2023 ngày 22/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình

Phước và UBND xã Đức Liễu để thu gom xử lý theo quy định với tần suất 02 lần/ngày (Hợp đồng và Phiếu thu tiền rác được đính kèm tại phụ lục báo cáo).

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Công ty thực việc Quản lý chất thải và phế liệu theo đúng quy định tại Mục 3, Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thu gom:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường (giấy vụn, thùng carton hư hỏng,...) được thu gom và phân loại cuối mỗi ngày sản xuất để đưa về khu vực lưu trữ CTCNTT.

+ Đối với chất thải rắn từ quá trình chế biến củ mì. Phần vỏ và đất cát sẽ được ủ và sử dụng để bón cho vườn điều trong khu đất của cơ sở. Phần bã mì sẽ thu gom vào các bao chứa và đưa vào khu vực chứa bã mì có diện tích 441,64 m² → Bán cho đơn vị có nhu cầu để sử dụng làm thức ăn cho gia súc.

Thống kê chất thải rắn từ quá trình chế biến củ mì (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Bảng 3.14. Khối lượng rác thải sản xuất sinh phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ khoai mì	23.840	Rắn	14 04 03	TT - R
2	Bã mì sau khi ép	47.680	Rắn	14 04 03	TT - R
3	Giấy vụn, thùng carton hư hỏng,...	1,2	Rắn	18 01 05	TT - R
Tổng		71.521,2	-	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Lưu trữ:

- Giấy vụn, thùng carton hư hỏng,... được lưu giữ tại kho chứa chất thải công nghiệp thông thường với diện tích 20 m². Kho lưu chứa có mái che bằng tôn, nền được đổ bê tông chống thấm, tường xung quanh xây gạch, có hệ thống thu gom thoát nước xung quanh, có biển cảnh báo đúng quy định, các loại chất thải rắn được phân loại, để ngăn nắp, gọn gàng và đúng khu vực quy định.

- Phần vỏ và đất cát sẽ được ủ và sử dụng để bón cho vườn điều trong khu đất của cơ sở.
- Phần bã mì sẽ thu gom vào các bao chứa và đưa vào khu vực chứa bã mì có diện tích 441,64 m² → Bán cho đơn vị có nhu cầu để sử dụng làm thức ăn cho gia súc.

Xử lý: Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số 01/2023/BP ngày 01/01/2023 với Bà Phan Thị Oanh và Hợp đồng kinh tế số 01/2022/LTH ngày 24/01/2022 với Hộ kinh doanh Lê Tự Hào về việc mua bán bã sản.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Bảng 3.15. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15	KS
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	22	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	2	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	2	NH
-	Tổng cộng	-	-	41	-

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Thu gom: Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại cơ sở được thu gom đưa về khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

Lưu trữ: Kho chứa CTNH có diện tích 10m². Kho chứa được xây dựng kiên cố, tường xây gạch kết hợp vách tôn, mái lợp tôn, nền đổ bê tông chống nước mưa từ ngoài tạt vào.

Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- Số lượng thùng rác: Chủ cơ sở bố trí 1 thùng phuy sắt loại 200L để lưu chứa và 03 thùng nhựa loại 120L để lưu chứa các loại chất thải phát sinh.

- **Xử lý:** Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý theo hợp đồng số 0616/2023/CGQ ngày 01/8/2023 đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 lần/năm. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Nguồn phát sinh

✦ Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở như xe máy, xe hơi của cán bộ công nhân viên và khách, xe tải vận chuyển nguyên vật liệu tới Công ty và vận chuyển thành phẩm đi tiêu thụ. Đây là nguồn gây ồn không liên tục, thông thường các thời điểm phát sinh tiếng ồn từ hoạt động giao thông lớn là thời gian đầu và cuối mỗi ca sản xuất khi công nhân viên ra vào Công ty để làm việc và khi Công ty nhập xuất hàng tập trung.

Bảng 3.16. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới

Loại xe	Cường độ ồn (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
Xe vận tải	93	Từ 6h – 70h: 70
Xe moto 4 thì	94	Từ 21h – 6h: 55

(Nguồn: Tổ chức FHA (Federal Highway Administration), Mỹ, 1999)

Nhận xét: Qua số liệu thống kê ở bảng trên có thể thấy cường độ ồn của các loại xe cơ giới ra vào cơ sở vượt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Đây là nguồn phát sinh không liên tục, chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn nên tác động đến môi trường, con người là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ có những phương án cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa các tác động của tiếng ồn trong khu vực.

✦ Tiếng ồn từ dây chuyền sản xuất

Đối với hoạt động sản xuất của cơ sở, căn cứ vào quy trình sản xuất và danh sách các thiết bị, máy móc tại cơ sở được nêu ở Chương I, các nguồn phát sinh tiếng ồn được nhận định chủ yếu từ các công đoạn sau đây:

Bảng 3.17. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Từ hoạt động của máy rửa củ	X = 595.669; Y = 1.294.759
2	Từ hoạt động của máy mài	X = 595.670; Y = 1.294.743
3	Từ hoạt động của máy trích ly và phân ly	X = 595.674; Y = 1.294.723
4	Từ hoạt động hệ thống sấy tinh bột mì	X = 595.680; Y = 1.294.680
5	Từ hoạt động hệ thống sấy bã	X = 595.646; Y = 1.294.724
6	Từ hoạt động của dây chuyền đóng bao	X = 595.689; Y = 1.294.665

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Tiếng ồn sẽ gây những tác động tiêu cực đến công nhân làm việc trực tiếp tại xưởng nếu tiếp xúc trong thời gian dài. Tiếng ồn tác động đến tai, sau đó tác động đến hệ thần kinh trung ương, đến hệ tim mạch, dạ dày và các cơ quan khác. Mức ồn ảnh hưởng đến các bộ phận của cơ thể người cụ thể như sau:

Bảng 3.18. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số

STT	Mức ồn (dBA)	Tác động người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130 – 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn mà con người có thể chịu đựng được với tiếng ồn
8	150	Nếu mức chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
9	160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

(Nguồn: Environmental technology series, 1993)

Trong khi hoạt động, tiếng ồn phát sinh từ công đoạn sản xuất nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Do đó, tác động đến môi trường và con người là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ có các biện pháp giảm thiểu các tác động do tiếng ồn gây ra.

✦ Độ rung

Quá trình sản xuất của cơ sở sẽ phát sinh độ rung do va đập của các bộ phận cơ học của các loại máy móc, thiết bị và các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy.

Độ rung có thể gây ra những tác động có hại, cụ thể:

- Đối với con người: độ rung và tiếng ồn do rung có thể gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn giống trạng thái say tàu xe do thể đứng không vững, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe công nhân trực tiếp vận hành, hiệu suất làm việc cũng như lan truyền trên nền đất ra môi trường xung quanh.

5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp mà Cơ sở đã thực hiện nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung như sau:

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ 5km/h, không bóp còi;
- Các thiết bị, máy móc được lắp đặt các thiết bị chống ồn cần thiết, được đặt trên các bệ đỡ bê tông, có tác dụng hạn chế rung động;
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng máy, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị, máy móc bị mài mòn quá mức cho phép, bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ.
- Cách ly khu vực xưởng với các khu dân cư xung quanh tận dụng các khu đất trống, vành đai xung quanh để trồng cây xanh.
- Ngoài ra, xưởng còn trang bị nút bịt tai, chụp tai chống ồn,... cho công nhân vận hành tại các khu vực có độ ồn cao.
- Trồng cây xanh.

5.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: 85 dBA tại nơi làm việc với thời gian tiếp xúc 8 giờ (tuân theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc).
- Giá trị giới hạn đối với độ rung: thời gian tiếp xúc 8 giờ thì gia tốc rung cho phép là $1,4 \text{ m/s}^2$ và vận tốc rung cho phép $1,4 \times 10^{-2} \text{ m/s}$ (tuân theo QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc).

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố đối với bề tự hoại

- Khi bể tự hoại bị tắc nghẽn do đầy sẽ thuê các đơn vị hút hầm cầu thu gom xử lý.
- Khi bể tự hoại có hiện tượng gây mùi khó chịu cần sử dụng các chế phẩm sinh học đổ vào bồn cầu để giảm thiểu mùi hôi.
- Khi phát hiện đường ống dẫn, thành bể bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời để nước thải không bị tràn ra bên ngoài.

6.2. Sự cố tại hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải

- Theo dõi và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải;
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Một số biện pháp khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

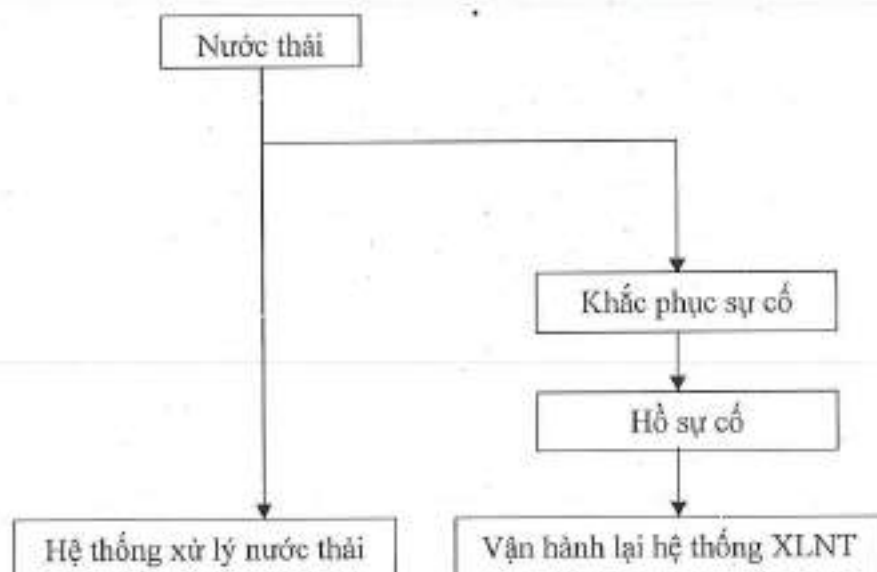
Bảng 3.19. Phương án khắc phục sự cố trong vận hành HTXL nước thải

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy bơm nước thải	Máy không hoạt động nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
	Bơm làm việc nhưng không lên nước	Van đang mở bị nghẹt hoặc hư	Kiểm tra, phát hiện và khắc phục
		Đường ống bị tắc nghẽn	Kiểm tra khắc phục
	Lưu lượng bơm giảm	Bị nghẹt ở cánh bơm, đường ống, lupbe	Kiểm tra khắc phục
		Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra khắc phục

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

⚡ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng lâu dài để sửa chữa lại:

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố (trường hợp lún, nứt vỡ bể) toàn bộ nước thải sẽ được bơm chung chuyển về hồ sự cố để lưu chứa tạm thời nước thải, sau khi thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố, nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm ngược trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Sơ đồ ứng phó sự cố như sau:



Hình 4.1. Phương án ứng phó sự cố

✦ Sự cố từ hồ biogas - Hồ hiện tượng đóng váng (màng sinh học dày lên) hoặc gặp sự cố rách bạt HDPE.

Trong trường hợp hầm biogas xẹp, không căng phồng có thể có sự cố rách bạt do các tác nhân bên ngoài như: cành cây đâm xuyên thủng vào bạt. Khi đó, chủ cơ sở sẽ xả hết khí gas trong hồ biogas bằng cách xả ống dẫn gas và đốt cháy hết khí gas còn dư. Đồng thời, phải ngừng cấp nước để không còn sinh khí gas. Sau đó, chủ cơ sở sửa chữa bằng cách sử dụng keo dán chuyên dụng HPDE hoặc vá bằng máy hàn.

6.3. Phương án phòng ngừa sự cố máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất

- Định kỳ kiểm tra các máy móc, thiết bị xử lý chất thải.
- Toàn bộ các máy móc, thiết bị xử lý sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch nhằm đảm bảo luôn ở tình trạng hoạt động tốt.
- Các máy móc, thiết bị sẽ có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Công ty sẽ thường xuyên tổ chức các buổi huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.
- Các máy móc, thiết bị làm việc ở áp suất cao đều có hồ sơ trích lục được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.
- Chủ cơ sở đặc biệt chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của cơ sở. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện

tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cố làm ngưng trệ sản xuất, hư hỏng máy móc và xảy ra tai nạn.

7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

7.1. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ .

✚ Phương pháp phòng chống cháy nổ

- Để đảm bảo an toàn PCCC, song song với việc chấp hành nghiêm ngặt các quy định an toàn PCCC, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc ở các khu vực dễ cháy.
- Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ phục vụ việc chữa cháy, thoát nạn, cứu người phù hợp với quy mô, tính chất nguy hiểm cháy.
- Xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu người trong tình huống xảy ra cháy phức tạp nhất.

✚ Phương án ứng phó sự cố cháy nổ trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn:

- Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra: Người phát hiện đám cháy nhanh chóng báo động cho toàn thể cán bộ công nhân viên biết để có giải pháp xử lý sự cố cháy, nổ vừa xảy ra. Đồng thời, báo cháy đến cho đội chữa cháy chuyên nghiệp đến dập tắt đám cháy (trong trường hợp nhân viên đó không thể tự dập tắt đám cháy). Lực lượng bảo vệ nhanh chóng tập trung lực lượng, triển khai phương án chữa cháy theo các bước cụ thể như sau:

- Báo động cháy tại khu vực đang xảy ra cháy.
- Cúp điện toàn bộ khu vực xảy ra cháy.
- Gọi điện cho lực lượng Cảnh sát PC&CC theo số 114 và các đơn vị xung quanh đến hỗ trợ chữa cháy.

✚ Các biện pháp giảm thiểu đối với hệ thống điện và thiết bị điện

- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của thiết bị điện và hệ thống tải, cấp điện. Kiểm tra thường xuyên nhiệt độ bề mặt của động cơ điện và phải ngừng hoạt động để xem xét khi nhiệt độ đó trên 150⁰ C .

- Trong các công đoạn sản xuất yêu cầu động cơ điện đã có hộp bảo vệ chống bụi.
- Nguồn điện sản xuất, nguồn điện bảo vệ, chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn và điện phục vụ hệ thống PCCC được tách riêng. Dây điện, cáp điện được đi trong máng.
- Các thiết bị tiêu thụ điện lắp đặt trong xưởng sản xuất, các kho chứa nguyên liệu và thành phẩm là loại thiết bị chống nổ và phải có các thiết bị bảo vệ như Aptomat, cầu dao được lắp đặt trong các tủ, hộp kín.

- Tường, trần nhà xưởng phải làm bằng vật liệu không cháy và có giới hạn chịu lửa không được nhỏ hơn 2 giờ.

✚ Các biện pháp giảm thiểu đối với khu vực lò đốt

- Người vận hành có chuyên môn, hiểu rõ quy trình vận hành và thường xuyên theo dõi tình trạng, các thông số áp suất, nhiệt độ, trong giới hạn cho phép để nâng cao hiệu quả hoạt động của lò cũng như đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Khu vực chứa nhiên liệu dầu FO được ngăn tách biệt với khu vực lò đốt.

- Đã trang bị hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động.

- Đã trang bị dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột và lắp đặt đường ống PCCC trong khu vực lò đốt.

7.2. Biện pháp phòng chống tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân khi tham gia sản xuất, ngoài các giải pháp kỹ thuật và công nghệ có tính chất làm giảm nhẹ các ô nhiễm gây ra cho con người và môi trường, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Lắp đặt biển báo cảnh báo, nhắc nhở tại những khu vực có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và các vị trí dễ nhìn thấy trong Công ty.

- Luôn chú ý cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt Tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành bằng cách đo kiểm môi trường lao động định kỳ và ngay lập tức tìm phương án khắc phục nếu xuất hiện yếu tố gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

- Bố trí nhân viên chuyên trách về vệ sinh, môi trường và an toàn lao động theo dõi, hướng dẫn cho công nhân thực hiện các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động của công nhân.

- Sắp xếp, bố trí máy móc, thiết bị trật tự, gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn cho công nhân di chuyển, làm việc.

- Tổ chức tuyên truyền giúp công nhân có kiến thức về an toàn lao động, tự bảo vệ chính mình tránh xảy ra các trường hợp đáng tiếc do thiếu hiểu biết.

Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng:

- Vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc, bình cung cấp oxy;

- Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...

Ngoài ra, để thực hiện theo Luật an toàn vệ sinh lao động, Công ty thường xuyên kiểm tra ý thức chấp hành kỷ luật về an toàn vệ sinh lao động với nhiều hình thức: kiểm tra nội bộ, thông qua các cơ quan chức năng. Đồng thời tập huấn định kỳ về công tác bảo hộ lao động, đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động trong Công ty.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trong quá trình hoạt động và triển khai xây dựng, Công ty đã thay đổi một số công trình bảo vệ môi trường. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 3.20. Nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

Stt	Tên công trình bảo vệ môi trường	Nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Diễn giải/Giải trình/Cơ sở pháp lý
1	Hệ thống xử lý nước thải	Công suất 1.680 m ³ /giờ đêm. Bố trí 5 hồ sinh học hiếu khí làm hồ sơ cố.	Công suất 1.680 m ³ /giờ đêm. Công ty bố trí 01 hồ sinh học hiếu khí làm hồ sơ cố	Công ty lát bạt HDPE 01 hồ, các hồ còn lại làm hồ chứa nước mưa tự nhiên, thực tế cơ sở chỉ hoạt động 09 tháng/năm. Lượng nước thải phát sinh chỉ phát sinh tối đa 668,2 m ³ /ngày, hệ thống xử lý đủ đáp ứng. Trong trường hợp nước thải xử lý không đạt, cơ sở bơm nước thải về hồ sơ cố với V _{hồ sơ cố} = 22.272 m ³ đủ để lưu chứa lượng nước thải trên trong vòng 30 ngày chờ khắc phục sự cố. Vì vậy, cơ sở không bố trí các hồ còn lại làm hồ ứng phó sự cố.
2	Hệ thống sấy bã	Không có	01 hệ thống sấy bã sản	Hiện tại do nhu cầu khách hàng, cơ sở thêm quy trình sấy bã sản để bán bã sản khô. Cơ sở sử dụng nhiên liệu đốt là khí Biogas là khí sạch nên không làm tăng lượng phát khí thải ra ngoài môi trường, ngoài ra nước thải từ quá trình ép bã được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m ³ /ngày đêm đủ để xử lý lượng phát thải tăng lên trên.

Stt	Tên công trình bảo vệ môi trường	Nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Diễn giải/Giai trình/Cơ sở pháp lý
3	Kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường	Không bố trí	Kho chứa diện tích 20 m ²	Theo nhu cầu thực tế của Công ty
4	Kho lưu chứa chất thải nguy hại	Diện tích 100m ²	Diện tích 10m ²	Thực tế lượng chất thải nguy hại của cơ sở phát sinh ít
5	Máy phát điện	01 máy, Công suất 7.680 kWh	Không có máy phát điện	Cơ sở không bố trí máy phát điện

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên của cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn rửa củ.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình sản xuất thứ cấp.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình ép bã sản.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả tối đa đề nghị cấp phép: 128,3 m³/ngày.
(Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa là 675,2 m³/ngày đêm, trong đó tái sử dụng và tưới cây là 546,91 m³/ngày, còn lại thải ra suối là 128,29 m³/ngày ≈ 128,3 m³/ngày)

1.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải: Số lượng dòng thải đề nghị cấp phép: 01 dòng thải là nước thải sau xử lý đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$).
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 63:2017/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 63:2017/BTNMT, Cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$)
1	pH	-	6 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	36
6	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,063
7	Tổng phospho	mg/l	9,0

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 63:2017/BTNMT, Cột A ($K_q = 0,9$; $K_t = 1,0$)
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

(Nguồn: QCVN 63:2017/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn)

- Vị trí xả nước thải: Nhánh suối Đắk Pan Ton thuộc thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°): X (m) = 595.495; Y (m) = 1.294.127
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 128,3 m³/ngày.đêm.
- Phương thức xả nước: bơm cưỡng bức.
- Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.2.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh khu vực văn phòng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn rửa củ được thu gom bằng mương dẫn riêng vào hệ thống lắng và lọc cát 1 trước khi qua bể lắng 2 để tách tạp chất, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình sản xuất thứ cấp được thu gom qua bể lắng 2 để tách tạp chất sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình ép bã sản được thu gom qua bể lắng 2 để tách tạp chất sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày.đêm.
- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột A, quy chuẩn 63:2017/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn với hệ số $K_q = 0,9$; $K_t = 1,0$.

1.2.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý:
 - + Nước thải rửa củ → Bể lắng cát 1 → Bể lắng cát 2 → Hồ Biogas (*);
 - + Nước thải các công đoạn sản xuất thứ cấp và nước từ quá trình ép bã sản → Bể lắng cát 2 → Hồ Biogas (*);

+ Nước thải sinh hoạt → Hồ Biogas (*);

Hồ Biogas (*) → Hồ sinh học hiếu khí (hồ tùy nghi 1) → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sạch → Suối Đắc Pan Ton, nước thải sau xử lý đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$.

- Công suất thiết kế: $1.680 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Chế độ vận hành: 24 giờ/ngày
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi, NaOH, PAC, Polymer (APAM), Clorine 70%.

1.2.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị; kịp thời khắc phục các sự cố các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

1.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý thải sinh hoạt phát sinh hoạt và nước thải sản xuất, nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 63:2017/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nội dung cấp phép đối với khí thải

2.1.1. Nguồn phát sinh khí thải

a. Nguồn thải thuộc đối tượng cấp phép:

- Nguồn thải số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn sấy tinh bột mì và đóng bao thành phẩm.

b. Nguồn thải không thuộc đối tượng cấp phép:

- Nguồn thải số 02: Bụi phát sinh từ lò đốt dầu FO.

2.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a. Dòng thải thuộc đối tượng cấp phép:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, tọa độ $X(m) = 595.678$, $Y(m) = 1.294.675$;

(Tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi 3°).

b. Dòng thải không thuộc đối tượng cấp phép:

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí của lò đốt FO, tọa độ $X(m) = 595.672$, $Y(m) = 1.294.682$;

(Tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, vĩ độ 3°).

2.1.3. Lưu lượng xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: 50.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: 25,4 m³/giờ.

2.1.4. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Sau xử lý được thải ra môi trường qua ống khói thải có đường kính D = 500mm, cao 8m tính từ mái nhà xưởng, thải liên tục trong quá trình sản xuất.
- Dòng khí thải số 02: Sau xử lý được thải ra môi trường qua ống khói thải có đường kính D = 300mm, cao 15m tính từ mái nhà xưởng, thải liên tục trong quá trình sử dụng lò đốt.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (Kp = 0,9 và Kv = 1,0).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01 (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=0,9, Kv=1,0)				
1	Lưu lượng	Pt, t ⁰	-	06 tháng/01 lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	180		

Đối với dòng thải số 02: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (dầu FO) vận hành lò đốt để cấp nhiệt cho lò sấy bã mì. Đây là nguồn thải không liên tục vì quá trình đốt dầu FO chỉ xảy ra khi dây chuyền hoạt động lại sau thời gian nghỉ vụ, nghỉ tết do lượng khí gas không đáp ứng đủ yêu cầu sử dụng, nên các tác động này không đáng kể. Vì vậy, Công ty không đầu tư công trình xử lý khí thải.

2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

2.2.2.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực lò sấy tinh bột mì và khu vực đóng bao thành phẩm. Khí thải, bụi sau xử lý sẽ được thải ra môi trường thông qua ống thải có đường kính D = 500 mm, cao 8m tính từ mặt đất (dòng thải số 01).
- Nguồn thải số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất gia công tại nhà xưởng 2. Khí thải, bụi sau xử lý sẽ được thải ra môi trường thông qua ống thải có đường kính D = 300 mm, cao 15m tính từ mặt đất (dòng thải số 01).

2.2.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a. Hệ thống xử lý bụi từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải từ khu vực lò sấy tinh bột mì và khu vực đóng bao thành phẩm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Ống dẫn → Hệ thống sấy → Cyclone thu hồi → Ống thoát khí.
- Công suất thiết kế: 50.000 m³/giờ
- Thông số kỹ thuật:
 - + Quạt hút nóng: 01 cái, công suất 150 HP.
 - + Quạt hút nguội: 01 cái, công suất 50 HP.
 - + Quạt thổi: 01 cái, công suất 30 HP.
 - + Ống thoát khí: 01 ống, kích thước D = 500 mm, cao 8 m tính từ mặt đất.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

b. Hệ thống xử lý bụi từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải từ lò đốt dầu FO:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Quạt hút → Ống thoát khí.
- Công suất thiết kế: 25,4 m³/giờ.
- Thông số kỹ thuật:
 - + Quạt hút: 01 cái, công suất 18,5kW
 - + Ống thoát khí: 01 ống, kích thước D = 300 mm, cao 15 m tính từ mặt đất.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

2.2.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2.2.2.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
 - + Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy rửa củ.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy mài.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy trích ly, phân ly và ly tâm.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của hệ thống sấy tinh bột.
- Nguồn số 05: Từ hoạt động hệ thống sấy bã.
- Nguồn số 06: Từ hoạt động của dây chuyền đóng bao.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ: $X(m) = 595.669$; $Y(m) = 1.294.759$;
- Nguồn số 02: Tọa độ: $X(m) = 595.670$; $Y(m) = 1.294.743$;
- Nguồn số 03: Tọa độ: $X(m) = 595.674$; $Y(m) = 1.294.723$;
- Nguồn số 04: Tọa độ: $X(m) = 595.680$; $Y(m) = 1.294.680$;
- Nguồn số 05: Tọa độ: $X(m) = 595.646$; $Y(m) = 1.294.724$;
- Nguồn số 06: Tọa độ: $X(m) = 595.689$; $Y(m) = 1.294.665$.

3.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.3.2. Độ rung

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15	KS
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	22	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	2	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	2	NH
-	Tổng cộng	-	-	41	-

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ khoai mì	23.840	Rắn	14 04 03	TT - R
2	Bã mì sau khi ép	47.680	Rắn	14 04 03	TT - R
3	Giấy vụn, thùng carton hư hỏng,...	1,2	Rắn	18 01 05	TT - R
Tổng		71.521,2	-	-	-

4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải sinh hoạt	31
Tổng		31

4.1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy, thùng nhựa có nắp đậy.
- Kho lưu chứa:
 - + Diện tích kho: 10 m².
 - + Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng vật liệu chống thấm, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tập trung tại khu vực riêng.
- Kho lưu chứa:
 - + Diện tích: 20 m².

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy.
- Khu vực tập kết: Trước cổng Công ty, diện tích 10 m².

Thu gom: Công ty bố trí 9 thùng rác nhựa dung tích 12 lít tại các khu vực trong công ty; cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ phân loại và đưa rác thải sinh hoạt vào thùng chứa có dung tích 240 lít.

+ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Thông tin đơn vị quan trắc

- Đơn vị phân tích 01:
 - + Đơn vị phân tích mẫu: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt.
 - + Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
 - + Điện thoại: 0274.366.2529
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 286.
- Đơn vị phân tích 02:
 - + Đơn vị phân tích mẫu: Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú.
 - + Địa chỉ: 156 Vườn Lài, Phường An Phú, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Điện thoại: 028.6660477
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 292.

1.2. Kết quả quan trắc

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí:
 - + 01 vị trí nước thải trước hệ thống xử lý.
 - + 01 vị trí nước thải sau hệ thống xử lý.
- Thời gian quan trắc: Ngày 28/4/2022, ngày 01/11/2022 và ngày 16/12/2023.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 63:2017/BTNMT, Cột A.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022 và năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả 2022						Kết quả 2023		QCVN 63:2017/BTNMT, cột A, K _q = 0,9; K _f = 1,2
			28/4/2022			01/11/2022			16/12/2023		
			NT01	NT02	NT02	NT01	NT02	NT01	NT02		
1	pH	-	6,12	6,71	7,36	7,17	6,54	7,01	6 – 9		
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	125	48	49	15	155	35	54		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	112	70	1.328	19	240	62	108		
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	53	28	650	8	126	20	• 32,5		
5	Tổng Nito	mg/L	36,1	27,3	32,5	10,6	72,5	14,8	54		
6	Tổng phospho (tính theo P)	mg/L	16,4	3,2	24,07	0,08	14,2	2,65	10,8		
7	Sắt (Fe)	mg/L	1,05	0,65	9,02	0,6	1,12	0,22	-		
8	Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,076		
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	5,47	0,49	-	-	8,4	2,9	-		
10	Tổng coliform	MNP/100mL	44x10 ²	21x10 ²	14x10 ³	790	4,2x10 ⁴	3,9x10 ³	3.000		

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc nước thải năm 2022 và năm 2023, tất cả các thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn QCVN 63:2017/BTNMT, Cột A.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và không khí xung quanh

2.1. Thông tin đơn vị quan trắc

- Đơn vị phân tích 01:

+ Đơn vị phân tích mẫu: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt.

+ Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

+ Điện thoại: 0274.366.2529

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 286.

- Đơn vị phân tích 02:

+ Đơn vị phân tích mẫu: Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú.

+ Địa chỉ: 156 Vườn Lài, Phường An Phú, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 028.6660477

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 292.

2.2. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 04 vị trí

+ 01 vị trí khu vực cổng công ty (KK1).

+ 01 vị trí khu vực gần hồ sinh học (KK2).

+ 01 vị trí khu vực gần hồ Biogas (KK3).

+ 01 vị trí khu vực mái vò (KK4).

- Thời gian quan trắc: Ngày 28/4/2022, ngày 01/11/2022 và ngày 09/12/2023.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực công

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
			28/4/2022	01/11/2022	09/12/2023						
1	Nhiệt độ	°C	34,1	32,8	33,1	-	-	-	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	68,7	68,2	67,9	-	-	-	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	1,3	0,6	-	-	-	0,2 - 1,5	-	-
4	Tiếng ồn	dBA	46,2	68,2	63,2	70	-	85	-	-	-
5	Bụi	mg/Nm ³	0,14	128	0,18	-	0,3	-	-	8	-
6	NO ₂	mg/Nm ³	0,062	64	0,062	-	0,2	-	-	-	10
7	SO ₂	mg/Nm ³	0,067	59	0,066	-	0,35	-	-	-	10
8	CO	mg/Nm ³	6,12	9.000	5,79	-	30	-	-	-	40
9	H ₂ S	mg/Nm ³	-	-	KPH	-	0,042	-	-	-	15

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh năm 2022 và năm 2023 cho thấy, các thông số quan trắc không khí tại khu vực công công ty đều đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực gần hồ sinh học

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
			28/4/2022	01/11/2022	09/12/2023						
1	Nhiệt độ	°C	33,7	31,5	31,4	-	-	-	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	65,1	64,7	67,4	-	-	-	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,2	0,8	0,5	-	-	-	0,2 - 1,5	-	-
4	Tiếng ồn	dBA	49,3	54,2	43,8	70	-	85	-	-	-
5	Bụi	mg/Nm ³	0,27	0,16	0,35	-	0,3	-	-	8	-
6	NO ₂	mg/Nm ³	0,065	0,077	0,069	-	0,2	-	-	-	10
7	SO ₂	mg/Nm ³	0,075	0,091	0,081	-	0,35	-	-	-	10
8	CO	mg/Nm ³	6,62	9	6,11	-	30	-	-	-	40
9	H ₂ S	mg/Nm ³	1,31	0,015	KPH	-	0,042	-	-	-	15

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh năm 2022 và năm 2023 cho thấy, các thông số quan trắc không khí tại khu vực gần hồ sinh học đều đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực gần hồ Biogas

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
			28/4/2022	01/11/2022	09/12/2023						
1	Nhiệt độ	°C	33,1	30,9	31,3	-	-	-	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	64,6	63,8	67,2	-	-	-	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,2	0,6	0,6	-	-	-	0,2 - 1,5	-	-
4	Tiếng ồn	dBA	48,5	50,4	74,5	70	-	85	-	-	-
5	Bụi	mg/Nm ³	0,31	0,153	0,36	-	0,3	-	-	8	-
6	NO ₂	mg/Nm ³	0,061	0,072	0,068	-	0,2	-	-	-	10
7	SO ₂	mg/Nm ³	0,072	0,089	0,078	-	0,35	-	-	-	10
8	CO	mg/Nm ³	6,59	9	6,04	-	30	-	-	-	40
9	H ₂ S	mg/Nm ³	1,79	0,015	KPH	-	0,042	-	-	-	15

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh năm 2022 và năm 2023 cho thấy, các thông số quan trắc không khí tại khu vực gần hồ Biogas đều đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Bảng 5.5. Kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh tại khu vực mái vó

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
			28/4/2022	01/11/2022	09/12/2023						
1	Nhiệt độ	°C	32,3	31,3	30,6	-	-	-	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	67,2	64,1	66,8	-	-	-	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,4	-	-	-	0,2 - 1,5	-	-
4	Tiếng ồn	dBA	45,1	78,8	78,9	70	-	85	-	-	-
5	Bụi	mg/Nm ³	0,32	0,204	0,42	-	0,3	-	-	8	-
6	NO ₂	mg/Nm ³	0,064	0,082	0,064	-	0,2	-	-	-	10
7	SO ₂	mg/Nm ³	0,069	0,095	0,071	-	0,35	-	-	-	10
8	CO	mg/Nm ³	6,51	9	5,89	-	30	-	-	-	40
9	H ₂ S	mg/Nm ³	1,65	KPH	KPH	-	0,042	-	-	-	15

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc bụi và không khí xung quanh năm 2022 và năm 2023 cho thấy, các thông số quan trắc không khí tại khu vực mái vó đều đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Bảng 5.6. Kết quả quan trắc ánh sáng tại Cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả						QCVN 22:2016/ BYT
			KK2		KK3		KK4		
			Quý 2	Quý 4	Quý 2	Quý 4	Quý 2	Quý 4	
I	Ánh sáng	Lux	ASTN	449	316	455	ASTN	512	≥ 300

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc ánh sáng xung quanh năm 2022 và năm 2023 cho thấy, thông số quan trắc đạt quy chuẩn QCVN 22:2016/BYT.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Quan trắc nước thải

- Vị trí giám sát:

✓ 01 điểm tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải trước khi xả thải xuống suối Đắk Panton.

✓ 01 đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, CN⁻, tổng coliform

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 63:2017/BTNMT, Cột A, $K_q = 0,9$, $K_r = 1,2$ - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chế biến tinh bột sắn.

❖ Giám sát khí thải

+ Giám sát khí thải của hệ thống xử lý bụi

- Vị trí quan trắc: 01 điểm tại ống thải.

- Các thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

- Tần số quan trắc: 3 tháng /lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $k_p=0,9$, $k_v=1,0$

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

a. Quan trắc tự động liên tục nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

b. Quan trắc tự động liên tục khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục khí thải công nghiệp theo quy định tại theo Khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Căn cứ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 6.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Hạng mục	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Nước thải sau hệ thống XLNT công suất 1.680 m ³ /ngày đêm	pH	-	6 – 9	QCVN 63:2017/BTNMT Cột A, K _a = 0,9; K _r = 1,0	6 tháng/lần (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
	BOD ₅	mg/l	27			
	COD	mg/l	67,5			
	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45			
	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	36			
	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,063			
Khí thải tại hệ thống thu hồi bột bụi của lò sấy bột mì	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	9,0	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _p =0,9, K _v =1,0	6 tháng/lần (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
	Tổng Coliform	MNP/100ml	3.000			
	Bụi		160			
Chất thải	Giám sát khối lượng, thu gom, phân loại, lưu trữ, tần suất thu gom và hợp đồng xử lý các loại CTR phát sinh		-	Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT	Khối lượng, hợp đồng thu gom và chứng từ thu gom của Đơn vị có chức năng thu gom	-

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Việc thực hiện quan trắc môi trường là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một trong những phần rất quan trọng trong công tác kiểm soát chất lượng môi trường. Để đảm bảo các hoạt động của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 6.2. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Stt	Nội dung	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Kế hoạch thực hiện
1	Giám sát bụi, khí thải	02	6.000.000	6 tháng/lần
2	Giám sát nước thải	01	3.000.000	
3	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm	01	5.000.000	1 năm/lần
	Tổng	-	14.000.000	-

(Nguồn: Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước)

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022 và năm 2023, cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Cổ phần tinh bột sắn Bình Phước xin cam kết:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.

Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Nước thải: Nước thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột A, $K_d = 0,9$; $K_t = 1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn.

Về chất thải rắn: Được quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Về bụi và khí thải: Bụi và khí thải phát sinh được thu gom và xử lý QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B, $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt.

Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của cơ sở.

Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của cơ sở hư hỏng gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ./.



PHỤ LỤC BÁO CÁO

I. Văn bản pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0800438905, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/01/2022 do Phòng đăng Ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp;
2. Thông báo thay đổi tên doanh nghiệp;
3. Công văn số 1603/SKHĐT-ĐKKD ngày 30/6/2023 xác nhận thông tin thay đổi tên công ty của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
4. Giấy chứng nhận sử dụng đất số CT 05878;
5. Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất;
6. Giấy chứng nhận công trình số 02/UBND-CNCT ngày 5/2/2007 của UBND tỉnh Bình Phước;
7. Quyết định Quyết định về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Thành lập Công ty liên doanh tỉnh bột Bình Phước số 2673/QĐ-UB ngày 25/10/2000 của UBND tỉnh Bình Phước;
8. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung số 715/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của UBND tỉnh Bình Phước;
9. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước;
10. Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 07/GXN-STNMT ngày 14/4/2020;
11. Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 36/GP-UBND ngày 15/05/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;
12. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 58/TD-PCCC PC23 ngày 22/6/2009;

II. Hợp đồng thu gom chất thải, chứng từ rác công nghiệp, sinh hoạt và nguy hại

1. Hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt số 20/UBND/TBBP-2023 ngày 22/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Tinh bột sản Bình Phước và UBND xã Đức Liễu;
2. Hợp đồng kinh tế thu mua bã sảy số 01/2023/BP ngày 01/01/2023 giữa Công ty Cổ phần Tinh bột sản Bình Phước và Bà Phan Thị Oanh;
3. Hợp đồng kinh tế thu mua bã ướt số 01/2022/BP-LTH ngày 24/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Tinh bột sản Bình Phước và Hộ kinh doanh Lê Tự Hào;
4. Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 0616/2023/CGQ ngày 01/08/2023 giữa Công ty Cổ phần Tinh bột sản Bình Phước và Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý;
5. Hóa đơn mua bán bã sản;

6. Phiếu thu tiền rác sinh hoạt.

III. Hóa đơn điện, nước cấp, nước thải và nhật ký vận hành nước thải

1. Hóa đơn tiền điện năm 2023.

2. Nhật ký vận hành nước thải năm 2023.

IV. Kết quả phân tích

1. Kết quả phân tích nước thải năm 2022, 2023

V. Biên bản bàn giao, nghiệm thu

VI. Bản vẽ

1. Bản vẽ hoàn công

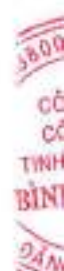
2. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa, nước thải.

3. Bản vẽ lò đốt, lò sấy

4. Bản vẽ kho rác công nghiệp thông thường, kho chất thải nguy hại

5. Bản vẽ hệ thống sấy bã

6. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3800438905

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 12 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 24 tháng 01 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH PHUOC TAPIOCA STARCH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BINH PHUOC TSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn 2, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 06513997175

Fax: 06513997176

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MINH HẢI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 045180000389

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam



Nguyễn Duy Hải

Phụ lục II-1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
FOCOCEV BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 189/TBBP

Bù Đăng, ngày 27 tháng 12 năm 2021.

THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3800438905

Ngày cấp: 05/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 24/08/2020

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi:

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi:

BINH PHUOC TAPIOCA STARCH JOINT STOCK COMPANY

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi: **BINH PHUOC TSC**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021

Công ty cổ phần Fococev Bình Phước.

Trụ sở đóng tại: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Mã số doanh nghiệp: 3800438905.

Hôm nay, vào lúc 8h30 ngày 18 tháng 12 năm 2021, tại Văn phòng Công ty cổ phần Fococev Bình Phước (Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước), Công ty cổ phần Fococev Bình Phước đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021, gồm có:

- Tổng số cổ đông của Công ty 07 cổ đông (01 cổ đông tổ chức và 06 cổ đông cá nhân), sở hữu và đại diện sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương ứng với 100% vốn Điều lệ Công ty là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng);

- Số cổ đông và đại diện cổ đông có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 là 07 cổ đông (01 cổ đông tổ chức và 06 cổ đông cá nhân), sở hữu và đại diện sở hữu 1.000.000 cổ phần, bằng 100% vốn Điều lệ công ty.

- Số cổ đông vắng mặt: Không.

- Chủ tọa Đại hội: Ông **Đào Quý Chung** – Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Kiểm phiếu biểu quyết trong Đại hội: Ông **Nguyễn Thanh Hùng** – cổ đông.

- Thư ký Đại hội: Ông **Lữ Ngọc Khánh** – Thành viên HĐQT công ty.

- Chương trình và nội dung cuộc họp:

- + Xem xét quyết định đổi tên Công ty (Công ty cổ phần Fococev Bình Phước thành Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước)

- + Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty thay cho Điều lệ cũ của Công ty do các cổ đông sáng lập công ty thông qua ngày 28/12/2012 theo Luật Doanh nghiệp cũ, để phù hợp với tên mới của Công ty và Luật doanh nghiệp mới số 59/2020/QH14.

NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I.- Xem xét, quyết định đổi tên công ty :

1) Ông **Đào Quý Chung** – Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa cuộc họp, thông qua Tờ trình của HĐQT Công ty về việc đổi tên Công ty. Cụ thể:

- **Tên Công ty hiện nay:**

- + Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC**

- + Tên giao dịch đối ngoại: **Fococev Binh Phuoc Joint Stock Company.**

- + Tên giao dịch viết tắt: **FBC**

- + Địa chỉ trụ sở chính: Xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Tên mới của Công ty:**

- + Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC**

- + Tên tiếng Anh: **Binh Phuoc Tapioca Starch Joint Stock Company.**

+ Tên giao dịch viết tắt: **Bình Phước TSC.**

+ Trụ sở chính: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

+ Điện thoại: 06513997175

Fax: 06513997176.

- **Lý do đổi tên:** Để thuận tiện cho việc xác định nguồn gốc sản phẩm Tinh bột do Công ty sản xuất và xây dựng thương hiệu của công ty trên thị trường về các sản phẩm Tinh bột được sản xuất từ cây sắn tại địa phương.

2) Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thống nhất quyết định:

- **Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận:**

+ Tất cả các cổ đông tham dự họp đều nhất trí với Tờ trình của HĐQT Công ty về việc đổi tên Công ty để thuận tiện cho việc xác định nguồn gốc sản phẩm Tinh bột do Công ty sản xuất và xây dựng thương hiệu của Công ty trên thị trường về các sản phẩm Tinh bột được sản xuất từ cây sắn tại địa phương.

+ Không có ý kiến khác.

- **Biểu quyết:**

+ Tán thành: **1.000.000/1.000.000 phiếu.**

+ Không tán thành: **Không.**

+ Không ý kiến: **Không.**

II.- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước, thay cho Điều lệ cũ của Công ty cổ phần Focoev Bình Phước :

1) Ông **Đào Quý Chung** – Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa cuộc họp, thông qua Tờ trình của HĐQT Công ty về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước thay cho Điều lệ của Công ty cổ phần Focoev Bình Phước cũ do các cổ đông sáng lập Công ty thông qua ngày 28/12/2012 theo Luật Doanh nghiệp cũ, để phù hợp với tên mới của Công ty và Luật doanh nghiệp mới số 59/2020/QH14.

2) Ông **Lữ Ngọc Khánh** – Thành viên HĐQT, Thư ký Đại hội thông qua từng Chương, từng Điều bản dự thảo Điều lệ mới của Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước (*Có bản dự thảo Điều lệ kèm theo*).

3) Cổ đông thảo luận, góp ý bổ sung:

- Có 02 cổ đông có ý kiến đề nghị điều chỉnh thời gian có hiệu lực của Điều lệ mới Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước là từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, để thuận lợi hơn trong việc thực hiện.

- Các cổ đông còn lại hoàn toàn nhất trí với bản dự thảo Điều lệ mới của Công ty, không có ý kiến góp ý bổ sung.

4) Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

- Nhất trí thông qua và quyết định ban hành bản Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước mới thay cho bản Điều lệ cũ của Công ty cổ phần Focoev Bình Phước do các cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Focoev Bình Phước thông qua ngày 28/12/2012 theo Luật Doanh nghiệp cũ, để phù hợp với tên mới của Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước, Luật Doanh nghiệp mới số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

- Biểu quyết:
- + Tán thành: 1.000.000/1.000.000 phiếu.
- + Không tán thành: Không.
- + Không ý kiến: Không.

III.- Thông qua Nghị quyết và Biên bản Đại hội :

1) Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội :

- Ông Lữ Ngọc Khánh – Thư ký Đại hội thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của công ty (có dự thảo Nghị quyết kèm theo).

2) Đại hội thảo luận bổ sung và biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội:

- Đại hội thảo luận bổ sung:

Đại hội hoàn toàn nhất trí với bản dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của công ty, do thư ký Đại hội thông qua, Không có ý kiến bổ sung.

- Biểu quyết:

- + Tán thành: 1.000.000/1.000.000 phiếu.
- + Không tán thành: Không.
- + Không ý kiến: Không.

3) Thông qua Biên bản Đại hội:

- Ông Lữ Ngọc Khánh – Thư ký Đại hội thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của công ty (có Biên bản kèm theo);

- Cổ đông tham dự Đại hội cho ý kiến bổ sung và biểu quyết thông qua:

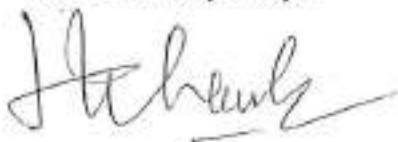
+ Ý kiến góp ý bổ sung: Các cổ đông tham dự họp Đại hội cổ đông hoàn toàn nhất trí với nội dung Biên bản đã ghi. Không có ý kiến bổ sung.

+ Biểu quyết:

- + Tán thành: 1.000.000/1.000.000 phiếu.
- + Không tán thành: Không.
- + Không ý kiến: Không.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty cổ phần Fococcev Bình Phước đã hoàn thành Chương trình nội dung Đại hội và kết thúc vào lúc 12h15 cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Lữ Ngọc Khánh

CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI



Đào Quý Chung

KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT



Nguyễn Thanh Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
FOCOCEV BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07 /NQ-DHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Fococev Bình Phước;

Hôm nay, ngày 18 tháng 12 năm 2021, tại Văn phòng Công ty cổ phần Fococev Bình Phước (Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước), Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty cổ phần Fococev Bình Phước đã họp, thảo luận và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đổi tên Công ty cổ phần Fococev Bình Phước thành Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước. Cụ thể như sau:

1) Tên Công ty hiện nay:

- + Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC**
- + Tên giao dịch đối ngoại: **Fococev Binh Phuoc Joint Stock Company.**
- + Tên giao dịch viết tắt: **FBC**
- + Địa chỉ trụ sở chính: Xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2) Đổi thành tên mới của Công ty :

- + Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC**
- + Tên tiếng Anh: **Binh Phuoc Tapioca Starch Joint Stock Company.**
- + Tên giao dịch viết tắt: **Binh Phuoc TSC.**
- + Trụ sở chính: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- + Điện thoại: 06513997175 Fax: 06513997176.

3) Lý do đổi tên: Để thuận tiện cho việc xác định nguồn gốc các sản phẩm Tinh bột do Công ty sản xuất sản và xây dựng thương hiệu của Công ty trên thị trường về các sản phẩm Tinh bột được sản xuất từ cây sắn tại địa phương.

Điều 2: Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước thay cho Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Fococev Bình Phước cũ do các cổ đông sáng lập Công ty thông qua ngày 28/12/2012 theo Luật Doanh nghiệp cũ, để phù hợp với tên mới của Công ty và Luật doanh nghiệp mới số 59/2020/QH14, gồm 06 Chương, 60 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (có bản Điều lệ mới của Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước kèm theo).

Điều 3: Giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo Giám đốc Công ty làm thủ tục Thông báo thay đổi tên, Điều lệ Công ty với cơ quan đăng ký Doanh nghiệp tại địa phương theo quy định; làm việc và đăng ký sự thay đổi của Công ty với cơ quan Thuế, các Sở, Ban ngành, địa phương có liên quan của tỉnh Bình Phước; với các Ngân hàng và doanh nghiệp có liên quan...để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không bị ảnh hưởng.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Fococev Bình Phước căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận :

- Như điều 5;
- Lưu HS, TH, VT.

**T/M.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đào Quý Chung

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty cổ phần Fococov Bình Phước

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800438905 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/12/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 28/12/2012.

- Địa chỉ trụ sở chính: xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

BN 971827



Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

a) Thửa đất số: 00, tờ bản đồ số: 00;
b) Địa chỉ: xã Đức Liêu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

c) Diện tích: 452.474,0 m².

(Bảng chữ: bốn trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi bốn mét vuông);

d) Hình thức sử dụng: riêng 452.474,0 m², chung: Không m²;

đ) Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 28/12/2029;

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình: Nhà máy tinh bột mì Bình Phước

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình sở hữu	Thời hạn sở hữu
01. Nhà xưởng chính và kho thành phẩm (01 nhà)	2.185,64	2.185,64	Sở hữu riêng	III	CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực: 2022 Quyển số: 01 Ngày: 15 tháng 8 năm 2014 Chức vụ: Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường Sở Tài Nguyên và Môi trường Bình Phước
02. Nhà văn phòng (01 nhà)	151,46	151,46	Sở hữu riêng	IV	-/-
03. Nhà kho (01 nhà)	955,20	955,20	Sở hữu riêng	III	-/-
04. Nhà chứa bã mì (01 nhà)	441,64	441,64	Sở hữu riêng	IV	-/-
05. Nhà bơm khu vực nhà máy (01 nhà)	38,64	38,64	Sở hữu riêng	IV	-/-
06. Bể nước sạch (01 bể)	144,76	144,76	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 15 tháng 8 năm 2014

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

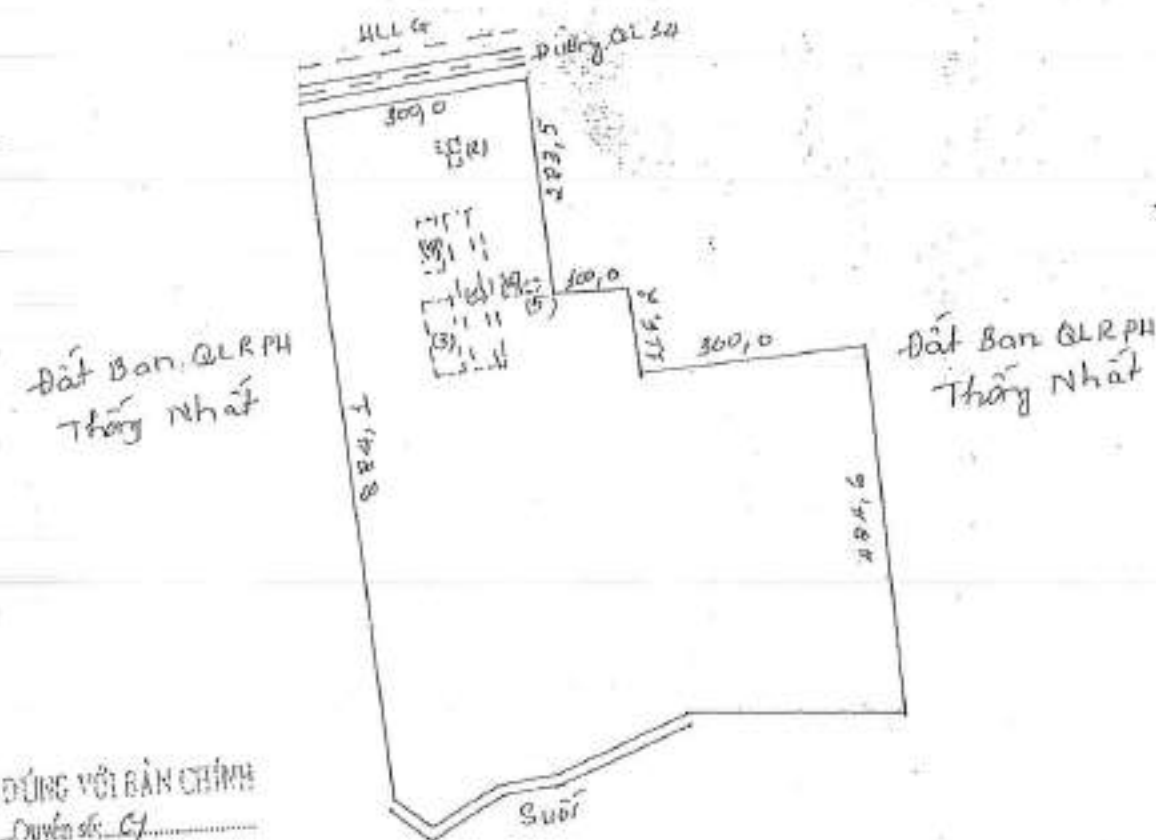
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phú Quốc

Số vào sổ cấp GCN: CT 22.3.8.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ:

Sơ đồ đất: 1:10.000

Sơ đồ công trình: 1:15.000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1603 /SKHĐT-ĐKKD

Bình Phước, ngày 30 tháng 06 năm 2023

V/v Xác nhận thông tin thay đổi
tên Công ty Cổ phần Focosev
Bình Phước thành Công ty Cổ
phần Tinh bột sắn Bình Phước.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 1521/STNMT-TNN&KS ngày 3/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị xác nhận tư cách pháp nhân của Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước.

Sau khi nghiên cứu nội dung đề nghị và rà soát, kiểm tra trên hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư xin phúc đáp Quý Sở nội dung như sau:

Công ty Cổ phần Focosev Bình Phước được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800438905; đăng ký lần đầu ngày 05/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/01/2022 (đổi tên từ Công ty Cổ phần Focosev Bình Phước thành Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước).

Trên đây là nội dung xác nhận thông tin thay đổi tên doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần Focosev Bình Phước thành Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước, Sở Kế hoạch và Đầu tư xin phúc đáp đến quý cơ quan được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- GEĐ, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, ĐKKD(Toàn).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận nguồn gốc đất

Kính gửi: UBND XÃ ĐỨC LIỄU

Căn cứ Nghị định 201/2003/NĐ-CP.

Căn cứ Luật tài nguyên nước.

Nhằm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước trong lĩnh vực khai thác nước mặt phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nay công ty cổ phần tinh bột sắn Bình Phước làm đơn kính gửi UBND xã Đức Liễu xác nhận nguồn gốc đất như sau:

1. Hiện trạm bơm nước của Công ty đang đặt tại suối Đắc Pantoong (Phía sau nhà điều hành Lâm Trường Thống nhất cũ) có hệ thống đường ống ngầm dọc theo tuyến đường dân sinh tới công trình của Công ty, thuộc Tổ 2, thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước.
2. **Nguồn gốc đất:** Đất thuộc sở hữu Nhà Nước, không có tranh chấp với các hộ dân tại nơi đặt Trạm bơm và dọc tuyến đường ống tới công trình của Công ty.
3. Nay do nhu cầu Gia hạn Giấy phép khai thác nước mặt theo quy định, do đó kính mong UBND xã Đức Liễu xác nhận cho Công ty về nguồn gốc đất mà Công ty đang đặt trạm bơm và hệ thống đường ống ngầm đi dọc theo đường dân sinh thuộc sở hữu của Nhà nước và không có tranh chấp với các cá nhân, tổ chức nào trong thời gian từ năm 2003 đến nay.

Công ty cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước cam đoan về những nội dung đã trình bày ở trên nếu sai Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Vậy Công ty CP tinh bột sắn Bình Phước làm đơn này đề nghị với UBND xã Đức Liễu xác nhận cho Công ty về nguồn gốc đất, sự phù hợp với quy hoạch của địa phương.

Trân trọng cảm ơn!

Ngày 06 tháng 07 năm 2023

Người làm đơn



GIÁM ĐỐC

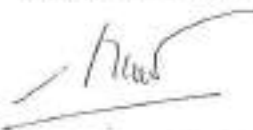
Nguyễn Thị Minh Hải

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC LIÊU

- Hiện trạng đất: Hiện trạng đất sử dụng ổn định, không
tranh chấp.
- Nguồn gốc đất: Đất thuộc tài sản của nhà nước, hiện tại
không tranh chấp với các bên liên quan.
- Thời điểm sử dụng đất vào mục đích hiện tại: Là thôn định năm 2023 đến
hay khai thác nguồn nước mặt.
- Tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai: không.
- Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023

Cán bộ địa chính
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Trần Văn Cần

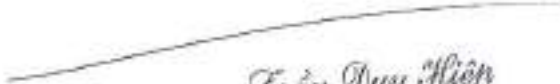
Ngày tháng năm 2023

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch



(Ký tên, đóng dấu) CHỦ TỊCH


Trần Duy Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số 2673/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 25 tháng 10 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v: Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Thành lập Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993.
- Căn cứ Nghị định 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường.
- Căn cứ Công văn số 2857/MTg của Bộ KH-CN & MT về việc ủy quyền thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án thành lập Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước.
- Xét đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 25/9/2000 của giám đốc Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước.
- Xét Biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành lập Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước ngày 13/10/2000.
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành lập Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 13/10/2000 và những nội dung đã được bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2: Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1 Phải hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải để đạt theo TCVN 5945 - 1995 thải vào nguồn loại B.

2.2 Trong quá trình hoạt động, Công ty phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu, nếu có các sự cố



về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Khoa học - Công nghệ và môi trường biết để xử lý.

2.3 Định kỳ báo cáo các kết quả giám sát môi trường nước thải, nước mặt, nước ngầm và chất lượng không khí bên trong và ngoài nhà máy theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định.

Điều 3: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy và những nội dung yêu cầu bắt buộc trên là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Nhà máy.

Điều 4: Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về bảo vệ môi trường, chủ Dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra, theo dõi.

Điều 5: Ủy nhiệm Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm theo dõi giám sát việc thực hiện các qui định về bảo vệ môi trường của Nhà máy.

Điều 6: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. Chủ tịch



Nguyễn Văn Thôn

Nơi nhận:

- Bộ KHCN&MT,
- Chủ tịch, PCT, KVX.
- Sở KHCN&MT,
- Công ty liên doanh tinh bột Bình Phước,
- CV: Nam.
- Lưu VP.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 4.45 /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 30 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung
Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000 m³/ngày
kết hợp thu hồi Biogas - Công ty Cổ phần Fococcev Bình Phước
tại ấp 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước



CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác
động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ
sung hợp ngày 22/7/2010 tại Phòng họp Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình
Phước của Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền sản xuất tinh bột sắn từ 20.000
tấn sản phẩm/năm lên 50.000 tấn sản phẩm/năm - Công ty Cổ phần Fococcev Bình
Phước tại ấp 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và Biên bản tổng
hợp ý kiến chỉnh sửa lần 2 Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự
án đầu tư, cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000m³/ngày kết
hợp thu hồi Biogas - Công ty Cổ phần Fococcev Bình Phước tại ấp 2, xã Đức Liễu,
huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án đầu tư
nâng công suất dây chuyền sản xuất tinh bột sắn từ 20.000 tấn sản phẩm/năm lên
50.000 tấn sản phẩm/năm - Công ty Cổ phần Fococcev Bình Phước tại ấp 2, xã Đức
Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn
bản giải trình của Công ty tại Công văn số 480/FCBP ngày 25/01/2011;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
64/TT-STNMT ngày 24/02/2011, Công văn số 210/STNMT-CCBVMT ngày
22/3/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung
Dự án đầu tư, cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000m³/ngày kết
hợp thu hồi Biogas tại ấp 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (gọi tắt

là Dự án) do Công ty Cổ phần Jococev (Binh Phước làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư).

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung. Nước thải sinh hoạt của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải của dự án phải được xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 24:2009/BTNMT cột B (kq = 0,9 và kf = 1) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận (suối Dak Pantong).

2. Trong quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn theo qui định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 26:2010/BTNMT và độ rung theo qui định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 27:2010/BTNMT; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi và các khí độc hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, trong giai đoạn hoạt động của dự án. Nồng độ bụi, các khí độc hại trong không khí xung quanh phải đảm bảo đạt các Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2009/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

3. Đầu tư trang thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp và sinh hoạt đúng theo qui định; thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các qui định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn hành nghề và lập thủ tục hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục chất thải nguy hại.

4. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã được trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đạt ít nhất 20% diện tích dự án.

5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng, chống và khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố, rủi ro về môi trường khác.

6. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung đã nêu, nếu có sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

7. Sau khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường phải có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để xác nhận đạt yêu cầu trước khi đưa vào vận hành xử lý chính thức.

8. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát môi trường nước thải, nước mặt, nước ngầm, không khí và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác

9.3150
CÔNG TY
CỔ PHẦN
JOCOCEV
BINH PHƯỚC
TG - TRƯỜNG

động môi trường bổ sung đã được phê duyệt, gửi báo cáo giám sát về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chủ đầu tư phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung đã được phê duyệt và các yêu cầu trong Quyết định này. Chế độ thông tin, báo cáo phải thực hiện theo đúng qui định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung đã được phê duyệt, Chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 6. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Sở TN&MT, CCBVMT;
- UBND huyện Bù Đăng;
- Cty CP Fococov BP;
- LDVP, CV: P. SX (T90);
- Lưu: VT.

AA



Trưởng Tấn Thiệu



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án điều chỉnh công nghệ sản xuất của nhà máy chế biến tinh bột sắn, công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm và cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần FOCOCEV Bình Phước làm chủ đầu tư.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 580/TTr-STNMT ngày 25/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án điều chỉnh công nghệ sản xuất của nhà máy chế biến tinh bột sắn, công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm và cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải công suất 1.680 m³/ngày tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần FOCOCEV Bình Phước làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án.

a) Phạm vi dự án: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 452.470 m² tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

b) Quy mô dự án.

- Công suất chế biến tinh bột sắn: 24.000 tấn sản phẩm/năm

- Công suất hệ thống xử lý nước thải: 1.680 m³/ngày.



2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án.

a) Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

b) Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại phải thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn cho phép; nước thải sản xuất phát sinh từ dự án phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 63:2017/BTNMT, cột A ($k_q = 0,9$; $k_r = 1$) trước khi tái sử dụng 80% lưu lượng nước thải (trong đó: 50% tái sử dụng dùng vào mục đích sản xuất và 30% dùng để tưới cây) và 20% lưu lượng nước thải được xả thải vào suối Dak Pan Ton. Các hạng mục công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải phải thực hiện chống thấm.

c) Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phải được xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam về môi trường như sau: nồng độ bụi, các khí độc hại trong môi trường không khí xung quanh phải xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; bụi và các nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án phải xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT; tiếng ồn, độ rung trong môi trường xung quanh đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất phải đảm bảo đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung, giá trị cho phép tại nơi làm việc. Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm do mùi phát sinh từ các hoạt động của dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

d) Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt và các loại chất thải rắn khác theo đúng quy định hiện hành. Đối với chất thải nguy hại phải thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

e) Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để hạn chế tác động của bụi, mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phòng, chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ khi vận hành, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

f) Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các công trình xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu, nếu có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để kiểm tra, xử lý.

g) Thực hiện chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Thực hiện các yêu cầu tại Công văn số 40 ngày 21/6/2019 của UBND xã Đức Liễu về việc ý kiến tham vấn về Dự án điều chỉnh công nghệ sản xuất của nhà máy chế biến tinh bột sắn, công suất 80 tấn sản phẩm/ngày và cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/giờ tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 21/6/2019. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm sau đây.

1. Lập và gửi Kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại mục 2 và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

4. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận theo quy định.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án đầu tư mở rộng hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000m³/ngày kết hợp thu hồi Biogas - Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước tại ấp 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Điều 6. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Đức Liễu, Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- LĐVP, Phòng KT;
- Lưu: VT (B.Thống TNMT QĐ 113).



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02 /UBND-CNCT

Đồng Xoài, ngày 6 tháng 2 năm 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN

Công trình: Nhà xưởng chính và kho thành phẩm, nhà văn phòng, nhà máy li tâm tách nước, nhà xác định hàm lượng bột (nhà chứa bã mì), nhà bơm khu vực Nhà máy, trạm biến thế, giàn đỡ bồn dầu, tháp khí SO₂, tháp nước tinh khiết, hồ chứa nước và giàn phun mưa, bể chứa nước sạch, sân + đường nội bộ, trạm cân xe - Công ty Liên doanh Tinh bột Bình Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Công văn số: 1897/UB-KSX ngày 07/12/1998 của UBND tỉnh v/v: Chấp thuận chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình XD/CB cho các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét Tờ trình số: 96/TT-SXD ngày 31/01/2007 của Sở Xây dựng về việc Cấp giấy chứng nhận công trình cho Công ty Liên doanh Tinh bột Bình Phước.

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Công ty Liên doanh Tinh bột Bình Phước là chủ công trình Nhà máy chế biến tinh bột sắn Bình Phước gồm các hạng mục:

Nhà xưởng chính và kho thành phẩm, nhà văn phòng, nhà máy li tâm tách nước, nhà xác định hàm lượng bột (nhà chứa bã mì), nhà bơm khu vực Nhà máy, trạm biến thế, giàn đỡ bồn dầu, tháp khí SO₂, tháp nước tinh khiết, hồ chứa nước và giàn phun mưa, bể chứa nước sạch, sân + đường nội bộ, trạm cân xe.

Tọa lạc tại: QL14, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

I. Quy mô diện tích các hạng mục công trình:

Tổng diện tích xây dựng: 8.389,94 m².

1. Nhà xưởng chính và kho thành phẩm:

Nhà công nghiệp, diện tích xây dựng: 2.185,64m²

Kết cấu: Móng, nền BTCT, vì kèo thép hình, tường xây gạch + tole, mái lợp tole.

Bên trong nhà xưởng bao gồm:

Nhà văn phòng: Nhà cấp III, diện tích xây dựng: 106,14m², tổng diện tích sàn: 212,28m².

Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn bằng BTCT, nền sàn lát gạch Ceramic, tường xây gạch, cửa nhôm kính.

2. Nhà máy li tâm tách nước (nhà chứa bã mì):

Nhà công nghiệp, diện tích xây dựng: 441,62m².

Kết cấu: móng, cột, dầm BTCT; khung, kèo thép hình; nền BTCT, mái lợp tole.

ORIGINAL



3. Nhà xác định hàm lượng bột:

Nhà cấp IV; diện tích xây dựng: 118,90m².

Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn bê tông BTCT, tường xây gạch dày 200, quét vôi; cửa đi cửa sổ bằng sắt kính; trần tấm nhựa; mái lợp tole; nền lát gạch Ceramic.

4. Nhà bơm khu vực Nhà máy: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng: 38,64m².

Kết cấu: Móng, cột, tường xây gạch quét vôi; cửa sổ cửa đi bằng sắt kính; trần tấm nhựa; mái lợp tole; nền lát xi măng.

5. Trạm Biến thế: Diện tích xây dựng: 16m².

Kết cấu: móng, bằng BTCT.

6. Giàn đỡ bồn dầu: Diện tích xây dựng: 47,4m².

Kết cấu: Móng bằng BTCT, khung giàn đỡ bồn dầu bằng thép hình.

7. Tháp khí SO₂: Diện tích xây dựng: 21,16m².

Kết cấu: móng bằng BTCT; khung giàn đỡ bằng thép hình.

8. Tháp nước tinh khiết: Diện tích xây dựng: 36,19m².

Kết cấu: Móng bằng BTCT; khung đỡ bằng thép hình.

9. Hồ chứa nước và giàn phun mưa: Diện tích xây dựng: 655,36m².

Kết cấu: Móng, thành bể, khung đỡ giàn bằng BTCT.

10. Bể chứa nước sạch: Diện tích xây dựng: 144,76m².

Kết cấu: đáy bể, thành bể bằng BTCT; mái lợp tole.

11. Sân + Đường nội bộ: Diện tích xây dựng: 4.406 m².

Kết cấu: bằng bê tông M200 dày 200.

12. Trạm cân xe: Diện tích xây dựng: 172,125m².

II. Khuôn viên đất: Lô đất có diện tích 452.474m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649.QSĐĐ/UB. do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/6/2001.

III. Danh bạ: Tại Sở Xây dựng số: 060008/CN quyền 01.

IV. Giấy chứng nhận công trình: Có thời hạn theo giấy phép đầu tư và hợp đồng thuê đất.

Ghi chú: Khi có dấu tẩy xóa, viết tay thêm các nội dung thì giấy chứng nhận công trình này không có giá trị.

BẢN CẤP CHO CHỦ ĐẦU TƯ

Nơi nhận:

- CT, PCT khối SX;
- Sở Xây dựng;
- Cty Liên doanh tinh bột BP;
- LBVP, CV.KSX;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Huy Phong

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 80/2009/GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước

Địa chỉ: Xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Được phép xây dựng công trình: Hệ thống xử lý nước thải và thu khí Biogas

- Do Công ty cổ phần tư vấn & xây dựng Nhiệt Đới lập và được Trung tâm kỹ thuật Xây dựng Quảng Nam thẩm tra tại văn bản số 63/TTr - TTKTXD ngày 06/05/2009.

Gồm các nội dung sau đây:

a. Lắp đặt thiết bị hệ thống thu khí BIOGAS và phủ bạt hồ số 1 loại HDPE dày 1mm, diện tích phủ bạt 8400m²

b. Trên thửa đất có diện tích 452.474 m² (đất cơ sở sản xuất kinh doanh).

c. Cốt nền xây dựng công trình và chỉ giới xây dựng: Theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm tra.

d. Công trình xây dựng tại: Xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

e. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T01247 ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Bình Phước cấp.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn một năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn nêu trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở trang sau giấy phép này)

Đồng Xoài, ngày 23 tháng 07 năm 2009

Kí **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu phòng KT&QH XD.



Nguyễn Thanh Dũng

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.

2. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm.

3. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển tại địa điểm xây dựng theo quy định.

4. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

5. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế và đơn vị thi công công trình phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn và bền vững công trình xây dựng của mình.

6. Phải thực hiện phòng cháy chữa cháy theo đúng giấy chứng nhận số 58/TĐ-PCCC (PC23) ngày 22/06/2009 của Phòng cảnh sát PCCC Công An tỉnh Bình Phước.

7. Chủ đầu tư phải báo cáo cho cơ quan cấp giấy phép đến nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản nghiệm thu công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

Gia hạn giấy phép

1. Nội dung gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Đồng Xoài, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 12 /2008/GPXD

1. Cấp cho: Công ty Liên doanh tinh bột Bình Phước.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư: Công trình Nhà kho

a. Tổng số công trình: 01 công trình.

- Theo hồ sơ thiết kế cơ sở có các ký hiệu: KT.01/07 - KT.07/07, KC.01/03 - KC.03/03; CS1/2 - CS2/2; PCCC 1/2 - PCCC2/2.

- Do Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư CIC thiết lập và được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số /SXD-KTKT ngày / /2008.

Gồm các nội dung sau đây:

* Nhà kho (nhà cấp IV).

+ Diện tích xây dựng 966,4m²

+ Chiều cao công trình 9,5m; Số tầng: 01 tầng

+ Trên khu đất có diện tích 452.474m² (trong đó đất xây dựng 200.000 m²)

+ Cốt nền xây dựng công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu + 0.000 cao hơn mặt sân hoàn thiện là 0,2m. Chỉ giới xây dựng theo đúng mặt bằng tổng thể trong thiết kế cơ sở được thẩm định.

+ Màu sắc công trình: Tường sơn nước màu vàng nhạt.

b. Công trình xây dựng tại: Ấp 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSĐĐ/UB do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/06/2001.

4. Giấy phép này hợp thức hoá công trình vi phạm hành chính trong xây dựng xử phạt theo Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 04/12/2007 của UBND tỉnh.

(Chữ đầu tư tư ý xem những nội dung phải thực hiện ở trang sau giấy phép này).

Đồng Xoài, ngày 31 tháng 01 năm 2008

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nơi nhận:

3² Như trên.

Lưu phòng KT&QHXD.



Nguyễn Anh Khoa

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế và đơn vị thi công công trình phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn và bền vững công trình xây dựng của mình.
3. Phải phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành, để kèm theo giấy phép xây dựng này.
4. Phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi trường, phòng cháy chữa cháy theo Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 25/10/2000 của UBND tỉnh Bình Phước và công văn số 11/TĐ-PCCC (PC23) ngày 24/12 /2007 của Phòng Cảnh sát PCCC - Công an tỉnh Bình Phước.
5. Chủ đầu tư phải báo cáo cho cơ quan cấp giấy phép đến nghiệm thu hoàn thành công trình dựa vào sử dụng. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản nghiệm thu công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 94 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 314/TTr-STNMT ngày 10 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước (địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước) được khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Khai thác, sử dụng nước mặt từ suối Đak Panton.
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước cho hoạt động sản xuất chế biến tinh bột sắn thuộc Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước.
3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Nước mặt từ suối Đak Panton.
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước: Tại Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, cụ thể:
 - Vị trí hồ chứa nước và công trình hệ thống xử lý nước cấp được xây dựng tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, thuộc đất của Công ty

Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/8/2014, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 05278 (Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước đổi tên từ Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước, được xác nhận tại mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/8/2014, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 05278).

- Tọa độ vị trí trạm bơm khai thác nước tại suối Đak Panton (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°): $X=594581$; $Y=1294860$.

- Tọa độ Trạm bơm hệ thống xử lý nước cấp (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°): $X=595709$; $Y=1294727$.

5. Chế độ khai thác: 242 ngày/năm (thời gian hoạt động sản xuất từ tháng 9 năm nay đến hết tháng 04 năm sau, thời gian không hoạt động từ tháng 5 đến hết tháng 8).

6. Lượng nước khai thác, sử dụng:

- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong ngày: $600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong tháng: $18.600 \text{ m}^3/\text{tháng}$.
- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong năm: $145.200 \text{ m}^3/\text{năm}$.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Lấy nước trực tiếp từ nước mặt suối Đak Panton bằng trạm bơm nước qua đường ống dẫn nước về hồ chứa nước thô. Nước được sử dụng sau khi qua trạm xử lý nước.

8. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

3. Thực hiện các biện pháp chống xói lở bờ, bồi, lắng suối Đak Panton nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đang khai thác, sử dụng nước mặt từ suối Đak Panton.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường; nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng, lưu lượng nguồn nước và môi trường, Công ty phải báo cáo kịp thời cho các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý.

5. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của Giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện Bù Đăng;
- Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT_{BBH-37-0PKTN-14/7}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Anh Minh



GIẤY XÁC NHẬN

HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án điều chỉnh công nghệ sản xuất của nhà máy chế biến tinh bột sắn, công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm và cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.680 m³/ngày tại xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước làm chủ đầu tư

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước.
- Địa chỉ văn phòng: thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Địa điểm hoạt động: thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại: 0271.3.996175
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3800438905, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/6/2016. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án điều chỉnh công nghệ sản xuất của nhà máy chế biến tinh bột sắn, công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm và cải tạo, mở rộng hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.680 m³/ngày tại xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước làm chủ đầu tư (tài Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để Chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. *DV*

Nơi nhận:

- Công ty CP Fococov Bình Phước;
- P.TN&MT H. Bù Đăng;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Lê Hoàng Lâm



PHỤ LỤC
(Kèm theo Giấy xác nhận số **100** ngày **14** tháng **7** năm **2020**
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

I. Công trình xử lý nước thải

Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Nước mưa được thu gom vào hệ thống mương tiêu thoát nước mưa (mương hở, được xây dựng bằng gạch, kích thước 60cm x 40cm); nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng hệ thống máng xối bằng PVC, Ø114, sau đó toàn bộ lượng nước mưa sẽ thoát theo địa hình tự nhiên và tự thấm.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo đường ống nhựa PVC, Ø220 chảy về Hồ Biogas của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất được thu gom bằng hệ thống mương bê tông cốt thép có nắp đan, kích thước 280cm x 300cm. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.680 m³/ngày với quy trình: Nước rửa củ sau khi qua Bể lắng cát 1 → Bể lắng cát 2; Nước thải công nghệ → Bể lắng cát 2, sau đó tất cả nước thải → Hồ Biogas → Hồ sinh học hiếu khí 1 (hồ tùy nghi) → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sạch → Tái sử dụng 50% cho quá trình sản xuất, 30% dùng để tưới cây và 20% thải ra nhánh suối Đắk Pan Ton.

Kích thước, cấu tạo của từng hạng mục, công trình của hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Bể lắng cát 1: có kích thước: D x R x C = 8,0m x 3,6m x 0,5m, cấu tạo: bê tông cốt thép.

- Bể lắng cát 2: có kích thước: D x R x C = 12m x 7,8m x 4,0m, cấu tạo: bê tông cốt thép.

- Hồ Biogas: có kích thước: D x R x C = 100m x 80m x 4,0m, cấu tạo: taluy bờ hồ bằng bê tông, kê đá; lót và phủ bạt HDPE.

- Hồ sinh học hiếu khí 1 (hồ tùy nghi): có kích thước: D x R x C = 100m x 80m x 4,0m, cấu tạo: taluy bờ hồ bằng bê tông, kê đá; lót bạt HDPE.

- Bể keo tụ: có kích thước: D x R x C = 2,8m x 2,7m x 3,8m, cấu tạo: bê tông cốt thép.

- Bể tạo bông: có kích thước: D x R x C = 2,8m x 2,7m x 3,8m, cấu tạo: bê tông cốt thép.



- Bể lắng tròn: có kích thước: đường kính 5,0m, sâu 4,5m, cấu tạo: bê tông cốt thép.

- Bể khử trùng: có kích thước: $D \times R \times C = 5,8m \times 1,8m \times 1,7m$, cấu tạo: bê tông cốt thép.

- Hồ chứa nước sạch: có kích thước: $D \times R \times C = 11m \times 7,0m \times 2,5m$, cấu tạo: lót bạt HDPE.

- Hồ chứa bùn: có kích thước: $D \times R \times C = 10m \times 10m \times 2,5m$, cấu tạo: lót bạt HDPE.

2. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Công ty đã thực hiện đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 70.000020.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 19/11/2009. Công ty đã bố trí kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại, kho có kết cấu tường gạch, mái lợp tôn, nền bê tông (dán biển cảnh báo khu lưu trữ CTNH, thiết bị phân loại và dán mã số của từng CTNH) với diện tích khoảng $20m^2$. Chất thải nguy hại sau khi thu gom được Công ty hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng thu gom xử lý tại Hợp đồng số 209 HD/SV – 2020 ngày 01/01/2020.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty đã trang bị các thùng chứa tại khu vực văn phòng và xưởng sản xuất để lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt và hợp đồng với UBND xã Đức Liễu thu gom xử lý tại Hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt ngày 28/02/2015.

- Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất: bã mì phát sinh từ dự án được thu gom vào bao và lưu chứa tại khu vực chứa bã mì có diện tích $441,64m^2$, sau đó bán cho Doanh nghiệp tư nhân Hòa Thắng tại Hợp đồng kinh tế số 01/2019/BP-CTKD ngày 01/01/2019.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Công ty đã trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy cho Dự án.

- Trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số ~~47~~ /GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2020".

6. Yêu cầu khác:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12/2020 theo quy định tại Khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- Yêu cầu Công ty phải hoàn thiện các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của hệ thống xử lý nước thải, gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; sau khi hoàn thành, phải lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hoàn thành trước ngày 31/12/2020 theo quy định tại Khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- Yêu cầu Công ty, trong quá trình hoạt động phải thường xuyên vận hành các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo xử lý các chất thải đạt QCVN theo quy định. Nước thải phải đảm bảo xử lý đạt cột A, QCVN 63:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sẵn trước khi tái sử dụng 50% cho quá trình sản xuất, 30% dùng để tưới cây và 20% thải ra nhánh suối Đắk Pan Ton.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước ngày 06/4/2020 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 273/TTr-STNMT ngày 14/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước, địa chỉ tại thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước được xả nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột mì vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Nhánh suối Đắc Pan Ton (tên thường gọi ở địa phương là suối Nhỏ) thuộc thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải vào nhánh suối Đắc Pan Ton (VN2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15'): X :595.495; Y : 1.294.127.

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột mì sau khi qua Hệ thống xử lý nước thải theo đường ống và mương dẫn nước thải xả vào ven bờ của nhánh suối Đắc Pan Ton.



9905
TỶ
ÂN
SÂN
PHƯỚC
BÌNH

4. **Chế độ xả nước thải:** 24 giờ/ngày.đêm, 09 tháng/năm (từ đầu tháng 9 năm nay đến hết tháng 5 năm sau).

5. **Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 134 m³/ngày.đêm; 5,58 m³/giờ.

6. **Chất lượng nước thải:**

- Giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải vào nguồn nước đạt cột A của QCVN 63:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sản với hệ số $k_a = 0,9$, $k_f = 1,0$.

- Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột mì thuộc Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước được phép xả nước thải như Bảng 1:

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 63:2017/BTNMT cột A ($k_a = 0,9$; $k_f = 1,0$)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	36
6	Tổng Xianua(CN ⁻)	mg/l	0,063
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	9,0
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

7. **Thời hạn của giấy phép:** Năm (05) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước trong việc xả nước thải Nhà máy chế biến tinh bột mì vào nguồn nước:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc lưu lượng nước thải, thông số, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận nhánh suối Đắk Pan Ton; kiểm soát chất lượng môi trường theo nội dung của Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước.

3. Nghiêm túc thực hiện việc vận hành Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột mì bảo đảm xử lý nước thải đạt cột A của QCVN 63:2017/BTNMT với hệ số $k_a = 0,9$, $k_f = 1,0$ trước khi xả vào nhánh suối Đắk Pan Ton.

4. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng tại địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

5. Thực hiện điều chỉnh nội dung Giấy phép trong các trường hợp: Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải; nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý khắc phục; xảy ra các tình huống đặc biệt cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước.

6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

7. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, yêu cầu Công ty tổng hợp báo cáo tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng nước thải, thông số, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận nhánh suối Đắc Pan Ton về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước còn tiếp tục xả nước thải vào nguồn nước thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Bù Đăng;
- Công ty CP Fococev Bình Phước;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT₍₀₁₀₋₂₉₋₀₇₎


 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

 Huỳnh Anh Minh

CỘNG HÒA
 VIỆT NAM
 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 BÌNH PHƯỚC

Số: 58/TĐ-PCCC PC23

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 06/CV ngày 18/06/2009
của: Công ty Cổ phần FOCOCEV Bình Phước

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Phước Thịnh Chức danh: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHUNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ THU KHÍ BIOGAS

(2) Địa điểm: Ấp 2 - xã Đức Liễu - huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty Cổ phần FOCOCEV Bình Phước
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Nhiệt Điện
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Khoảng cách ngăn cháy, hệ thống
giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống chống sét, đường ống công nghệ, thiết bị của hệ thống xử
lý nước thải và thu khí Biogas.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) - Thi công đúng với bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về mặt PCCC và
phần đường ống công nghệ của hệ thống phải tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 2622 - 1995.
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy, trang bị tại nhà máy 02 máy bơm chữa cháy chuyên dụng gồm
01 máy bơm động cơ xăng, dầu; 01 máy bơm điện, 20 bình chữa cháy xách tay 08kg, 04 bộ nội quy tiêu lệnh;
- Các thiết bị hệ thống PCCC phải được cơ quan PCCC kiểm định chất lượng và nghiệm thu PCCC công trình
trước khi đưa công trình vào hoạt động.

Đồng Xá ngày 22 tháng 06 năm 2009

(4) TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư.
- C23 - BCA.
- Lưu PC23.



Thượng tá Phạm Văn Tuấn

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hàng mục công trình theo phương tiện giao thông cơ giới;
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký lên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 66 / STD-PCCC / PC23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
B1 theo Thông tư số 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 08/7 ngày 08/7 năm 2009
của: Cty cổ phần Fococey Bình Phước

Người đại diện là ông/ bà Nguyễn Phước Thịnh Chức danh Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHUNG NHẬN:

(2) **HỆ THỐNG CHỐNG SÉT CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEY BÌNH PHƯỚC.**

Địa điểm: xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty cổ phần Fococey Bình Phước

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty TNHH Lê Hoàng

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Kim thu sét, trụ đỡ, cáp thoát sét, bãi tiếp

địa, hộp kiểm tra điện trở

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo (2) với bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về mặt PCCC.

— Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà và công trình phải đạt về các thông số kỹ thuật theo 20TCN 46-84.
Các thiết bị hệ thống chữa cháy trên phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng và nghiệm thu
PCCC công trình theo quy định.

Nơi nhận:

Chủ đầu tư

C23 - BCA

Lưu PC23



Đồng Xà ngày 08 tháng 7 năm 20 09

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy. (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông có giá trị.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp. (4) Chức danh người thẩm duyệt (nếu có).

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 06 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC ngày 22/12/2007 của Công ty LD tỉnh bột Bình Phước.

Người đại diện: **Nguyễn Hải Sơn**

Chức danh: **Phó tổng giám đốc.**

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN:

Công trình: **NHÀ KHO.**

Địa điểm: xã Đức Liễu - huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty LD tỉnh bột Bình Phước.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH tư vấn đầu tư CIC.

Thiết kế hệ thống báo cháy: Công ty TNHH Lê Hoàng.

Đã thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, ngăn cháy, thoát nạn, cấp nước chữa cháy, chống sét, hệ thống báo cháy tự động, giao thông phục vụ chữa cháy.

- Theo các tài liệu bản vẽ: KT1/7...KT7/7; KC1/4...KC3/4; CS1/2; CS2/2; PCCC

Các yêu cầu kèm theo:

- Thi công phải đúng theo bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế PCCC.

- Trang bị 03 bình bột chữa cháy loại 35Kg, 10 bình bột chữa cháy loại 08 Kg và 02 bộ nội quy tiêu lệnh, biển cấm lửa, cấm hút thuốc.

- Tất cả các thiết bị PCCC trên phải được cơ quan Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Phước kiểm định chất lượng trước khi đưa vào lắp đặt theo quy định tại Thông tư 04/2004/TT-BCA ngày 31/03/2004.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Cảnh sát PCCC để được nghiệm thu, hướng dẫn công tác PCCC trước khi đưa công trình vào hoạt động./.

Đồng Xoài, ngày 24 tháng 12 năm 2007

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư.
- C23-BCA.
- Lưu PCCC.



Thượng tá Phạm Văn Xuân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ HOÀN CÔNG PCCC

HẠNG MỤC: NHÀ KHO THÀNH PHẨM

ĐỊA XÂY DỰNG: THÔN 2, XÃ ĐỨC LIỄU, HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CƠ SỞ PCCC THẮNG CHƯƠNG

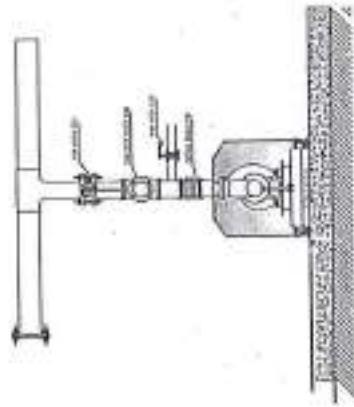
NĂM 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ HOÀN CÔNG PCCC

HẠNG MỤC: NHÀ KHO THÀNH PHẨM
ĐỊA XÂY DỰNG: THÔN 2, XÃ ĐỨC LIỄU, HUYỆN BÙ ĐẮNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CƠ SỞ PCCC THẮNG CHƯƠNG

NĂM 2019



CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY BƠM CHỮA CHÁY



ĐIỂM HÌNH LẬP ĐẬT
HÔNG CHỮ XE CHỮA CHẤY

THUYẾT MINH:

- HÉ THỐNG PCCC BƯỚC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN TCVN 2822-1:1995, TCVN 5703-1995
 - CÔNG TRÌNH ĐƯỢC LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ống CHỖC STK ĐỎ, 01 TRỤ TIẾP NƯỚC CẦU HỒA; 05 BỐ TỬ KÈM THEO DẠY NỒI VÀ LĂNG CHỜA CHÁY.
 - NGUỒN NƯỚC CHỜA CHÁY CHỦ YẾU LẤY TỪ BỂ NƯỚC DỰ TRÙ 200m³
 - NƯỚC TỰ BỂ NƯỚC CHỜA CHÁY BƯỚC BUA VÀO HÉ THỐNG CHỜA CHÁY BẮNG NÀY ĐOM CHỜA CHÁY CHUYỂN DỤNG BƠM CỖ DIESEL, Qmax= 78m³/h,
- Hình 3-6-3.5m
- TẠM BỘ HÉ THỐNG BƯƠM ống CẤP NƯỚC CHỜA CHÁY LẠM BĂNG SẮT TRẮNG KẼM, BƯƠM ống CẤP NƯỚC CHỜA CÙNG ống STK 8 60, PHẦN NỒI ĐƯỢC SƠN MÀU ĐỎ, CHIỀU CAO TỪ TẦM VAI CHỜA CHÁY ĐẾN SÀN NHÀ LÀ 1.20m.
 - ÁP LỰC ĐẦU LĂNG CHỜA PHẢI BẢO BẢO NHỎ 2 HƠNG CHỜA CHÁY ĐẠT 2.5kg/cm² 01 LĂNG HỒC CHIỀU CAO CỘT NƯỚC PHẢI ĐẠT 10M (TIA NƯỚC TẦM TỰ ĐẦU LĂNG PHỤY, LƯU LƯỢNG NƯỚC CHỜA CHÁY BÊN TRONG TÍNH CHO 2 HƠNG HOẠT BƠM ĐỒNG THỜI LÀ 2*2.5=5.0L/PHÚY
- NHÀNG TIẾP HẠNG TRẮNG PHẢI THƯỜNG XUYÊN KIỂM TRA, BÁO THÍ BỂ BẢO BẢO AN TÒAN PCCC

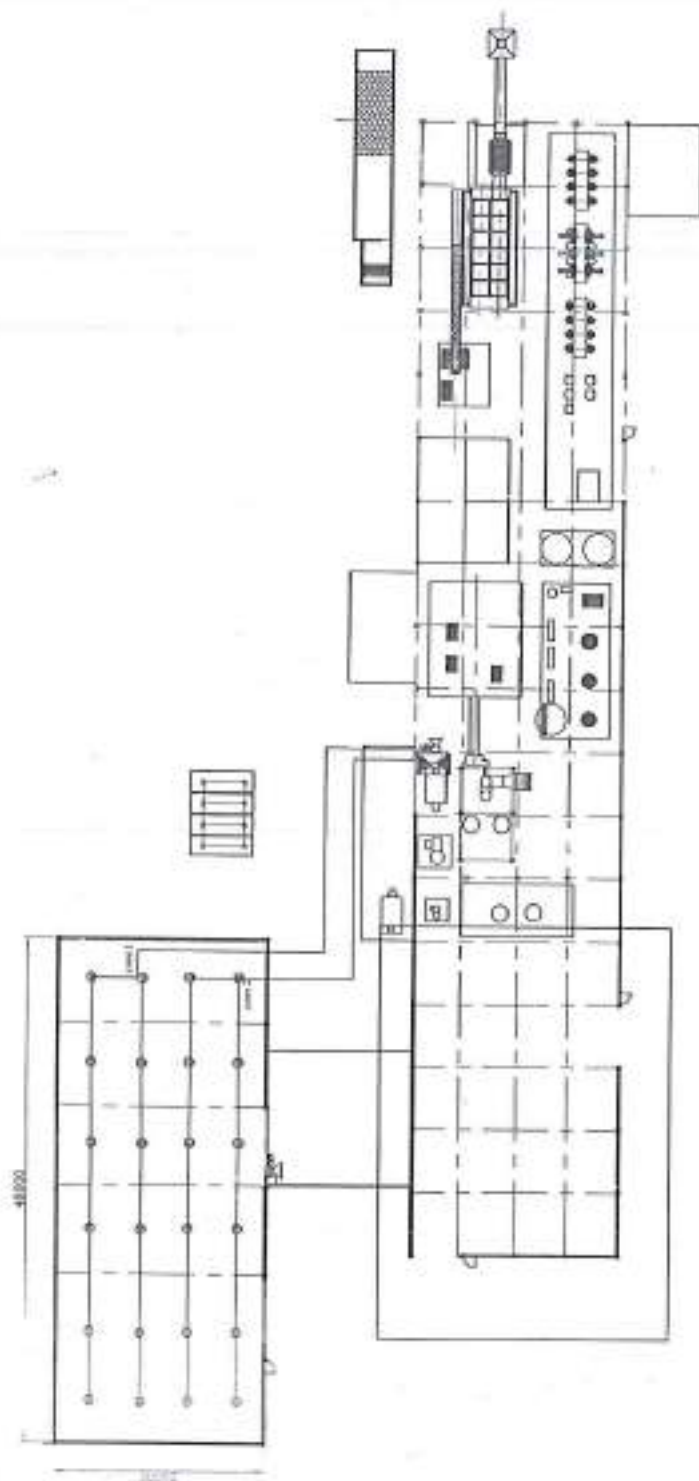
11/11/2018 10:10 AM

- Toàn bộ hệ thống buồng đốt có nước chứa cháy làm bằng sắt tráng kẽm, đường ống cấp nước chứa cháy cũng ống thép 20. Phần nối các bộ phận này đều hàn kín.

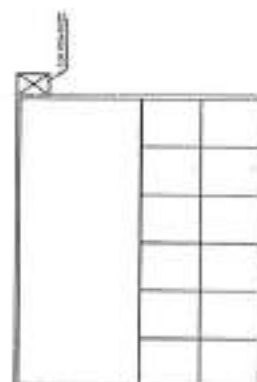
ÁP LỰC ĐẦU LĂNG PHỤN PHẢI BỀM BẢO KHÍ MỘT HOURS CHỨA CHÁY ĐÂY 2.5 Kg/cm²01 LĂNG HOẶC CHIỀU CAO CỘT NƯỚC PHẢI ĐẠT 10M (TIA NƯỚC ĐƯỢC SẠCH KHOẢNG 80, CHIỀU CAO 12 CM) VÀS PHẢI ĐƯỢC THAY ĐỔI ĐỀU ĐỀU

việc này được thực hiện theo yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành.

[illegible]

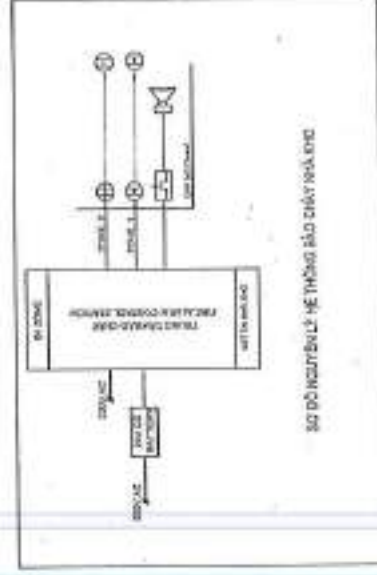


MẬT BẰNG HỆ THỐNG BẢO CHẤY TỰ ĐỘNG



Q. 101	OFFICE
Q. 102	RECEIVED
Q. 103	RECEIVED
Q. 104	RECEIVED
Q. 105	RECEIVED
Q. 106	RECEIVED
Q. 107	RECEIVED
Q. 108	RECEIVED
Q. 109	RECEIVED
Q. 110	RECEIVED
Q. 111	RECEIVED
Q. 112	RECEIVED
Q. 113	RECEIVED
Q. 114	RECEIVED
Q. 115	RECEIVED
Q. 116	RECEIVED
Q. 117	RECEIVED
Q. 118	RECEIVED
Q. 119	RECEIVED
Q. 120	RECEIVED
Q. 121	RECEIVED
Q. 122	RECEIVED
Q. 123	RECEIVED
Q. 124	RECEIVED
Q. 125	RECEIVED
Q. 126	RECEIVED
Q. 127	RECEIVED
Q. 128	RECEIVED
Q. 129	RECEIVED
Q. 130	RECEIVED
Q. 131	RECEIVED
Q. 132	RECEIVED
Q. 133	RECEIVED
Q. 134	RECEIVED
Q. 135	RECEIVED
Q. 136	RECEIVED
Q. 137	RECEIVED
Q. 138	RECEIVED
Q. 139	RECEIVED
Q. 140	RECEIVED
Q. 141	RECEIVED
Q. 142	RECEIVED
Q. 143	RECEIVED
Q. 144	RECEIVED
Q. 145	RECEIVED
Q. 146	RECEIVED
Q. 147	RECEIVED
Q. 148	RECEIVED
Q. 149	RECEIVED
Q. 150	RECEIVED
Q. 151	RECEIVED
Q. 152	RECEIVED
Q. 153	RECEIVED
Q. 154	RECEIVED
Q. 155	RECEIVED
Q. 156	RECEIVED
Q. 157	RECEIVED
Q. 158	RECEIVED
Q. 159	RECEIVED
Q. 160	RECEIVED
Q. 161	RECEIVED
Q. 162	RECEIVED
Q. 163	RECEIVED
Q. 164	RECEIVED
Q. 165	RECEIVED
Q. 166	RECEIVED
Q. 167	RECEIVED
Q. 168	RECEIVED
Q. 169	RECEIVED
Q. 170	RECEIVED
Q. 171	RECEIVED
Q. 172	RECEIVED
Q. 173	RECEIVED
Q. 174	RECEIVED
Q. 175	RECEIVED
Q. 176	RECEIVED
Q. 177	RECEIVED
Q. 178	RECEIVED
Q. 179	RECEIVED
Q. 180	RECEIVED
Q. 181	RECEIVED
Q. 182	RECEIVED
Q. 183	RECEIVED
Q. 184	RECEIVED
Q. 185	RECEIVED
Q. 186	RECEIVED
Q. 187	RECEIVED
Q. 188	RECEIVED
Q. 189	RECEIVED
Q. 190	RECEIVED
Q. 191	RECEIVED
Q. 192	RECEIVED
Q. 193	RECEIVED
Q. 194	RECEIVED
Q. 195	RECEIVED
Q. 196	RECEIVED
Q. 197	RECEIVED
Q. 198	RECEIVED
Q. 199	RECEIVED
Q. 200	RECEIVED

the authors hope to put in the open literature what they have learned from their study. They will be publishing a book on the subject in the near future.



GHI CHÚ:	
	TRUNG TÂM BÁO CHÁY
	BẦU BÁO NHỊT
	MŨT NHẤN KHẨN
	CÒI BÁO CHÁY

THUYẾT MINH BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG:

- * Hệ thống báo cháy tự động được thiết kế theo TCVN 5738:2000
- * Hệ thống gồm 24 đầu dò nhiệt; 02 cặp nút ấn khẩn - còi báo cháy
- Các nút ấn được lắp đặt tại các lối đi, cách sàn 1,25m
- * Hệ thống sử dụng trung tâm báo cháy loại 04 kênh lắp đặt tại nhà kho. Trung tâm sử dụng nguồn điện AC 220 và nguồn DC 24v từ bình ACQUY đảm bảo hoạt động được 12h tiếp theo nếu có sự cố mất nguồn điện Quốc gia.

- * Dây tín hiệu của hệ thống sử dụng dây lõi đồng 2x0.75 mm2 được luồn trong ống nhựa đi riêng biệt với nguồn điện động lực để loại trừ khả năng nhiễu tín gây báo cháy giả.



STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CHỮ CHỮA
1	TRẦN VĂN A	TRƯỞNG	
2	NGUYỄN VĂN B	PHÓ TRƯỞNG	
3	NGUYỄN VĂN C	THÀNH VIÊN	
4	NGUYỄN VĂN D	THÀNH VIÊN	
5	NGUYỄN VĂN E	THÀNH VIÊN	
6	NGUYỄN VĂN F	THÀNH VIÊN	
7	NGUYỄN VĂN G	THÀNH VIÊN	
8	NGUYỄN VĂN H	THÀNH VIÊN	
9	NGUYỄN VĂN I	THÀNH VIÊN	
10	NGUYỄN VĂN J	THÀNH VIÊN	

CƠ SỞ PCCC THƯƠNG CHUÔNG
75/1 Đinh Bộ Lĩnh - 25/10 - Bình Thạnh
MST: 0308876000

Số: *105* /NT- PC07

Bình Phước, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước

Theo đề nghị tại văn bản về việc nghiệm thu Phòng cháy và chữa cháy của Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước lập ngày 25/9/2019; hồ sơ nghiệm thu của Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước đồng ý việc nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy của Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước đối với công trình Hệ thống Phòng cháy và chữa cháy kho thành phẩm nhà máy tinh bột mì FOCOCEV xây dựng tại thôn 2 xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo các nội dung sau: hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động.

Để đảm bảo an toàn Phòng cháy và chữa cháy cho công trình trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 – Đ2.



Thượng tá Nguyễn Văn Vĩnh

BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy công trình
Hệ thống Phòng cháy và chữa cháy tại nhà máy sản xuất tinh bột mì FOCOCEV
Bình Phước

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại nhà máy sản xuất tinh bột mì
thuộc Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước

Địa chỉ: thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Bình Phước:

- | | | |
|-------------------------|--------------------|------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Vịnh | Cấp bậc: Thượng tá | Chức vụ: Trưởng Phòng. |
| 2. Ông: Lê Văn Tuấn | Cấp bậc: Thượng úy | Chức vụ: Cán bộ |
| 3. Ông: Hồ Sỹ Huân | Cấp bậc: Thượng úy | Chức vụ: Cán bộ |

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy đối với công
trình Hệ thống Phòng cháy và chữa cháy lắp đặt tại hạng mục nhà kho thành phẩm
thuộc nhà máy sản xuất tinh bột mì FOCOCEV Bình Phước với sự tham gia các đơn vị:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước

- Bà: Nguyễn Thị Minh Hải Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Đại diện đơn vị thi công PCCC: Cơ sở PCCC Thăng Chương

- Ông: Nguyễn Hùng Kiên Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu :

- Nội dung và tính pháp lý của hồ sơ nghiệm thu về Phòng cháy và chữa
cháy do chủ đầu tư chuẩn bị gồm:

1. Văn bản đề nghị nghiệm thu PCCC của Chủ đầu tư.
2. Biên bản Bàn giao và nghiệm thu hệ thống PCCC giữa chủ đầu tư và đơn
vị thi công.
3. Hồ sơ hoàn công công trình
4. Biên bản kiểm tra khối lượng giữa đơn vị thi công và chủ đầu tư
5. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 11/TD-PCCC ngày 24/12/2007
do Phòng Cảnh sát PCCC cấp.

6. Tài liệu, chứng chỉ kỹ thuật thiết bị PCCC.

7. Quy trình hướng dẫn sử dụng thiết bị PCCC.

- Các văn bản và hồ sơ nêu trên đều có chữ ký, đóng dấu của chủ đầu tư và
các đơn vị liên quan, đảm bảo tính pháp lý theo quy định

II. Nội dung nghiệm thu:

Nghiệm thu thực tế hoạt động của các hệ thống PCCC đã lắp đặt tại công trình gồm: Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, bình chữa cháy, hệ thống chống sét đánh thẳng.

III. Kiểm tra thực tế công trình.

1. Kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường:

- Công trình lắp đặt gồm: 01 trụ tiếp nước chữa cháy ngoài nhà, 05 họng nước chữa cháy vách tường; 05 tủ chữa cháy, bên trong mỗi tủ trang bị 01 cuộn vòi B, 01 lăng B, 01 van khóa. Họng nước cao 1,25m so với sàn. Vị trí các họng được bố trí tại hành lang, cầu thang.

- Hệ thống đường ống lắp đặt bằng loại sắt tráng kẽm, đường kính lần lượt D60 và nối với 01 máy bơm chữa cháy động cơ Diesel có lưu lượng $Q = 27 - 78 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 89,5 - 71,7 \text{ m.c.n}$

- Nguồn nước chữa cháy lấy từ bể nước chữa cháy có khối tích khoảng 200m^3 .

- Thử nghiệm phun nước tại vị trí xa nhất so với máy bơm, hệ thống hoạt động bình thường, đường ống kín, lưu lượng nước đầu lăng, bán kính tia nước đặc đạt yêu cầu theo quy định.

2. Kiểm tra hệ thống báo cháy tự động:

Công trình lắp đặt hệ thống báo cháy cho nhà kho gồm: Trung tâm báo cháy loại 04 kênh; 24 đầu báo nhiệt; 02 tổ hợp nút - chuông báo cháy tại các lối đi, các vị trí dễ quan sát thấy.

- Kiểm tra thực tế hoạt động của hệ thống báo cháy tại cháy cho nhà kho bằng phương pháp thử nhiệt đầu báo nhiệt và nhấn nút báo, hệ thống có tín hiệu báo cháy và hoạt động bình thường.

IV. Kết luận:

Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt, trang bị hoàn chỉnh, tại thời điểm kiểm tra, các phương tiện hoạt động bình thường.

V. Kiến nghị:

1. Đơn vị thi công hệ thống PCCC cung cấp quy trình và hướng dẫn thực tế cách sử dụng cho đơn vị sử dụng.

2. Chủ đầu tư phải đưa các hệ thống PCCC đã được nghiệm thu vào phục vụ cho công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và có chế độ bảo quản, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

3. Cơ sở phải tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho đội PCCC cơ sở định kỳ hàng năm theo quy định

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút, cùng ngày gồm 04 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ**



Nguyễn Thị Minh Hải

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG**

Nguyễn Hùng Kiên

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG CS.PCCC&CNCH**

Thượng tá Nguyễn Văn Vịnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
BÀN GIAO CÔNG TRÌNH PCCC

Công trình: Kho thành phẩm

Địa điểm: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Bình Phước

Hạng mục: Cung cấp, lắp đặt trọn gói hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động.

Hôm nay, ngày 10 tháng 03 năm 2019 tại Kho thành phẩm thuộc Công ty CP FOCOCEV Bình Phước, chúng tôi gồm:

Bên nhận (bên A): Công ty CP FOCOCEV Bình Phước

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Bình Phước

Đại diện Ông (bà): Nguyễn Thị Minh Hải Chức vụ: P. Giám đốc

Ông (bà): Vũ Đức Thọ Chức vụ: TL. KTS

Bên giao (bên B): Cơ sở PCCC Thăng Chương

Địa chỉ: 75/1, Đinh Bộ Lĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh

Đại diện Ông: Nguyễn Hùng Kiên Chức vụ: Kỹ thuật

Hai bên tiến hành kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc tại công trình như sau:

I. Khối lượng công việc đã thực hiện được chấp nhận nghiệm thu:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường: Lắp đặt hệ thống chữa cháy vách tường gồm 01 họng chờ tiếp nước cứu hỏa, 01 Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel, 05 tủ chữa cháy trong nhà, van khoá D50, lăng vòi chữa cháy. Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy STK Ø60 được đấu nối theo đúng vị trí cần thiết đảm bảo kỹ thuật.

- Hệ thống báo cháy tự động: Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm 01 tủ trung tâm báo cháy 4 zone, 24 đầu dò nhiệt, 2 còi báo cháy, 2 nút nhấn khẩn được lắp đặt theo đúng vị trí cần thiết đảm bảo kỹ thuật.

II. Kết luận:

Qua kiểm tra thực tế, bên B đã thi công lắp đặt xong các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho bên A đúng theo sự thỏa thuận của hai bên, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Qua test thử hệ thống hoạt động bình thường.

Biên bản gồm có 01 (một) trang được lập thành 02 (hai) bản. Mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau. Biên bản đã được thông qua cho mọi người nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây.



Nguyễn Thị Minh Hải

- Hệ thống báo cháy HĐ BT

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hùng Kiên

Số: 105/NT-PC07

Bình Phước, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước

Theo đề nghị tại văn bản về việc nghiệm thu Phòng cháy và chữa cháy của Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước lập ngày 25/9/2019; hồ sơ nghiệm thu của Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước đồng ý việc nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy của Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước đối với công trình Hệ thống Phòng cháy và chữa cháy kho thành phẩm nhà máy tinh bột mì FOCOCEV xây dựng tại thôn 2 xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo các nội dung sau: hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động.

Để đảm bảo an toàn Phòng cháy và chữa cháy cho công trình trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty cổ phần FOCOCEV Bình Phước thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật có liên quan.
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 – Đ2.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Vĩnh

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19099000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bù Đăng - Số TK: 5606201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TEA

Số (No): 137525

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trụ T278 Tuyến 473 Bù Đăng

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01030005543

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	558	-	1.209.186
	(kèm theo bảng kê số 1371545440 ngày 02 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.209.186
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			96.735
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.305.921
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu ba trăm linh năm nghìn chín trăm hai mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/04/2024 11:08:28



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bù Đăng - Số TK: 5605201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K34TEA

Số (No): 154316

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trạ 301/02 Tuyến 473 Bù Đăng

Mã khách hàng (Customer's Code): PB0103000509

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/03/2024 (hàm thua bằng kê số 1371581832 ngày 02 tháng 04 năm 2024)	kWh	15.944	-	25,422.401
Cộng tiền hàng (Total amount):					25.422.401
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.033.792
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			27.456.193
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn một trăm chín mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Được ký tại: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/04/2024 16:25:42



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bà Đông - Số TK: 5606201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bán thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TEA

Số (No): 154500

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trạ 289/02 - Trạ Tin bột mì - tuyến 473 BD

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01030010549

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 16/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	79.924	-	109.514,62
	(kèm theo bảng kê số 1371566025 ngày 02 tháng 04 năm 2024)				
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					109.514,62
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.761,17
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			118.275,79
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/04/2024 16:20:37



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19005000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bà Đăng - Số TK: 5606201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TEA

Số (No): 111174

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH ĐỘT SẢN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trụ 289/02 - Trạm Tin bột mì - huyện 473 BD

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01030010949

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 15/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1364837505 ngày 19 tháng 03 năm 2024)	kWh	213.189	-	341.712.769
Cộng tiền hàng (Total amount):					341.712.769
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			27.337.022
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			369.049.791
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm sáu mươi chín triệu không trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 19/03/2024 - 13:13:06

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bù Đăng - Số TK: 5606201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TEA

Số (No): 110740

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trụ 301/02 Tuyến 473 Bù Đăng

Mã khách hàng (Customer's Code): P901030005509

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1361356268 ngày 02 tháng 03 năm 2024)	kWh	26.165	-	48.545.980
Cộng tiền hàng (Total amount):					48.545.980
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.883.678
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			52.429.658
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Đơn vị bán: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/03/2024 10:41:42



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiền Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bà Đăng - Số TK: 5606201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TEA

Số (No): 110987

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trạ 289/02 - Trạ 289/02 - Trạ 289/02 - Trạ 289/02

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01030010949

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 16/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1361355861 ngày 02 tháng 03 năm 2024)	kWh	102.289	-	178.462.771
Cộng tiền hàng (Total amount):					178.462.771
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 14.277.022
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 192.739.793
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/03/2024 10:12:34

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001005 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bù Đăng - Số TK: 5605201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TEA

Số (No): 67954

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trạ 289/02 - Trạm Tín bột mì - tuyến 473 BĐ

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01030010949

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 15/02/2024	kWh	60.111	-	98.214.252
	(kèm theo bảng kê số 1354916300 ngày 22 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					98.214.252
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.857.140
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 106.071.392
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh sáu triệu không trăm bảy mươi một nghìn ba trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 22/02/2024 15:05:23



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bà Đồng - Số TK: 5606201000032 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TEA

Số (No): 67928

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax code): 3800438905

Địa chỉ (Address): Trú 289/02 - Trạm Tin bột mì - tuyến 473 BD

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01030010949

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 16/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1349712753 ngày 02 tháng 02 năm 2024)	kWh	313.644	-	553.767.844
Tổng tiền hàng (Total amount):					553.767.844
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 44.301.428
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 598.069.272
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm chín mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Đã ký: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/02/2024 10:53:37

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số : 01/2022/BP-LTH

- Căn cứ Bộ Luật dân sự và Luật thương mại ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật khác có liên quan của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ vào khả năng như cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 24/01/2022, chúng tôi gồm :

Bên bán: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC (Bên A)**
Địa chỉ: Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước
Điện thoại: 02713.558.589
Tài khoản: 0271 000 735 839 NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Quảng Ngãi
Mã số thuế: 3800438905
Đại diện: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Chức vụ : Giám đốc
Bên mua: **HỢP DOANH LÊ TỰ HẢO (Bên B)**
Địa chỉ: Thôn Thanh Quýt, Xã Điện Thắng Trung, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại:
Tài khoản: 4219205034963 Agribank Bắc Điện Bàn- Quảng Nam.
Mã số thuế: 4000822889
Đại diện: Ông **LÊ TỰ HẢO** - Chức vụ : CHỦ HỘ

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản, điều kiện sau :

Điều I : Bên A bán cho bên B hàng hoá, số lượng, giá cả :

- Một hàng: Bã sậy khô
- Số lượng: Theo thực tế phát sinh
- Đơn giá: 2.500 đồng/kg

Điều II : Chất lượng, qui cách, đóng gói

- Chất lượng : mới 100%, sản xuất vụ 2022-2023
- + Độ ẩm : 13 % max
- + Bã sậy có màu trắng ngà, không vón cục, không mốc, không chua, không lẫn tạp chất, không côn trùng sống, không cháy.
- Đóng gói: Đóng trong bao PP(màu xanh).
- Chất lượng của mỗi chuyến hàng sẽ được kiểm chứng tại bên mua theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên. Nếu có sai khác về chất lượng so với ký kết hợp đồng, bên bán phải chịu trách nhiệm đối hàng cho bên mua và chịu chi phí phát sinh như vận chuyển, bốc xếp,...

Điều III : Phương thức và thời gian giao nhận

- Thời gian giao hàng : Hàng được giao lên phương tiện của bên mua tại kho bên bán.
- Địa điểm giao hàng: Thôn 2 Xã Đức Liễu Bù Đăng Bình Phước.
- Phương thức giao nhận : Cân xe, đếm đầu bao và/hoặc cân xác xuất một số bao.

Điều IV : Phương thức và thời gian thanh toán

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều V : Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thi hành đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, bên nào tự ý vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho bên kia.
- Bất cứ sự thay đổi, bổ sung nào cho hợp đồng này đều được lập thành văn bản và được hai bên xác nhận bằng phụ lục hợp đồng mới có giá trị thực hiện.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hợp đồng được ký qua fax và có giá trị như bản chính, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý sau 15 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành các nghĩa vụ.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Hải

LÊ TỰ HẢO
ĐẠI DIỆN BÊN MUA
MST: 4000822889
Thanh Quýt 3, Điện Thắng Trung, Điện Bàn, QN

Lê Tự Hào

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số : 01/2023/BP

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ theo Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào khả năng nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 01/01/2023, chúng tôi gồm :

Bên bán: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC (Bên A)**

Địa chỉ: Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 02713.558.589

Tài khoản: 0271 000 735 839 NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Quảng Ngãi

Mã số thuế: 3800438905

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

- Chức vụ : Giám đốc

Bên mua: **BÀ PHAN THỊ OANH**

Địa chỉ: Phú Riềng, Đồng Xoài, Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại: 0352.821.1797

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản, điều kiện sau :

Điều I : Bên A bán cho bên B hàng hoá, số lượng, giá cả :

- Mặt hàng: Bã sắn tươi
- Số lượng dự kiến: Theo thời vụ
- Đơn giá: 10,47619 đồng/kg.

Điều II : Chất lượng, qui cách, đóng gói

- Chất lượng: Mới
- Đóng gói: Xúc theo xe, theo đợt theo phương tiện của bên mua.

Điều III : Phương thức và thời gian giao nhận

- Thời gian giao hàng : Theo thực tế phát sinh
- Địa điểm giao hàng: Kho Công ty Cổ Phần Tinh Bột Sắn Bình Phước.(Thôn 2 Xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng Tỉnh Bình Phước)
- Phương thức giao nhận : Theo xe,

Điều IV : Phương thức và thời gian thanh toán.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/ Chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi giao hàng và hóa đơn GTGT.

Điều V : Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thi hành đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, bên nào tự ý vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho bên kia.
- Bất cứ sự thay đổi, bổ sung nào cho hợp đồng này đều được lập thành văn bản và được hai bên xác nhận bằng phụ lục hợp đồng mới có giá trị thực hiện.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hợp đồng được ký qua fax và có giá trị như bản chính, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thành lập từ ngày 01/01/2023 kể từ ngày hai bên hoàn thành các nghĩa vụ.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Hải

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

[Handwritten signature]
phạm Thị oanh

3800
CÓ
CỔ
TINH
BÌNH
ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 22/UBND/TBBL-2023

Hôm nay, ngày 22 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A (Đại diện đơn vị vận chuyển rác thải)

UBND xã Đức Liễu

Địa chỉ: Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 06513997022;

Fax: 0651.3997022

Tài khoản:Ngân hàng: Agribank Đức Liễu, Bình Phước

Đại diện: Ông Hoàng Trọng Bình - Chức vụ: PCT.UBND xã

Bên B (Đại diện đơn vị có rác thải sinh hoạt cần vận chuyển)

Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước

Địa chỉ : Thôn 2 – Xã Đức Liễu – Huyện Bù Đăng – Tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 0271.559.589 Fax:

Tài khoản số : 5608201000115 Ngân hàng: Agribank Đức Liễu, Bình Phước

Mã số thuế : 3800438905

Đại diện bà : Nguyễn Thị Minh Hải Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nhận vận chuyển tiêu hủy rác thải sinh hoạt

Số lần 03 ngày một lần. Trọng lượng rác thải 200 - 300 kg/lần

Lệ phí tiêu hủy 500.000 đồng/tháng

Điều 2 : Địa điểm vận chuyển và tiêu hủy chất thải

- Địa điểm vận chuyển:
- Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Phước
- Địa chỉ: Thôn 2 – Xã Đức Liễu – Huyện Bù Đăng – Tỉnh Bình Phước
- Địa điểm tiêu hủy:
- Bãi rác Xã Đức Liễu – Huyện Bù Đăng – Tỉnh Bình Phước

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Quyền của bên A..
- Yêu cầu của bên B tập kết rác tại một điểm.



- Được bên B trả phí theo hợp đồng đã ký

2. Nghĩa vụ của bên A

- Bên A phải có phương tiện chứa rác và vận chuyển rác đúng theo quy định về thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Quyền của bên B: Yêu cầu bên A vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng hợp đồng đã ký.

2. Nghĩa vụ bên B

- Tập kết rác tại một điểm

- Trả đủ lệ phí vận chuyển rác cho bên A vào các ngày 30 hàng tháng

- Hình thức thanh toán lệ phí tiền mặt

- Tôn trọng chấp hành các quy định của bên A và các quy định khác về bảo đảm an toàn xử lý rác thải.

Điều 5: Trách nhiệm vi phạm hợp đồng

1. Bên nào vi phạm hợp đồng, thì phải trả cho bên vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra.

2. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt 50% giá trị phần tổng lệ phí đã ký hợp đồng.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp hợp đồng

- Nếu có vấn đề gì bất lợi các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực giải quyết trên cơ sở thỏa thuận bình đẳng cùng có lợi.

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có hiệu lực kể từ ký ngày 22 tháng 03 năm 2023.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Trọng Bình

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Hải

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 0616/2023/CGQ

- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 16/03/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,
Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2023 tại văn phòng Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
- VP đại diện : 29/5 Nguyễn Văn Quà, KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TP.HCM
- Điện thoại : 0769 000 769 - Fax :
- Mã số thuế : 3800743345
- Tài khoản : 6282 8888 9999 Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Phú Nhuận, TP.HCM
- Đại diện : Ông **LÊ VĂN TÙNG** - Chức vụ : **PHÓ GIÁM ĐỐC**

Sau đây gọi tắt là *Bên A*

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC

- Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : - Fax :
- Mã số thuế : 3800438905
- Tài khoản :
- Đại diện : **NGUYỄN THỊ MINH HẢI** - Chức vụ : **GIÁM ĐỐC**

Sau đây gọi tắt là *Bên B*



Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại theo những điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ

- Bên A nhận xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại (sau đây gọi tắt là Chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên B.
- Địa điểm tiếp nhận: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

ĐIỀU II: ĐƠN GIÁ, DANH MỤC CHẤT THẢI VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá: 12.000.000vnd/năm (Mười hai triệu đồng/năm). Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Danh mục chất thải nguy hại được xử lý bao gồm:

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VND/KG)
1	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	Giá khoán trọn một năm là mười hai triệu đồng.
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	16 01 06	Rắn	
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	
5	Bao bì cứng thải	18 01 03	Rắn	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	

Ghi chú:

- Tần suất thu gom: 01 lần/ năm
- Đơn giá vận chuyển và xử lý: Giá được khoán trọn 01 năm là 12.000.000vnd (mười hai triệu đồng) chưa bao gồm VAT, tương ứng với khối lượng CTNH tối đa là 500kg/ năm theo danh mục CTNH được liệt kê trong khoản 2.2 của hợp đồng này. Trong trường hợp nếu khối lượng CTNH vượt quá khối lượng tối đa là 500kg thì bên

A sẽ phải thanh toán chi phí thu gom - vận chuyển- xử lý CTNH cho bên B với khối lượng tương ứng và đơn giá đồng nhất là 8.000vnd/kg chưa bao gồm thuế VAT.

2.3. Phương thức thanh toán:

- Bên B sẽ phải thanh toán chi phí thu gom - vận chuyển- xử lý CTNH cho bên A trong vòng 07 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực
- Bên B thực hiện thanh toán theo hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt bằng tiền đồng Việt Nam cho bên A trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn .
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất giá trị gia tăng bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1. Trách nhiệm bên A

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên A phải cung cấp cho Bên B bản sao giấy phép kinh doanh; giấy phép vận chuyển CTNH; giấy phép xử lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- Bên A thu gom chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
- Bên A bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên B.
- Phối hợp cùng bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Chất thải sau khi dỡ ra khỏi cổng bên B thì bên A phải chịu mọi trách nhiệm về mặt pháp lý của pháp luật hiện hành.
- Bên A chịu trách nhiệm xác nhận và hoàn trả các liên chứng từ chất thải cho bên B, sau khi hoàn thành việc xử lý theo đúng quy định và mẫu chứng từ hiện hành của Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành.

3.2. Trách nhiệm bên B

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin.

- Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải, chất thải phải được để riêng biệt, không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng, không được rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên và mã số chất thải theo quy định pháp luật hiện hành. Thiết bị lưu trữ chất thải do bên B chịu trách nhiệm. Khi thu gom bên A không hoàn trả lại thiết bị lưu trữ.
- Khi có nhu cầu thu gom, xử lý. Bên B thông báo trước cho bên A ít nhất là 48 giờ qua mail hoặc điện thoại (trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).
- Bên B tạo điều kiện cho bên A trong quá trình thu gom chất thải, hỗ trợ phương tiện nâng hàng lên xe tải của bên A (nếu có).
- Không giao cho bên A các loại chất thải ngoài danh mục trong hợp đồng đã thỏa thuận.
- Phối hợp cùng bên A trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Trong thời gian hiệu lực hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác thu gom, xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu vi phạm bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A.
- Cam kết thanh toán đầy đủ cho bên A như trong khoản 2.3 của điều 2.
- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán phí cho bên A thì bên B phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt theo lãi suất cho vay của Ngân Hàng Nhà Nước tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU IV: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2024 và được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hai bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản của hợp đồng.
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày.
- Nếu một trong hai bên muốn điều chỉnh nội dung hợp đồng này thì cần có sự đồng ý của hai bên và sẽ được thể hiện vào PLHD.

ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa

thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân TPHCM để giải quyết. Phán xét của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa hai bên (nếu có).



NGUYỄN THỊ MINH HẢI



LÊ VĂN TÙNG

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: TBSBP/01/2024/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT: 0769 000 769

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐT: 0769 000 769

2.Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Tinh Bột Sắn Bình Phước

Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Thôn 2, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thôn 2, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

ĐT:

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	27	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	x			16 01 06	15	Nghiên PT, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	115	TC Dầu nhớt
4	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	61	TĐ, HR
5	Bao bì cứng thải	x			18 01 03	117	Súc rửa, TC
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	140	TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); DX(Đông xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-004.26

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Châu Tuấn

Ký: 

Ngày: 30/05/2024

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký: 

Ngày: 

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Phước, ngày 30 tháng 05 năm 2024



Nguyễn Thị Minh Hải

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Phước, ngày 05 tháng 06 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Hùng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1□-2□-3□-4□

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI		Số: TBSBP/01/2024/1-2-3-4-5-6.053.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý				Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX			
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước				ĐT: 0769 000 769			
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước				ĐT: 0769 000 769			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: _____				Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): _____			
Địa chỉ văn phòng: _____				ĐT: _____			
Địa chỉ cơ sở: _____				ĐT: _____			
3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Tinh Bột Sắn Bình Phước				Mã số QLCTNH (nếu có): _____			
Địa chỉ văn phòng: Thôn 2, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước				ĐT: _____			
Địa chỉ cơ sở: Thôn 2, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước				ĐT: _____			
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	27	TD, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	x			16 01 06	15	Nghiền PT, HR
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	115	TC Dầu nhớt
4	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	61	TD, HR
5	Bao bì cứng thải	x			18 01 03	117	Súc rửa, TC
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	140	TD, HR
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TD(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Có lắp/dóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu: _____		Cửa khẩu nhập: _____			
Số hiệu phương tiện: _____		Ngày xuất cảng: _____		Cửa khẩu xuất: _____			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-004.26	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Châu Tuấn							
Ký: _____ Ngày: 30/05/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:							
Ký: _____ Ngày: _____							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Phước, ngày 30 tháng 05 năm 2024				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bình Phước, ngày tháng năm 2024			
 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				_____ (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			

Bảng dữ liệu an toàn vật liệu

Sodium metabisulfite

Phần 1 - Nhận dạng Sản phẩm Hóa chất và Công ty

Tên MSDS: Natri metabisulfite Số danh mục: 30051

Từ đồng nghĩa: Natri pyrosulfite;

Dinatri disulfite; Axit pyrosulfurous, muối dinatri; Natri metabisulfite; Dinatri pyrosulfite.

Nhận dạng công ty:

Cửa hàng hóa chất Inc. (www.ChemicalStore.com)

1059 Đại lộ chính,

Clifton, NJ 07011

Để biết thông tin, hãy gọi: 973-485-6248 Số

khẩn cấp: 973-420-4972 Để được hỗ trợ

CHEMTREC, hãy gọi: 800-424-9300 Để được hỗ trợ CHEMTREC

quốc tế, hãy gọi: 703-527-3887

Phần 2 - Thành Phần, Thông Tin Về Thành Phần

CAS#	Tên hóa học	Phần trăm	EINECS/ELIMCS
7081-57-4	Sodium metabisulfite	>97	231-673-0

Phần 3 - Xác định mối nguy hiểm

Tổng quan về tình trạng khẩn cấp

Ngoại hình: chất rắn màu trắng đến vàng.

Sự nguy hiểm: Có thể gây dị ứng hô hấp và phản ứng da. Có thể gây kích ứng mắt nghiêm trọng và có thể bị thương. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây kích ứng da và dị ứng hô hấp. Tiếp xúc với axit giải phóng khí độc, sulfur dioxide. Bị oxy hóa chậm thành sunfat khi tiếp xúc với không khí và độ ẩm. Ăn mòn nhôm trong dung dịch nước.

Các cơ quan đích: Hệ hô hấp, mắt, da.

Ảnh hưởng sức khỏe tiềm năng

Mắt: Có thể gây kích ứng mắt nghiêm trọng và có thể bị thương.

Da: Có thể gây kích ứng da. Có thể có hại nếu được hấp thụ qua da. Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở một số cá nhân.

Nuốt phải: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa với buồn nôn, nôn và tiêu chảy. Có lẽ

có hại nếu nuốt phải. Các hợp chất sulfite có thể gây ra phản ứng dị ứng nghiêm trọng ở những người nhạy cảm và một số bệnh nhân hen. Natri metabisulfite được sử dụng làm chất bảo quản trong giấm để gây ra bệnh hen suyễn nghiêm trọng ở một phụ nữ 67 tuổi ăn salad với nước sốt làm từ giấm. (Tài liệu ACGIH của TLV)

Hít phải: Có thể gây phản ứng dị ứng hô hấp. Có thể gây ra tác dụng tự động tự như mù tả khi nuốt phải. Hít phải bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp.

Mặn tính: Tiếp xúc với da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại có thể gây viêm da. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.

Phần 4 - Các biện pháp sơ cứu

Mắt: Trong trường hợp tiếp xúc, rửa mắt ngay với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Cần cấp cứu ngay.

Da: Trong trường hợp tiếp xúc, rửa sạch da với nhiều nước. Cởi quần áo và giấy dính dính chất độc. Nhận trợ giúp y tế nếu tình trạng kích ứng phát triển và kéo dài. Giặt quần áo trước khi tái sử dụng.

Nuốt phải: Nếu nuốt phải, không gây nôn trừ khi nhân viên y tế chỉ dẫn làm như vậy. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vào miệng của một người đã bất tỉnh. Nhận trợ giúp y tế.

Hít phải: Nếu hít phải, đưa ra nơi có không khí trong lành. Nếu không thở, hãy hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nhận trợ giúp y tế.

Lưu ý cho bác sĩ: Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Phần 5 - Các biện pháp chữa cháy

Thông tin chung: Nếu trong bất kỳ đám cháy nào, hãy đeo thiết bị thở độc lập theo yêu cầu áp suất. MSDS/MSDS (đã được phê duyệt hoặc tự động đủ) và trang bị bảo hộ đầy đủ. Trong khi cháy, các khí khó chịu và có độc tính cao có thể được tạo ra do quá trình phân hủy nhiệt hoặc đốt cháy. Chất không cháy được.

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng sử dụng nước, hóa chất khô, carbon dioxide hoặc bột thông thường.

Điểm chớp cháy: Không áp dụng.

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không áp dụng.

Giới hạn nổ, Thấp hơn: Không có sẵn.

Trên: Không có sẵn.

Xếp hạng NFPA: (Ước tính) Sức khỏe: 3; Tính dễ cháy: 0; Tính không ổn định: 0

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn

Thông tin chung: Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp như được nêu trong Phần 8.

Trần/Mô ri: Mút bụi hoặc quét sạch vật liệu và cho vào thùng chứa thích hợp.

Dọn sạch vết tràn ngay lập tức, tuân thủ các biện pháp phòng ngừa trong phần Thiết bị bảo hộ.

Tránh tạo ra điều kiện bụi bẩn. Cung cấp thông gió.

Phần 7: X H lý và bảo quản

xử lý: Rửa kỹ sau khi xử lý. Cởi bỏ quần áo bẩn và rửa sạch trước khi sử dụng lại. Sử dụng với thông gió đầy đủ. Giảm thiểu phát bụi và tích lũy. Đeo kín thùng chừa. Tránh hít bụi. Đứng vào trong mắt. Tránh tiếp xúc với da và quần áo.

Bảo quản: Bảo quản trong hộp đầy kín. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa các chất không tương thích. Tránh xa axit mạnh. Không lưu trữ trong hộp nhôm. Bảo quản tránh ẩm. Tránh xa các tác nhân oxy hóa.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Kiểm soát kỹ thuật: Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này phải được trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn. Sử dụng hệ thống thông gió chung hoặc cục bộ đầy đủ để giữ nồng độ trong không khí dưới giới hạn phơi nhiễm cho phép.

Giới hạn phơi nhiễm

Tên hóa học	ACGIH	NIOSH	OSHA - PEL cuối cùng
Natri metabisulfite 5 mg/m ³	TMA	5 mg/m ³ TWA 2	Không được liệt kê
Lưu huỳnh đioxit	2 phần triệu TWA; 5 phần triệu STEL	phần triệu TWA; 5 mg/m ³ TWA 100 trang/phút IDLH	5 trang/phút TWA; 13 mg/m ³ TMA

OSHA ĐO lường PEL: Natri metabisulfite: 5 mg/m³ TWA Sulfur dioxide: 2 ppm TWA; 5 mg/m³ TWA Thiết bị bảo hộ cá nhân

Mặt: Đeo kính bảo hộ thích hợp hoặc kính bảo hộ an toàn hóa chất như được mô tả trong các quy định bảo vệ mắt và mặt của OSHA trong 29 CFR 1910.133 hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu EN166.

Da: Đeo găng tay bảo hộ thích hợp để tránh tiếp xúc với da.

Quần áo: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp để tránh tiếp xúc với da.

Mặt nạ phòng độc: Tuân theo các quy định về mặt nạ phòng độc của OSHA có trong 29 CFR 1910.134 hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu EN 149. Sử dụng mặt nạ phòng độc NIOSH/MSHA hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu EN 149 đã được phê duyệt nếu vượt quá giới hạn phơi nhiễm hoặc nếu bị kích ứng hoặc có các triệu chứng khác.

Phần 9 - Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý: Chất rắn

Màu ngoài: Màu trắng đến màu vàng nâu

Mùi sulfur dioxide pH: axit trong

đung môi áp suất

hơi: Không có sẵn.

Nhiệt độ hơi: Không có sẵn.

Tỷ lệ bay hơi: Không có sẵn.

Bộ nhớt: Không có sẵn.

Điểm sôi: Không có sẵn.

Điểm đóng băng/nóng chảy: 150 độ C Nhiệt độ phân

hủy: 150 độ C Độ hòa tan: Hòa tan.

Trọng lượng/Mật độ riêng: 1,4

Công thức phân tử: $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$ Trọng

lượng phân tử: 198,11

Phần 10 - Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học: Ổn định ở nhiệt độ và áp suất bình thường. Bị oxy hóa chậm thành sunfat khi tiếp xúc với không khí và độ ẩm.

Các điều kiện cần tránh: Tạo bụi, hơi ẩm, tiếp xúc với không khí, nhiệt độ quá cao, Ăn mòn nhôm trong dung dịch nước.

Không tương thích với các vật liệu khác: Chất oxy hóa mạnh, axit.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Oxit lưu huỳnh, khối độc hại của natri oxit.

Sự trùng hợp nguy hiểm: Chưa được báo cáo.

Phần 11 - Thông tin về độc tính

RTECS#:

CAS# 7681-57-4: 008225000

CAS# 7446-89-5: W54558000

LD50/LC50:

CAS#7681-57-4:

Đa, chuột lang: LD50 = >1 gm/kg;

Thử nghiệm Draize, thỏ, mắt: 180 mg/24h Nhẹ;

Thử nghiệm Draize, thỏ, da: 500 mg;

Dường miệng, chuột: LD50 = 1131 mg/kg;

Đa, chuột: LD50 = >2 gm/kg;

CAS#7446-89-5:

Thử nghiệm Draize, thỏ, mắt: 6 ppm/320 Nhẹ;

Hít phải, chuột: LC50 = 3000 ppm/30M;

Hít phải, chuột: LC50 = 2520 ppm/1H;

Hít phải, chuột: LC50 = 2160 mg/m³;

Tính gây ung thư:

CAS# 7681-57-4: Không được ACGIH, IARC, NTP hoặc CA Prop 65 liệt kê.

CAS# 7446-89-5: Không được ACGIH, IARC, NTP hoặc CA Prop 65 liệt kê.

Dịch tế học: Hai trường hợp mắc bệnh hen suyễn nghề nghiệp ở công nhân giặt ủi tiếp xúc với natri metabisulfite đã được báo cáo. Natri metabisulfite có thể được coi là anhydrit của natri bisulfite và là thành phần chính của natri bisulfite khó thương mại.

Tính gây quái thai: Không tìm thấy thông tin

Tác dụng sinh sản: Xem mục thực tế trong RTECS để biết thông tin đầy đủ.

Khả năng gây đột biến: Xem mục thực tế trong RTECS để biết thông tin đầy đủ.

Độc tính thần kinh: Không tìm thấy thông tin Các

nghiên cứu khác:

Phần 12: Thông tin về sinh thái

Không có thông tin có sẵn.

Phần 13 cần nhắc xử lý

Người tạo ra chất thải hóa học phải xác định xem hóa chất thải bỏ có được phân loại là chất thải nguy hại hay không. Hướng dẫn của EPA Hoa Kỳ về xác định phân loại được liệt kê trong 40 CFR Phần 261.3. Ngoài ra, người tạo ra chất thải phải tham khảo các quy định về chất thải nguy hại của tiểu bang và địa phương để đảm bảo phân loại đầy đủ và chính xác.

RCRA P-Series: Không được liệt kê.

RCRA U-Series: Không có trong danh sách.

Phần 14 - Thông tin vận chuyển

	DOT Hoa Kỳ	TCG Canada
Tên vận chuyển:	Không quy định	Không quy định
Nhóm sự cố:		
Số UN:		
Nhóm đóng gói:		

Phần 15 - Thông tin quy định

LIÊN BANG MỸ

Quy định của EPA:

Phân loại chất thải nguy hại RCRA (40 CFR 261): Không được liệt kê

Mã số chất thải nguy hại RCRA (40 CFR 261): Không được liệt kê

Chất nguy hiểm CERCLA (40 CFR 302.4):

Số lượng báo cáo CERCLA (RQ): N/A

TSCA

CAS#7681-57-4 được liệt kê trong danh sách TSCA.

CAS#7446-09-5 được liệt kê trong danh sách TSCA.

Danh sách Báo cáo Sức khỏe & An toàn

Không có hóa chất nào nằm trong Danh sách Báo cáo An toàn & Sức khỏe.

Quy tắc kiểm tra hóa học

Không có hóa chất nào trong sản phẩm này tuân theo Quy tắc kiểm tra hóa học.

Mục 12b

Không có hóa chất nào được liệt kê trong TSCA Phần 12b.

Quy tắc sử dụng môi đăng ký của TSCA

Không có hóa chất nào trong vật liệu này có SNUR theo TSCA.

Các chất độc hại CERCLA và RQ tương ứng

Không có hóa chất nào trong vật liệu này có RQ.

SARA Mục 302 Các chất cực kỳ nguy hiểm

CAS# 7446-09-5: M8 SARA TPQ 580 lb

CAS# 87681-57-4: ngay lập tức.

CAS# 87446-09-5: giải phóng áp lực ngay lập tức, đột ngột.

Mục 313 Không có hóa chất nào phải báo cáo theo Mục 313.

Vật liệu này không chứa bất kỳ chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm nào.

Vật liệu này không chứa bất kỳ chất làm suy giảm tầng Ozon Loại 1 nào.

Vật liệu này không chứa bất kỳ chất làm suy giảm tầng Ozon Loại 2 nào.

Đạo Luật Nước sạch:

Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê là chất nguy hiểm theo CWA.

Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê là chất gây ô nhiễm ưu tiên theo CWA.

Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê là chất gây ô nhiễm độc hại theo CWA.

OSHA:

CAS# 7446-09-5 được OSHA coi là có mức độ nguy hiểm cao.

TÍNH TRẠNG

CAS# 7681-57-4 có thể được tìm thấy trong danh sách quyền được biết của tiểu bang sau: California, New Jersey,

Pennsylvania, Minnesota, Massachusetts.

CAS# 7446-09-5 có thể được tìm thấy trong các danh sách quyền được biết của tiểu bang sau đây: California, New Jersey,

Pennsylvania, Minnesota, Massachusetts.

Dự Luật California 65

California Không có mức rủi ro đáng kể: Không có hóa chất nào trong sản phẩm này được liệt kê.

Quy định Châu Âu/Quốc tế

Chỉ nhân Châu Âu theo Chỉ thị của EC

Biểu tượng nguy hiểm:

Cụm

từ rủi ro H:

R 22 Có hại nếu nuốt phải.

R 31 Tiếp xúc với axit giải phóng khí độc.

R 41 Nguy cơ gây tổn thương môi trường.

Cụm từ an toàn:

S 26 Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa ngay với nhiều nước và tìm tư vấn y tế.

S 39 Mang thiết bị bảo vệ mắt/mặt.

S 45 Nếu nuốt phải, hãy tìm tư vấn y tế ngay lập tức và đưa ra cho xem hộp đựng hoặc nhãn hiệu này.

MSD (Nguy hiểm và sức khỏe/bảo vệ)

CAS# 7681-57-4: 1 CAS#

7446-09-5: 1 Canada - DSL/

MSL

CAS# 7681-57-4 được liệt kê trong Danh sách DSL của Canada.

CAS# 7446-09-5 được liệt kê trong Danh sách DSL của Canada.

Canada - WHMIS

Sản phẩm này có phân loại WHMIS là D2B.

Sản phẩm này đã được phân loại theo tiêu chí nguy hiểm của Quy định về Sản phẩm được Kiểm soát và MSDS chứa tất cả thông tin theo yêu cầu của các quy định đó.

Danh sách tiết lộ thành phần của Canada

CAS#7681-57-4 được liệt kê trong Danh sách Tiết lộ Thành phần của Canada.

CAS# 7446-89-5 được liệt kê trong Danh sách Tiết lộ Thành phần của Canada.

Phần 16 - Thông tin bổ sung

Ngày tạo MSDS: 27/7/2005

Sửa đổi số 2 Ngày: 15/2/2010

Thông tin trên được cho là chính xác và thể hiện thông tin tốt nhất hiện có cho chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi không bảo đảm về khả năng hàn được hoặc bất kỳ bảo đảm nào khác, rõ ràng hay ngụ ý, đối với thông tin đó và chúng tôi không chịu trách nhiệm pháp lý phát sinh từ việc sử dụng thông tin đó. Người dùng nên tự điều tra để xác định tính phù hợp của thông tin cho các mục đích cụ thể của mình. Trong mọi trường hợp, Chemical Store sẽ không chịu trách nhiệm về mọi khiếu nại, tổn thất hoặc thiệt hại của bất kỳ bên thứ ba nào hoặc về lợi nhuận bị mất hoặc bất kỳ thiệt hại đặc biệt, gián tiếp, ngẫu nhiên, do hậu quả hoặc mang tính gượng ép nào, dù phát sinh như thế nào, ngay cả khi Chemical Store đã được thông báo về khả năng đó. về những thiệt hại như vậy.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
 Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
 Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 24/KQTN/2022/02 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 05/05/2022

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Ngày lấy mẫu : 28/04/2022
4. Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
6. Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn
7. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Khu vực cổng công ty (X: 11°42'29"; Y: 107°07'46")	34,1	68,7	0,8	46,2
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Khu vực gần hồ sinh học (X: 11°42'16"; Y: 107°07'48")	33,7	65,1	1,2	49,3
Khu vực gần hồ Biogas (X: 11°42'21"; Y: 107°07'45")	33,1	64,6	1,2	48,5
Khu vực mài vò (X: 11°42'21"; Y: 107°07'46")	32,3	67,2	0,2	45,1
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤ 85
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2017/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
 Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đẳng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
 Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 24/KQTN/2022/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

05/05/2022

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Ngày lấy mẫu : 28/04/2022 Thời gian thử nghiệm: 28/04 – 01/05/2022
4. Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
6. Loại mẫu : Không khí
7. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	H ₂ S (mg/m ³)
Khu vực cổng công ty (X: 11°42'29"; Y: 107°07'46")	0,14	0,062	0,067	6,12	-
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30	-
Khu vực gần hồ sinh học (X: 11°42'16"; Y: 107°07'48")	0,28	0,065	0,075	6,62	1,31
Khu vực gần hồ Biogas (X: 11°42'21"; Y: 107°07'45")	0,31	0,061	0,072	6,59	1,79
Khu vực mài vó (X: 11°42'21"; Y: 107°07'46")	0,32	0,064	0,069	6,51	1,65
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 15
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	MASA 701:1989

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THỦY NHUNG



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
 Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đông, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
 Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 24/KQTN/2022/02 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 05/05/2022

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Ngày lấy mẫu : 28/04/2022 Thời gian thử nghiệm: 28/04 – 03/05/2022
4. Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
6. Loại mẫu : Nước thải
7. Ký hiệu và mô tả mẫu : NT01: Nước thải đầu vào HTXL (X: 11°42'16"; Y: 107°07'49")
 NT02: Nước thải đầu ra HTXL (X: 11°42'11"; Y: 107°07'41")
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1:
 Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 TCVN 5999 : 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
 TCVN 6663-3 : 2008 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

9. Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 63:2017/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01	NT02		
1.	pH	-	6,12	6,71	6 – 9	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	125	48	54	TCVN 6625:2000
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	112	70	108	SMEWW 5220C:2017
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	53	28	32,4	TCVN 6001-1: 2008
5.	Tổng Nitơ	mg/L	36,1	27,3	54	TCVN 6638:2000
6.	Tổng phosphor (tính theo P)	mg/L	16,4	3,2	10,8	SMEWW 4500-P. B&D:2017
7.	Sắt (Fe)	mg/L	1,05	0,65	-	TCVN 6177 : 1996
8.	Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH MDL=0,007	KPH MDL=0,007	0,076	TCVN 6181 : 1996
9.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	5,47	0,49	10,8	SMEWW 5520B&F:2017
10.	Tổng Coliform	MPN /100mL	44x10 ³	21x10 ³	3.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 63:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải chế biến tinh bột sắn.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến tinh bột sắn khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

K_q=0,9 ứng với lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải Q ≤ 50m³/s

K_f=1,2 ứng với lưu lượng nguồn thải F ≤ 50m³/24h

KPH: Không phát hiện

MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THUY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
 Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Dương, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
 Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 24/KQTN/2022/02 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 05/05/2022

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Ngày lấy mẫu : 28/04/2022 Thời gian thử nghiệm: 28/04 - 03/05/2022
4. Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
6. Loại mẫu : Nước mặt
7. Ký hiệu và mô tả mẫu : NM01: Nước mặt suối Đak Pan Ton, cách điểm xả thải 250m (X: 11°42'29"; Y: 107°07'14")
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 TCVN 5994 : 1995 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu ở ao hồ tự nhiên và nhân tạo.
 TCVN 6663-6 : 2008- Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu sông và suối.
 TCVN 6663-3 : 2008 - Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

9. Kết quả đo đạc, phân tích :

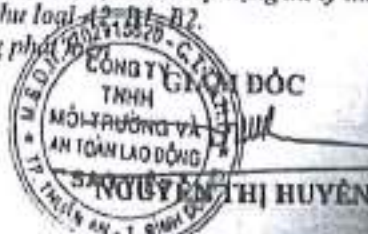
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT Cột A ₁	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM01		
1	pH	-	7,03	6 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	25	-	TCVN 6224 : 1996
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	9	10	SMEWW 5220C:2017
4	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	14	250	TCVN 6194:1996
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	KHP MDL=0,005	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	0,89	2	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017
7	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	KPH MDL=0,007	0,005	TCVN 6181 : 1996
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,45	0,5	TCVN 6177:1996
9	Tổng Coliform	MPN /100mL	21x10 ³	2.500	TCVN 6187 - 2:2009

Ghi chú:

- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
- Cột A₁: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo vệ động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2-B1-B2.
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THUY NHUNG





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
 Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: 028.6660477 Email: ntdaiphu@gmail.com
 Website: giamSATmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 07804/2022/PKQ (22.5568)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC**
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC - Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước**
- Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí xung quanh**
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
22.5568.K.03	Khu vực cổng Công ty	X=1294967, Y=595649

- Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 01/11/2022
- Ngày trả kết quả/ Returning results date: 08/11/2022
- Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN Không khí xung quanh
				22.5568.K.03	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32,8	-
2	Độ ẩm ^(a)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	68,2	-
3	Tốc độ gió ^(a)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,3	-
4	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,2	70 ⁽¹⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	128	300 ⁽²⁾
6	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	64	200 ⁽²⁾
7	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	59	350 ⁽²⁾
8	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-HI 6	< 9.000	30.000 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, Lưu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
- (2): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ngày 08 tháng 11 năm 2022

ĐOÀN THỊ THÚY

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
- Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/05/09

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/03/2021

Trang/ Page No: 1/1



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamSATmoitruong.com.vn

Mã số/Ref. No: 07806-1.KLV/2022/PKQ (22.5568)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC**
2. Địa điểm lấy mẫu/
Sampling location: **CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC - Thôn 2,
xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí môi trường làm việc**

Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
22.5568.KLV.02	Khu vực gần hồ biogas	X=1294524, Y=595735
22.5568.KLV.03	Khu vực mái vò	X=1294952, Y=595743
22.5568.KLV.04	Khu vực gần hồ sinh học	X=1294538, Y=595731

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 01/11/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 08/11/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			STEL
				22.5568. KLV.02	22.5568. KLV.03	22.5568. KLV.04	
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,153	0,204	0,16	8 ⁽¹⁾
2	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,072	0,082	0,077	10 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,089	0,095	0,091	10 ⁽²⁾
4	H ₂ S	mg/m ³	MASA 701	<0,015	KPH (MDL=0,005)	<0,015	15 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	SOP-H16	< 9	< 9	< 9	40 ⁽²⁾
6	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,9	31,3	31,5	16 + 32 ⁽³⁾
7	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	63,8	64,1	64,7	40 + 80 ⁽³⁾
8	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6	0,2	0,8	0,2 + 1,5 ⁽³⁾
9	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	50,4	78,8	54,2	85 ⁽⁴⁾
10	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	ASTN	316	ASTN	300 ⁽³⁾

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample.

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company.

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamSATmokitruong.com.vn

Chú thích/ Remarks:

1. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
2. (1) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
3. (2) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
4. (3) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khuẩn - Giá trị cho phép vi khuẩn tại nơi làm việc
5. (4) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
6. (5) QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

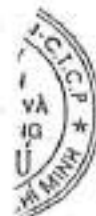
NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

GIÁM ĐỐC



ĐOÀN THỊ THÙY



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/DM108

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 2/2



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamsatmointruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 07805/2022/PKQ (22.5568)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC - Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
22.5568.NT.02	Nước thải đầu vào	X=1294520, Y=595732
22.5568.NT.03	Nước thải đầu ra sau HTXLNT	X=1294522, Y=595740

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 01/11/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 08/11/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 63:2017/BTNMT Cột A - Quy định giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến tinh bột sắn khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (Cơ sở đang hoạt động)
				22.5568. NT.02	22.5568. NT.03	
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,36	7,17	6 ÷ 9
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	49	<15	50
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	1.328	19	100
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	650	8	30
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	32,5	10,6	50
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	24,07	0,08	10
7	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	9,02	0,6	-
8	CN ^(a,b)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	0,07
9	Coliform ^(a,b)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	14x10 ³	790	3.000

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Địa chỉ: TTCL-H/BNM08

Lần ben hành: 01

Ngày ben hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamساتmoitruong.com.vn



10	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	-
----	------------------------------------	------	-----------------------	------------------	------------------	---

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

ĐOÀN THỊ THỦY



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-14/HM08

Ấn bản hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page Số: 2/2



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 07806/2022/PKQ (22.5568)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC - Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Loại mẫu/ Type of sample: Nước mặt
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
22.5568.NM.01	Nước mặt tại Suối đak pa ton cách điểm xá 250m	X=1294733, Y=595712

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 01/11/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 08/11/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 08- MT:2015/ BTNMT
				22.5568.NM.01	Cột A1 ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,08	6 ÷ 8,5
2	Độ cứng tổng số ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	42	-
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	13	10
4	NO ₂ ⁻ (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017	0,08	0,05
5	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	0,27	2
6	Fe ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	1,04	0,5
7	CN ^(a,b)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,003)	0,05
8	Cl ^(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996	42,5	250
9	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	23	2.500

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM03

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamtamoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Chú thích: Remarks:

- (a) Thông số đã được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (b) Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả không phát hiện (<NEDL)/ Not detected
NEDL: Không quy định
- (1) Cột A: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng số lý thuyết tương đương), báo cáo động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A, B và B;

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022



ĐOÀN THỊ THÙY





CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
 Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP Bình Đông, P Bình Hòa, TP Thuận An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
 Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 00791/2023/KQTN/05 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 16/12/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Ngày lấy mẫu : 09/12/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí xung quanh
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ ⁽¹⁾ (°C)	Độ ẩm ⁽¹⁾ (%)	Tốc độ gió ⁽¹⁾ (m/s)	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)
Khu vực cổng công ty (X: 11.707963°; Y: 107.129222°)	33,1	67,9	0,6	63,2
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	NO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	CO ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	H ₂ S ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)
Khu vực cổng công ty (X: 11.707963°; Y: 107.129222°)	0,18	0,062	0,066	5,79	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30	≤ 0,042
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	MASA 701:1989

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên nền thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
 Địa chỉ: 48/2A Đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đông, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274.166.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
 Website: www.motmongsamict.vn



Số: 00791/2023/KQTN/05 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 16/12/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Ngày lấy mẫu : 09/12/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực mái vò (X: 11.7064293°; Y: 107.1295175°)	30,6	66,8	0,4	78,9	512
Khu vực gần hồ Biogas (X: 11.514329°; Y: 106.821362°)	31,3	67,2	0,6	74,5	455
Khu vực gần hồ sinh học (X: 11.7036213°; Y: 107.1297143°)	31,4	67,4	0,5	73,8	449
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m³)	NO ₂ (mg/m³)	SO ₂ (mg/m³)	CO (mg/m³)	H ₂ S (mg/m³)
Khu vực mái vò	0,42	0,064	0,071	5,89	KPH
Khu vực gần hồ Biogas	0,36	0,068	0,078	6,04	KPH
Khu vực gần hồ sinh học	0,35	0,069	0,081	6,11	KPH
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 15
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	MASA 701:1989

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 30 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Chữ ký)

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 45/2A đường Bình Hòa B3, KP Bình Dương, P. Bình Hòa, TP Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 00791/2023/KQTN/05 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 16/12/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC
- 2 Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- 3 Ngày lấy mẫu : 09/12/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 231209.11NT01. Nước thải đầu vào trước HTXLNT
(X: 11.7059037°; Y: 107.1299180°)
231209.11NT02. Nước thải đầu ra sau HTXLNT
(X: 11.7059037°; Y: 107.1299185°)
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 63:2017/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			231209.11 NT01	231209.11 NT02		
1.	pH ⁽¹⁾	-	6,54	7,01	6 – 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	155	35	50	TCVN 6625:2000
3.	COD ⁽¹⁾	mg/L	240	62	100	SMEWW 5220C:2017
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	126	20	30	TCVN 6001-1:2008
5.	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	mg/L	72,5	14,8	50	TCVN 6638:2000
6.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	14,2	2,65	10	SMEWW 4500-P. B&D:2017
7.	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	1,12	0,22	-	TCVN 6177:1996
8.	Xianua (CN) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,007	KPH MDL=0,007	0,07	TCVN 6181 : 1996
9.	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	8,4	2,9	-	SMEWW 5520B&F:2017
10.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	4,2×10 ⁴	3,9×10 ³	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 63:2017/ BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn
- Cột A Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến tinh bột sắn khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Signature)

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



Số: 00791/2023/MKQTN/05

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

16/12/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
3. Ngày lấy mẫu : 09/12/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Nước mặt
6. Ký hiệu và mô tả mẫu : 231209.11NM01. Nước mặt tại thác Pán Tuong (X: 11.708084°; Y: 107.120501°)
7. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5994: 1995 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu ở ao hồ tự nhiên và nhân tạo.
TCVN 6663-6: 2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu sông và suối.
TCVN 6663-3: 2016 - Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 - Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8. Kết quả đo đạc, phân tích :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT Mức B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			231209.11 NM01		
1	pH ⁽¹⁾	-	6,75	6 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ⁽¹⁾	mg/L	76,2	-	TCVN 6224 : 1996
3	COD ⁽¹⁾	mg/L	10	15	SMEWW 5220C:2017
4	Clorua (Cl) ⁽¹⁾	mg/L	18,2	250	TCVN 6194:1996
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,005	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ⁽¹⁾	mg/L	0,98	-	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017
7	Xyanua (CN) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,007	0,01	TCVN 6181 : 1996
8	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	0,12	0,5	TCVN 6177:1996
9	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN/100mL	2,3×10 ³	5.000	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo:

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 08: 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
- Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Signature)



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

NGUYỄN THỊ HUỖN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 21 tháng 11 năm 2017

BIÊN BẢN

BẢN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC KHI THI CÔNG

Công trình: Hệ thống xử lý nước thải hồ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

Địa điểm xây dựng: Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; công trình: Hệ thống xử lý nước thải hồ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước được Chủ đầu tư phê duyệt.

Hôm nay, tại công trường Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước, chúng tôi gồm có:

1. Chủ đầu tư Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước (Bên Giao)

Bà: Nguyễn Thị Minh Hải

Chức vụ: Phó Giám đốc

Ông: Trần Đức Thắng

Chức vụ: Cán bộ Giám sát

2. Nhà thầu: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trường Trường Sơn (Bên Nhận)

Ông: Phạm Phú Hoàng

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh

Chức vụ: Chỉ huy công trường

Cùng tiến hành kiểm tra mặt bằng công trình và thống nhất giao nhận: mốc, vị trí, cao độ chuẩn và mặt bằng thi công để đơn vị thi công tiến hành định vị và thi công công trình, cụ thể:

1. Mốc vị trí:

Mốc vị trí nền móng và vị trí cột

2. Cao độ chuẩn:

Cao độ chuẩn nền móng và vị trí cột

3. Mặt bằng thi công:

Mặt bằng thi công (phần nền móng và vị trí cột)

4. Kết luận

Đã thống nhất và tiến hành thi công

Thành phần tham gia bản giao



Nguyễn Thị Minh Hải

NHÀ THẦU THI CÔNG



Phạm Phú Hoàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 11 tháng 11 năm 2017

**BIÊN BẢN
NGHIỆM THU VẬT LIỆU TRƯỚC KHI THI CÔNG**

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

Địa điểm xây dựng : Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

I. Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu chủng loại vật tư trước khi thi công

II. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

1. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước

Bà: Nguyễn Thị Minh Hải

Chức vụ : Phó Giám đốc

Ông: Trần Đức Thắng

Chức vụ : Cán bộ Giám sát

2. Nhà thầu: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trường Trường Sơn

Ông: Phạm Phú Hoàng

Chức vụ : Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh

Chức vụ : Chủ huy công trường

III. Thời gian và địa điểm nghiệm thu

Bắt đầu: 9 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 11 năm 2017

Kết thúc: 11 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 11 năm 2017

Địa điểm: Tại công trường Nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

IV. Nội dung kiểm tra

STT	Tên và quy cách vật liệu xây dựng	Yêu cầu kỹ thuật (Đạt / Không đạt)	Ghi chú
1	Cát xây tô	Đạt	
2	Đá 1x2	Đạt	
3	Xi măng PC40	Đạt	
4	Gạch thẻ 4x8x18cm	Đạt	
7	Thép xây dựng	Đạt	

V. Đánh giá công việc thực hiện

1. Chất lượng vật tư đưa vào sử dụng:

Đạt yêu cầu

2. Ý kiến khác

VI. Kết luận

Đạt yêu cầu



Nguyễn Thị Minh Hải

Thành phần tham gia nghiệm thu

NHÀ THẦU THI CÔNG



Phạm Phú Hoàng

CÔNG TY TNHH TM DV
TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 01 năm 2018

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Kính gửi : DD Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐ-XD ngày 02/11/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước và Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn V/v : Giao nhận thầu thi công xây dựng công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Căn cứ vào điều kiện và năng lực thực tế tại công trình đang thi công . Nay nhà thầu thi công chúng tôi kính mời đại diện Chủ đầu tư là : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước đến tại công trình để tham gia kiểm tra và nghiệm thu với nội dung như sau :

- Công việc xây dựng được nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

- Thuộc hạng mục : Bể thu nước T1

- Công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Thời gian : Vào lúc . . . giờ . . . ngày . . . tháng . . . năm 2018

- Địa điểm : Tại công trình đang thi công thuộc Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Vì vậy rất mong đại diện của Quý cơ quan sắp xếp thời gian và công việc tiến hành đến công trình nghiệm thu phần việc của hạng mục công trình trên để Công ty chúng tôi cho triển khai các phần việc tiếp theo của công trình

CÔNG TY TNHH TM DV TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận :

- Như trên.



Phạm Phú Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày / tháng / năm 2018

BIÊN BẢN SỐ :

NGHIỆM THU NỘI BỘ CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococav Bình Phước

Hạng mục : Bể thu nước T1

Địa điểm xây dựng : Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu :

Ông: Phạm Phú Hoàng Chức vụ : Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh Chức vụ : KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

3.1. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : giờ / ngày / tháng / năm 2018

Kết thúc : giờ / ngày / tháng / năm 2018

3.2. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc đã thực hiện :

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu :

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

+ Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng : TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012..

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Chất lượng bộ phận công trình thi công xây dựng :

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (Nếu có) : Không

5. Kết luận :

+ Chấp nhận nghiệm thu

+ Đồng ý cho nên Căn bộ giám sát Chủ đầu tư nghiệm thu công việc nêu trên



Phạm Phú Hoàng

KT Thi công trực tiếp

Nguyễn Phong Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 12 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ: 81/1

NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

Hạng mục:

Bể thu nước T1

Địa điểm xây dựng:

Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư:

Ông: Trần Đức Thắng

Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước

Chức vụ: Cán bộ giám sát

b. Đại diện Nhà thầu Thi công:

Ông: Nguyễn Phong Vinh

Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn

Chức vụ: KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

a. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 17 giờ 12 ngày 12 tháng 12 năm 2018

Kết thúc: 11 giờ 12 ngày 12 tháng 12 năm 2018

b. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.
- + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...
- + Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017
- + Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng
- + Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- + Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.
- + Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Về chất lượng công việc xây dựng:

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (nếu có): Không

5. Kết luận:

- + Chấp nhận nghiệm thu công việc xây dựng nêu trên.
- + Đồng ý cho đơn vị thi công triển khai công việc tiếp theo

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

Trần Đức Thắng

Nguyễn Phong Vinh

CÔNG TY TNHH TM DV
TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày . . . tháng . . . năm 2018

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Kính gửi : DD Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐ-XD ngày 02/11/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước và Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn V/v : Giao nhận thầu thi công xây dựng công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

- Căn cứ vào điều kiện và năng lực thực tế tại công trình đang thi công . Nay nhà thầu thi công chúng tôi kính mời đại diện Chủ đầu tư là : Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước đến tại công trình để tham gia kiểm tra và nghiệm thu với nội dung như sau :

- Công việc xây dựng được nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

- Thuộc hạng mục : Bể keo tụ, tạo bông

- Công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

- Thời gian : Vào lúc . . . giờ . . . ngày . . . tháng . . . năm 2018

- Địa điểm : Tại công trình đang thi công thuộc Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Vì vậy rất mong đại diện của Quý cơ quan sắp xếp thời gian và công việc tiến hành đến công trình nghiệm thu phần việc của hạng mục công trình trên để Công ty chúng tôi cho triển khai các phần việc tiếp theo của công trình

CÔNG TY TNHH TM DV TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận :

- Như trên.



Phạm Phú Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 17 tháng 12 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ 12/2018

NGHIỆM THU NỘI BỘ CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

Hạng mục: Bể keo tụ, tạo bông

Địa điểm xây dựng: Thôn 2 - Xã Đức Lễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

Ông: Phạm Phú Hoàng Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh Chức vụ: KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

3.1. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 17 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2018

Kết thúc: 18 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2018

3.2. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc đã thực hiện:

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.
- + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Chất lượng bộ phận công trình thi công xây dựng:

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (Nếu có): Không

5. Kết luận:

+ Chấp nhận nghiệm thu

+ Đồng ý cho mọi Cán bộ giám sát Chủ đầu tư nghiệm thu công việc nêu trên



Phạm Phú Hoàng

KT Thi công trực tiếp

Nguyễn Phong Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 17 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ: 01/2018

NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

Hạng mục:

Bể keo tụ, tạo bông

Địa điểm xây dựng:

Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư:

Ông: Trần Đức Thắng

Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước

b. Đại diện Nhà thầu Thi công:

Ông: Nguyễn Phong Vinh

Chức vụ: Cán bộ giám sát

Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn

Chức vụ: KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

a. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 17 giờ ngày 17 tháng 7 năm 2018

Kết thúc: 18 giờ ngày 17 tháng 7 năm 2018

b. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.
- + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Về chất lượng công việc xây dựng:

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (nếu có): Không

5. Kết luận:

+ Chấp nhận nghiệm thu công việc xây dựng nêu trên.

+ Đồng ý cho đơn vị thi công triển khai công việc tiếp theo

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

Trần Đức Thắng

Nguyễn Phong Vinh

CÔNG TY TNHH TM DV
TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày ... tháng ... năm 2018

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Kính gửi : DD Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐ-XD ngày 02/11/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước và Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn V/v : Giao nhận thầu thi công xây dựng công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Căn cứ vào điều kiện và năng lực thực tế tại công trình đang thi công . Nay nhà thầu thi công chúng tôi kính mời đại diện Chủ đầu tư là : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước đến tại công trình để tham gia kiểm tra và nghiệm thu với nội dung như sau :

- Công việc xây dựng được nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

- Thuộc hạng mục : Bể lắng tròn (2 bể)

- Công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Thời gian : Vào lúc ... giờ ... ngày ... tháng ... năm 2018

- Địa điểm : Tại công trình đang thi công thuộc Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Vì vậy rất mong đại diện của Quý cơ quan sắp xếp thời gian và công việc tiến hành đến công trình nghiệm thu phần việc của hạng mục công trình trên để Công ty chúng tôi cho triển khai các phần việc tiếp theo của công trình

CÔNG TY TNHH TM DV TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận :

- Như trên.



Phạm Phú Hoàng

1905-C
TY
N
SẢN
LƯOC
NH PHU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 11 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ: 11/2018

NGHIỆM THU NỘI BỘ CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

Hạng mục: Bể lắng tròn (2 bể)

Địa điểm xây dựng: Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

Ông: Phạm Phú Hoàng Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh Chức vụ: KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

3.1. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: giờ 11 ngày 11 tháng 11 năm 2018

Kết thúc: giờ 12 ngày 11 tháng 11 năm 2018

3.2. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc đã thực hiện:

a. Tài liệu cần cứ nghiệm thu:

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

+ Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Chất lượng bộ phận công trình thi công xây dựng:

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (Nếu có): Không

5. Kết luận:

+ Chấp nhận nghiệm thu

+ Đồng ý cho các Cán bộ giám sát Chủ đầu tư nghiệm thu công việc nêu trên



Phạm Phú Hoàng

KT Thi công trực tiếp

Nguyễn Phong Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày ... tháng ... năm 2018

BIÊN BẢN SỐ ...
NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH :

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

Hạng mục :

Bể lắng tròn (2 bể)

Địa điểm xây dựng :

Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần tham gia nghiệm thu :

a. Đại diện Chủ đầu tư :

Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước

Ông : Trần Đức Thắng

Chức vụ : Cán bộ giám sát

b. Đại diện Nhà thầu Thi công :

Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn

Ông : Nguyễn Phong Vinh

Chức vụ : KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

a. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : ... giờ ... ngày ... tháng ... năm 2018

Kết thúc : ... giờ ... ngày ... tháng ... năm 2018

b. Địa điểm nghiệm thu : Tại công trường

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu :

- + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng .
- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.
- + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng : TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...
- + Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017
- + Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng
- + Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- + Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.
- + Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Về chất lượng công việc xây dựng :

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (nếu có) : Không

5. Kết luận :

- + Chấp nhận nghiệm thu công việc xây dựng nêu trên.
- + Đồng ý cho đơn vị thi công triển khai công việc tiếp theo

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

Trần Đức Thắng

Nguyễn Phong Vinh

CÔNG TY TNHH TM DV
TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 07 năm 2018

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Kính gửi : ĐD Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐ-XD ngày 02/11/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước và Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn V/v : Giao nhận thầu thi công xây dựng công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Căn cứ vào điều kiện và năng lực thực tế tại công trình đang thi công . Nay nhà thầu thi công chúng tôi kính mời đại diện Chủ đầu tư là : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước đến tại công trình để tham gia kiểm tra và nghiệm thu với nội dung như sau :

- Công việc xây dựng được nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

- Thuộc hạng mục : Bể khử trùng

- Công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Thời gian : Vào lúc ... giờ ... ngày ... tháng ... năm 2018

- Địa điểm : Tại công trình đang thi công thuộc Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Vì vậy rất mong đại diện của Quý cơ quan sắp xếp thời gian và công việc tiến hành đến công trình nghiệm thu phần việc của hạng mục công trình trên để Công ty chúng tôi cho triển khai các phần việc tiếp theo của công trình

CÔNG TY TNHH TM DV TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận :

- Như trên.



Phạm Phú Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 21 tháng 12 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ : 01/2018

NGHIỆM THU NỘI BỘ CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococex Bình Phước

Hạng mục : Bể khử trùng

Địa điểm xây dựng : Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu :

Ông: Phạm Phú Hoàng Chức vụ : Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh Chức vụ : KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

3.1. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : giờ ngày tháng năm 2018

Kết thúc : giờ ngày tháng năm 2018

3.2. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc đã thực hiện :

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu :

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

+ Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng : TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Chất lượng bộ phận công trình thi công xây dựng :

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (Nếu có) : Không

5. Kết luận :

+ Chấp nhận nghiệm thu

+ Đồng ý cho một bộ phận giám sát Chủ đầu tư nghiệm thu công việc nêu trên



Phạm Phú Hoàng

KT Thi công trực tiếp

Nguyễn Phong Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 1 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ: 12/1/18

NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

Hạng mục : Bể khử trùng

Địa điểm xây dựng : Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần tham gia nghiệm thu :

a. Đại diện Chủ đầu tư :

Ông : Trần Đức Thắng

Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

Chức vụ : Cán bộ giám sát

b. Đại diện Nhà thầu Thi công :

Ông : Nguyễn Phong Vinh

Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn

Chức vụ : KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

a. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : 17 giờ 15 phút ngày 12 tháng 1 năm 2018

Kết thúc : 17 giờ 30 phút ngày 12 tháng 1 năm 2018

b. Địa điểm nghiệm thu : Tại công trường

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu :

+ Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng .

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

+ Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng : TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012.

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Về chất lượng công việc xây dựng :

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (nếu có) Không

5. Kết luận :

+ Chấp nhận nghiệm thu công việc xây dựng nêu trên.

+ Đồng ý cho đơn vị thi công triển khai công việc tiếp theo

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

Trần Đức Thắng

Nguyễn Phong Vinh

Ninh Thuận, ngày 21 tháng 12 năm 2018

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Kính gửi : DD Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐ-XD ngày 02/11/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước và Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn V/v : Giao nhận thầu thi công xây dựng công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Căn cứ vào điều kiện và năng lực thực tế tại công trình đang thi công , Nay nhà thầu thi công chúng tôi kính mời đại diện Chủ đầu tư là : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước đến tại công trình để tham gia kiểm tra và nghiệm thu với nội dung như sau :

- Công việc xây dựng được nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng
- Thuộc hạng mục : Hồ chứa nước
- Công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Thời gian : Vào lúc giờ ngày tháng năm 2018

- Địa điểm : Tại công trình đang thi công thuộc Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Vì vậy rất mong đại diện của Quý cơ quan sắp xếp thời gian và công việc tiến hành đến công trình nghiệm thu phần việc của hạng mục công trình trên để Công ty chúng tôi cho triển khai các phần việc tiếp theo của công trình

CÔNG TY TNHH TM DV TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận :

- Như trên.



Phạm Phú Hoàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 17 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ : 5

NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước
Hồ chứa nước

Hang mục :

Địa điểm xây dựng :

Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần tham gia nghiệm thu :

a. Đại diện Chủ đầu tư :

Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước

Ông : Trần Đức Thắng

Chức vụ : Cán bộ giám sát

b. Đại diện Nhà thầu Thi công :

Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn

Ông : Nguyễn Phong Vinh

Chức vụ : KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

a. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : giờ 11 ngày 17 tháng 7 năm 2018

Kết thúc : giờ 15 ngày 17 tháng 7 năm 2018

b. Địa điểm nghiệm thu : Tại công trường

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu :

- + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng .
- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.
- + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng : TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012.

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HDXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Về chất lượng công việc xây dựng :

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (nếu có) : Không

5. Kết luận :

+ Chấp nhận nghiệm thu công việc xây dựng nêu trên.

+ Đồng ý cho đơn vị thi công triển khai công việc tiếp theo

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

Trần Đức Thắng

Nguyễn Phong Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 21 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ : 0043/5

NGHIỆM THU NỘI BỘ CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococoy Bình Phước

Hạng mục : Hồ chứa nước

Địa điểm xây dựng : Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu :

Ông: Phạm Phú Hoàng Chức vụ : Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh Chức vụ : KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

3.1. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : 08 giờ 00 ngày 21 tháng 01 năm 2018

Kết thúc : 10 giờ 00 ngày 21 tháng 01 năm 2018

3.2. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc đã thực hiện :

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu :

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

+ Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng : TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HDXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Chất lượng bộ phận công trình thi công xây dựng :

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (Nếu có) : Không

5. Kết luận :

+ Chấp nhận nghiệm thu

+ Đồng ý giao mọi Cán bộ giám sát Chủ đầu tư nghiệm thu công việc nêu trên



Phạm Phú Hoàng

KT Thi công trực tiếp

Nguyễn Phong Vinh

0043/5
CÔNG
CỐ PH
NH BỐ
NH P
NG-T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Binh Phước, ngày 27 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ : 1

NGHIỆM THU NỘI BỘ CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Vinasan Bình Phước

Hang mục : Hồ chứa bùn

Địa điểm xây dựng : Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu :

Ông: Phạm Phú Hoàng Chức vụ : Giám đốc

Ông: Nguyễn Phong Vinh Chức vụ : KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

3.1. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : giờ ngày tháng năm 2018

Kết thúc : giờ ngày tháng năm 2018

3.2. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc đã thực hiện :

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu :

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

+ Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng : TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4083:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

+ Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

+ Các kết quả thi nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng

+ Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

+ Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Chất lượng bộ phận công trình thi công xây dựng :

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (Nếu có) : Không

5. Kết luận :

+ Chấp nhận nghiệm thu

+ Đồng ý của Cán bộ giám sát Chủ đầu tư nghiệm thu công việc nêu trên



Phạm Phú Hoàng

KT Thi công trực tiếp

Nguyễn Phong Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 22 tháng 07 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ 0000000000
NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococov Bình Phước

Hạng mục:

Hồ chứa bùn

Địa điểm xây dựng:

Thôn 2 - Xã Đức Lễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư:

Công ty Cổ phần Fococov Bình Phước

Ông: Trần Đức Thắng

Chức vụ: Cán bộ giám sát

b. Đại diện Nhà thầu Thi công:

Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn

Ông: Nguyễn Phong Vinh

Chức vụ: KT Thi công trực tiếp

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

a. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: giờ 08 ngày 22 tháng 07 năm 2018

Kết thúc: giờ 17 ngày 22 tháng 07 năm 2018

b. Địa điểm nghiệm thu: Tại công trường

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.
- + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...
- + Tài liệu và các chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017
- + Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng
- + Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- + Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.
- + Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình

b. Về chất lượng công việc xây dựng:

Đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt

c. Các ý kiến khác (nếu có): Không

5. Kết luận:

- + Chấp nhận nghiệm thu công việc xây dựng nêu trên.
- + Đồng ý cho đơn vị thi công triển khai công việc tiếp theo

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG


Trần Đức Thắng


Nguyễn Phong Vinh

CÔNG TY TNHH TM DV
TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 14 tháng 08 năm 2018

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Kính gửi : DD Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐ-XD ngày 02/11/2017 đã ký giữa Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước và Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn V/v : Giao nhận thầu thi công : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Căn cứ vào diễn kiện và năng lực thực tế tại công trình đang thi công . Nay nhà thầu thi công chúng tôi kính mời đại diện Chủ đầu tư là : Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước đến tại công trình để tham gia kiểm tra và nghiệm thu với nội dung như sau :

- Nội dung nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

- Công trình : Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

- Thời gian : Vào lúc 08 giờ 00 , ngày 14 tháng 08 năm 2018

- Địa điểm : Tại công trình đang thi công thuộc Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Vì vậy rất mong đại diện của Quý cơ quan sắp xếp thời gian và công việc tiến hành đến công trình nghiệm thu phần việc của hạng mục công trình trên để Công ty chúng tôi cho triển khai các phần việc tiếp theo của công trình

CÔNG TY TNHH TM DV TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận :

- Như trên.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 01 tháng 01 năm 2018

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU NỘI BỘ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình: Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

2. Địa điểm xây dựng: Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

3. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

- Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn

+ Ông: Phạm Phú Hoàng

Chức vụ : Giám đốc

+ Ông : Nguyễn Phong Vinh

Chức vụ : Chỉ huy công trường

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu : 07 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 01 năm 2018

Kết thúc : 11 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 01 năm 2018

Tại công trình Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước.

5. Đánh giá chất lượng của hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

a/ Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017 giữa Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước với Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn về việc thi công xây dựng Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước tại địa chỉ: Thôn 2 - Xã Đức Liêu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước được Chủ đầu tư phê duyệt;

- Căn cứ Biên bản bàn giao mặt bằng công trình ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: TCVN 4453:1995, TCVN 4447:2012, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- Nhật ký công trình và biên bản tại hiện trường.

- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng thuộc bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng được nghiệm thu.

- Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng.



- Các tài liệu, văn bản, hồ sơ khác có liên quan đến công trình.

b/ Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

c/ Tiến độ thực hiện :

- Theo hợp đồng : 245 ngày kể từ ngày 02/11/2017 đến ngày 05/07/2018.
- Theo thực tế thi công :
 - + Ngày khởi công : 09/11/2017.
 - + Ngày hoàn thành công trình đưa vào sử dụng : 02/07/2018.

d/ Những thay đổi so với hồ sơ thiết kế :

e/ Yêu cầu sửa chữa hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có) :

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu nội bộ hoàn thành thi công xây dựng công trình để tiến hành mời đại diện giám sát chủ đầu tư nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

GIÁM ĐỐC



Phạm Phú Hoàng

CHỈ HUY TRƯỞNG


Nguyễn Phong kil



Bình Phước, ngày 02 tháng 07 năm 2018

1. Công trình: Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

3. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước
+ Bà: Nguyễn Thị Minh Hải Chức vụ : Phó Giám đốc
+ Ông : Trần Đức Thắng Chức vụ : Cán bộ Giám sát
- Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn
+ Ông: Phạm Phú Hoàng Chức vụ : Giám đốc
+ Ông : Nguyễn Phong Vinh Chức vụ : Chỉ huy công trường

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bản 1: 07 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 07 năm 2018

Thời gian: 11 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 07 năm 2018

Đi công trình Nhà máy tinh bột sắn Bình Phước.

5. **Danh sách chất lượng của hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:**

a/ Tại sao làm căn cứ để nghiệm thu:

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017 giữa Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước với Công ty TNHH DV TM Trường Trường Sơn về việc thi công xây dựng Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước tại địa chỉ: Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước;

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Dự án này tỉnh bột sản Fococev Bình Phước được Chủ đầu tư phê duyệt;

- Công ty Biên bản bàn giao mặt bằng công trình ngày tháng năm 2017;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: TCVN 4453:1995, TCVN 4447:1, TCVN 4314:2003, TCVN 4085:1998, TCVN 9377:2012, TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012...

- **1.4. Kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.**

- Ý kiến trình và biên bản tại hiện trường.



- Kiểm tra nghiệm thu công việc xây dựng thuộc bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn xây dựng được nghiệm thu.

- Hoàn công bộ phận công trình xây dựng.

- Tài liệu, văn bản, hồ sơ khác có liên quan đến công trình.

b/ Chủ đầu tư lập mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

.....

c/ Tiến độ thi công:

- Thời gian: 245 ngày kể từ ngày 02/11/2017 đến ngày 05/07/2018.

- Thời gian thi công:

+ Thời gian: 09/11/2017.

+ Thời gian công trình đưa vào sử dụng: 02/07/2018.

d/ Nội dung so với hồ sơ thiết kế:

.....

e/ Yêu cầu hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có):

.....

6. Kết luận

() Nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng công trình để đưa công trình

vào sử dụng.

() Tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định.

nghe.

U TU *Minh Hải*
Minh Hải
Chị Minh Hải

NHÀ THẦU THI CÔNG



Phạm Phú Hoàng

BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(Phụ lục kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng)

Công trình: Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

Địa điểm xây dựng: Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình Phước

Hợp đồng số: Hợp đồng số: 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

Bên giao thầu: Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

Bên nhận thầu: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trường Trường Sơn

Thanh toán lần thứ : Quyết toán

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	
			Hợp đồng	Nghiệm thu
1	Bể thu nước T1 (1.5*1.5*1.5)	cái	1,000	1,000
2	Bể keo tụ, tạo bông (7.5*3.1*3.4)	cái	1,000	1,000
3	Bể lắng tròn (2 bể) (D*H = 5,4*4)	cái	2,000	2,000
4	Bể khí trùng (6,2*2,2*1,9)	cái	1,000	1,000
5	Hồ chứa bùn (10*10*2.5)	cái	1,000	1,000
6	Hồ chứa nước (11*7*2,5)	cái	1,000	1,000

Đại diện Nhà thầu thi công



Phạm Phú Hoàng

Bình Phước, ngày 22 tháng 7 năm 2018



Nguyễn Thị Minh Hải

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(Phụ lục kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng)

Công trình: Hệ thống xử lý nước thải bổ sung thuộc Nhà máy tinh bột sắn Fococev Bình Phước

Địa điểm xây dựng: Thôn 2 - Xã Đức Liễu - Huyện Bù Đăng - Tỉnh Bình

Hợp đồng số: Hợp đồng số: 05/2017/HĐXD-TTS ngày 02/11/2017

Bên giao thầu: Công ty Cổ phần Fococev Bình Phước

Bên nhận thầu: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trường Trường Sơn

Thanh toán lần thứ: Quyết toán

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng nghiệm thu	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Bể thu nước (1.5*1.5*1.5)	cái	1,000	9.111.119	9.111.119
2	Bể keo tụ (7.5*3.1*3.4)	cái	1,000	42.516.232	42.516.232
3	Bể lắng tròn (2 bể) (D*H = 5,4*4)	cái	2,000	30.419.775	60.839.550
4	Bể khử trùng (6,2*2,2*1,9)	cái	1,000	22.364.881	22.364.881
5	Hồ chứa (10*10*2,5)	cái	1,000	36.960.768	36.960.768
6	Hồ chứa (11*7*2,5)	cái	1,000	40.934.723	40.934.723
7	Nhân công			60.000.000	60.000.000
	TỔNG CỘNG				272.727.273
	THUẾ VAT 10%				27.272.727
	LÀM TRỌNG				300.000.000

Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn /.

Đại diện nhà thầu thi công



Trần Phú Hoàng

Bình Phước, ngày 7 tháng 7 năm 2018



Nguyễn Thị Minh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----5000-----

Bình Phước, ngày 28 tháng 10 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ 3

NGHIỆM THU THIẾT BỊ CHẠY LIÊN ĐỘNG CỎ TÀI

CÔNG TRÌNH: GIA CÔNG, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BỒ SUNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC

1. Thiết bị/Cum thiết bị được nghiệm thu: Thiết bị hệ thống xử lý nước thải bổ sung theo hợp đồng kinh tế số: 42/2017/HĐKT ngày 22 tháng 08 năm 2017.

2. Thành phần nghiệm thu:

A. CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Ông Phạm Tiến Đức

Chức vụ: Phó Giám đốc

Chức vụ: PP. KTSX

B. CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HÒA THẮNG

Đại diện: Ông Lê Văn Khoa

Ông Nguyễn Cư

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chức vụ: PP_KTKD

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 7 giờ 30 phút ngày 28... tháng 10... năm 2018..

- Kết thúc: 15 giờ 30 phút ngày 28... tháng 10... năm 2018..

- Tại Công ty CP Fococev Bình Phước - Thôn 2, xã Đức Liêu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình

Phước.

4. Đánh giá công việc thi công đã thực hiện:

Hai bên tiến hành cho chạy thử liên động cỏ tải các hạng mục thiết bị như sau:

STT	NỘI DUNG	DVT	SL	GHI CHÚ
1	Thiết bị hệ thống xử lý nước thải bổ sung	Bộ	01	

- Bên B đã tiến hành chạy thử liên động cỏ tải liên tục 72 giờ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Chất lượng: Đạt yêu cầu.

- Ý kiến khác: không

5. Kết luận:

- Thống nhất đưa thiết bị vào sử dụng.

- Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Thị Minh Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Khoa

**CÔNG TY TNHH MT
CAO GIA QUÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 0616/2023/CGQ

- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 16/03/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,
Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2023 tại văn phòng Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
- VP đại diện : 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TP.HCM
- Điện thoại : 0769 000 769 - Fax :
- Mã số thuế : 3800743345
- Tài khoản : 6282 8888 9999 Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Phú Nhuận, TP.HCM
- Đại diện : Ông LÊ VĂN TÙNG - Chức vụ : PHÓ GIÁM ĐỐC

Sau đây gọi tắt là Bên A

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SÁN BÌNH PHƯỚC

- Địa chỉ : Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : - Fax :
- Mã số thuế : 3800438905
- Tài khoản :
- Đại diện : NGUYỄN THỊ MINH HẢI - Chức vụ : GIÁM ĐỐC

Sau đây gọi tắt là Bên B

Liên hệ KD: Ms 0973.930.827
Email: tranatgq@gmail.com

P.Kinh doanh: 0769 000 769
Email: caogiaquy.kd@gmail.com

P.Kế toán: 0906.912.942
Email: caogiaquy.kt@gmail.com

P.Môi trường: 0936.108.207
Email: caogiaquy.mt@gmail.com

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại theo những điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ

- Bên A nhận xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại (sau đây gọi tắt là Chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên B.
- Địa điểm tiếp nhận: Thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

ĐIỀU II: ĐƠN GIÁ, DANH MỤC CHẤT THẢI VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá: 12.000.000vnd/năm (Mười hai triệu đồng/năm). Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Danh mục chất thải nguy hại được xử lý bao gồm:

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	Giá khoán trọn một năm là mười hai triệu đồng.
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	16 01 06	Rắn	
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	
5	Bao bì cứng thải	18 01 03	Rắn	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	

Ghi chú:

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm
- Đơn giá vận chuyển và xử lý: Giá được khoán trọn 01 năm là 12.000.000vnd (mười hai triệu đồng) chưa bao gồm VAT, tương ứng với khối lượng CTNH tối đa là 500kg/ năm theo danh mục CTNH được liệt kê trong khoản 2.2 của hợp đồng này. Trong trường hợp nếu khối lượng CTNH vượt quá khối lượng tối đa là 500kg thì bên

A sẽ phải thanh toán chi phí thu gom - vận chuyển- xử lý CTNH cho bên B với khối lượng tương ứng và đơn giá đồng nhất là 8.000vnd/kg chưa bao gồm thuế VAT.

2.3. Phương thức thanh toán:

- Bên B sẽ phải thanh toán chi phí thu gom - vận chuyển- xử lý CTNH cho bên A trong vòng 07 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực
- Bên B thực hiện thanh toán theo hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt bằng tiền đồng Việt Nam cho bên A trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất giá trị gia tăng bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1. Trách nhiệm bên A

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên A phải cung cấp cho Bên B bản sao giấy phép kinh doanh; giấy phép vận chuyển CTNH; giấy phép xử lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- Bên A thu gom/chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
- Bên A bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên B.
- Phối hợp cùng bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Chất thải sau khi chờ ra khỏi cổng bên B thì bên A phải chịu mọi trách nhiệm về mặt pháp lý của pháp luật hiện hành.
- Bên A chịu trách nhiệm xác nhận và hoàn trả các liên chứng từ chất thải cho bên B, sau khi hoàn thành việc xử lý theo đúng quy định và mẫu chứng từ hiện hành của Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành.

3.2. Trách nhiệm bên B

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin.

- Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải, chất thải phải được để riêng biệt, không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng, không được rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên và mã số chất thải theo quy định pháp luật hiện hành. Thiết bị lưu trữ chất thải do bên B chịu trách nhiệm. Khi thu gom bên A không hoàn trả lại thiết bị lưu trữ.
- Khi có nhu cầu thu gom, xử lý. Bên B thông báo trước cho bên A ít nhất là 48 giờ qua mail hoặc điện thoại (trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).
- Bên B tạo điều kiện cho bên A trong quá trình thu gom chất thải, hỗ trợ phương tiện nâng hàng lên xe tải của bên A (nếu có).
- Không giao cho bên A các loại chất thải ngoài danh mục trong hợp đồng đã thỏa thuận.
- Phối hợp cùng bên A trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Trong thời gian hiệu lực hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác thu gom, xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu vi phạm bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A.
- Cam kết thanh toán đầy đủ cho bên A như trong khoản 2.3 của điều 2.
- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán phí cho bên A thì bên B phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt theo lãi suất cho vay của Ngân Hàng Nhà Nước tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU IV: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2024 và được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hai bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản của hợp đồng.
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày.
- Nếu một trong hai bên muốn điều chỉnh nội dung hợp đồng này thì cần có sự đồng ý của hai bên và sẽ được thể hiện vào PLHD.

ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa

thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bạo lực, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân TPHCM để giải quyết. Phán xét của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa hai bên (nếu có).



NGUYỄN THỊ MINH HẢI



LÊ VĂN TÙNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

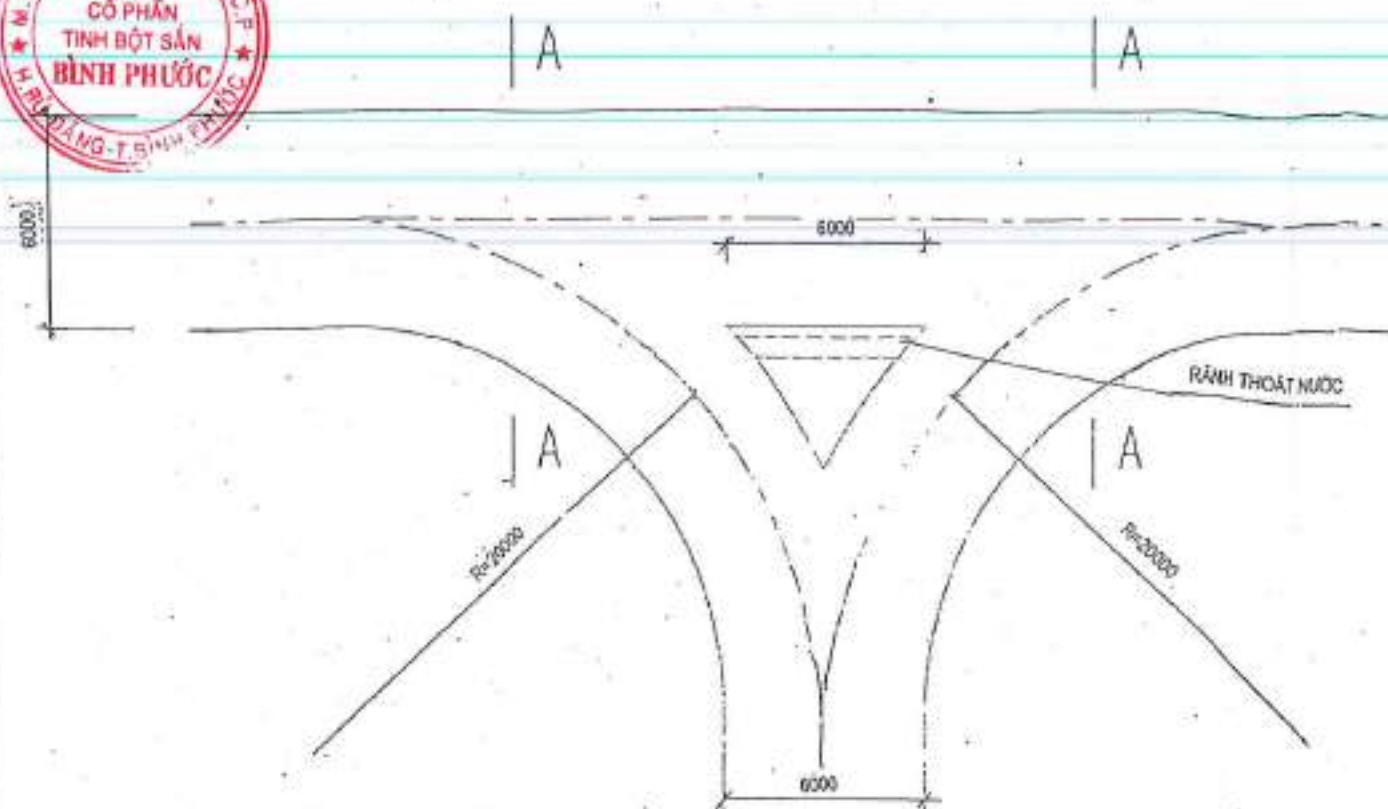
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY TINH BỘT MÌ TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA NHÀ MÁY

ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY XÂY DỰNG 77- CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Tháng 2 năm 2004

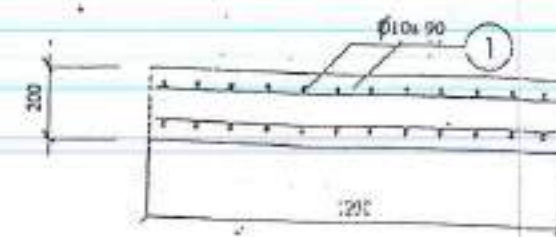


MẶT BẰNG MƯƠNG THOÁT NƯỚC
(PHẦN PHÁT SINH) GIÁP QUỐC LỘ 14

TỈ LỆ 1/20

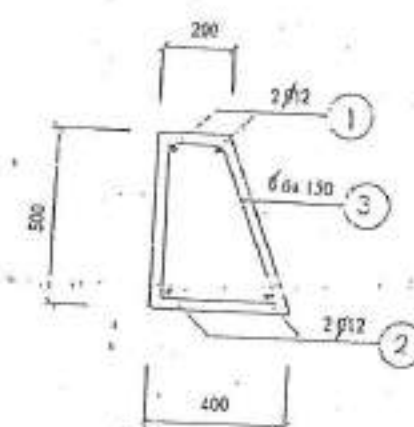


MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT ĐAN BTCT

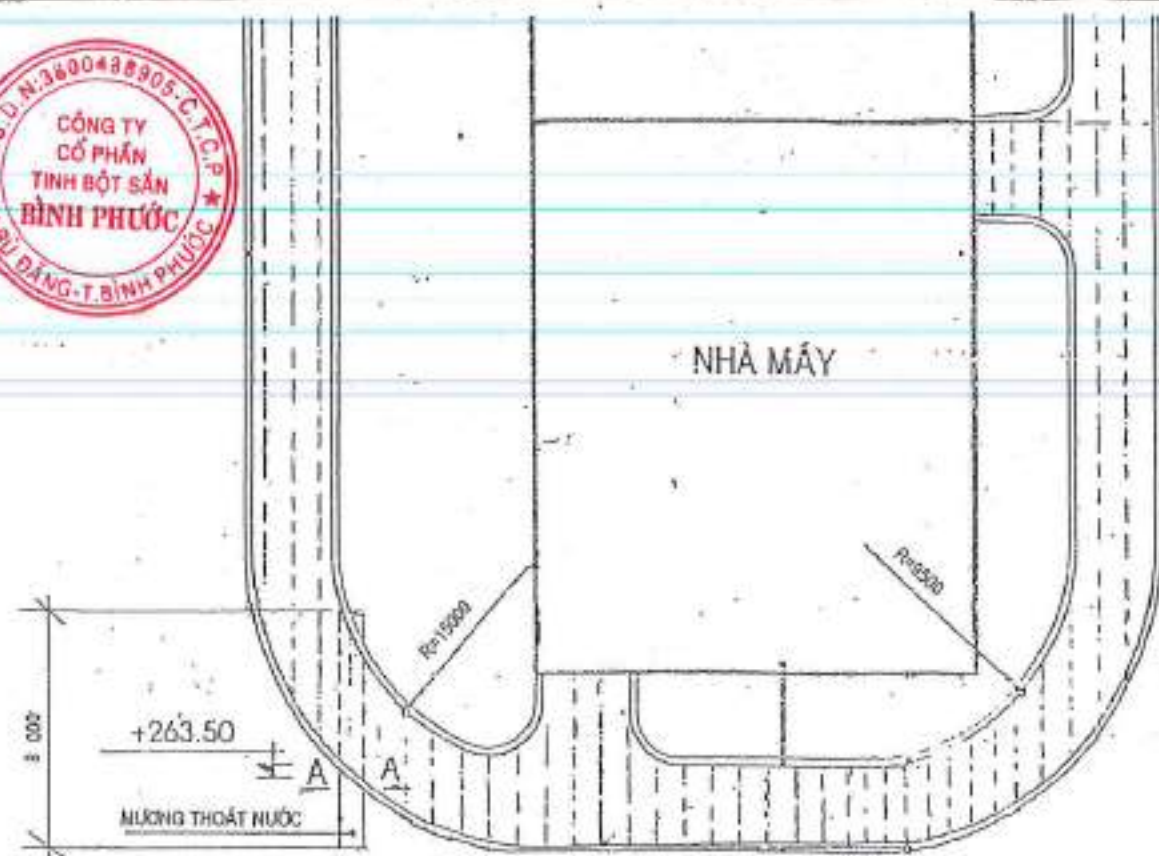
TỈ LỆ 1/20



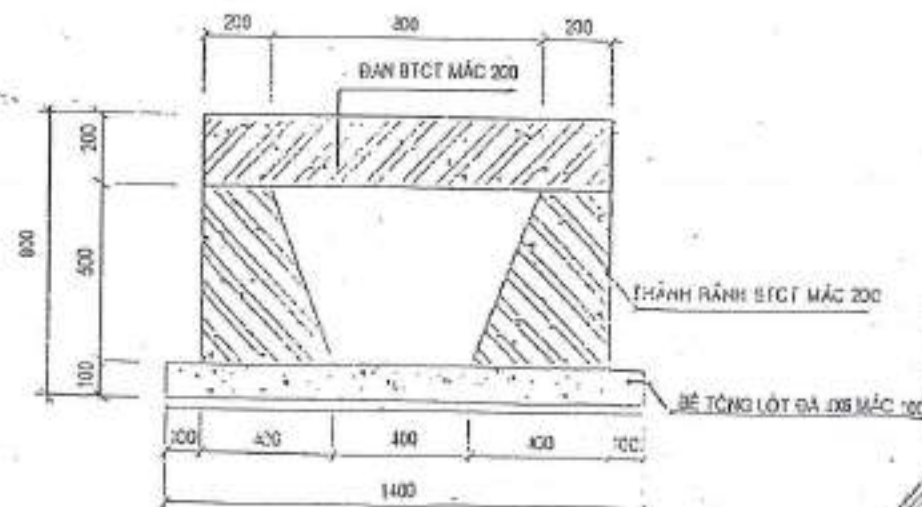
THÀNH RĂNG

TỈ LỆ 1/20

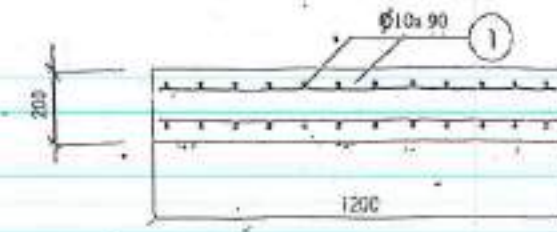
CÔNG TY LIÊN DOANH TINH BỘT BÌNH PHƯỚC CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH KẾ PHONG CHÁI TƯ VẤN THIẾT KẾ	CÔNG TY TNHH KẾ PHONG CHÁI THI CÔNG	CÔNG TY XÂY DỰNG 77 GH. NHÁNH BÌNH PHƯỚC KIỂM ĐỐC	CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY TINH BỘT MÌ BẢN VẼ HOÀN CÔNG
CÔNG TY LIÊN DOANH TINH BỘT BÌNH PHƯỚC	KTS. Hà Thúc Sinh	K.S. Đinh Hoàng Phong	KỸ THUẬT	BẢN VẼ Mương thoát nước (phần phát sinh) Qua đường giáp với Quốc lộ 14 Mặt bằng - Mặt cắt chi tiết Rãnh - Tấm đan



MẶT BẰNG MƯƠNG THOÁT NƯỚC PHÍA SAU NM
(PHẦN PHÁT SINH) QUA ĐƯỜNG NỘI BỘ

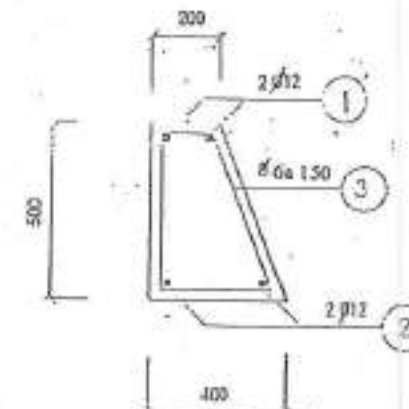


MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT ĐAN BTCT

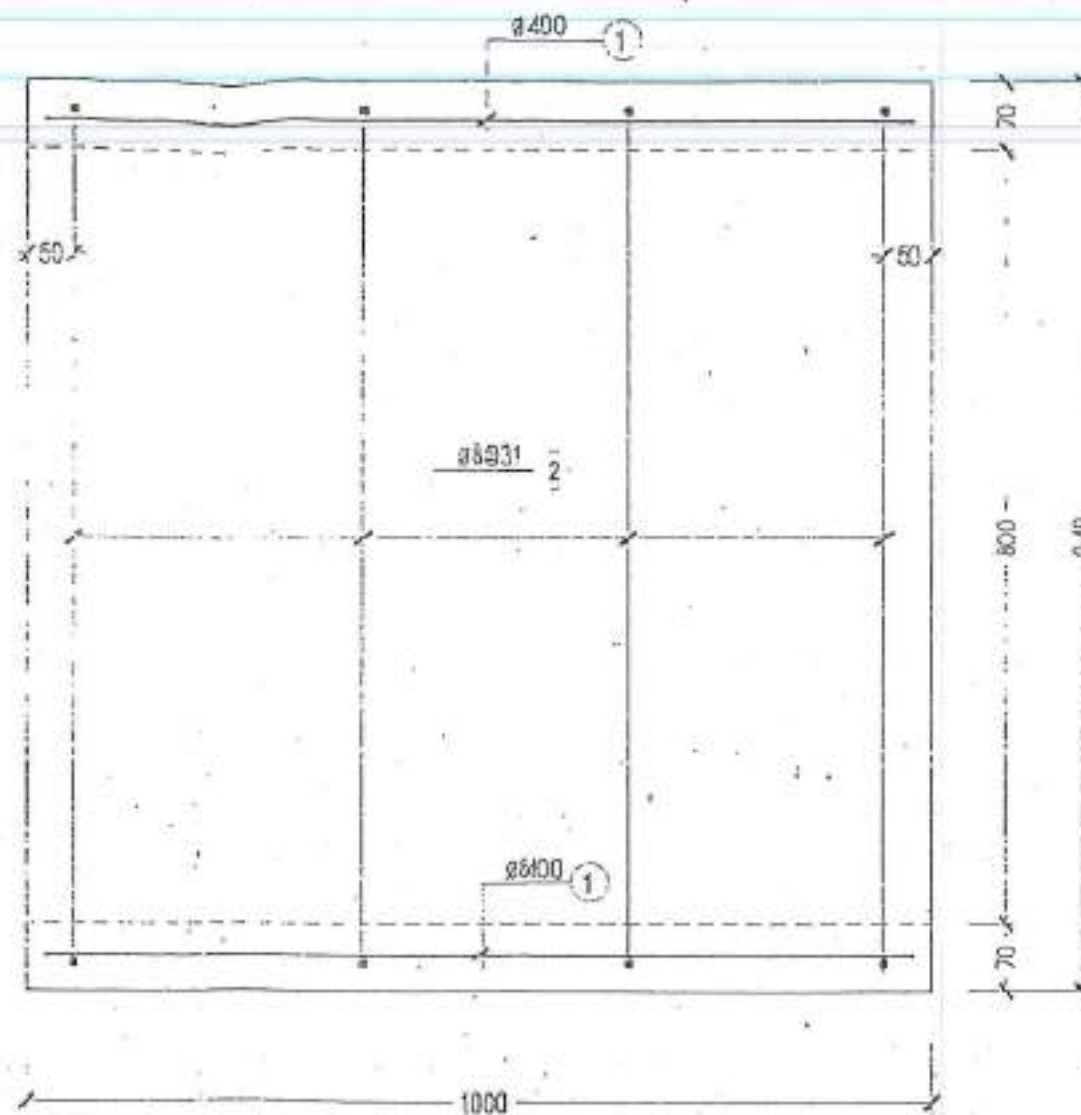
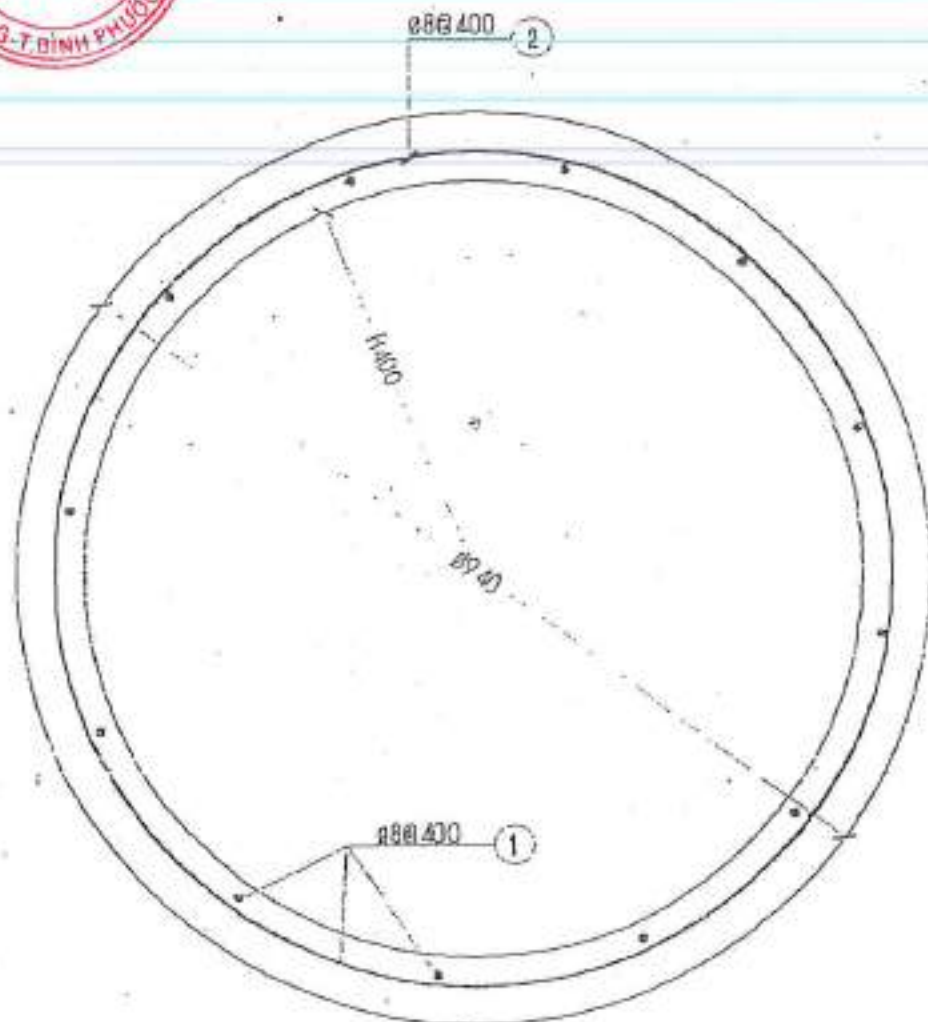
TỈ LỆ 1/20



THÀNH RĂNG

TỈ LỆ 1/20

CÔNG TY LIÊN DOANH TINH BỘT BÌNH PHƯỚC	CÔNG TY THIẾT KẾ PHONG CHÁU	CÔNG TY XÂY DỰNG 77 CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC	CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY TINH BỘT MỈ
CHỦ ĐẦU TƯ	TƯ VẤN THIẾT KẾ	GIÁM SÁT	KỸ THUẬT
CÔNG TY LIÊN DOANH TINH BỘT BÌNH PHƯỚC	RTS. Hồ Thúc Kinh	K.S. Đinh Hoàng Phong	BẢN VẼ Mương thoát nước (phần phát sinh) Qua đường nội bộ sau NM Mặt bằng - Mặt cắt chi tiết
			Rãnh - Tầm đan



MẶT CẮT NGANG ỐNG CỐNG

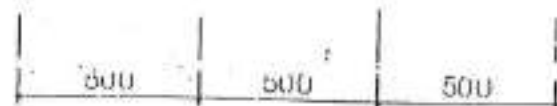
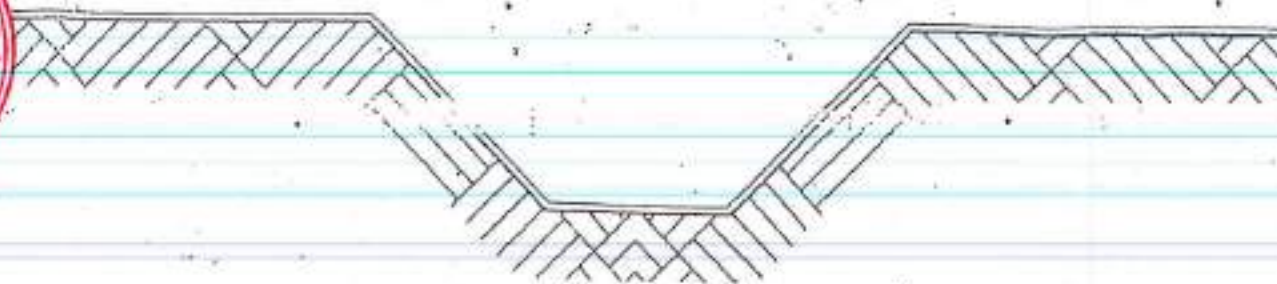
MẶT CẮT DỌC ỐNG CỐNG

CÔNG TY LIÊN DOANH TINH BỘT BÌNH PHƯỚC		CÔNG TY XÂY DỰNG 77 KON TUM		CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY TINH BỘT MÌ	
CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TY THIẾT KẾ PHÒNG CHÁU		CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY TINH BỘT MÌ	
TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY XÂY DỰNG 77 CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC		BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
GIÁM SÁT A		KỸ THUẬT		BẢN VẼ	
KTS. Hà Thúc Kinh		K.S Đinh Hoàng Phụng		MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC	
				KẾT CẤU ỐNG CỐNG BTCT	
				KHÔNG CHỊU LỰC LOẠI B, D800	

TỈ LỆ : 1/11

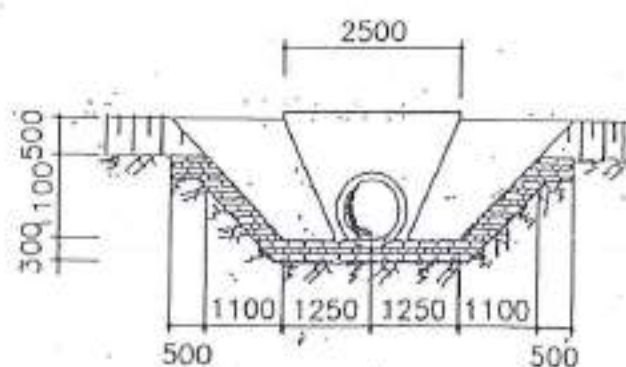
GHI CH :

- BÊ TÔNG ỚNG CỐNG : ĐẠ 1x2 MẮC 200
- THÉP ẠI ỨNG THÉP TRƠN $R_s = 2100 \text{ KG/CM}^2$



MẶT CẮT NGANG MƯỜNG

TỈ LỆ : 1/20



A-A

TỈ LỆ : 1/100

CÔNG TY LIÊN DOANH TINH BỘT BÌNH PHƯỚC		CÔNG TY XÂY DỰNG 77 KON TUM		CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY TINH BỘT MÌ	
CHỦ ĐẦU TƯ		CHỈ NHÁNH BÌNH PHƯỚC		HẠNG MỤC:	
CÔNG TY THIẾT KẾ PHONG CHÂU		CÔNG TY XÂY DỰNG 77		BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
TƯ VẤN THIẾT KẾ		CHỈ NHÁNH BÌNH PHƯỚC		CÔNG TRÌNH	
		GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT		NHÀ MÁY TINH BỘT MÌ	
				BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
				BẢN VẼ	
				MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC	
				CHI TIẾT MẶT CẮT	
KTS. Hà Thúc Kinh		K.S. Đinh Hoàng Phong			



1. Các nhà nghiên cứu đã khám phá được điều gì?
2. Tại sao chúng ta cần phải nghiên cứu về điều này?
3. Những nhà nghiên cứu đã khám phá được điều gì?
4. Tại sao chúng ta cần phải nghiên cứu về điều này?
5. Những nhà nghiên cứu đã khám phá được điều gì?
6. Tại sao chúng ta cần phải nghiên cứu về điều này?
7. Những nhà nghiên cứu đã khám phá được điều gì?
8. Tại sao chúng ta cần phải nghiên cứu về điều này?
9. Những nhà nghiên cứu đã khám phá được điều gì?
10. Tại sao chúng ta cần phải nghiên cứu về điều này?

Expenditure	2017-18	2018-19	2019-20
1. Salaries and allowances			
2. Pension			
3. Grants-in-aid			
4. Capital expenditure			
5. Other expenditure			
Total			

13. *Chen* (2001) (2001)
14. *Chen* (2001) (2001)
15. *Chen* (2001) (2001)
16. *Chen* (2001) (2001)
17. *Chen* (2001) (2001)
18. *Chen* (2001) (2001)
19. *Chen* (2001) (2001)
20. *Chen* (2001) (2001)
21. *Chen* (2001) (2001)
22. *Chen* (2001) (2001)
23. *Chen* (2001) (2001)
24. *Chen* (2001) (2001)
25. *Chen* (2001) (2001)
26. *Chen* (2001) (2001)
27. *Chen* (2001) (2001)
28. *Chen* (2001) (2001)
29. *Chen* (2001) (2001)
30. *Chen* (2001) (2001)
31. *Chen* (2001) (2001)
32. *Chen* (2001) (2001)
33. *Chen* (2001) (2001)
34. *Chen* (2001) (2001)
35. *Chen* (2001) (2001)
36. *Chen* (2001) (2001)
37. *Chen* (2001) (2001)
38. *Chen* (2001) (2001)
39. *Chen* (2001) (2001)
40. *Chen* (2001) (2001)
41. *Chen* (2001) (2001)
42. *Chen* (2001) (2001)
43. *Chen* (2001) (2001)
44. *Chen* (2001) (2001)
45. *Chen* (2001) (2001)
46. *Chen* (2001) (2001)
47. *Chen* (2001) (2001)
48. *Chen* (2001) (2001)
49. *Chen* (2001) (2001)
50. *Chen* (2001) (2001)
51. *Chen* (2001) (2001)
52. *Chen* (2001) (2001)
53. *Chen* (2001) (2001)
54. *Chen* (2001) (2001)
55. *Chen* (2001) (2001)
56. *Chen* (2001) (2001)
57. *Chen* (2001) (2001)
58. *Chen* (2001) (2001)
59. *Chen* (2001) (2001)
60. *Chen* (2001) (2001)
61. *Chen* (2001) (2001)
62. *Chen* (2001) (2001)
63. *Chen* (2001) (2001)
64. *Chen* (2001) (2001)
65. *Chen* (2001) (2001)
66. *Chen* (2001) (2001)
67. *Chen* (2001) (2001)
68. *Chen* (2001) (2001)
69. *Chen* (2001) (2001)
70. *Chen* (2001) (2001)
71. *Chen* (2001) (2001)
72. *Chen* (2001) (2001)
73. *Chen* (2001) (2001)
74. *Chen* (2001) (2001)
75. *Chen* (2001) (2001)
76. *Chen* (2001) (2001)
77. *Chen* (2001) (2001)
78. *Chen* (2001) (2001)
79. *Chen* (2001) (2001)
80. *Chen* (2001) (2001)
81. *Chen* (2001) (2001)
82. *Chen* (2001) (2001)
83. *Chen* (2001) (2001)
84. *Chen* (2001) (2001)
85. *Chen* (2001) (2001)
86. *Chen* (2001) (2001)
87. *Chen* (2001) (2001)
88. *Chen* (2001) (2001)
89. *Chen* (2001) (2001)
90. *Chen* (2001) (2001)
91. *Chen* (2001) (2001)
92. *Chen* (2001) (2001)
93. *Chen* (2001) (2001)
94. *Chen* (2001) (2001)
95. *Chen* (2001) (2001)
96. *Chen* (2001) (2001)
97. *Chen* (2001) (2001)
98. *Chen* (2001) (2001)
99. *Chen* (2001) (2001)
100. *Chen* (2001) (2001)

	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank
	Blank	Blank	Blank

91. **THAN OPEN UP NOW**
THAN OPEN UP NOW

[illegible]



CỬA: Thép hộp
60x30x1,4

Tole phẳng
dày 1mm



CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

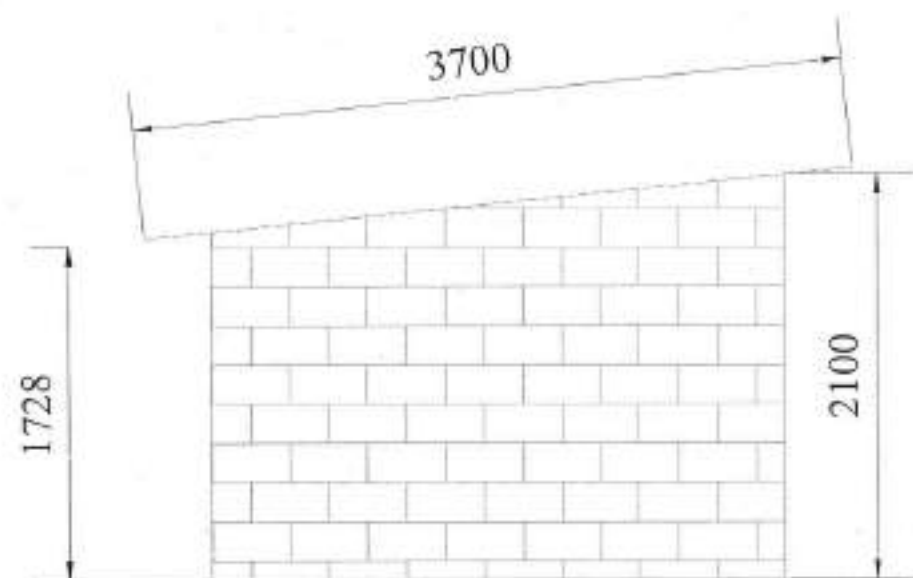


Nguyễn Thị Minh Hải

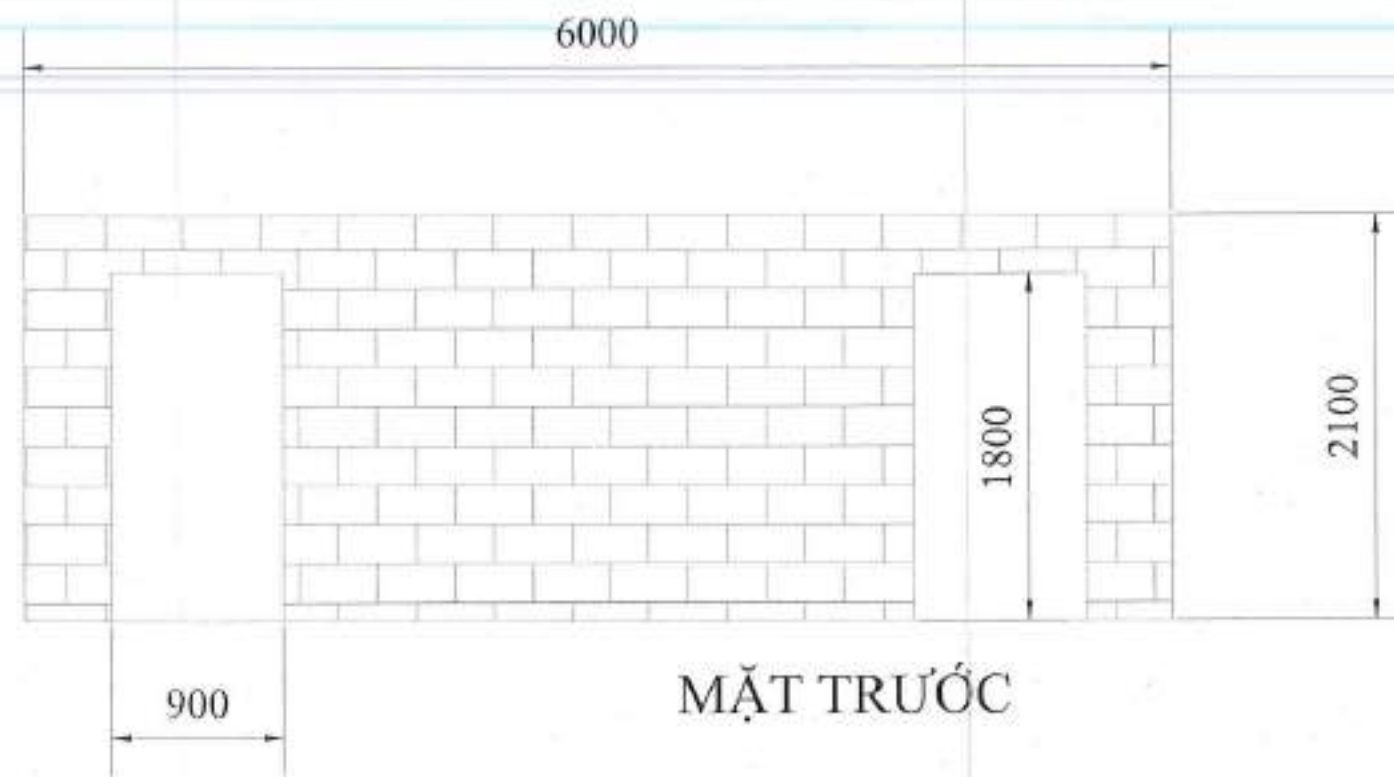
BẢN VẼ THI CÔNG
KHO CHẤT THẢI CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	CỬA	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 6/9	



2 MẶT HÔNG



MẶT TRƯỚC

CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

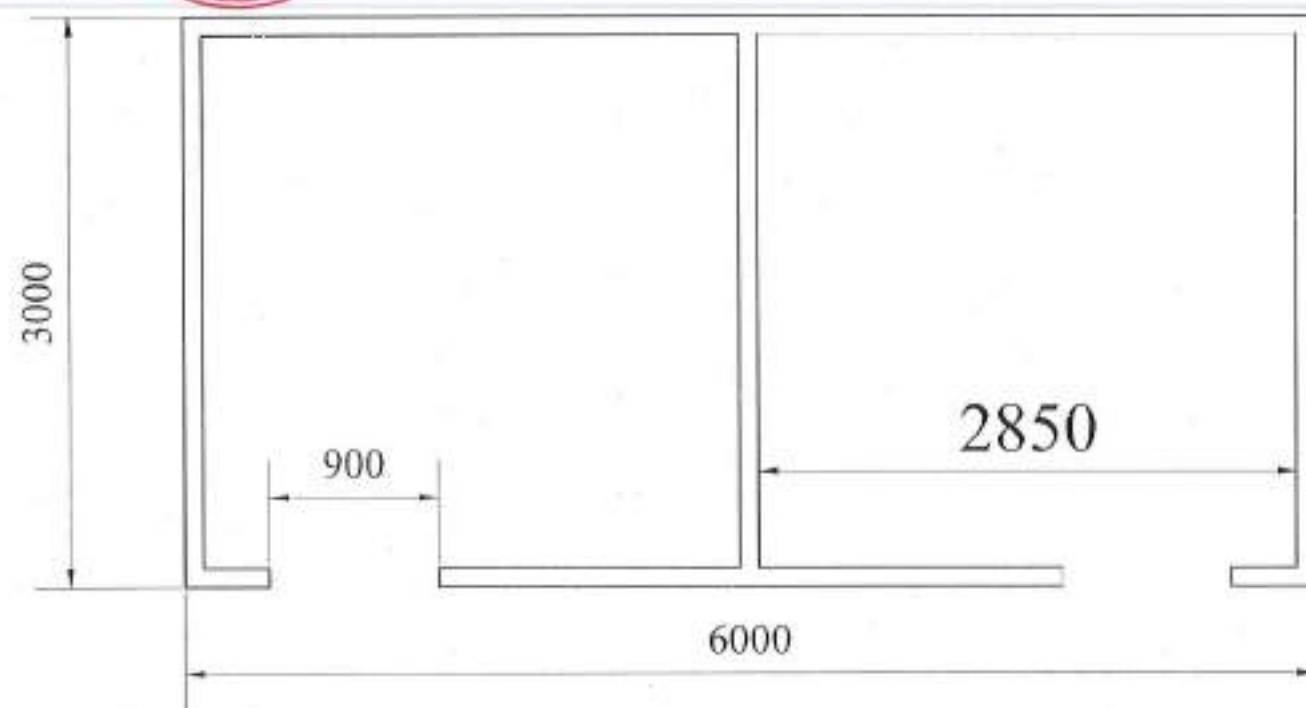


Nguyễn Thị Minh Hải

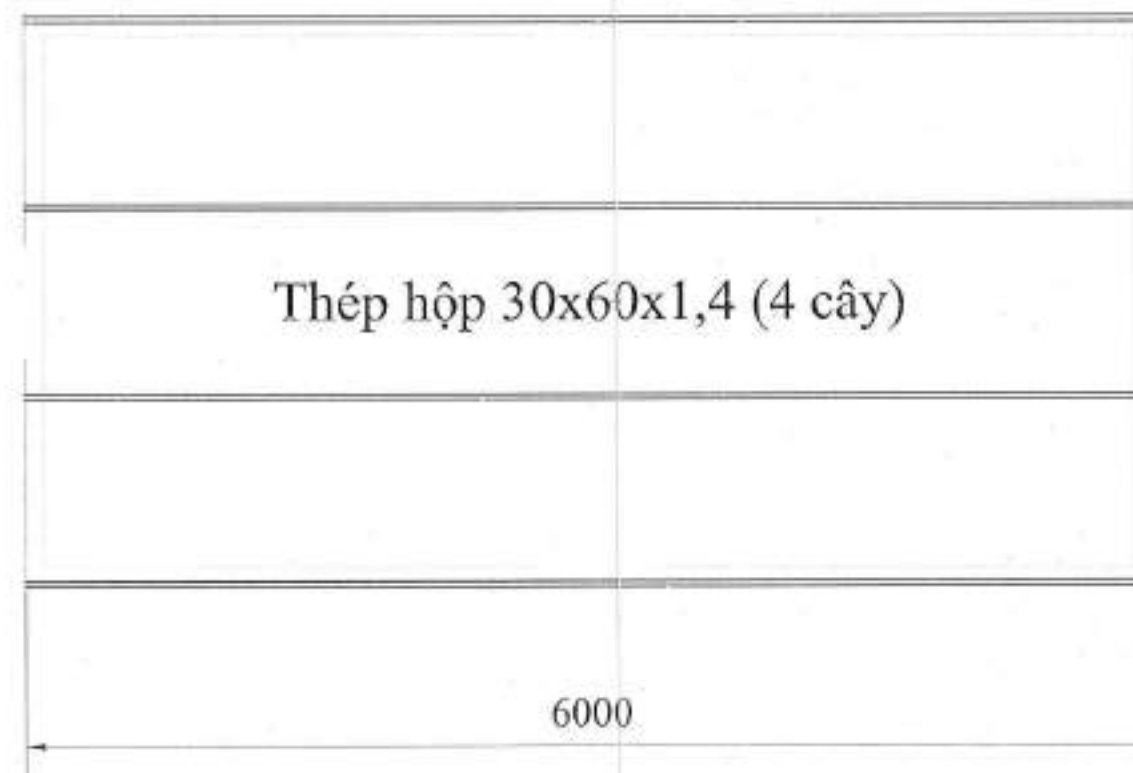
BẢN VẼ THI CÔNG
KHO CHẤT THẢI CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	TƯỜNG BAO (Mặt trước, mặt hông)	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng			Vật liệu: GẠCH ÓNG	Tờ:	Số tờ: 7/9	



MẶT BẰNG MÓNG



Thép hộp 30x60x1,4 (4 cây)

CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Hải

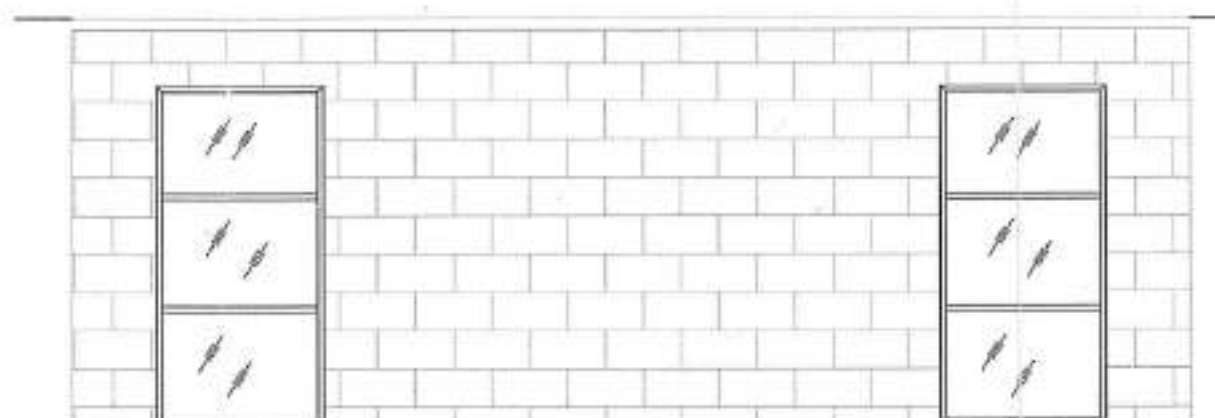
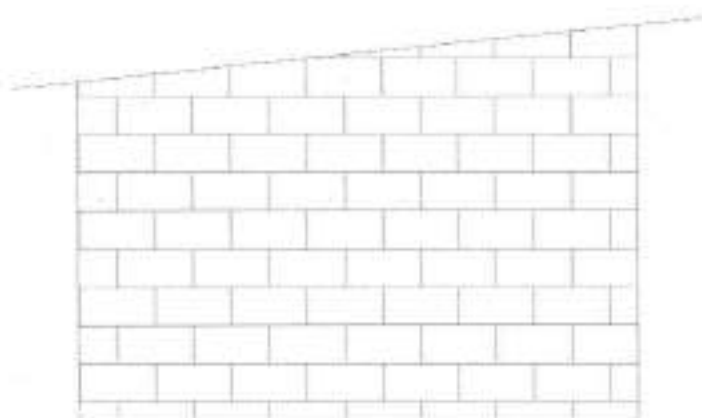
BẢN VẼ THI CÔNG
KHO CHẤT THẢI CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	MẶT BẰNG MÓNG	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến			KHUNG, MÁI			1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng			Vật liệu:	Tờ:	Số tờ: 8/9	



KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI



CÔNG TY CP TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

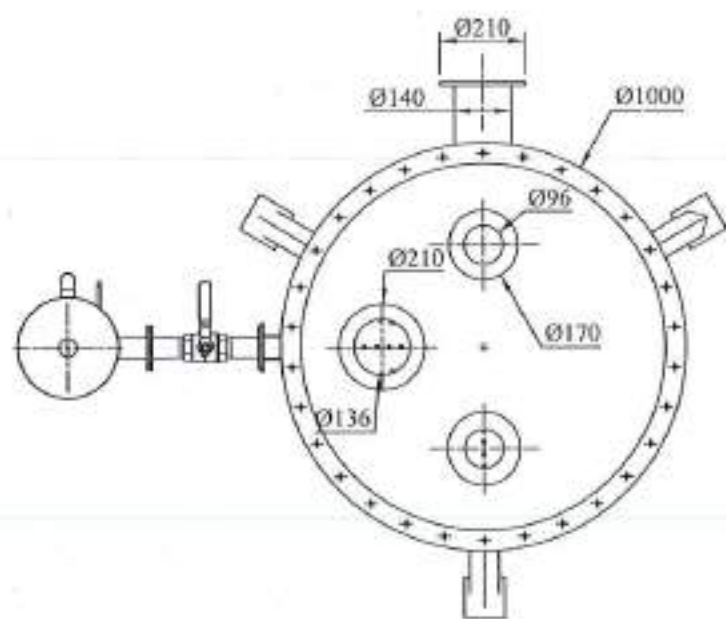
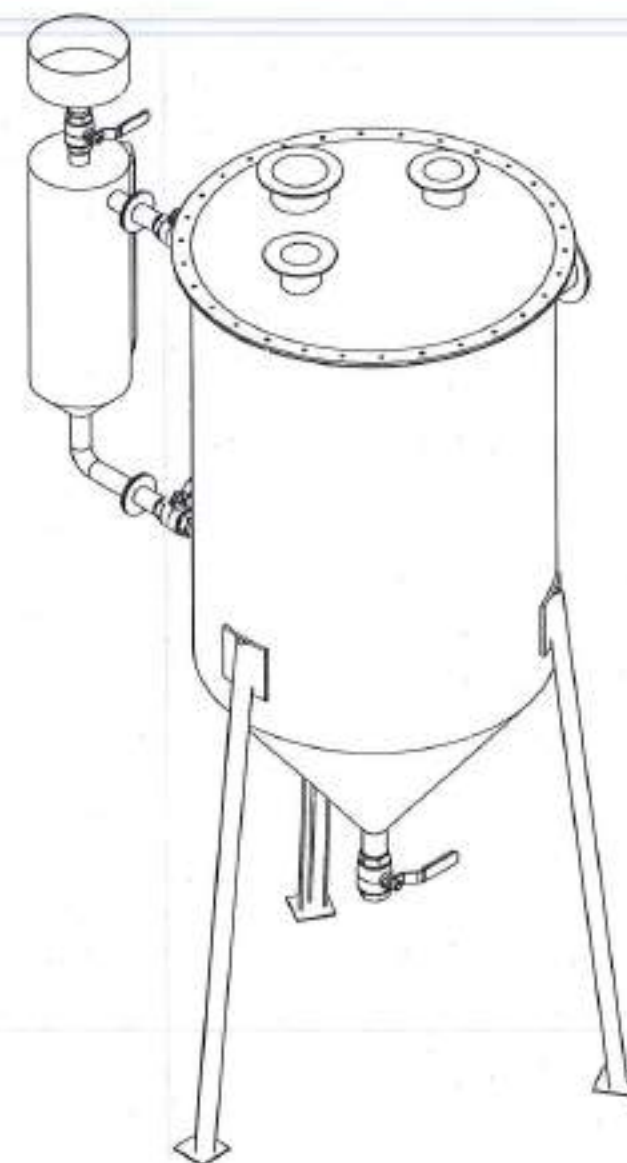
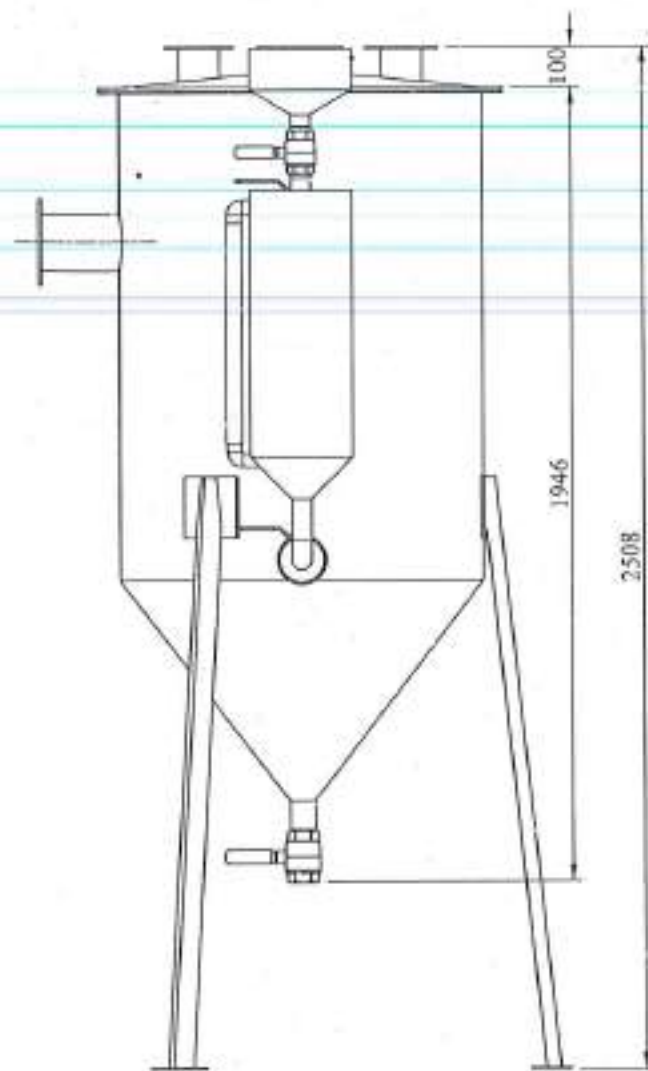
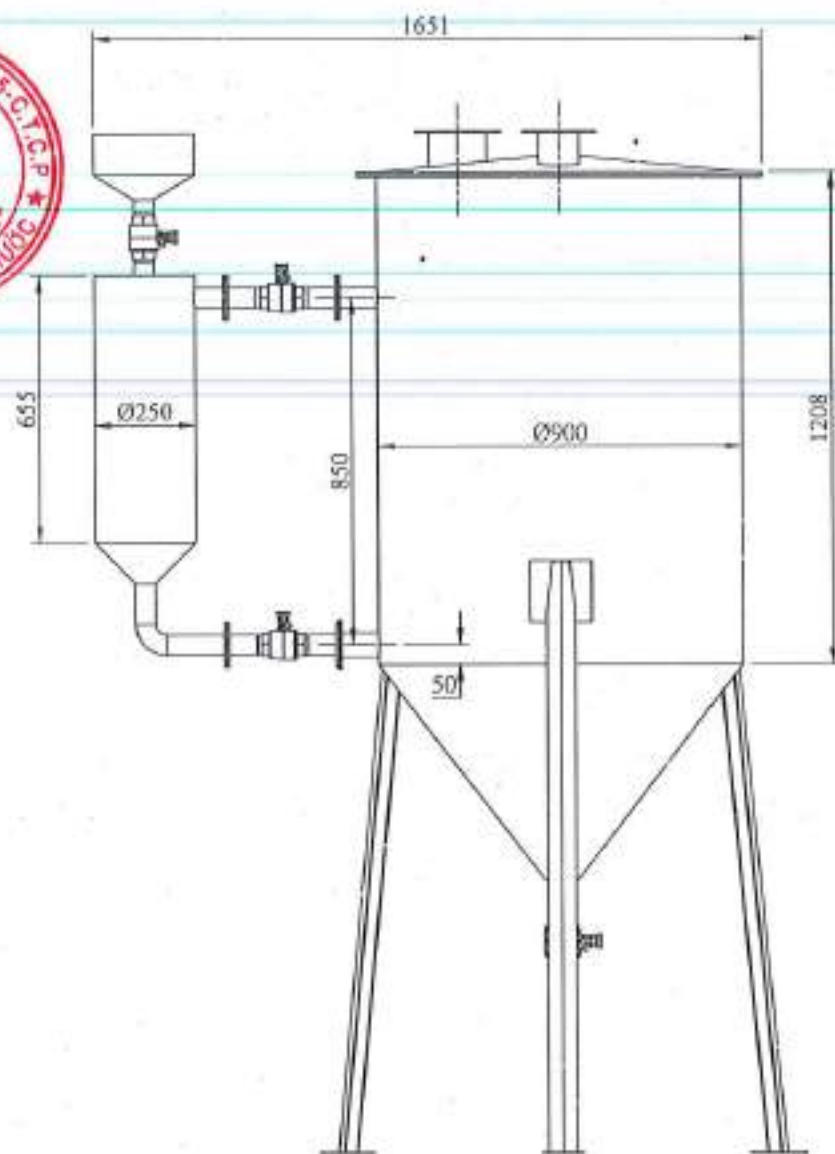


Nguyễn Thị Minh Hải

BẢN VẼ THI CÔNG
KHO CHẤT THẢI CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 9/9	



CÔNG TY TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC



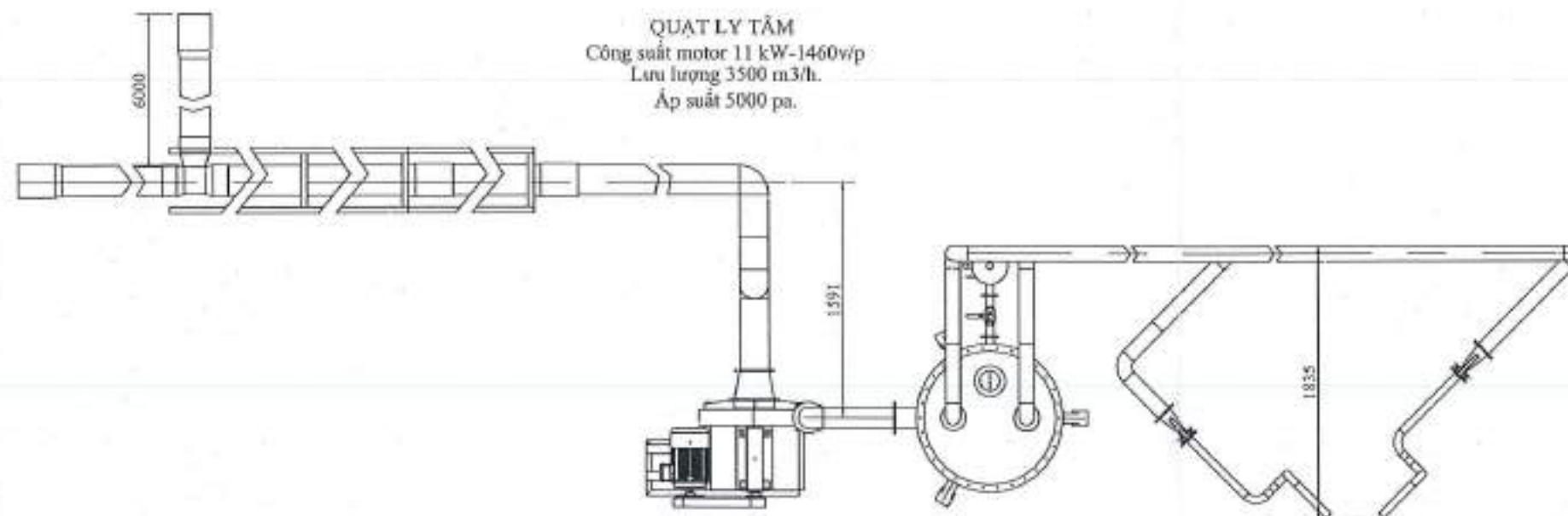
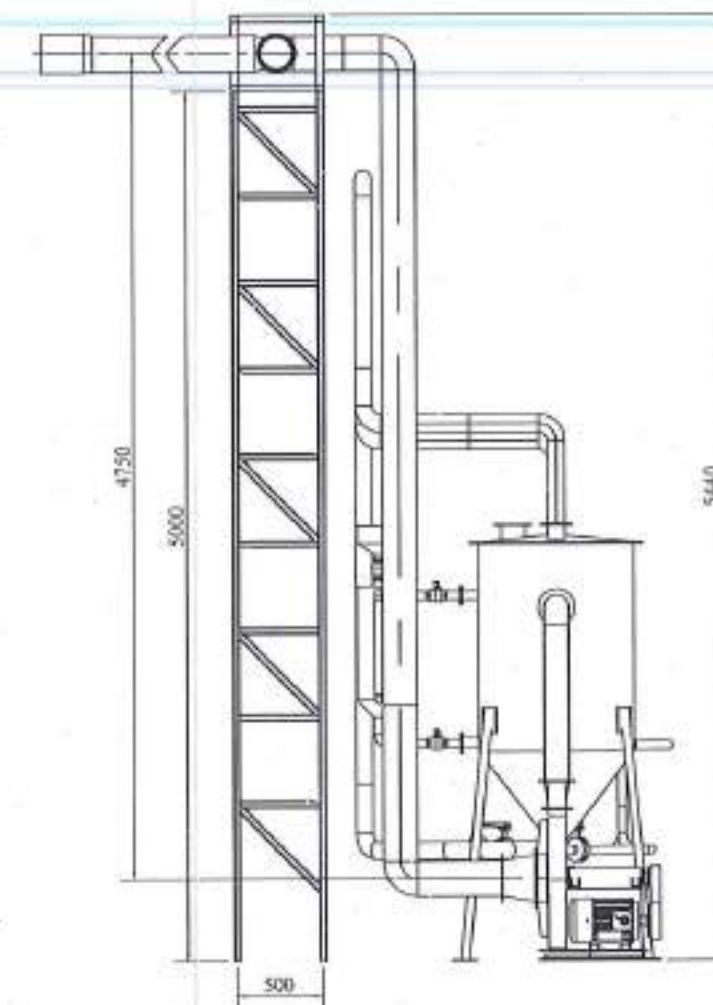
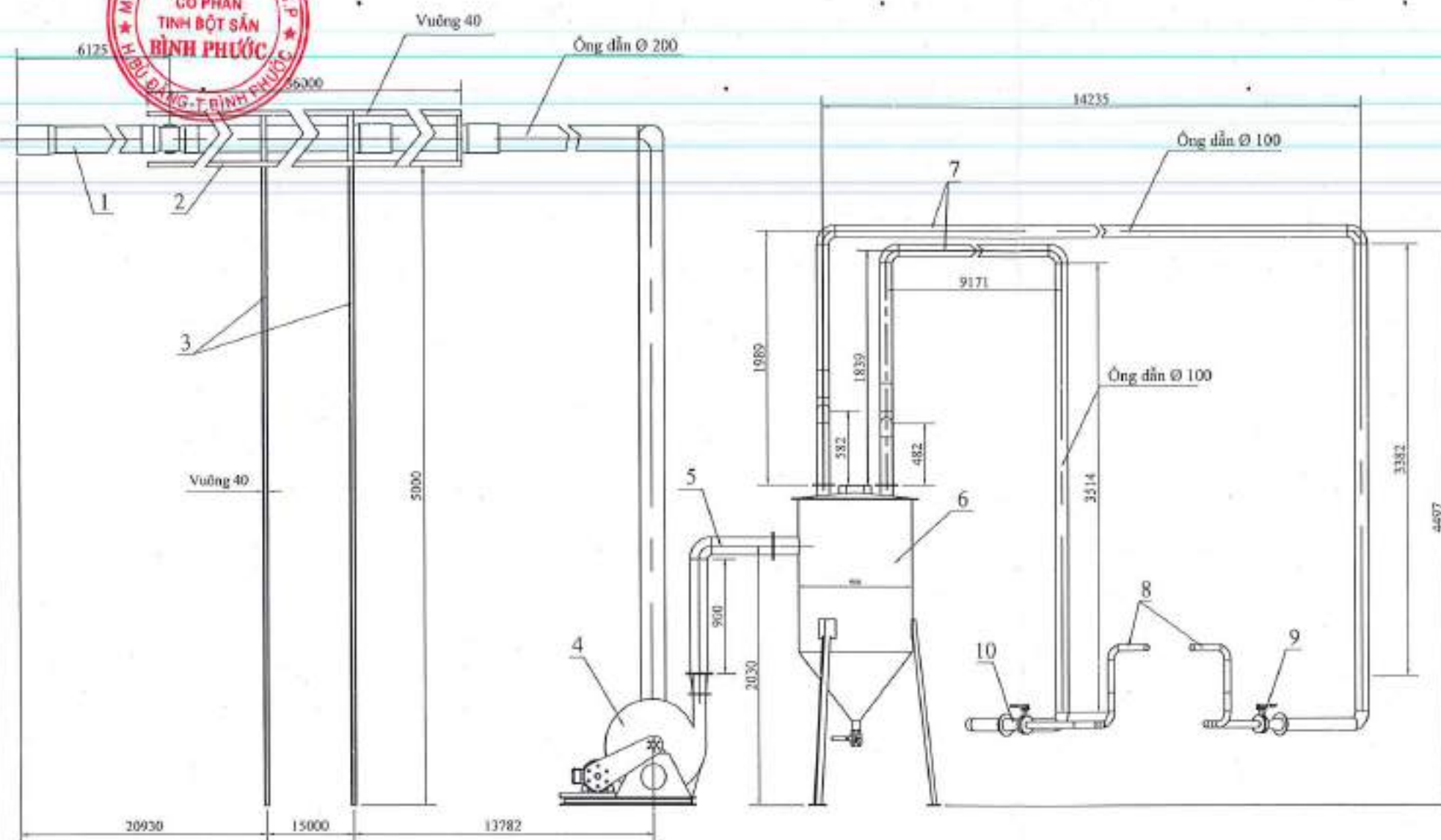
Nguyễn Thị Minh Hải

BÌNH LỌC BIOGAS

DỰ ÁN SẴY BÃ

Ký hiệu:

Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
QLKT	Trần Đức Chiến					1 : 50
Người vẽ	Trần Đức Thắng			Tờ:	Số tờ: 1/5	



QUẠT LY TÂM
Công suất motor 11 kW-1460w/p
Lưu lượng 3500 m³/h.
Áp suất 5000 pa.

10		Ván điều chỉnh 2						
9		Ván điều chỉnh 1						
8		Ống gas vào bể đốt						
7		Ống dẫn gas vào lò đốt Ø 100						
6		Bình lọc gas						
5		Ống gas vào bình lọc Ø 140						
4		Quạt ly tâm cao áp					Vuông 40	
3		Cột 1,2 độ khung					Vuông 40	
2		Khung đỡ ống						
1		Ống dẫn gas vào Ø 200						
STT	Ký hiệu	Tên gọi	SL	Đ V	Tổng Khối lượng	Vật liệu	Ghi chú	

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC

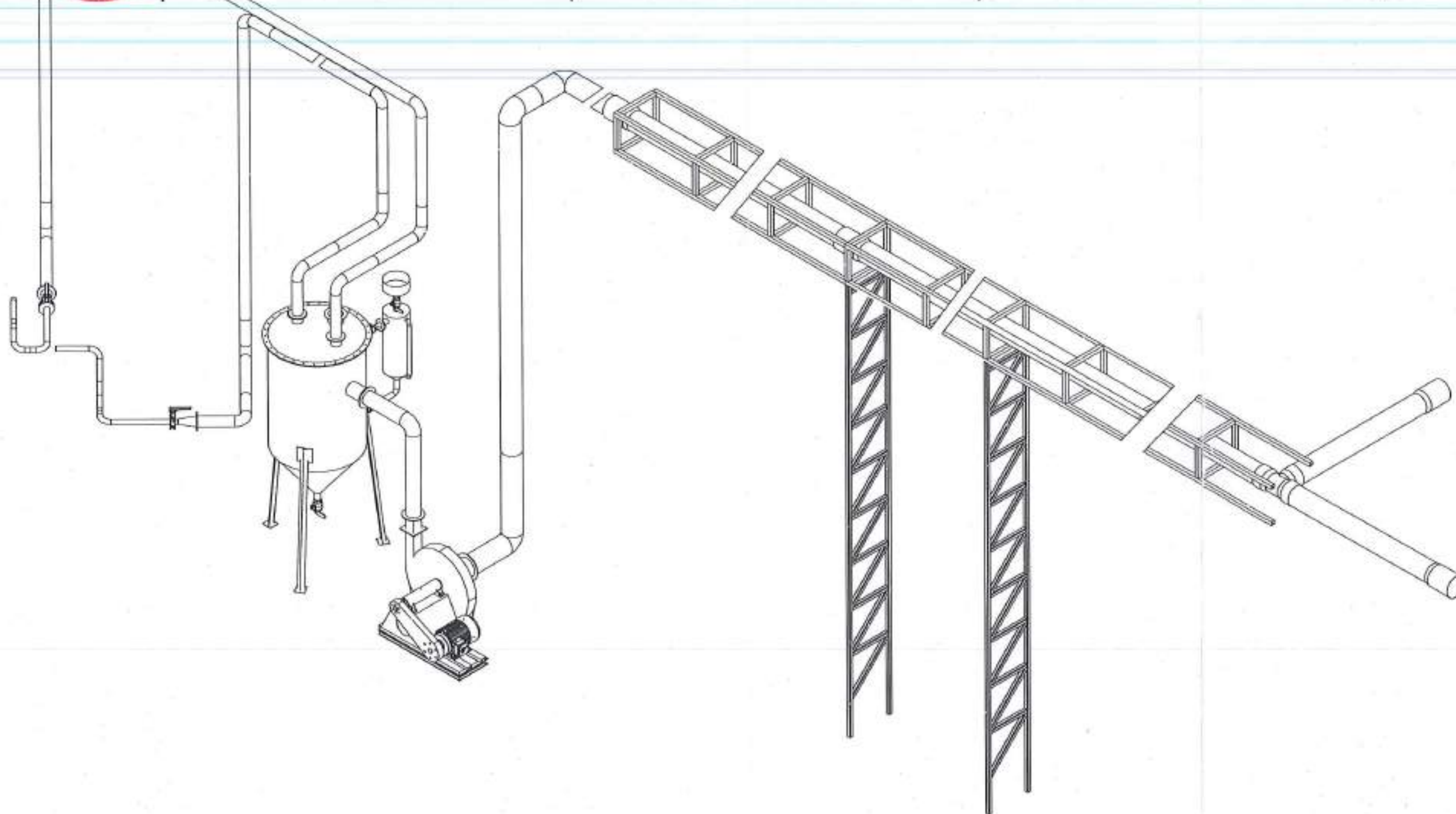


Nguyễn Thị Minh Hải

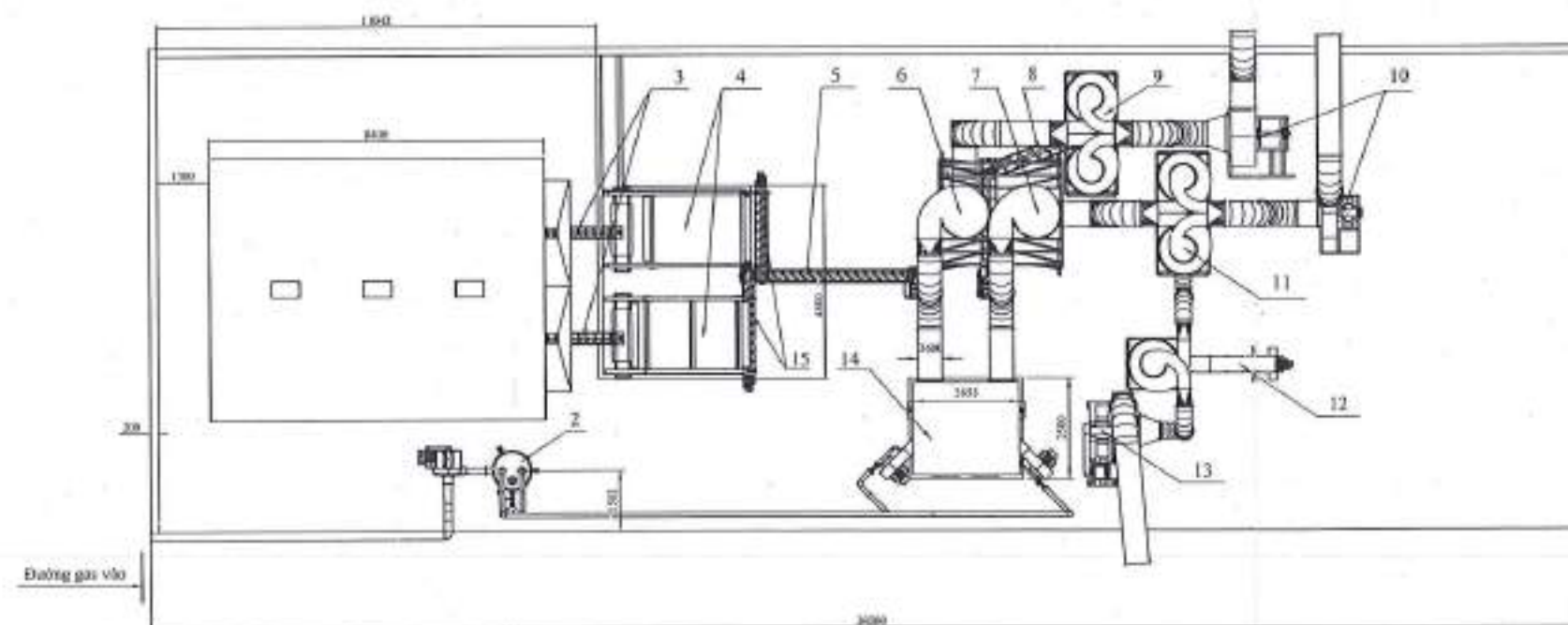
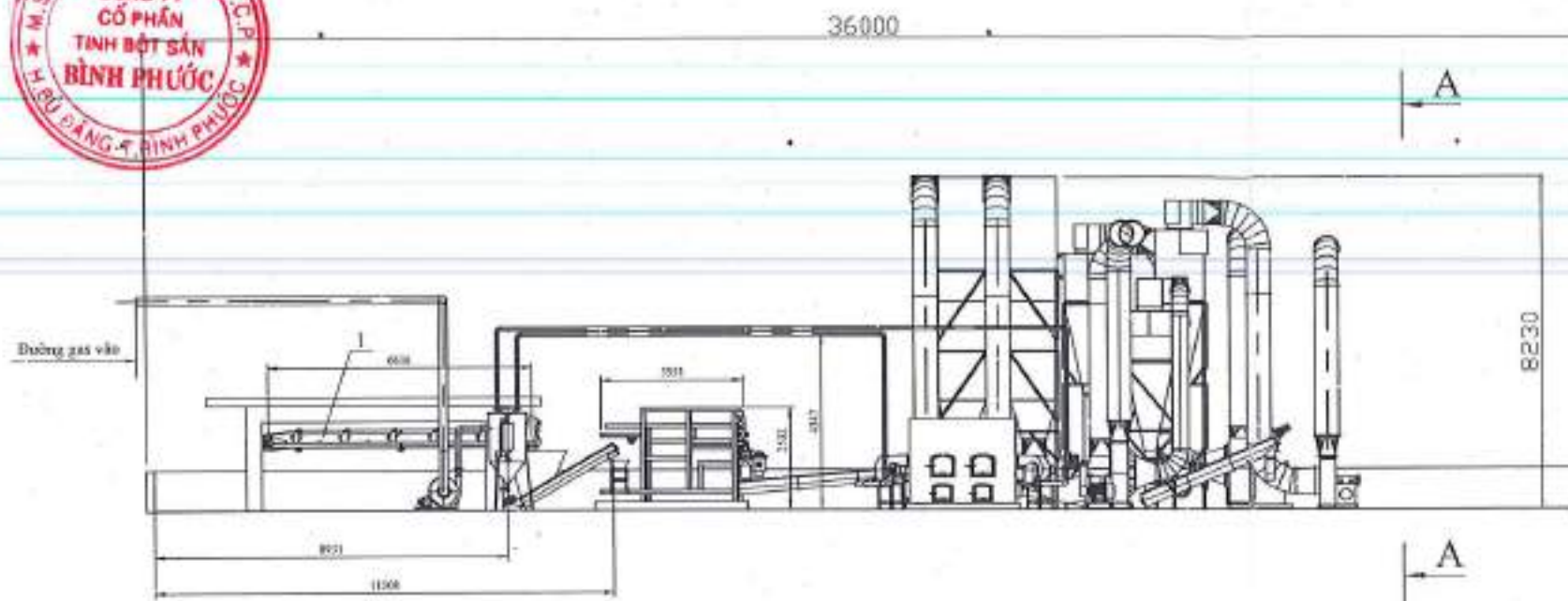
DỰ ÁN SẤY BÃ

Ký hiệu:

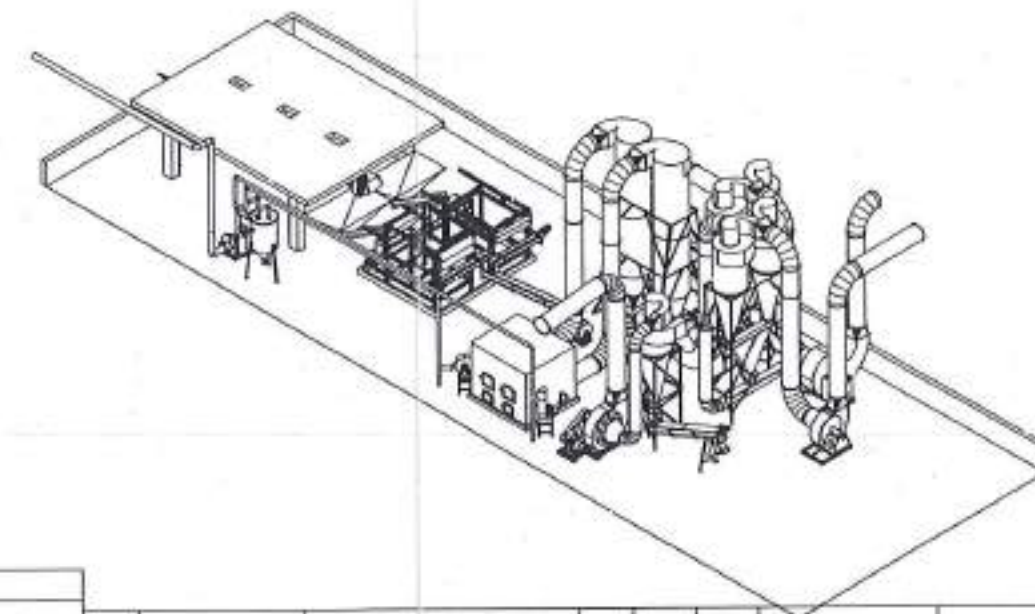
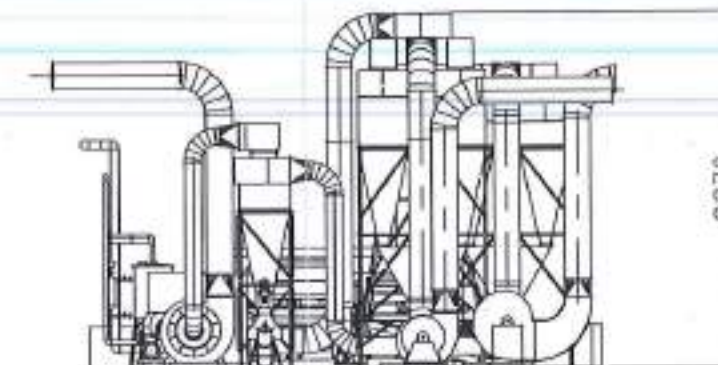
Chức năng	Họ và tên	Chức vụ	Ngày	SƠ ĐỒ ỐNG DẪN BIOGAS	Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
QLKT	Trần Đức Chiến			ỐNG DẪN BIOGAS			1 : 50
Người vẽ	Trần Đức Chiến			BẢN VẼ LẬP	Tô:	Số tờ: 2/5	



CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC GIÁM ĐỐC CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC Nguyễn Thị Minh Hải					DỰ ÁN SẤY BÃ		
Chức năng QL.KT Nguồn vẽ	Họ và tên Trần Đức Chiến Trần Đức Thắng	Chữ ký 	Ngày 	SƠ ĐỒ ỨNG DỤNG BIOGAS ỨNG DỤNG BIOGAS BẢN VẼ LẬP	Ký hiệu: Số lượng Từ:	Khối lượng Số tờ: 3/5	Tỷ lệ 1 : 50

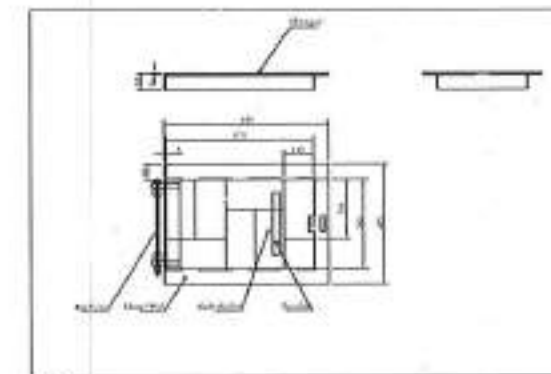
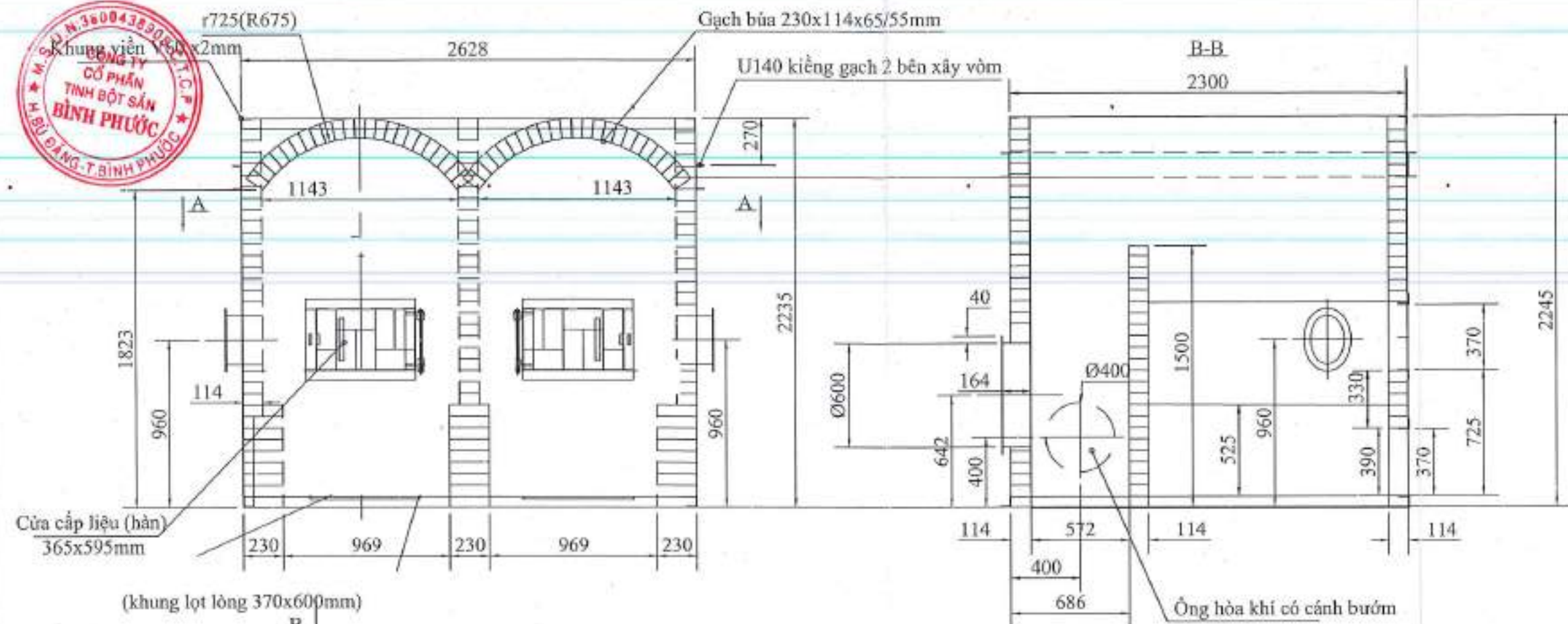


A - A



15		Vít gom liệu 3,4					
14		Lò đốt					
13		Cụm quạt làm nguội					
12		Vít thu liệu 8					
11		Cụm Cyclone lắng 2					
10		Cụm quạt hút 1, 2					
9		Cụm Cyclone lắng 1					
8		Vít 6,7 cấp liệu cho tháp sấy 2					
7		Tháp sấy 2					
6		Tháp sấy 1					
5		Vít 5 cấp liệu cho sấy					
4		Máy ép 1 và 2					
3		Vít 1,2 cấp liệu cho máy ép					
2		Bình lọc biogas					
1		Băng tải lòng máng					
STT	Ký hiệu	Tên gọi	SL	Đ V	Tổng	Vật liệu	Ghi chú
				Khối lượng			

STT	Ký hiệu	Tên gọi	SL	Đ V	Tổng	Vật liệu	Ghi chú
				Khối lượng			
CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC							DỰ ÁN SẤY BÃ
							Ký hiệu:
Chức năng	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	SƠ ĐỒ MẶT BẰNG NHÀ SẤY BÃ		Số lượng	Khối lượng
QLKT	Trần Đức Chiến			MẶT BẰNG TỔNG		Tỷ lệ	
Người vẽ	Trần Đức Chiến			BẢN VẼ LẬP		Tờ:	Số tờ: 4/5

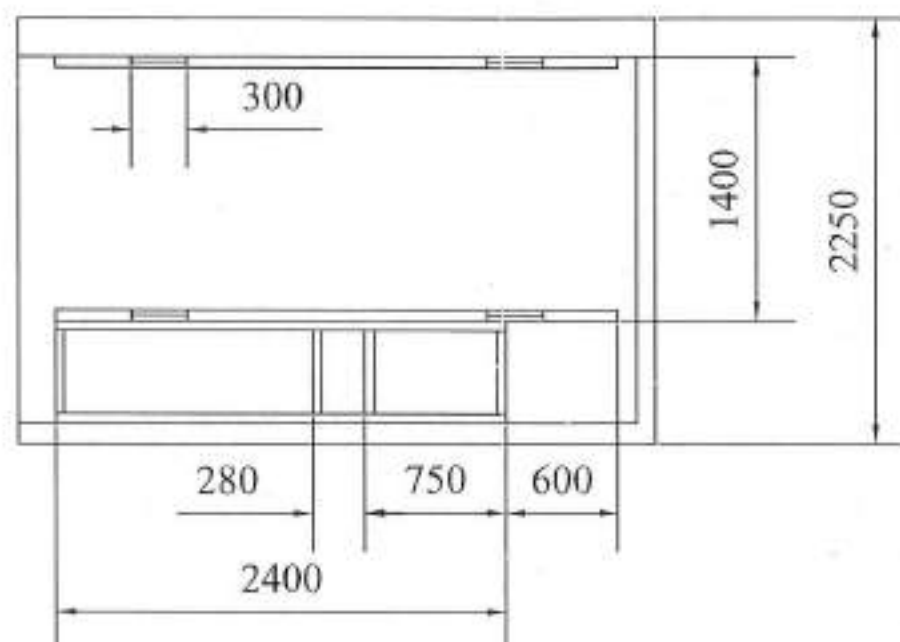


- Gạch chịu lửa xây tường quy cách 230x114x65mm
- Gạch búa xây vòm côn 65/55mm theo phương 114mm
- Vữa xây trộn tỷ lệ 25kg Sa mịn + 10 lít thủy tinh lỏng (có thể thêm nước pha sệt)
- Mạch vữa giữa các viên dày 1 - 2 mm
- Đặt các hộp lỗ, ống vào khi xây tường
- Cốt pha trần xây gạch, chỉ tháo khi vữa đã khô cứng sau khi nung lò
- Lắp bản lề cửa; tay nắm, chốt gài theo đúng hướng bản vẽ

 CÔNG TY TNHH BCS BÌNH PHƯỚC CHẤM ĐÓNG CỔ PHẦN TỈNH BƠI SƠN BÌNH PHƯỚC DỰ ÁN SẤY BẮN			
Người lập: Ông Minh Hải Ký hiệu:			
Chức năng:	Họ và tên:	Chức vụ:	Ngày:
QUKT:	Trần Đức Chiến		
Người vẽ:	Trần Đức Chiến		



KHUNG ĐỂ LÒ ĐỐT



CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

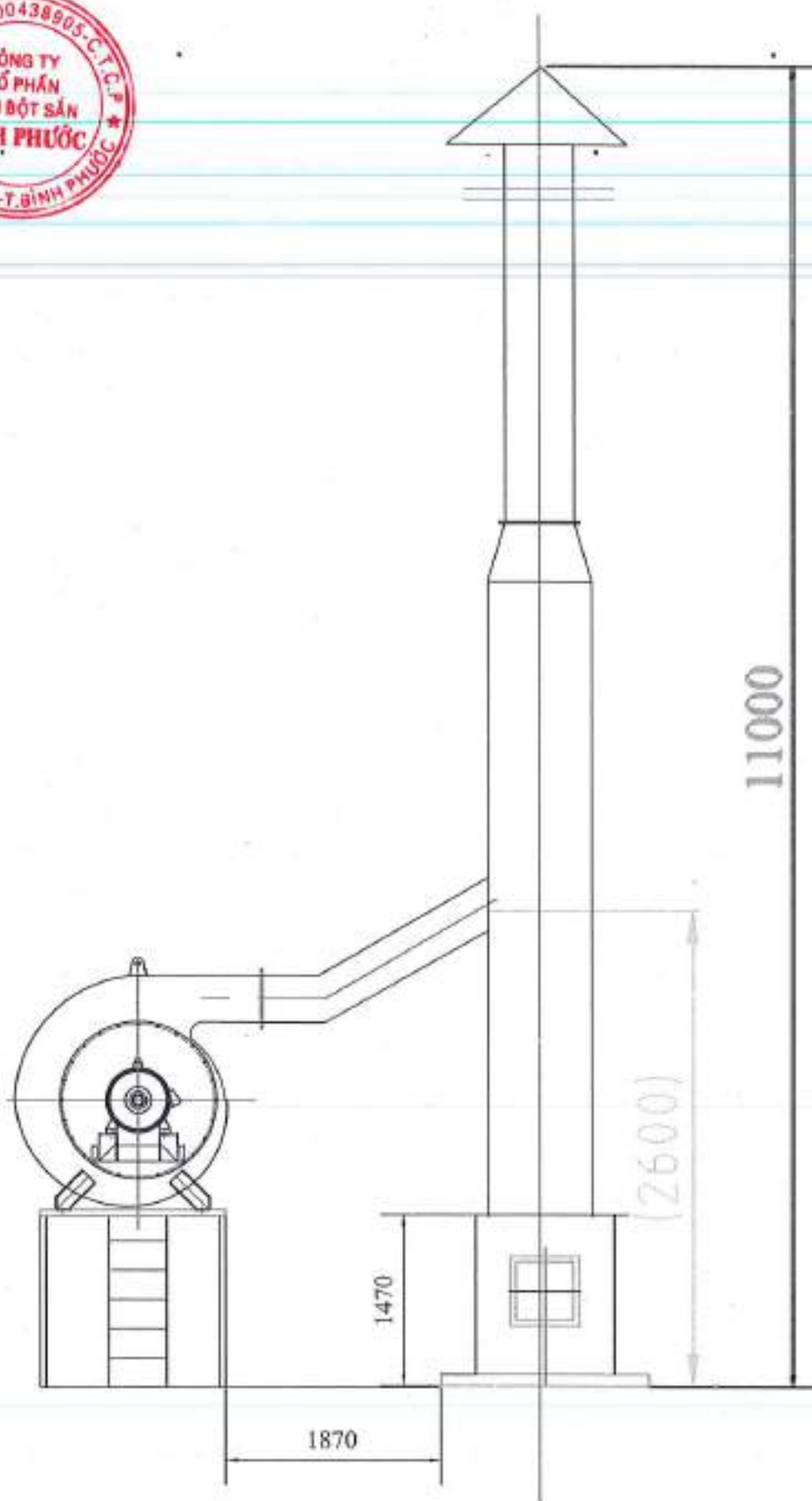


Nguyễn Thị Minh Hải

BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 1

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	KHUNG ĐỂ	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 1/5	



QUẠT HÚT KHÓI LÒ

CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Hải

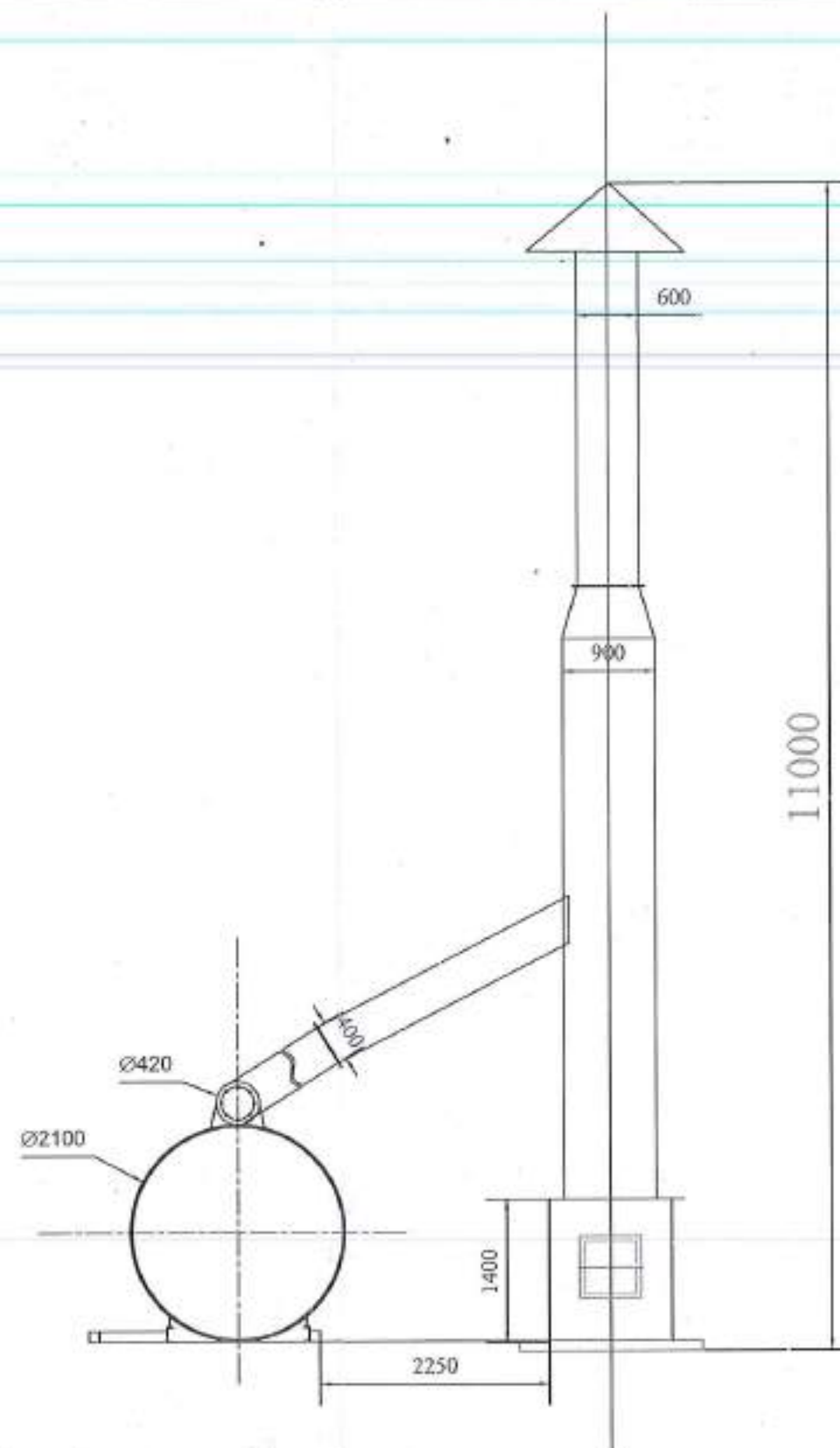
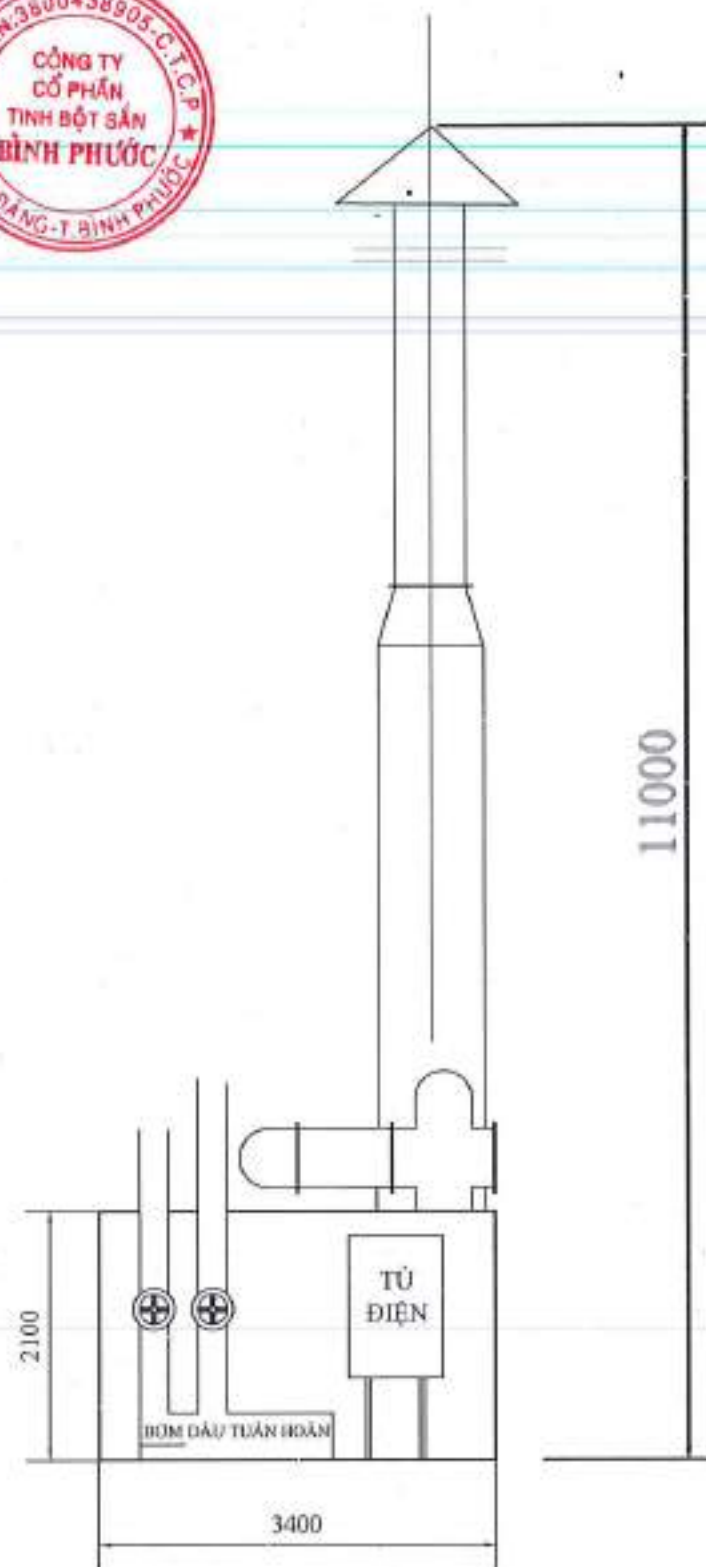
BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 1

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	QUẠT HÚT KHÓI LÒ	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 2/3	



CÔNG TY CP TINH BỘT SẮN BÌNH PHƯỚC		BẢN VẼ THI CÔNG	
GIẤY ĐÓNG		LỒ ĐÓT 1	
		Ký hiệu:	
Chức năng	Chữ ký	Số lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến	Khoảng lượng:	1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng	Tên:	Số số: 3/3
		LỒ ĐÓT BƠM ĐẦU-TỦ ĐIỆN	
		Nguyễn Thị Minh Hải	



LÒ ĐỐT-ÔNG KHỎI

CÔNG TY CP TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh Hải



BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 1

Ký hiệu:

Chức năng	Chữ ký	Ngày
QLKT	Trần Đức Chiến	
Thiết kế	Trần Đức Thắng	

Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
		1:1
Tên	Số vẽ: 4/5	



Nguyễn Thị Minh Hải

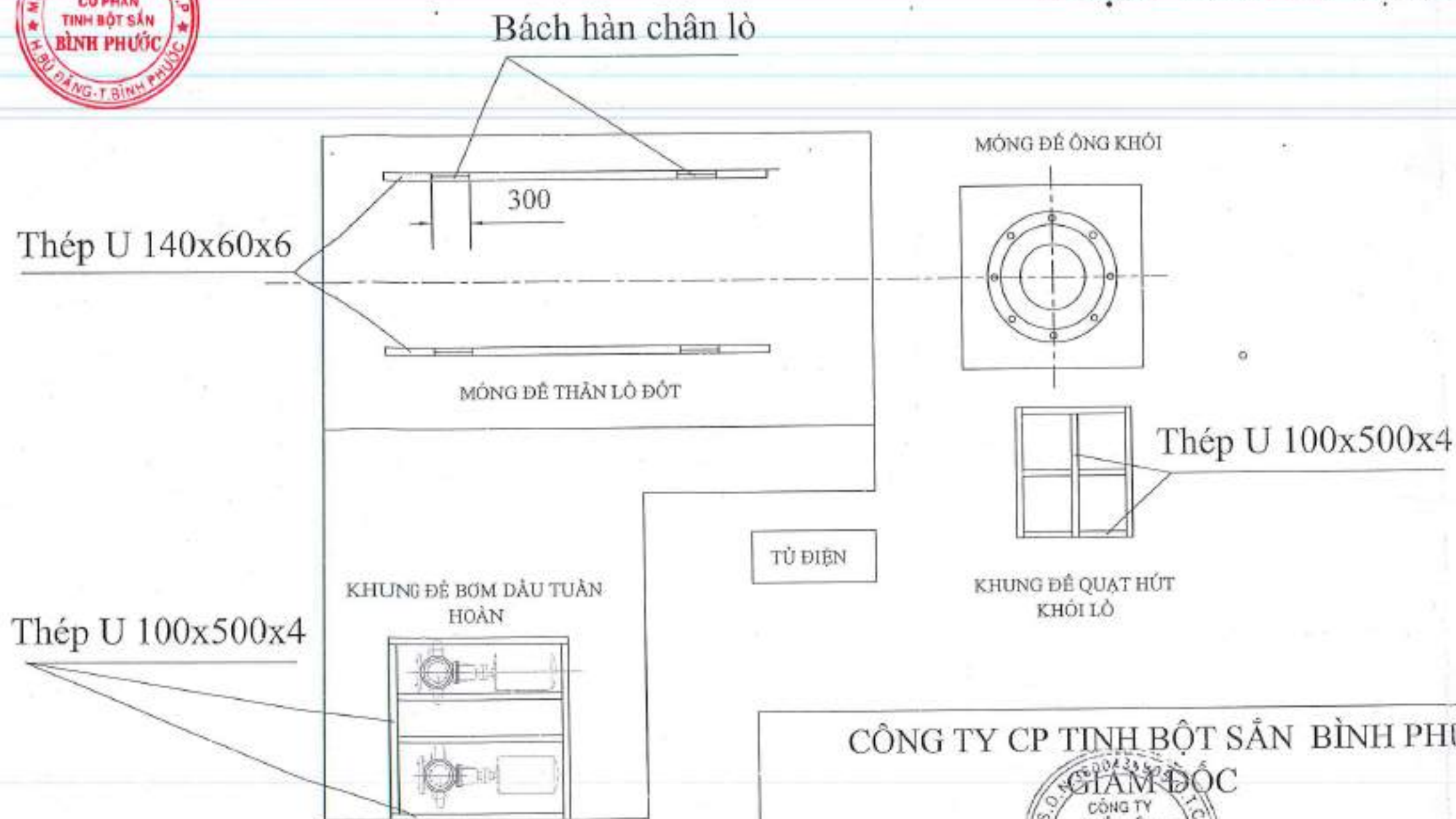
BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 1

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	KHUNG ĐỀ	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 5/5	



MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2



CÔNG TY CP TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC



Nguyễn Thị Minh Hải

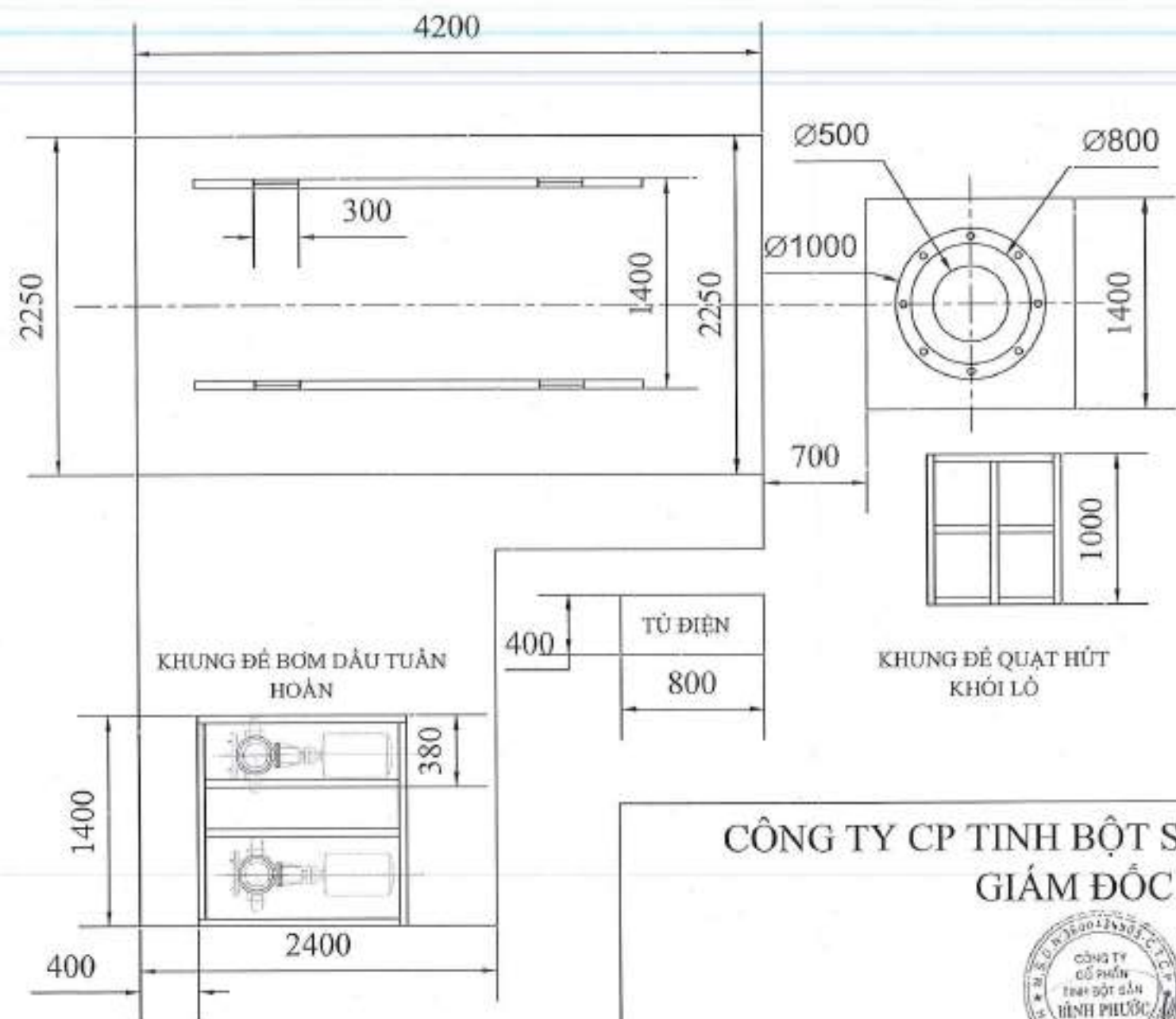
BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 2

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 1/3	



MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2



CÔNG TY CP TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

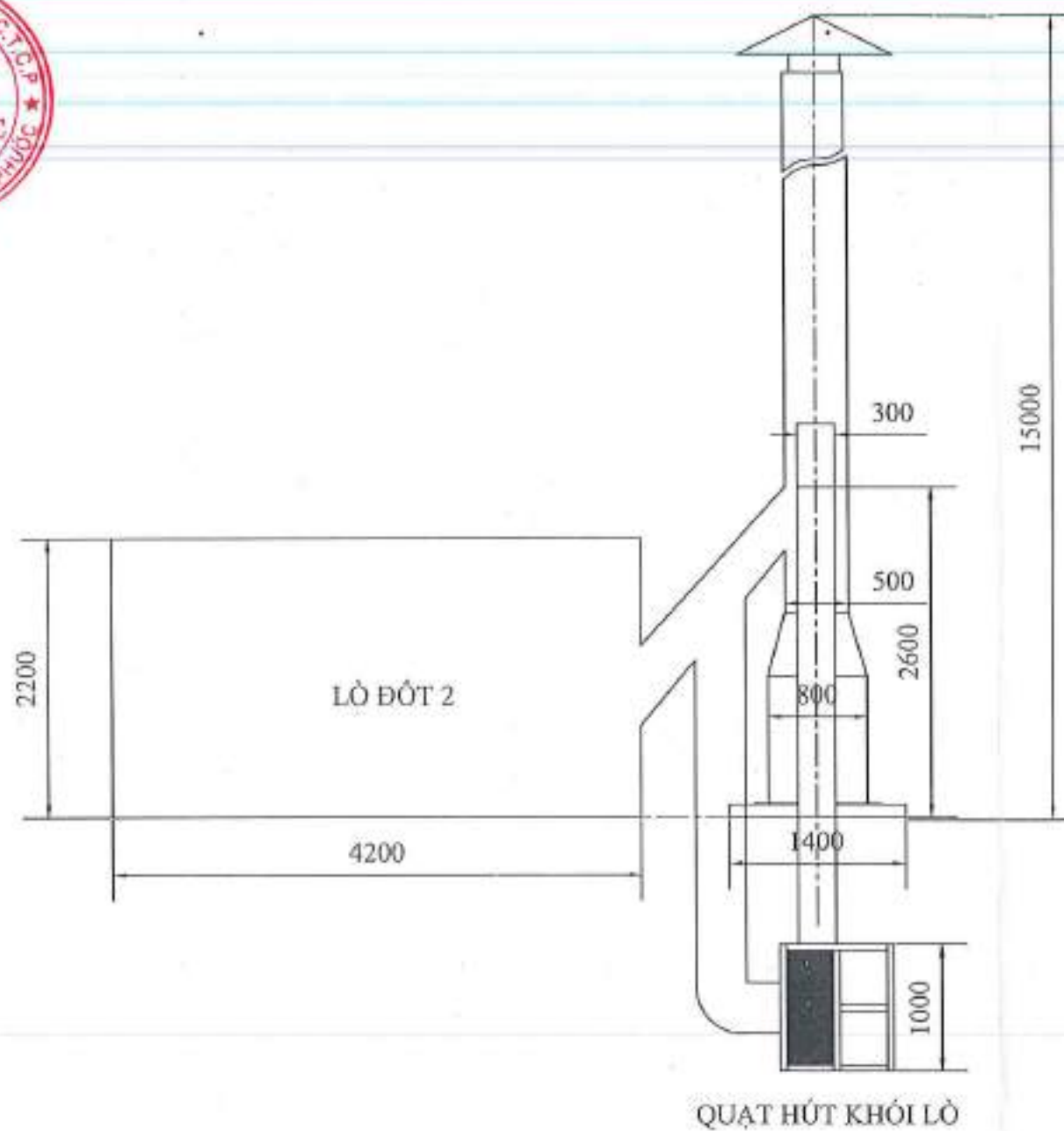


Nguyễn Thị Minh Hải

BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 2

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 2/3	

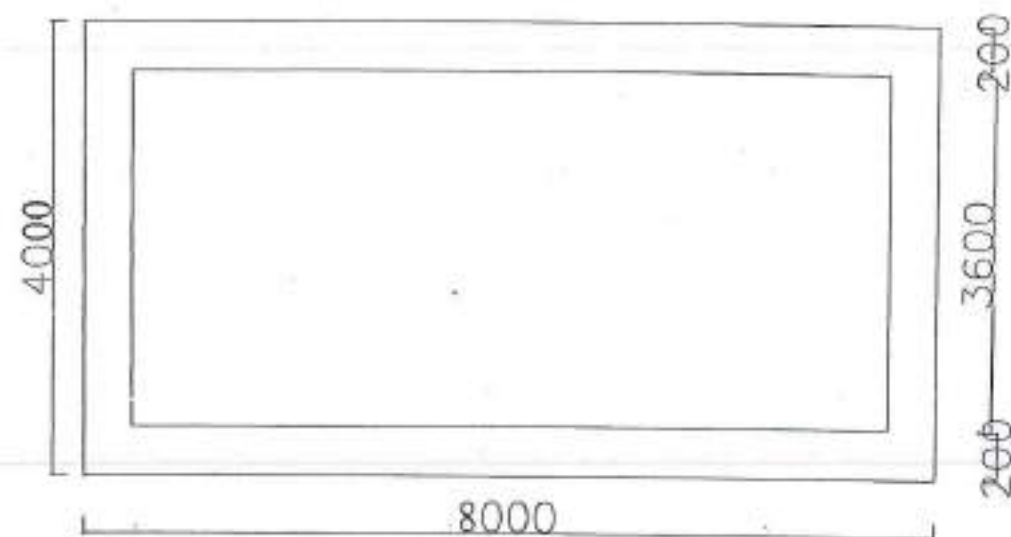
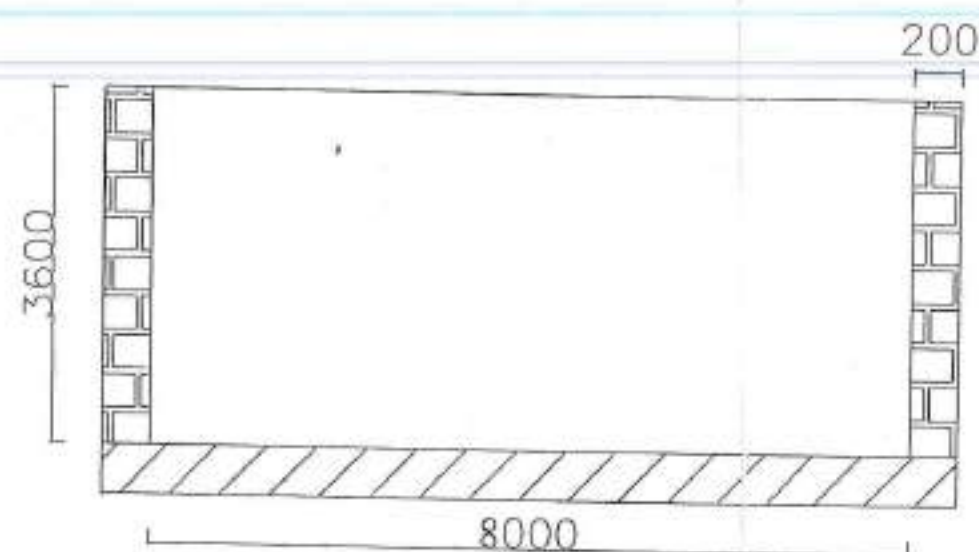
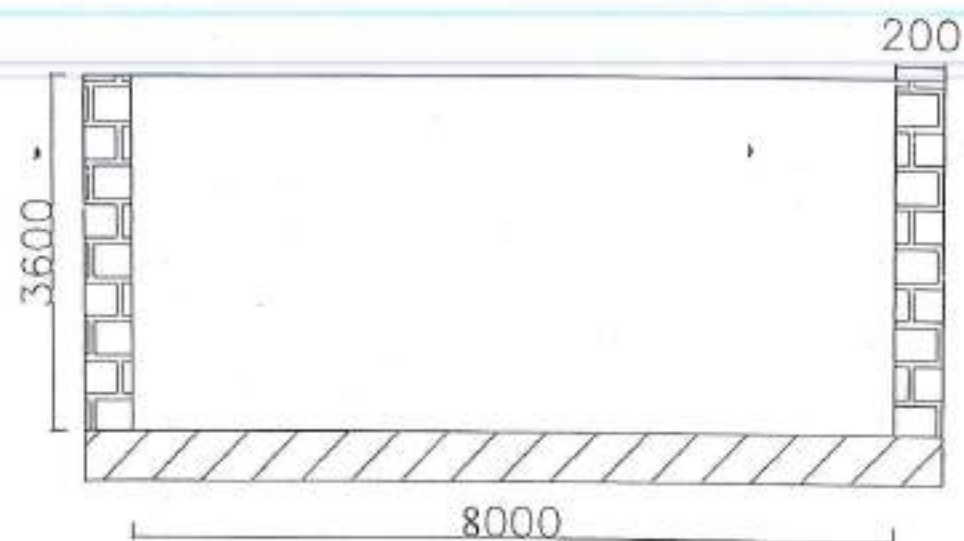


CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh Hải

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	LỖ ĐÓT ÔNG KHÔI	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Từ:	Số tờ: 3/3	



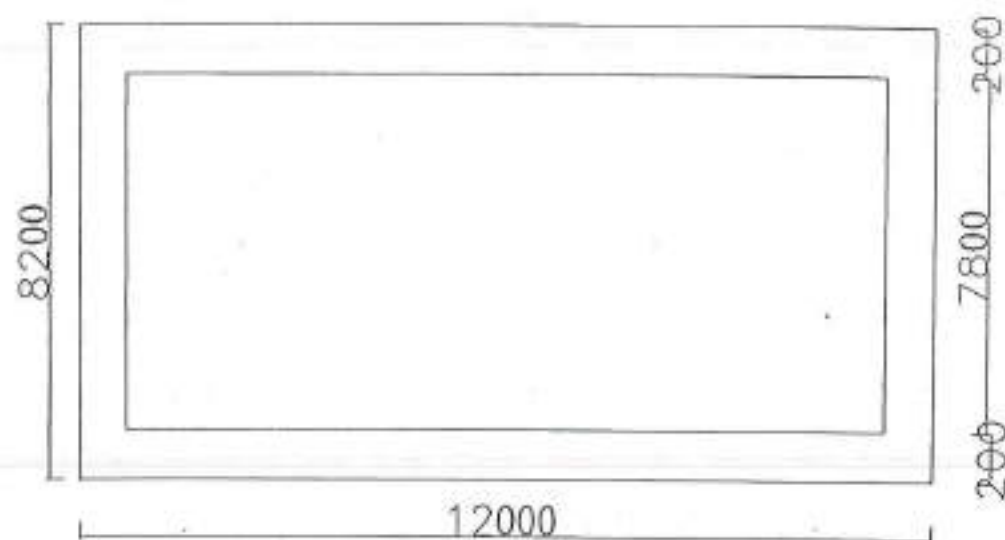
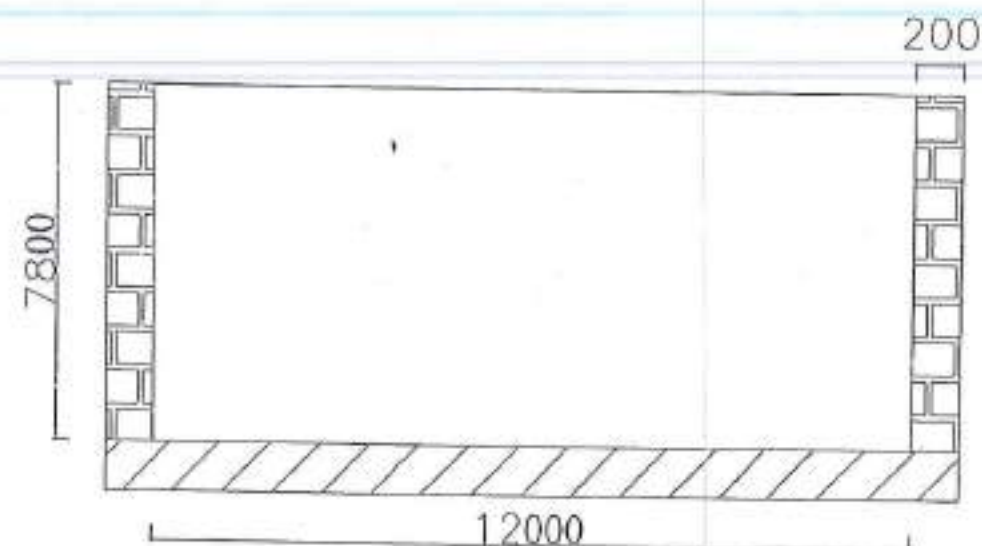
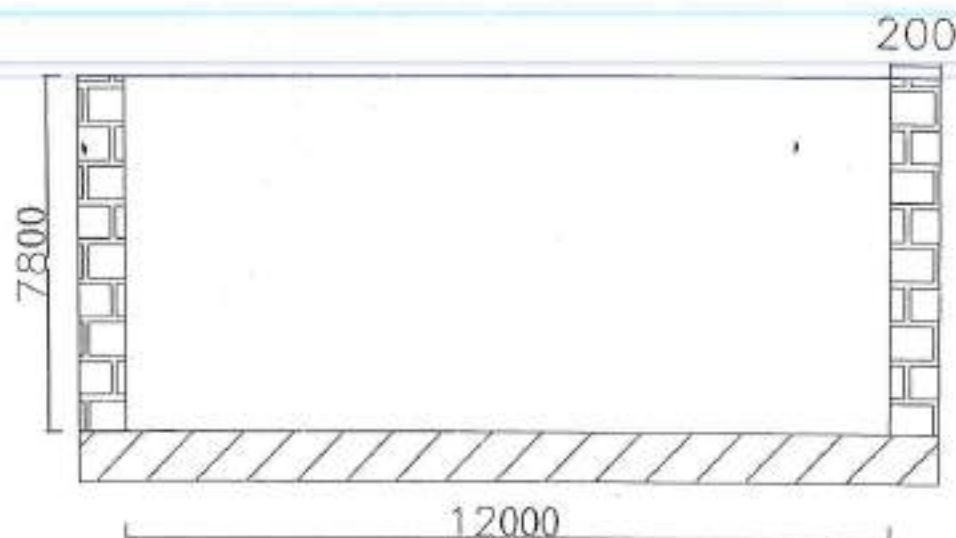
BỂ LẮNG CÁT 1

Kích thước: LxBxH=8x3.6x0.5m

Kết cấu:

- Bê tông cốt thép

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680 M3/NGÀY	BỂ LẮNG CÁT 1	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



BỂ LẮNG CÁT 2

Kích thước: LxBxH=12x7.8x4m

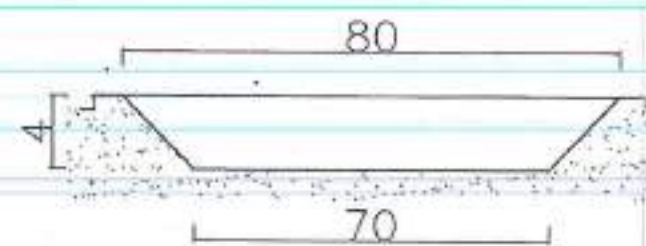
Kết cấu:

- Bê tông cốt thép và gạch thẻ

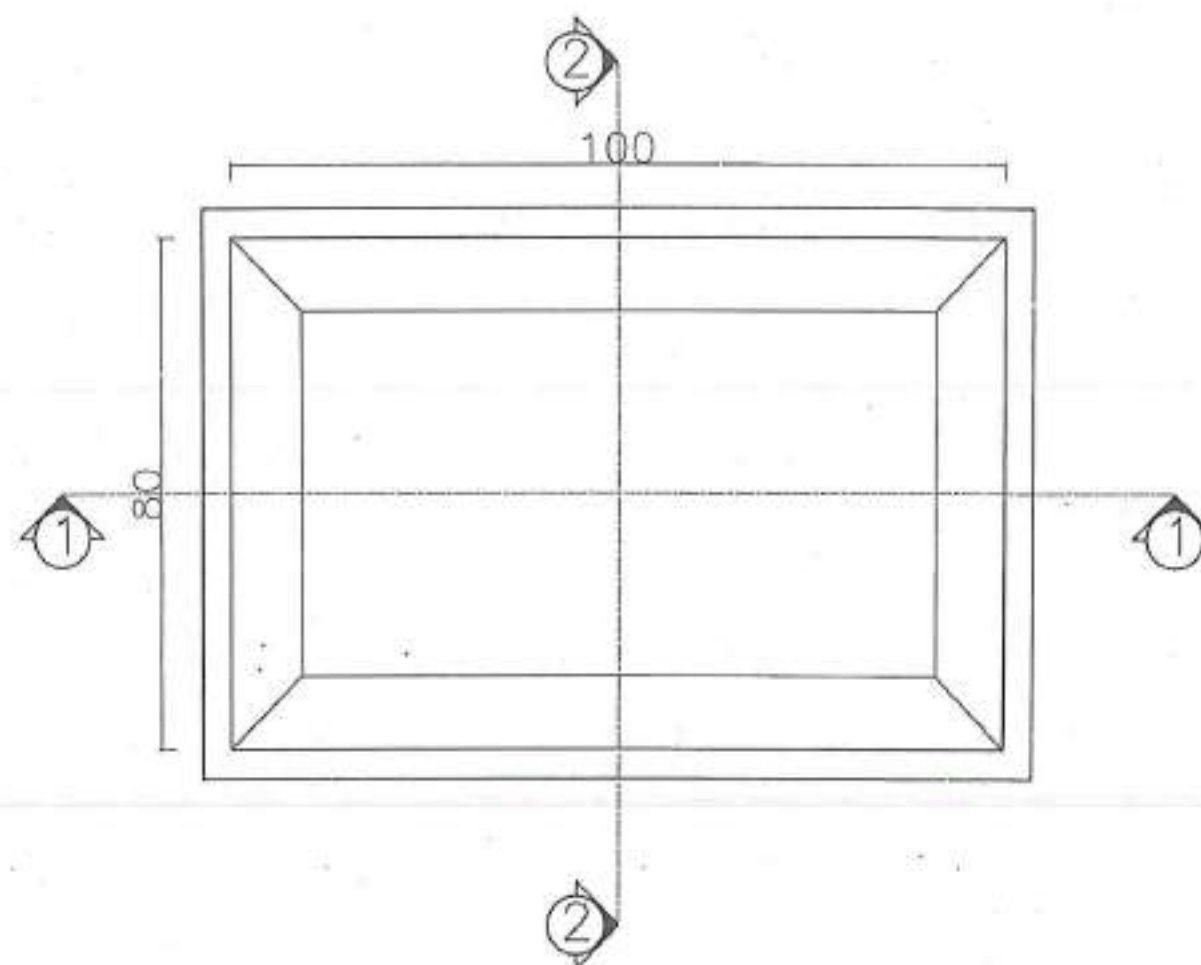
 ĐẦU TƯ <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 ĐƠN VỊ TƯ VẤN <i>Vũ Văn Hoàng</i>	CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BỐT SẢN CÔNG SUẤT 1.680 M3/NGÀY	TÊN BẢN VẼ	
			BỂ LẮNG CÁT 2	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



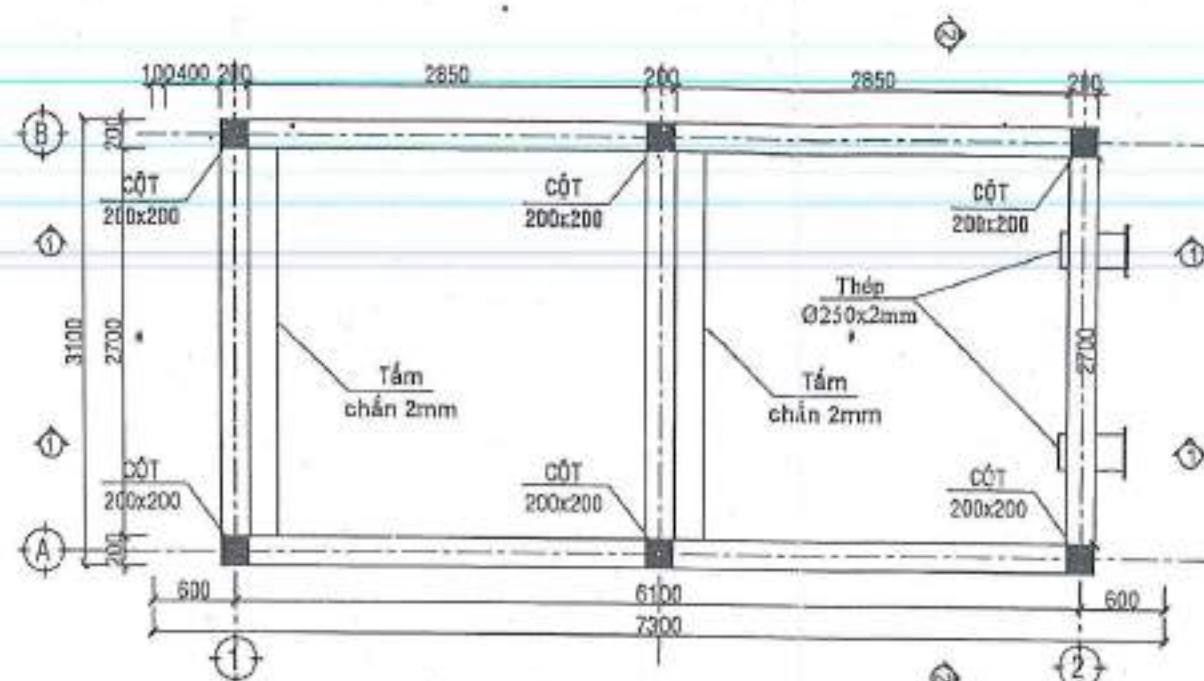
HỒ TÙY NGHI

Kích thước: LxBxH=100x80x4

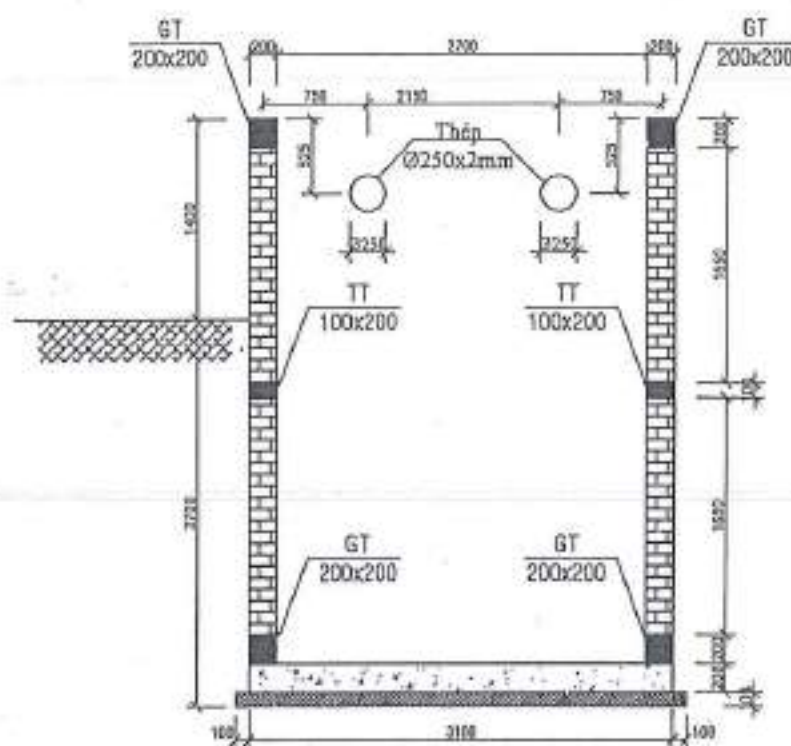
Kết cấu:

- Taluy bờ hồ bằng bê tông, kè đá
- Che phủ bạt HDPE trên mặt hồ
- lót đáy bằng bạt HDPE

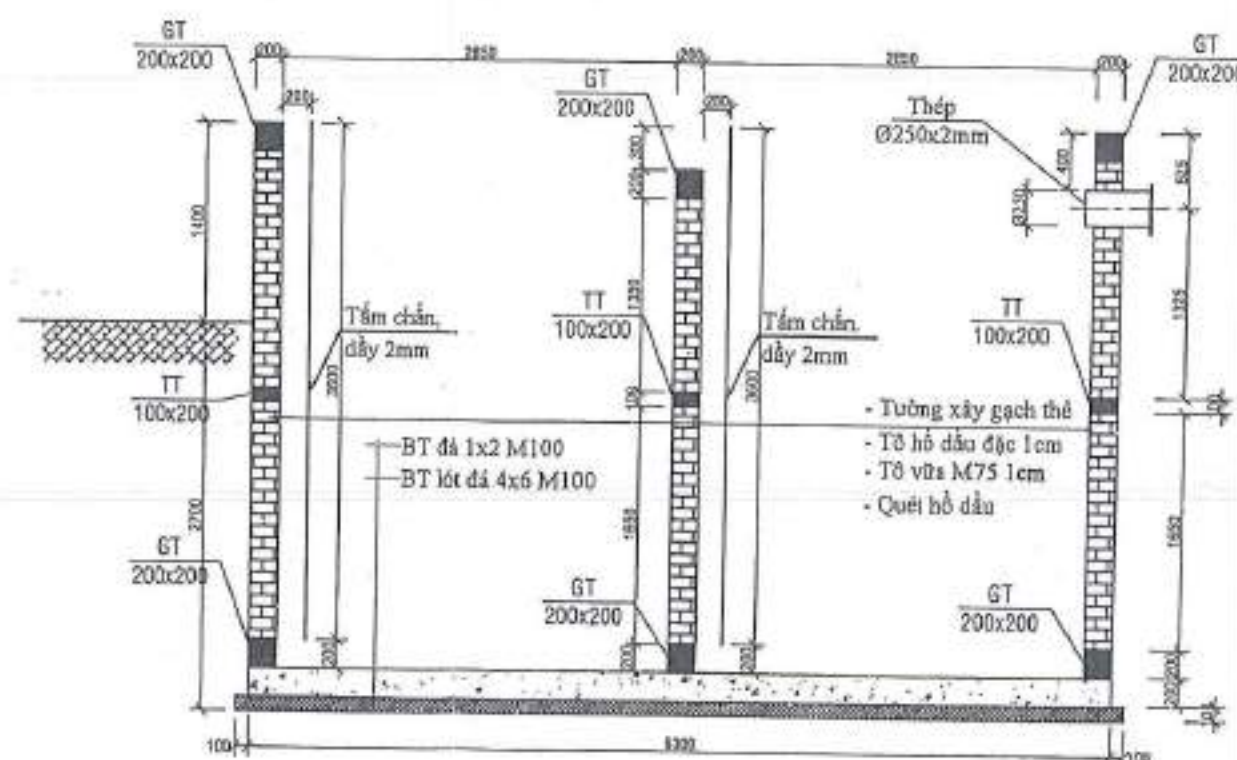
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Vũ Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TINH BỘT Sắn CÔNG SUẤT 1.680 M3/NGÀY	HỒ TÙY NGHI	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



MẶT BẰNG BÊ KEO TỤ, TẠO BÔNG

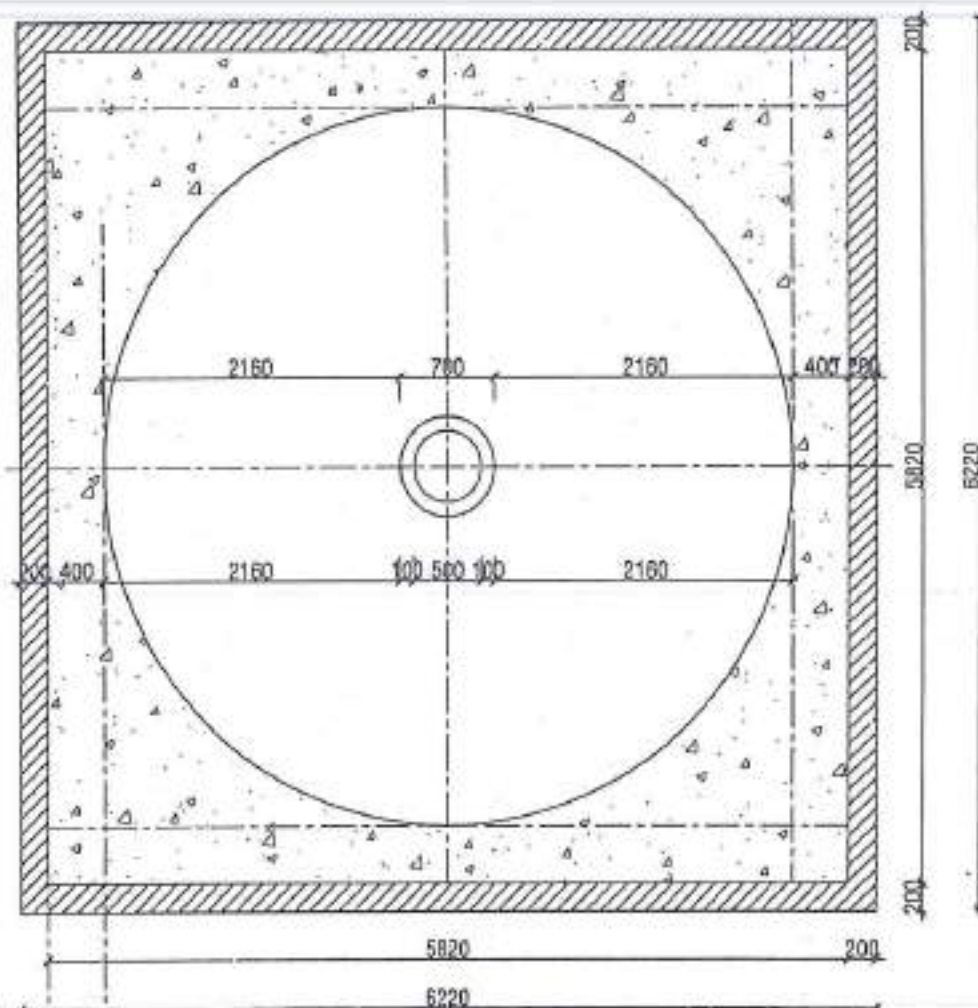


MẶT CẮT 2-2

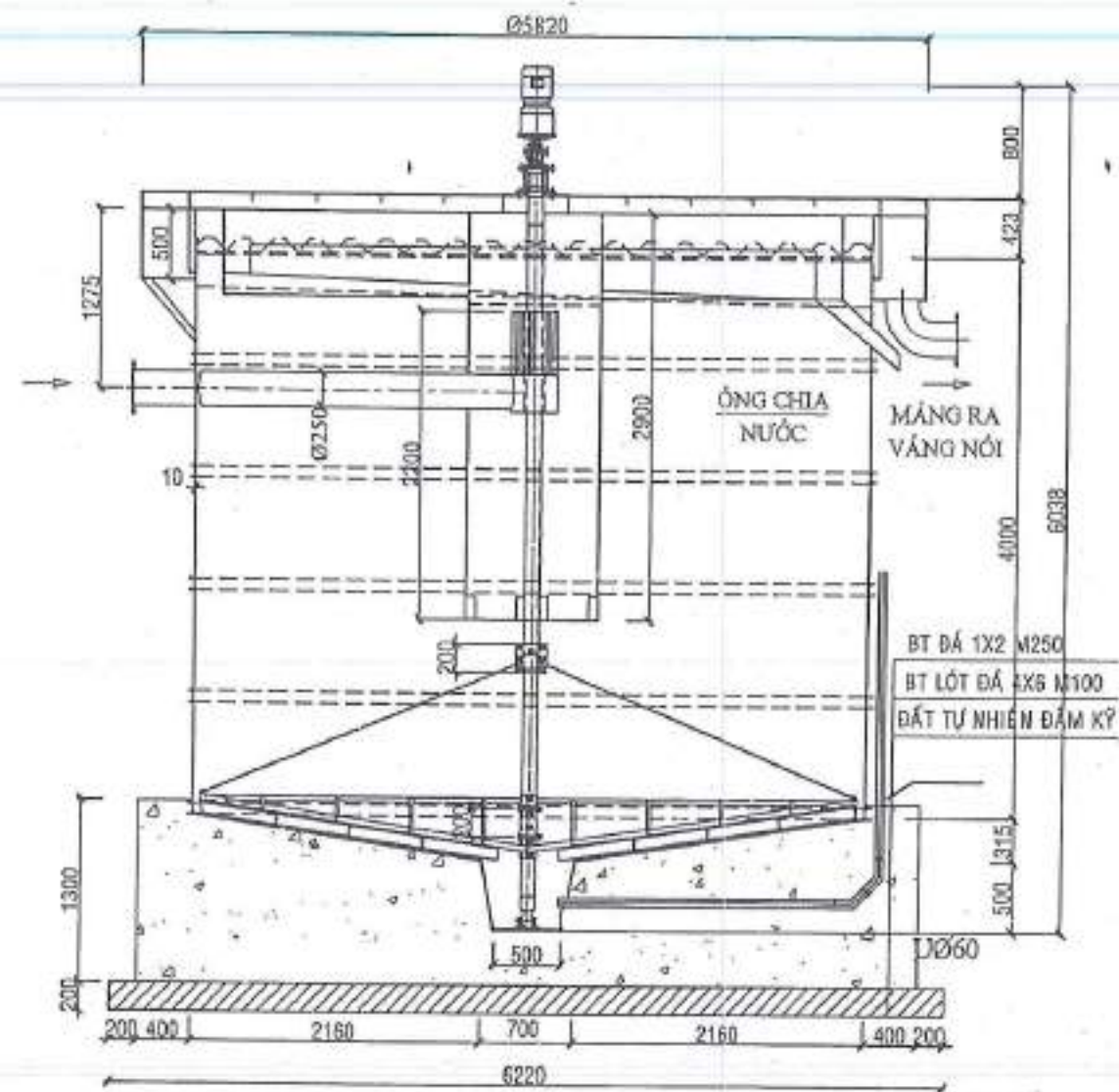


MẶT CẮT 1-1

 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Thắng</i>	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẢN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	BÊ KEO TỤ - TẠO BÔNG	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	

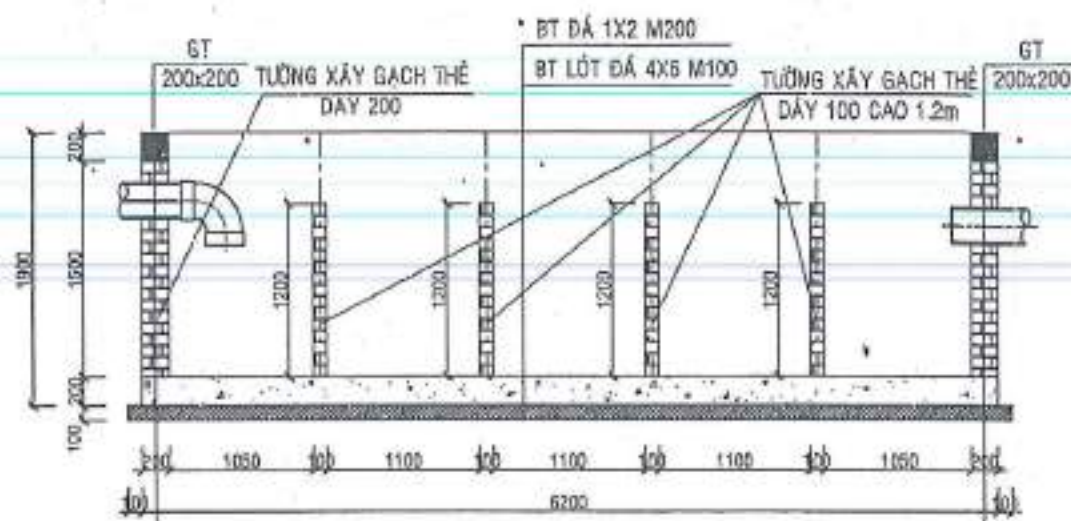


MẶT BẰNG ĐỂ BÊ LĂNG - TL:1/100

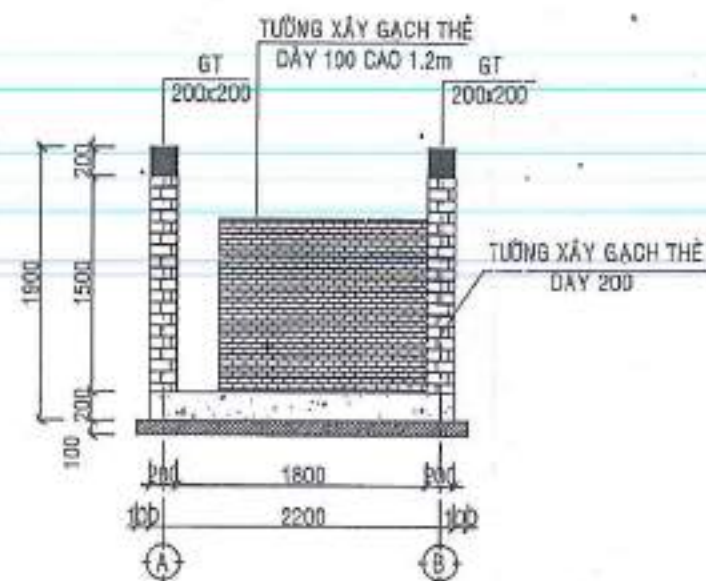


MẶT CẮT ĐỂ BÊ LĂNG - TL:1/100

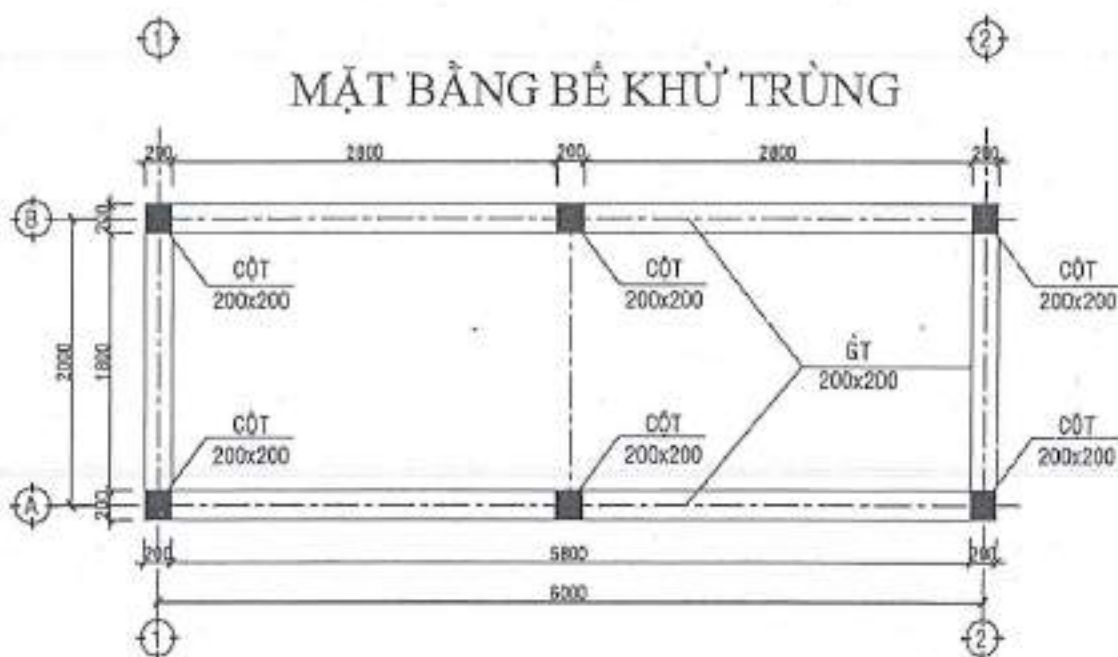
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Thắng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680M3/NGÀY	BÊ LĂNG TRÒN	
			Tổng số bản vẽ 12	Bản vẽ số



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



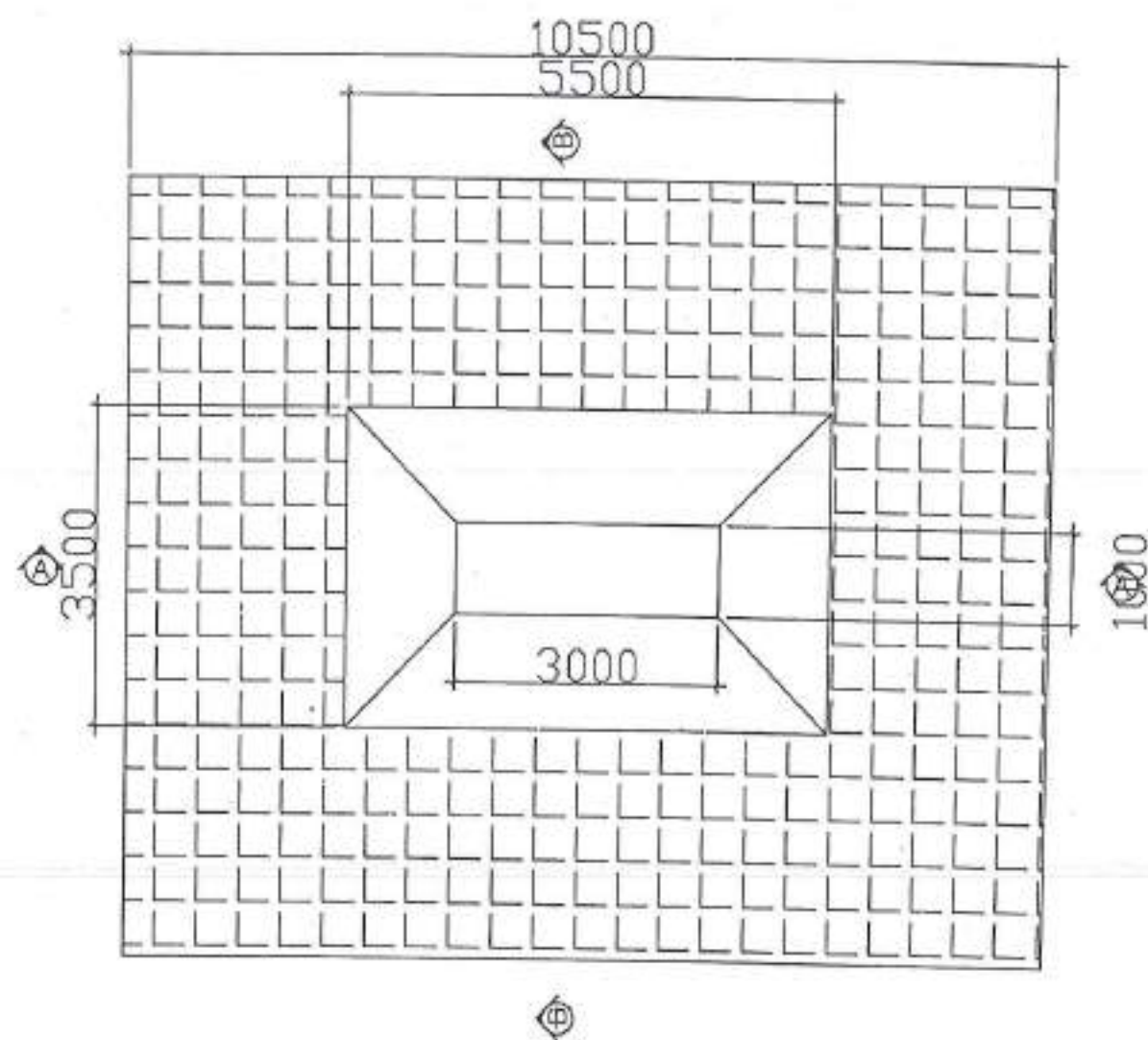
MẶT BẰNG BỂ KHỬ TRÙNG

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ
		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TỈNH BỘT SÁN CÔNG SUẤT 1.680M³/NGÀY	BỂ KHỬ TRÙNG
Nguyễn Thị Minh Hải		Võ Văn Thắng	
		Tổng số bản vẽ 12	
		Bản vẽ số	

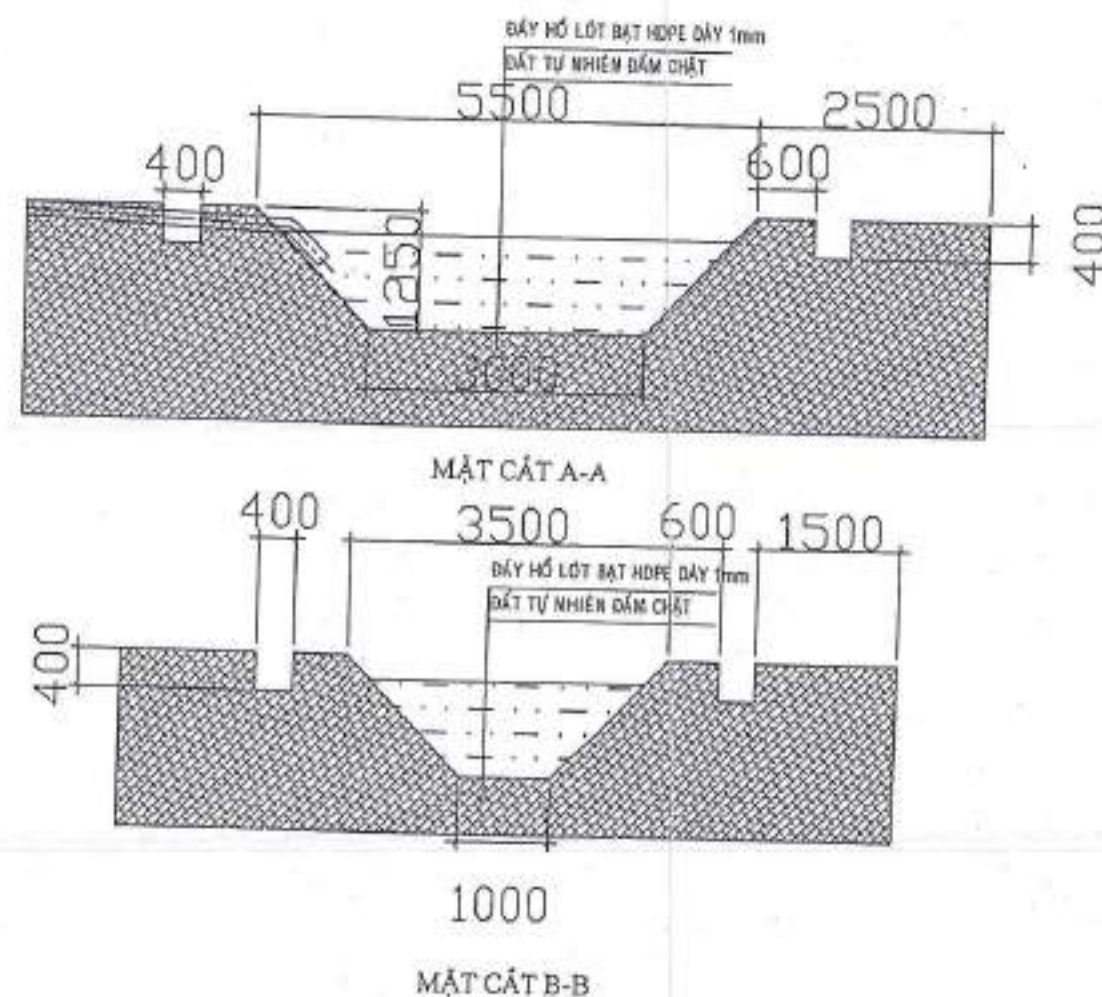


HỒ CHỨA NƯỚC SẠCH
KÍCH THƯỚC: 11x7x2.5m
KẾT CẤU:
- LÓT ĐÁY BẰNG BẠT HDPE

MẶT BẰNG HỒ CHỨA NƯỚC - TL: 1/100



MẶT CẮT HỒ CHỨA NƯỚC - TL: 1/100

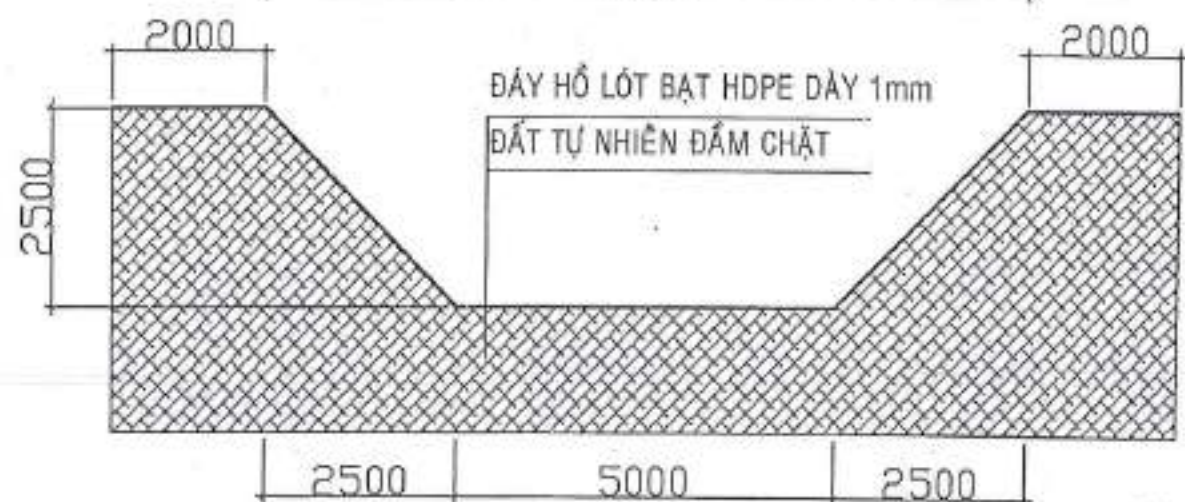
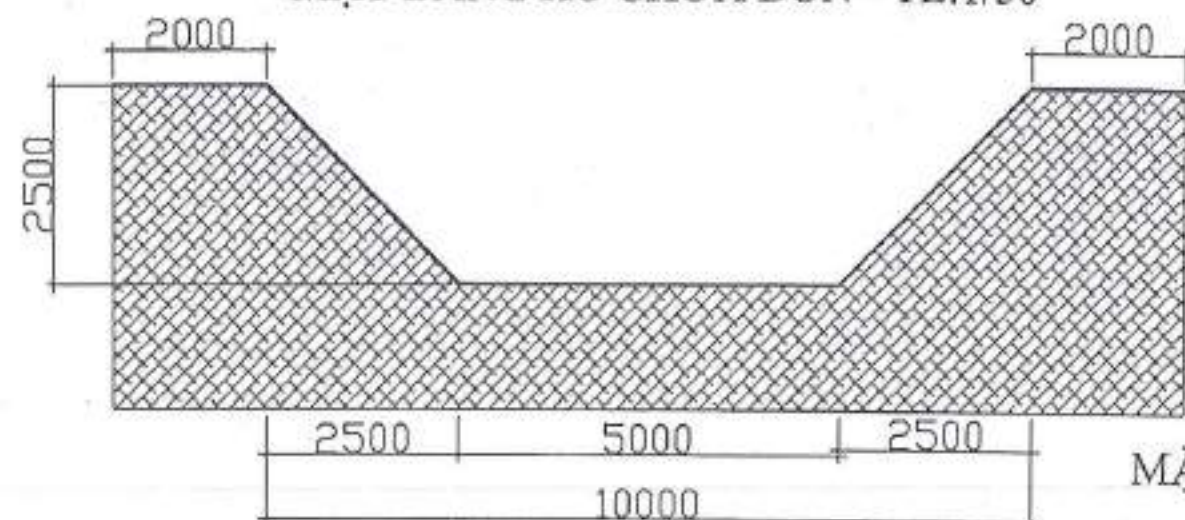


CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Thắng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	CHI TIẾT HỒ CHỨA NƯỚC
			Tổng số bản vẽ
			Bản vẽ số



HỒ CHỨA BÙN KÍCH
THƯỚC: 10x10x2.5m
KẾT CẤU:
- LÓT ĐÁY BẰNG BẠT HDPE

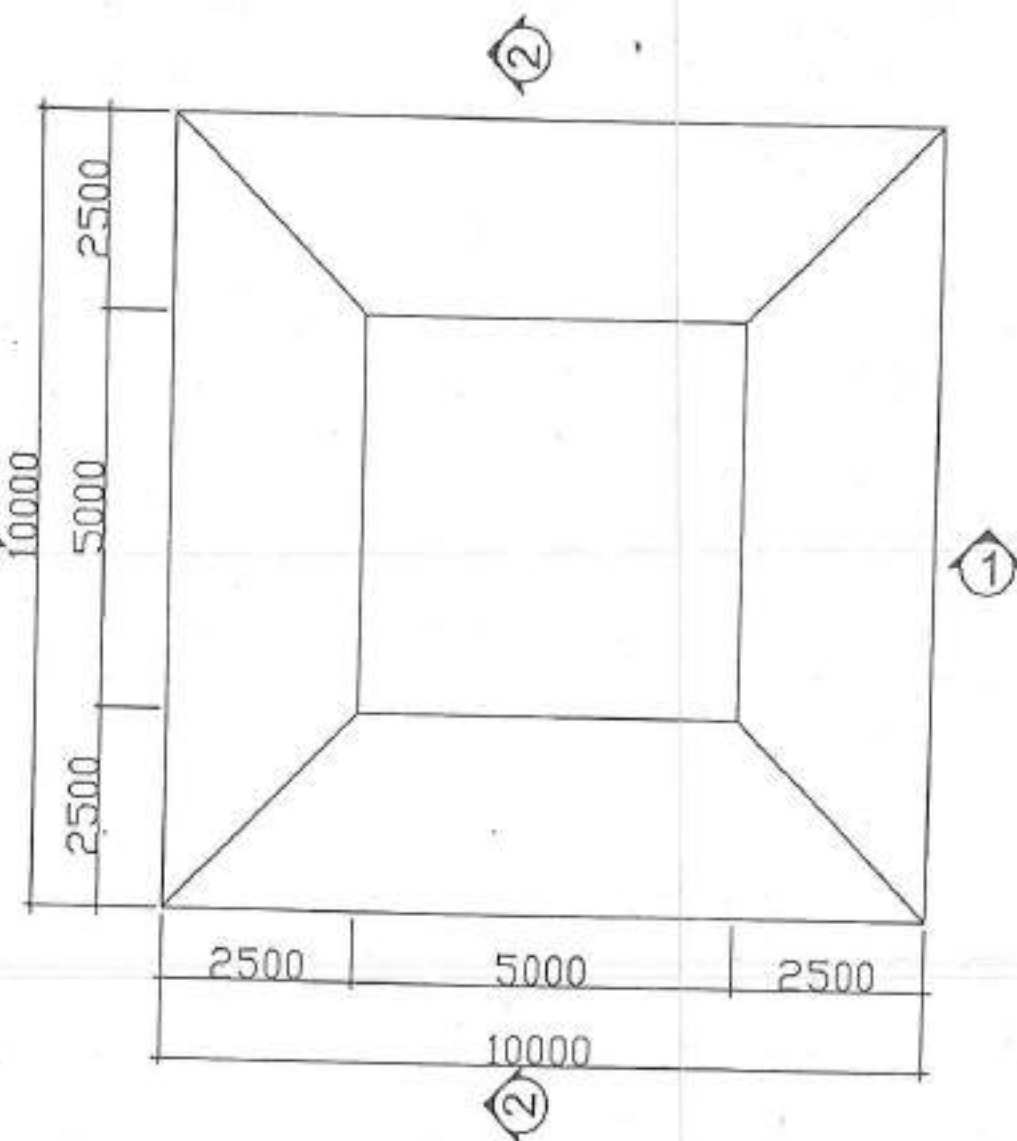
MẶT BẰNG HỒ CHỨA BÙN - TL: 1/50



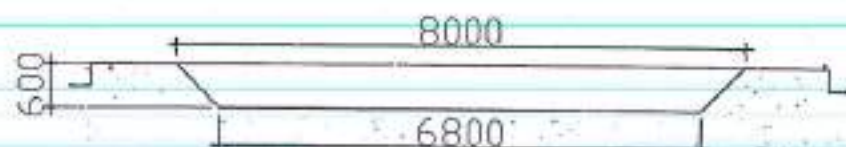
MẶT CẮT 1-1

①

MẶT CẮT 2-2



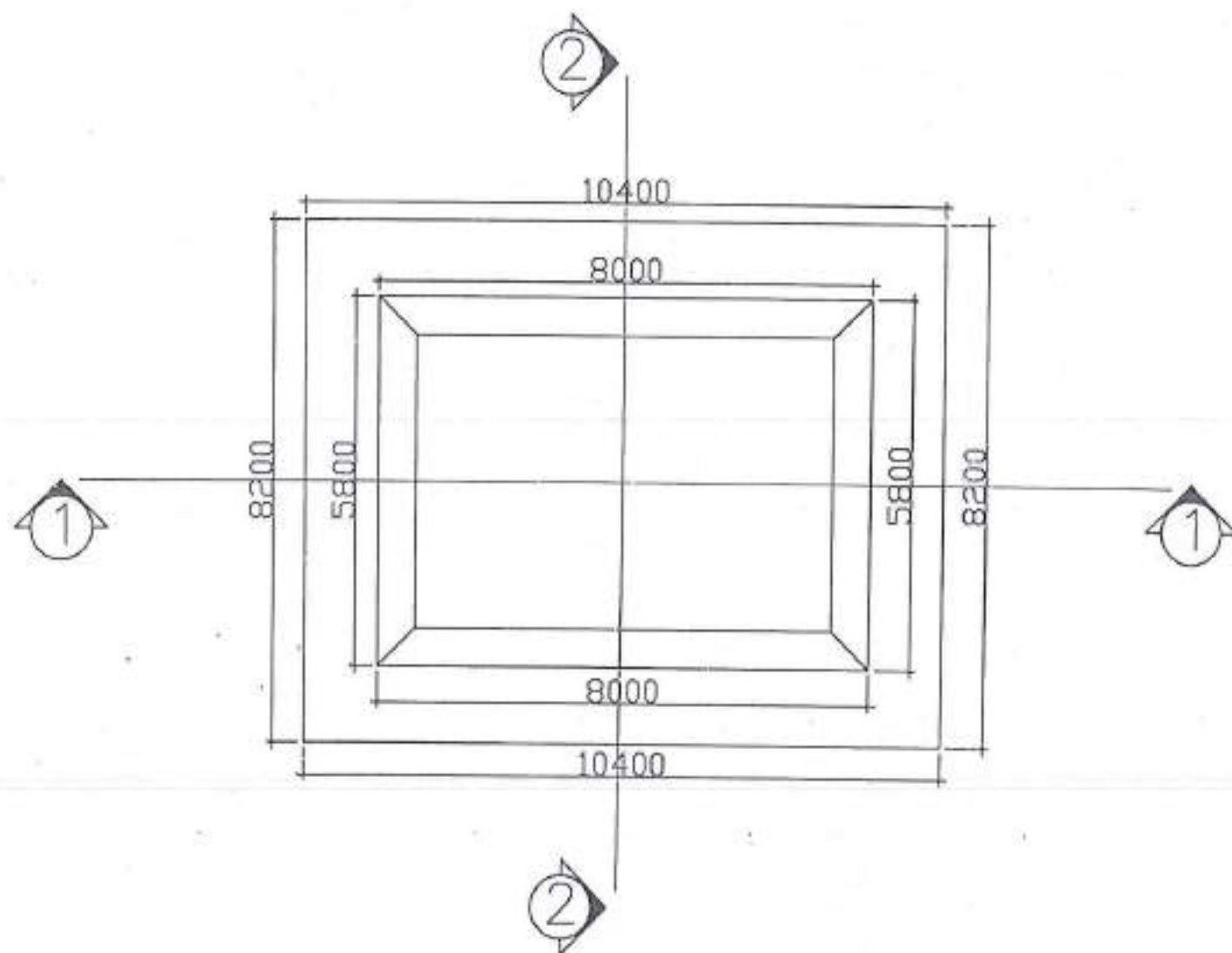
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ
 Nguyễn Thị Minh Hải	 Võ Văn Thống	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	CHI TIẾT HỒ CHỨA BÙN
			Tổng số bản vẽ
			Bản vẽ số



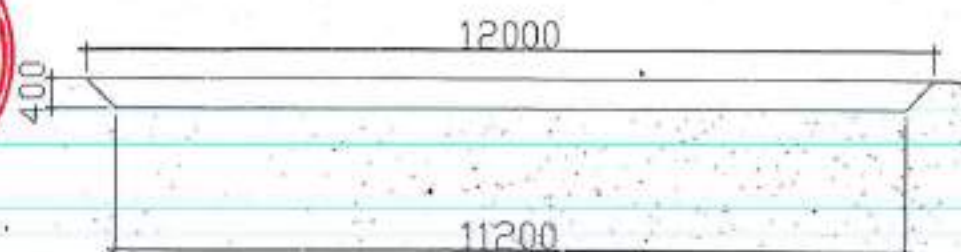
MẶT CẮT 1-1



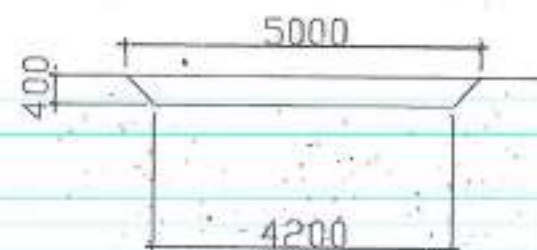
MẶT CẮT 2-2



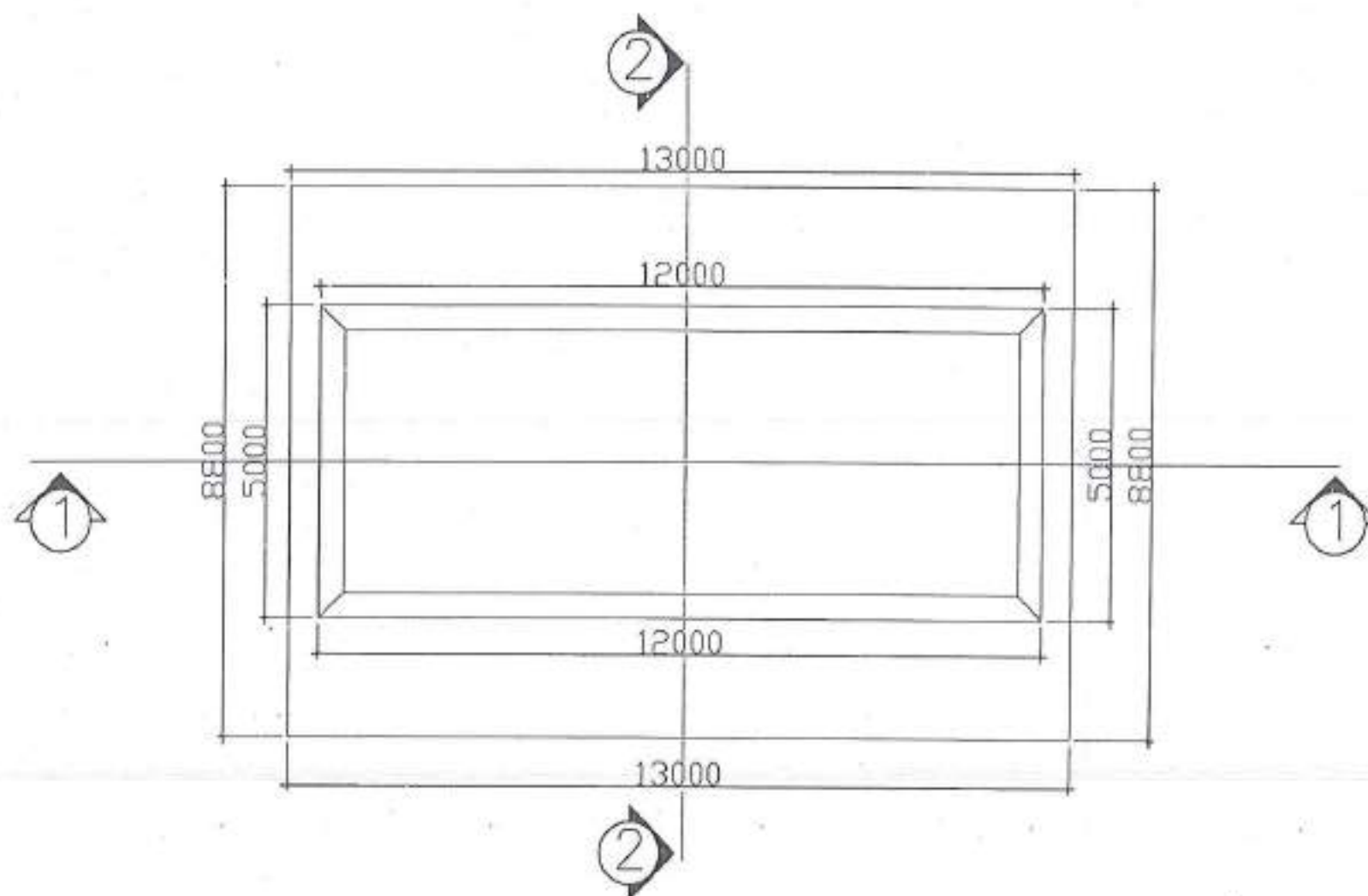
CHỦ ĐẦU TƯ  <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	ĐƠN VỊ TƯ VẤN  <i>Võ Văn Hoàng</i>	CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TINH BỘT Sắn CÔNG SUẤT 1.680 M³/NGÀY	TÊN BẢN VẼ HỒ SINH HỌC 2 <table><tr><td>Tổng số bản vẽ</td><td>Bản vẽ số</td></tr><tr><td>12</td><td></td></tr></table>		Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số	12	
Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số							
12								



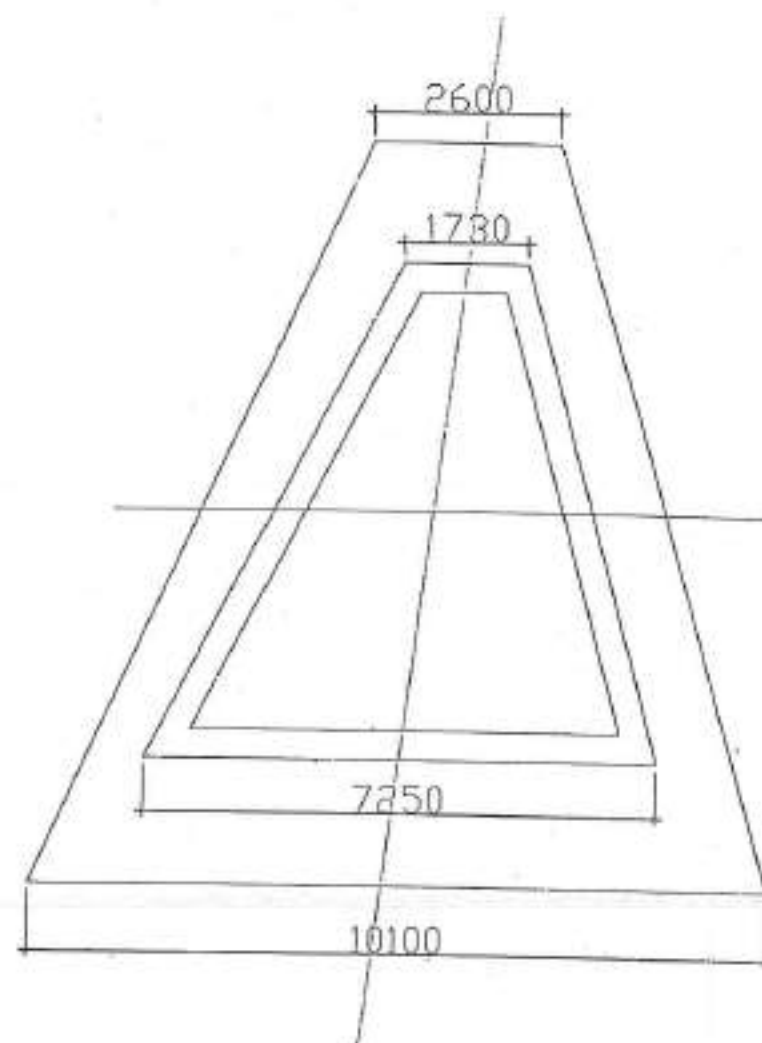
MẶT CẮT 1-1



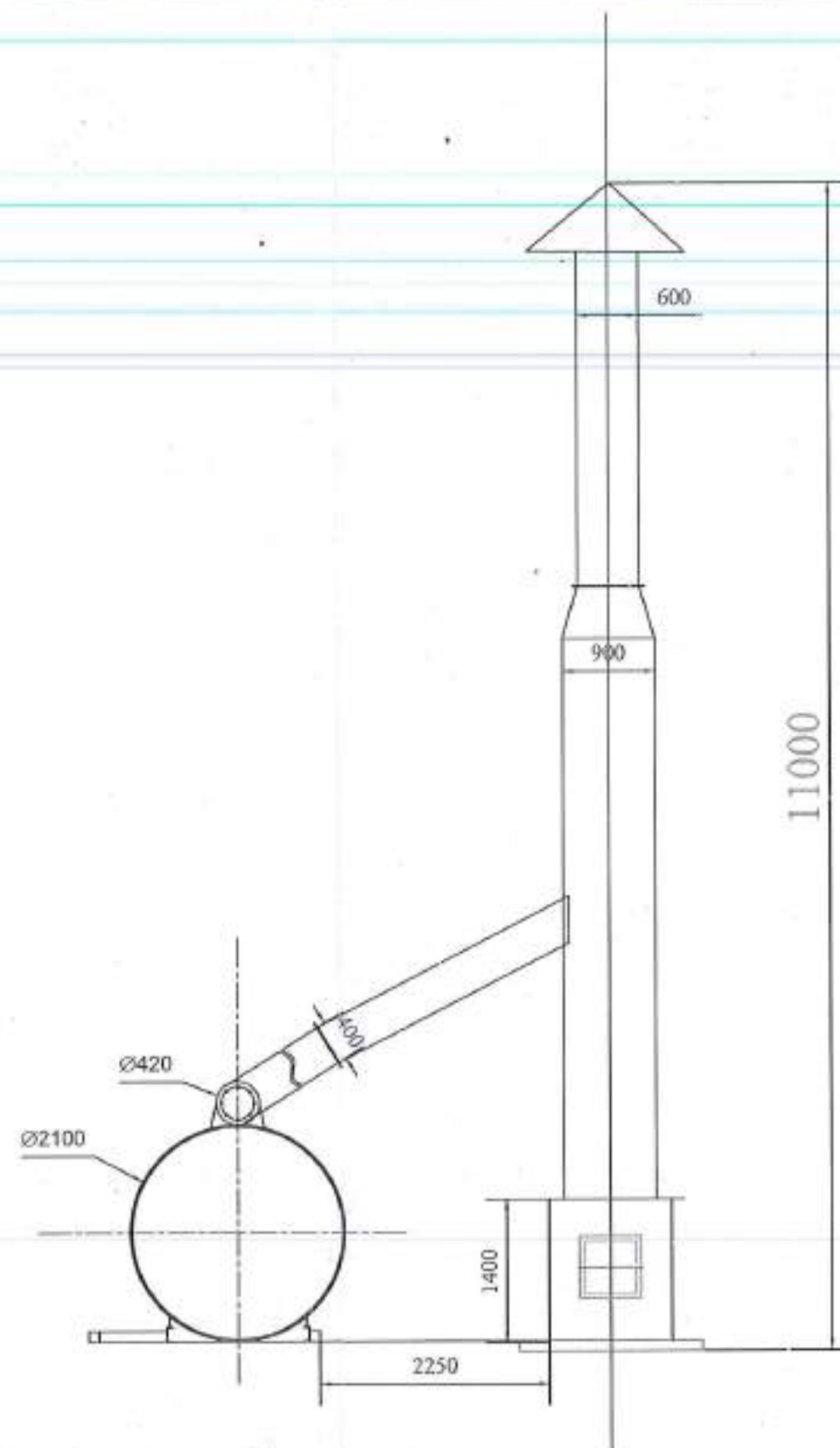
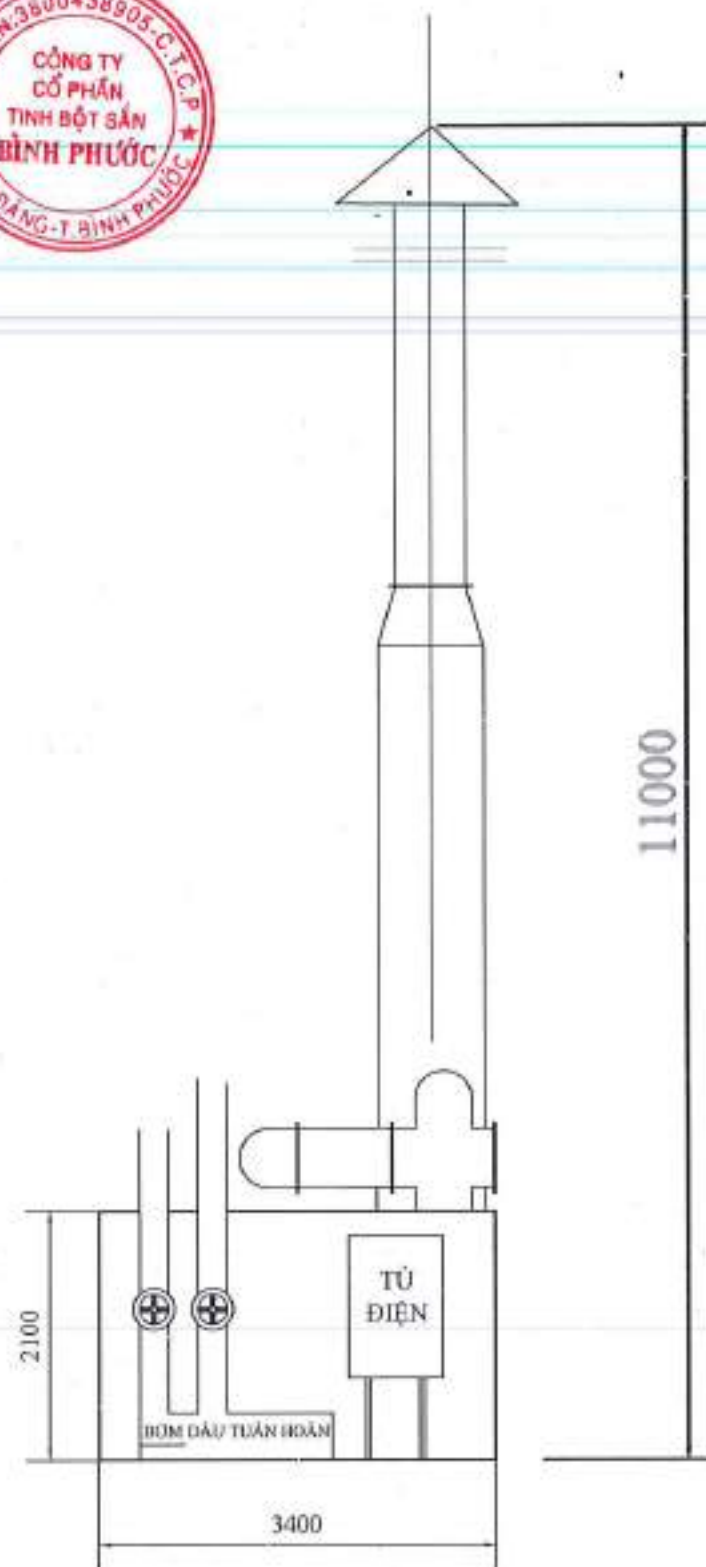
MẶT CẮT 2-2



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	HỒ SINH HỌC 4	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Vũ Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680 M ³ /NGÀY	HỒ SINH HỌC 5	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



LÒ ĐỐT-ÔNG KHỎI

CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh Hải



BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 1

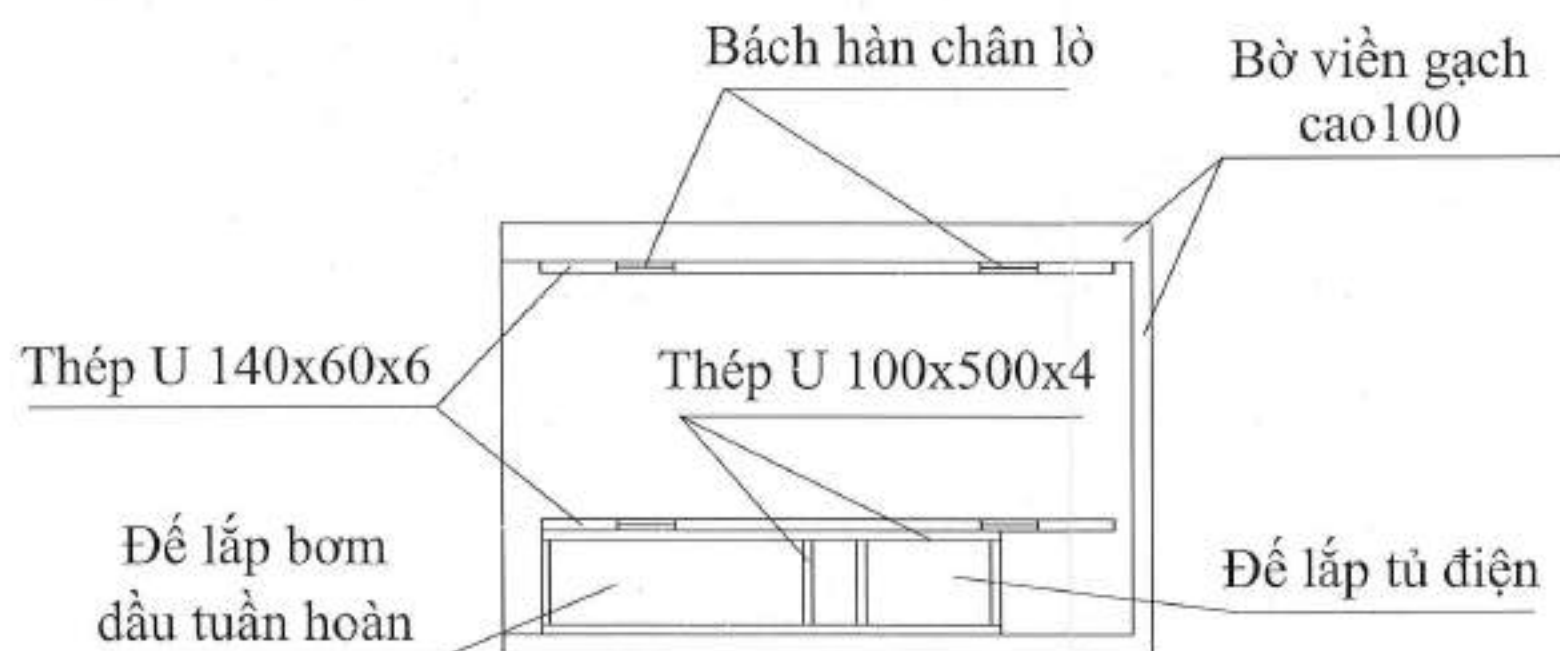
Ký hiệu:

Chức năng	Chức ký	Ngày
QLKT	Trần Đức Chiến	
Thiết kế	Trần Đức Thắng	

Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
		1:1
Tỷ	Số 4/5	



KHUNG ĐỂ LÒ ĐỐT



CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Hải

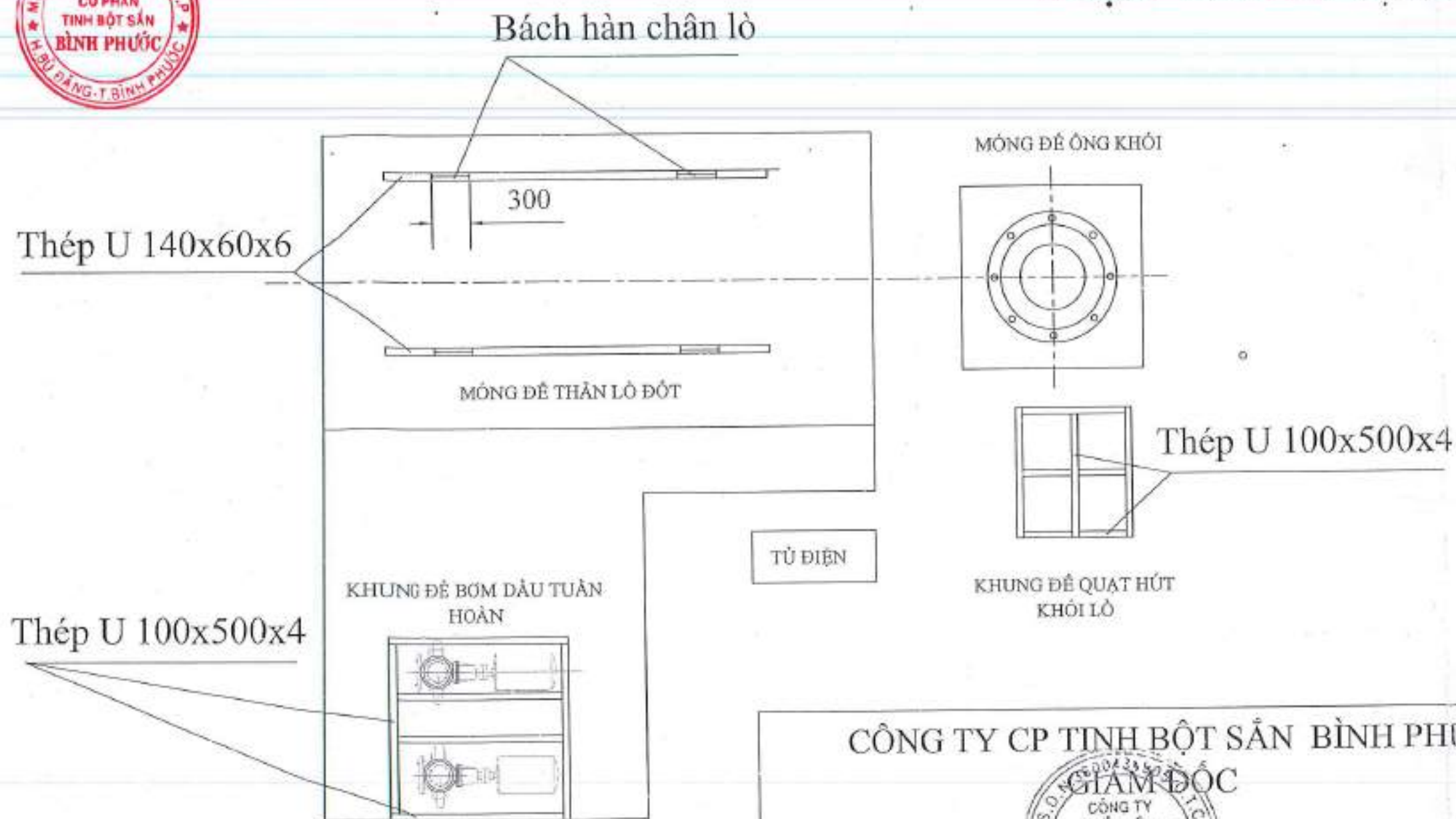
BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 1

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	KHUNG ĐỂ	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 5/5	



MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2



CÔNG TY CP TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC



Nguyễn Thị Minh Hải

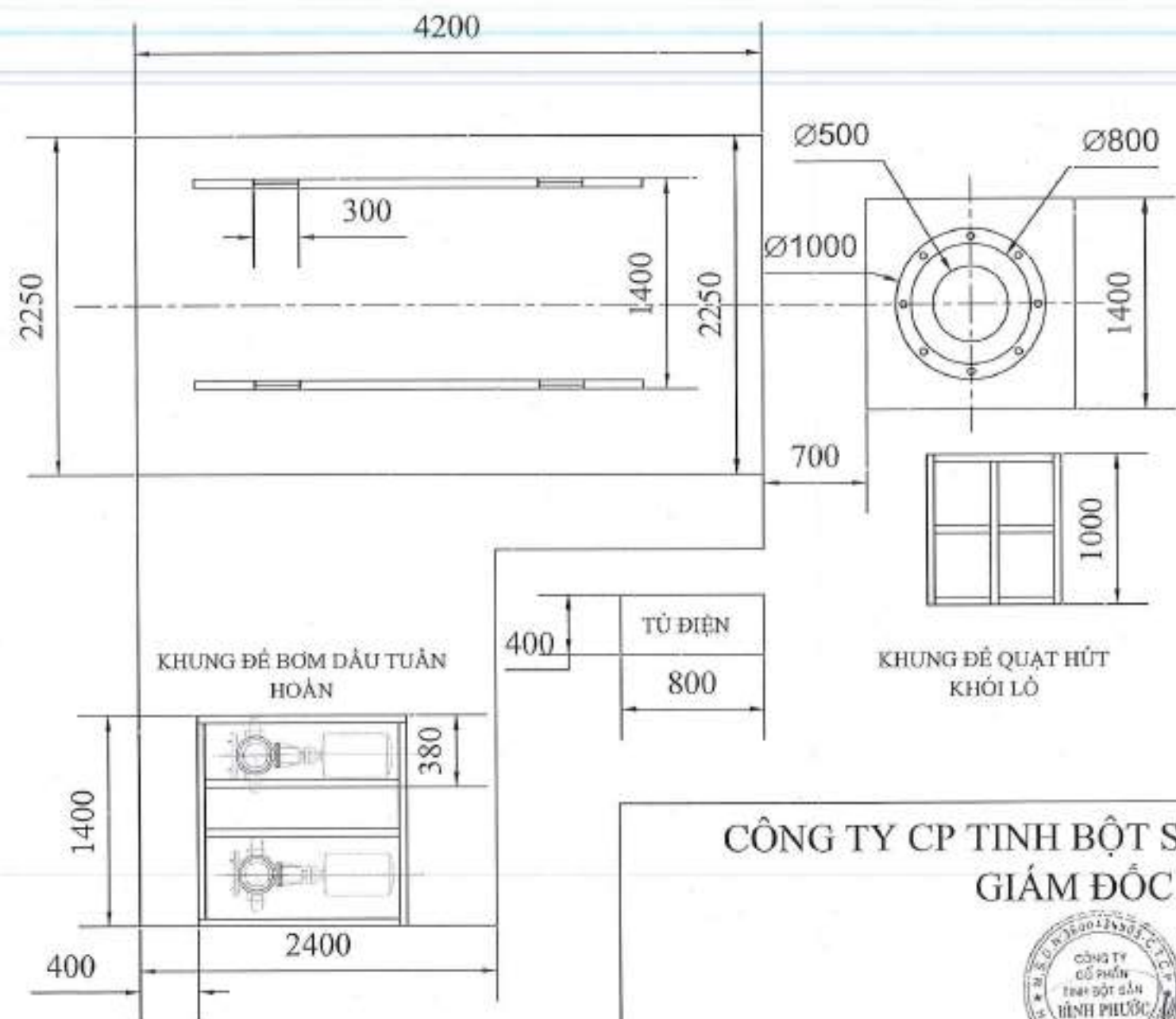
BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 2

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 1/3	



MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2



CÔNG TY CP TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

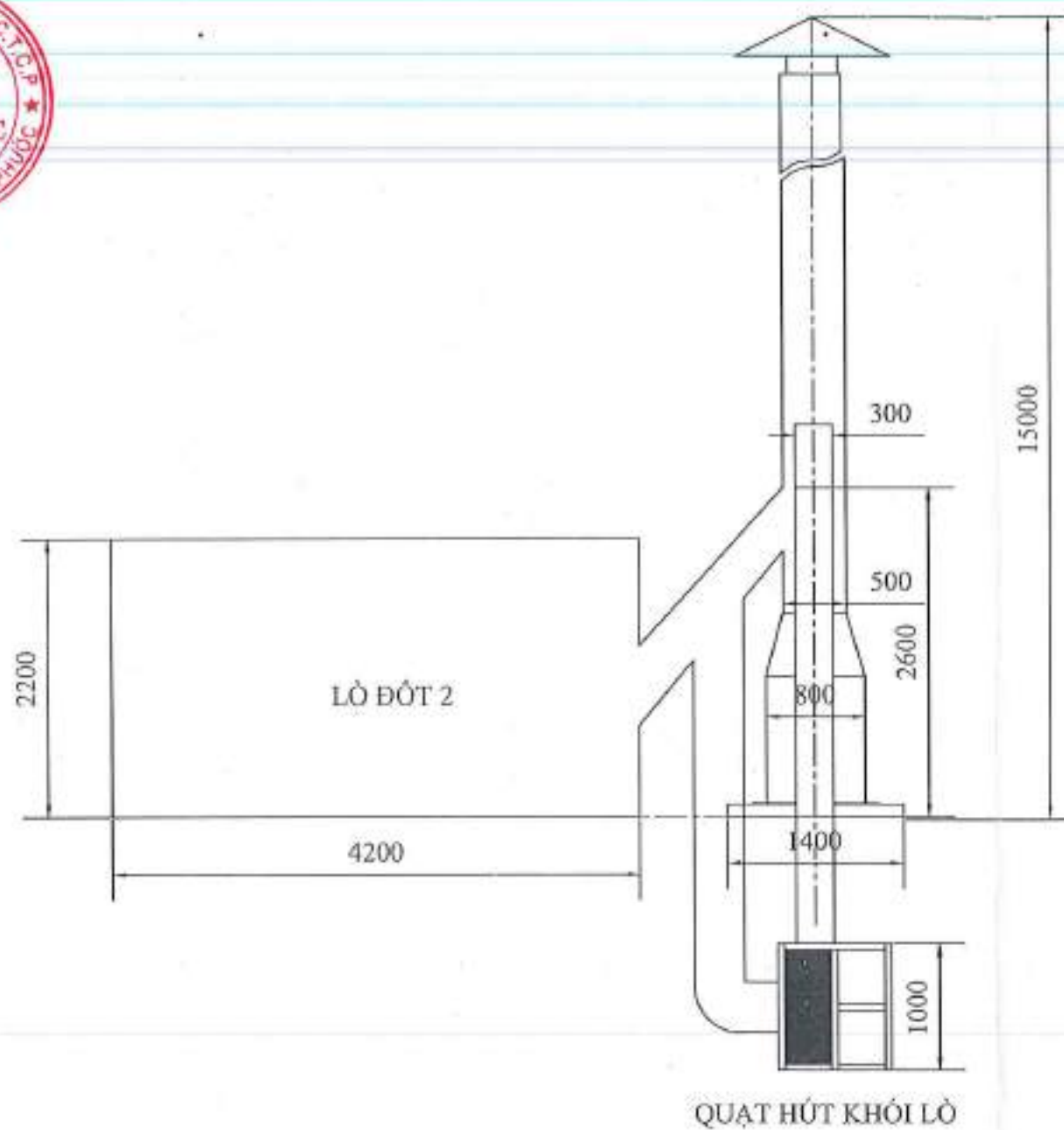


Nguyễn Thị Minh Hải

BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 2

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	MẶT BẰNG KHU LÒ ĐỐT 2	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Tờ:	Số tờ: 2/3	



LÒ ĐỐT-ÔNG KHỎI

CÔNG TY CP TINH BỘT SẴN BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Hải

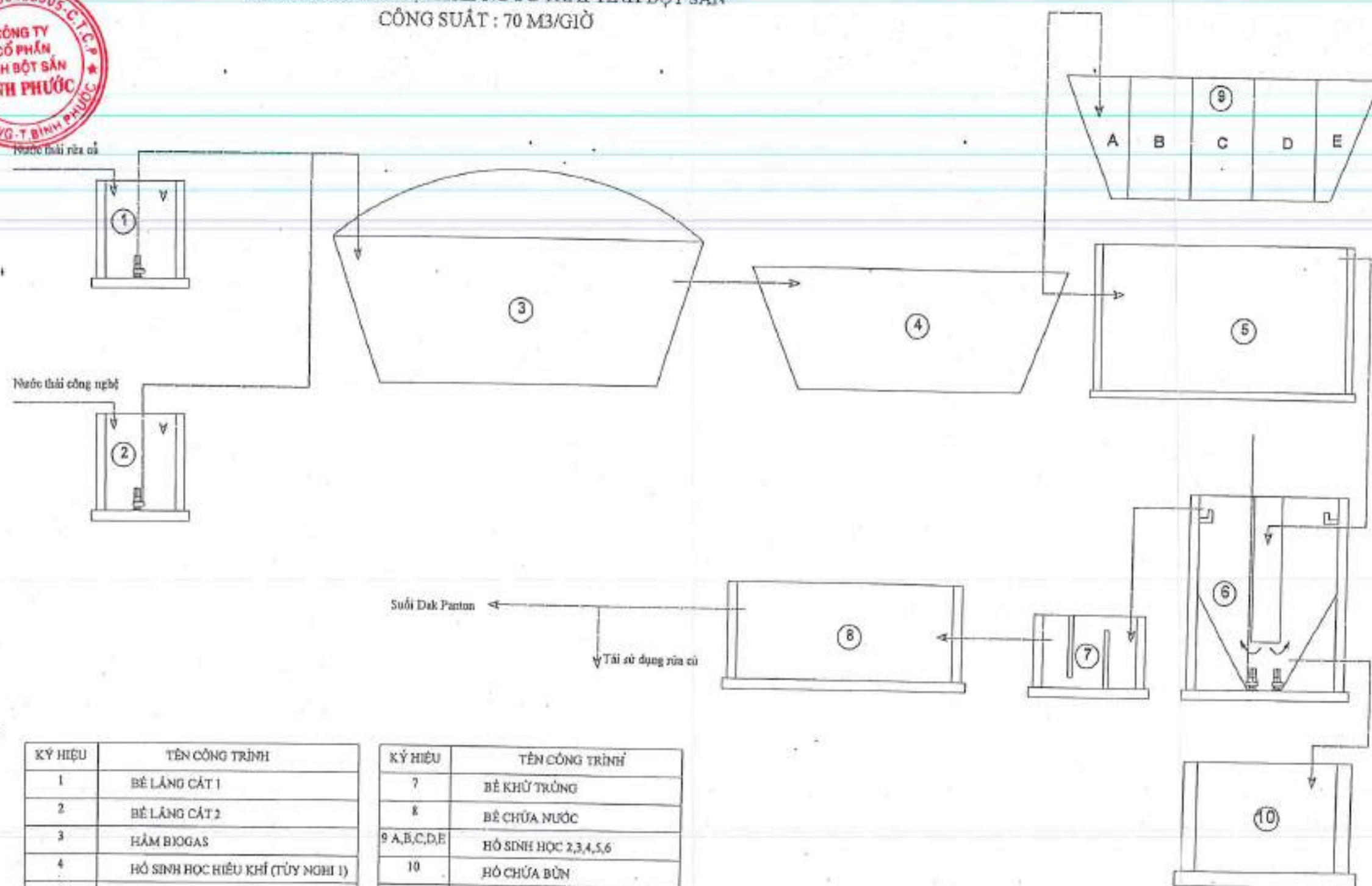
BẢN VẼ THI CÔNG
LÒ ĐỐT 2

Ký hiệu:

Chức năng		Chữ ký	Ngày	LÒ ĐỐT ÔNG KHỎI	Số lượng:	Khối lượng:	Tỷ lệ:
QLKT	Trần Đức Chiến						1:1
Thiết kế	Trần Đức Thắng				Từ:	Số tờ: 3/3	



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HTXL NƯỚC THẢI TỈNH BỘT SẴN
CÔNG SUẤT : 70 M3/GIỜ



KÝ HIỆU	TÊN CÔNG TRÌNH
1	BỂ LẮNG CÁT 1
2	BỂ LẮNG CÁT 2
3	HẦM BIOGAS
4	HỒ SINH HỌC HIỆU KHÍ (TỦY NGHỊ 1)
5	BỂ KEO TỤ - TẠO BÓNG
6	BỂ LẮNG

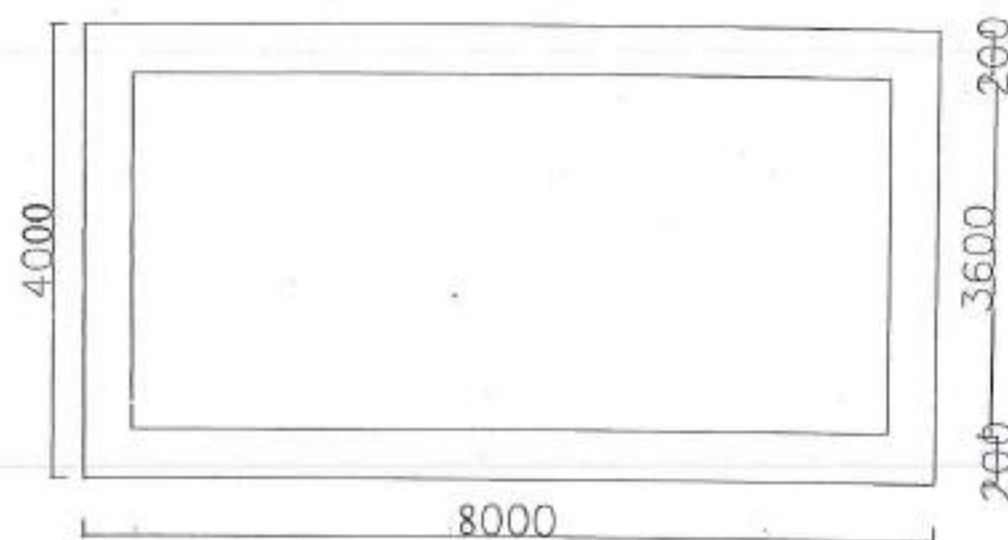
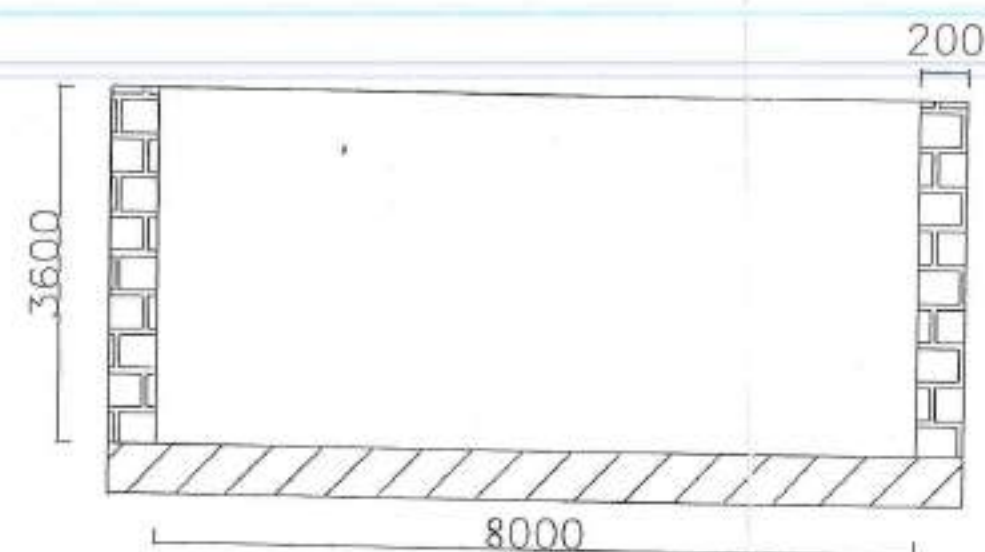
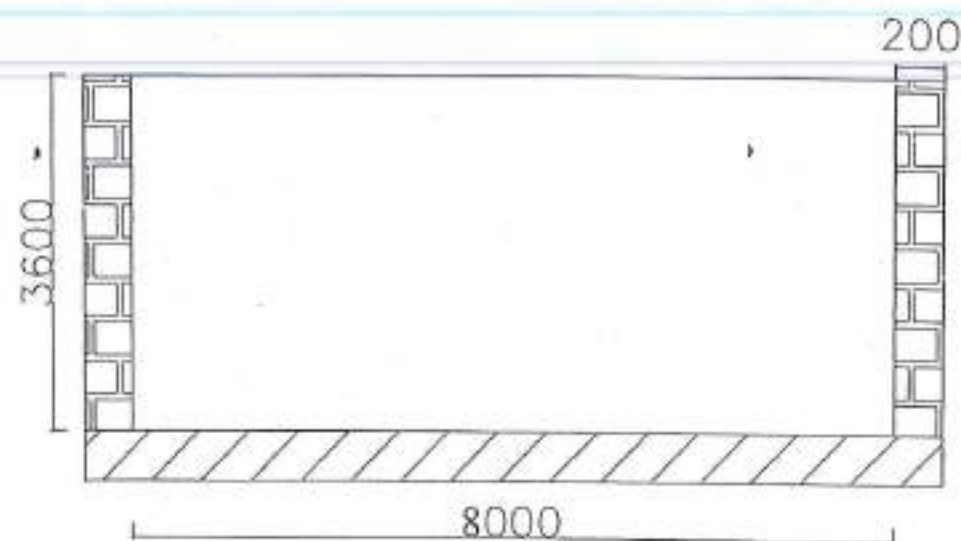
KÝ HIỆU	TÊN CÔNG TRÌNH
7	BỂ KHỬ TRÙNG
8	BỂ CHỨA NƯỚC
9 A,B,C,D,E	HỒ SINH HỌC 2,3,4,5,6
10	HỒ CHỨA BÙN
	ĐƯỜNG NƯỚC
	ĐƯỜNG BÙN

CHỖ ĐAU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN
FOCOCEV
BÌNH PHƯỚC
H. B. D. Đ. - T. BÌNH PHƯỚC
Nguyễn Thị Minh Hải

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
FOCOCEV
BÌNH PHƯỚC
H. B. D. Đ. - T. BÌNH PHƯỚC
Vũ Văn Hoàng

CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TỈNH BỘT SẴN
CÔNG SUẤT 1.680 M3/NGÀY

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XLNT
Tổng số bản vẽ
12
Bản vẽ số

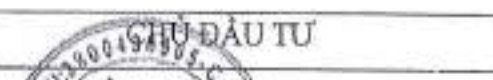
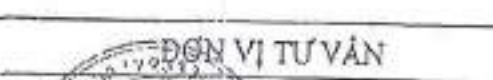


BỂ LẮNG CÁT 1

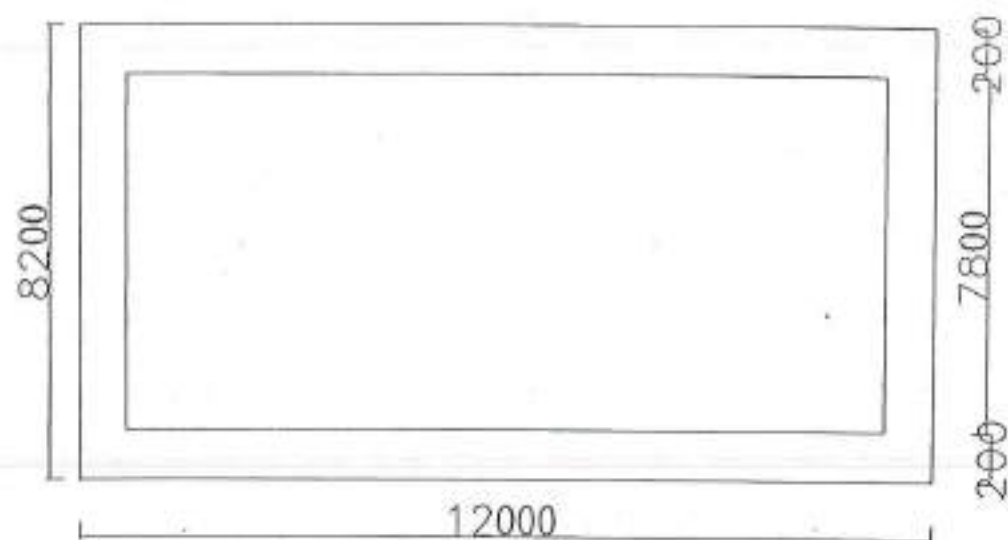
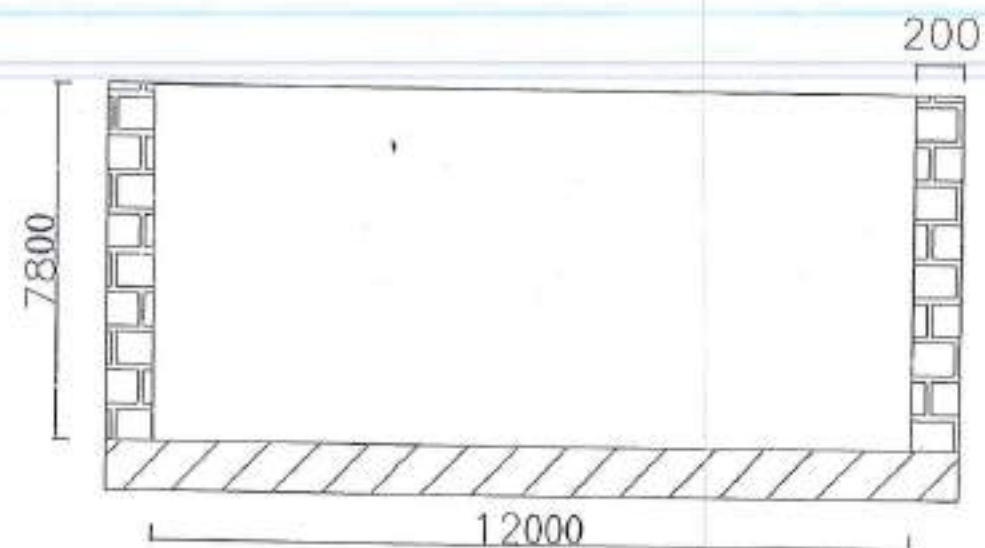
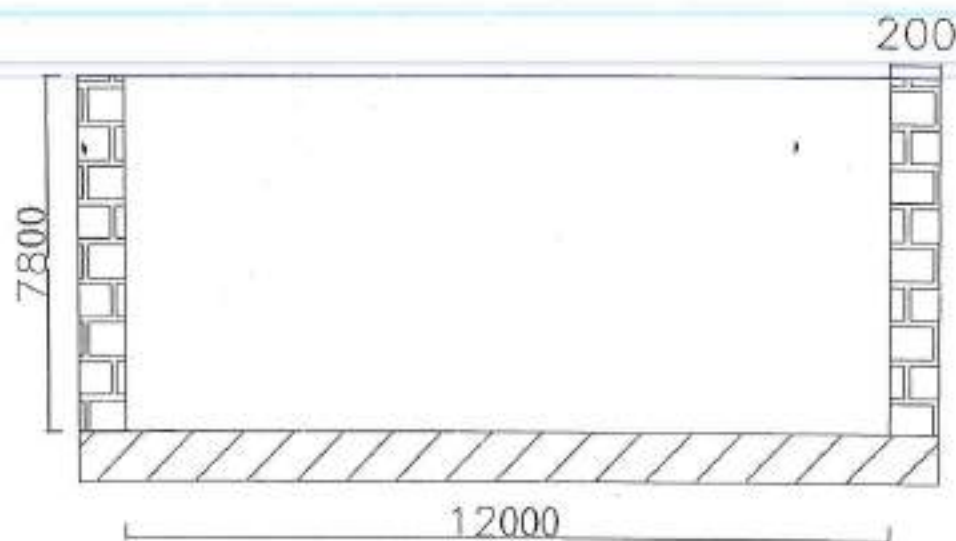
Kích thước: LxBxH=8x3.6x0.5m

Kết cấu:

- Bê tông cốt thép

		CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BỐT SẢN CÔNG SUẤT 1.680 M3/NGÀY	TÊN BẢN VẼ	
			BỂ LẮNG CÁT 1	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	

Võ Văn Hoàng



BỂ LẮNG CÁT 2

Kích thước: LxBxH=12x7.8x4m

Kết cấu:

- Bê tông cốt thép và gạch thẻ

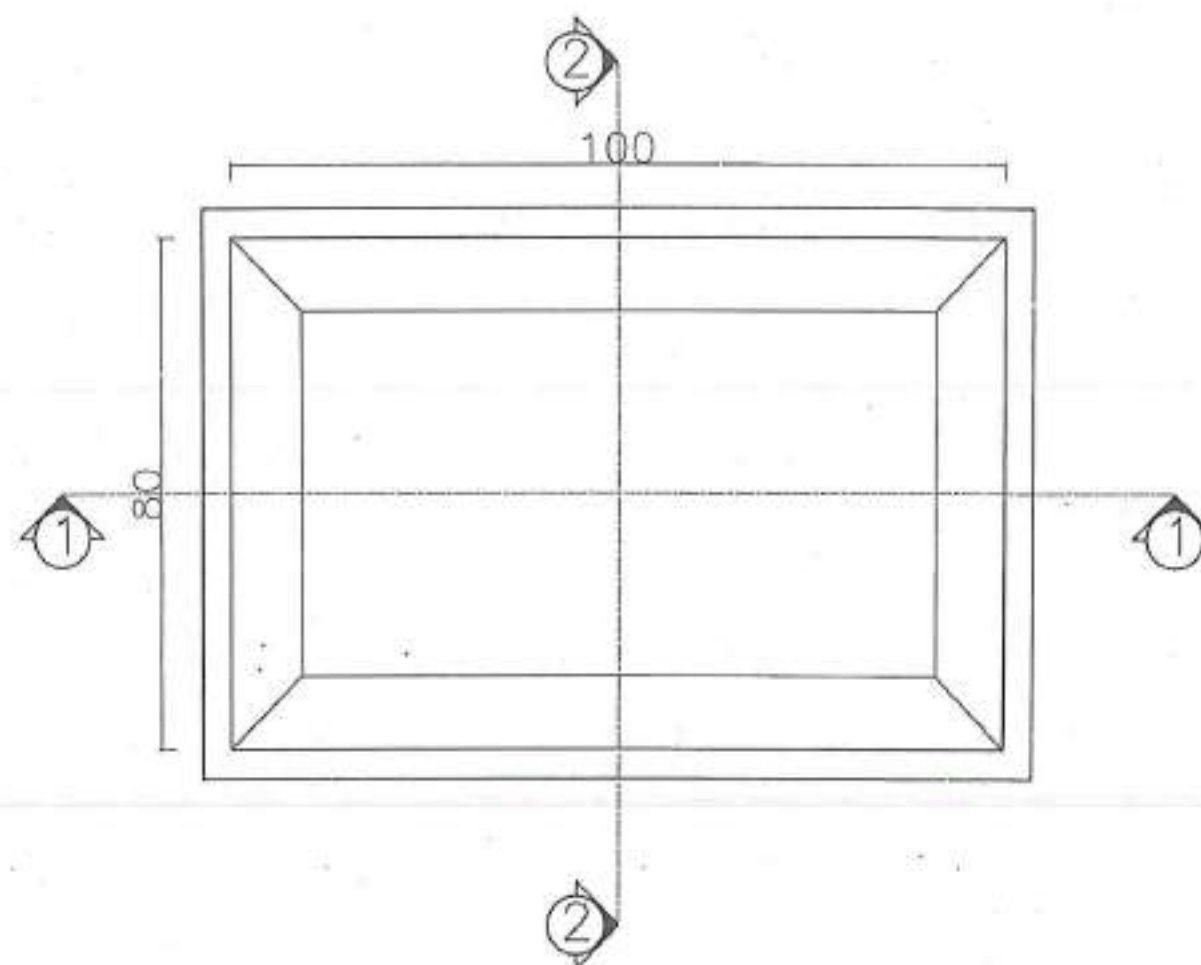
 ĐẦU TƯ <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 ĐƠN VỊ TƯ VẤN <i>Vũ Văn Hoàng</i>	CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BỐT SẢN CÔNG SUẤT 1.680 M3/NGÀY	TÊN BẢN VẼ	
			BỂ LẮNG CÁT 2	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



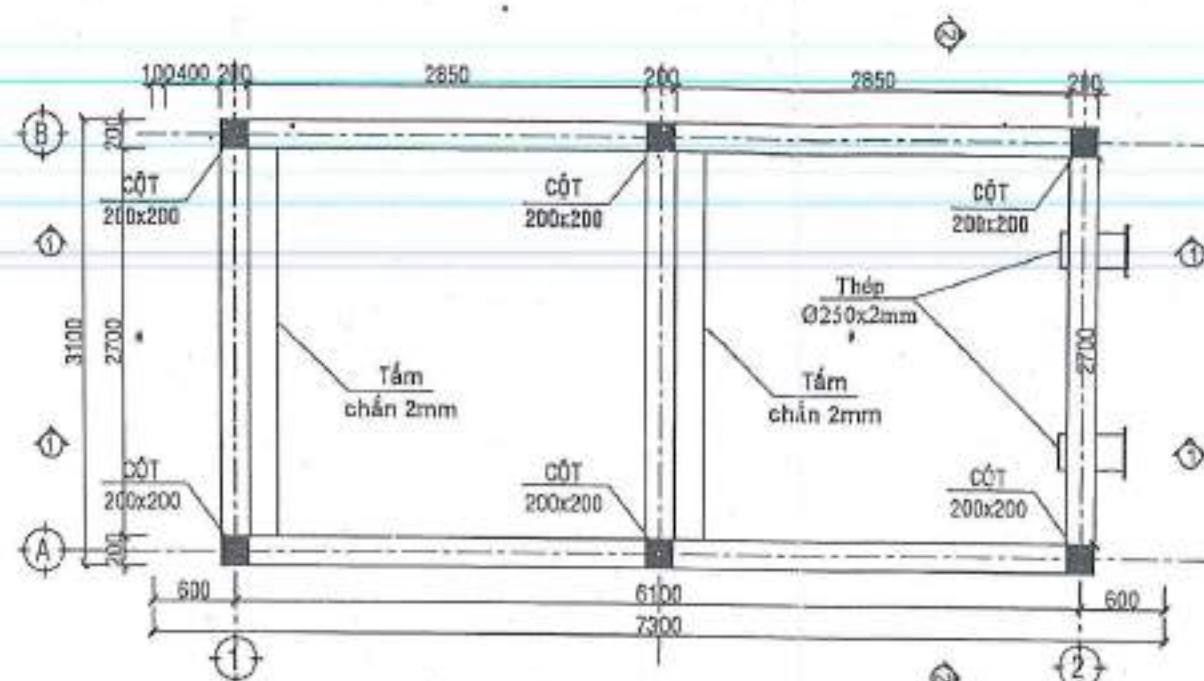
HỒ TÙY NGHI

Kích thước: LxBxH=100x80x4

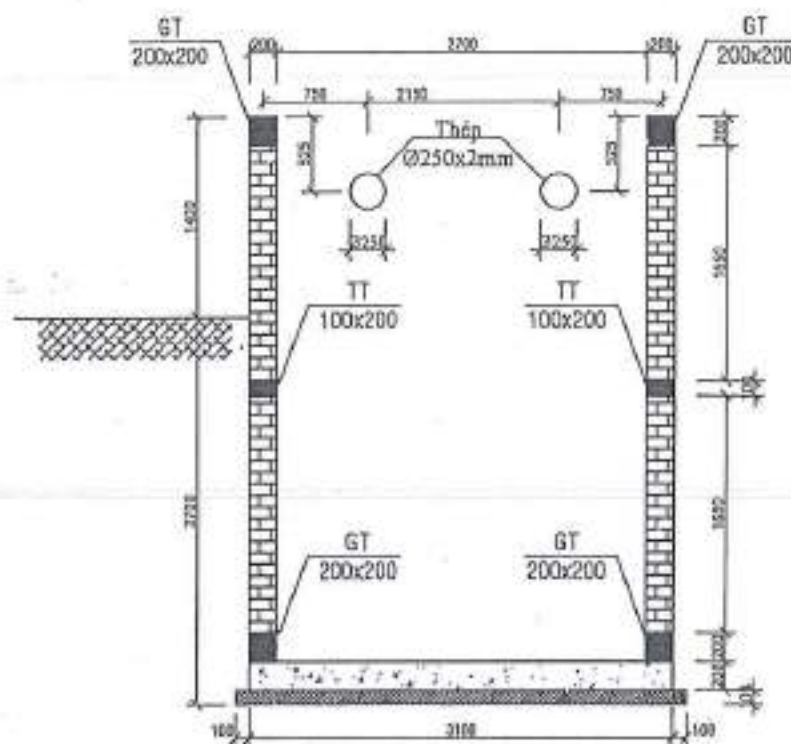
Kết cấu:

- Taluy bờ hồ bằng bê tông, kè đá
- Che phủ bạt HDPE trên mặt hồ
- lót đáy bằng bạt HDPE

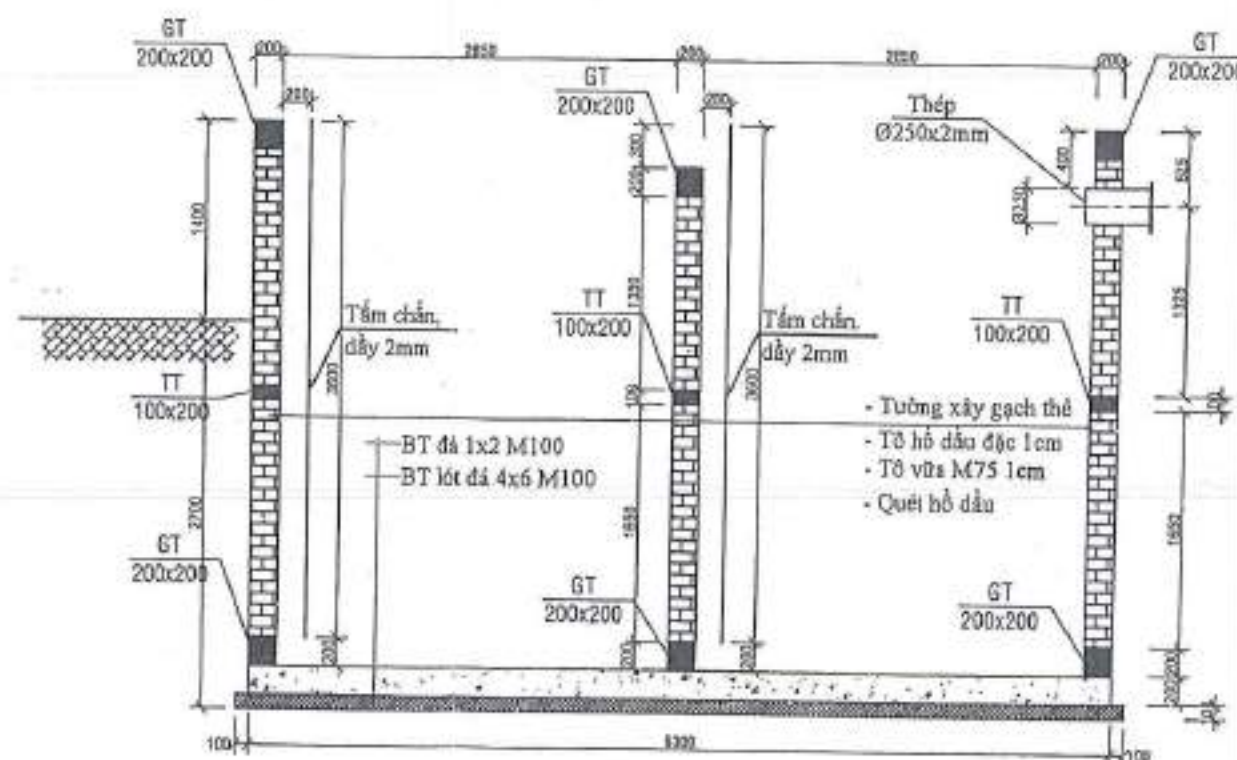
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Vũ Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TINH BỘT Sắn CÔNG SUẤT 1.680 M ³ /NGÀY	HỒ TÙY NGHI	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



MẶT BẰNG BÊ KEO TỤ, TẠO BÔNG

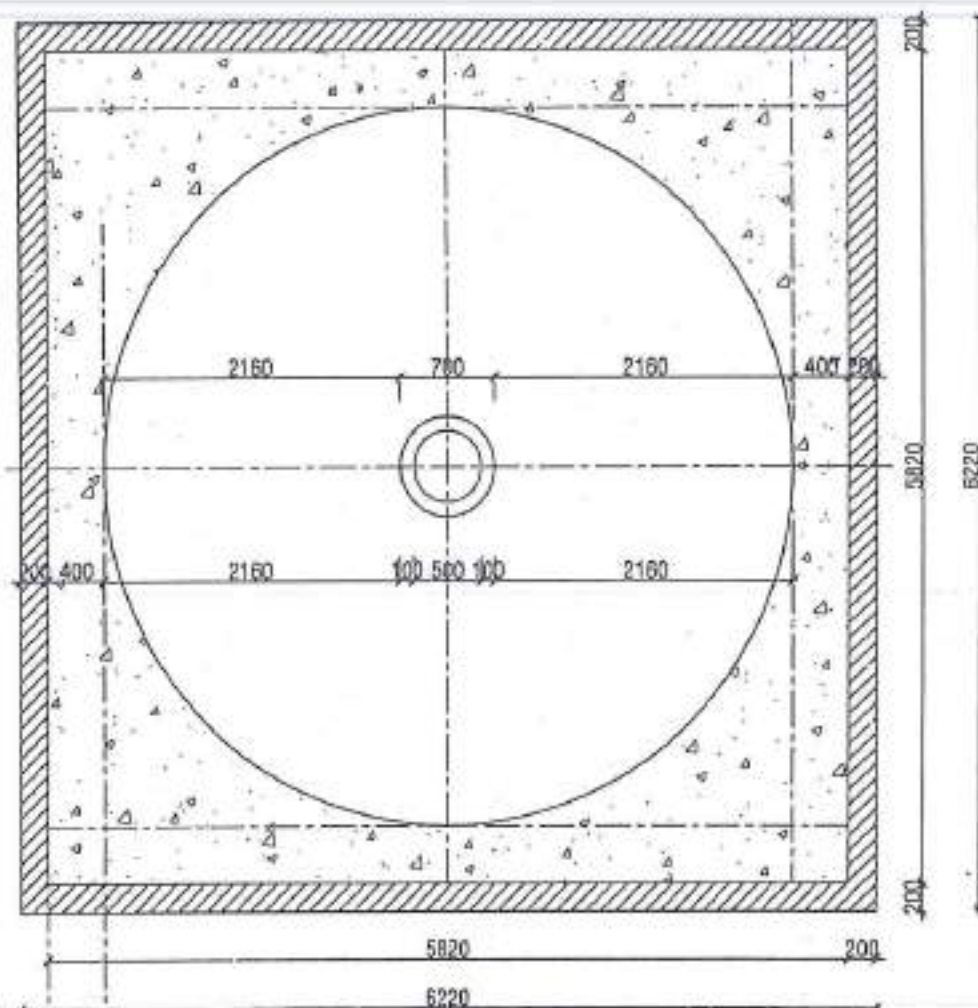


MẶT CẮT 2-2

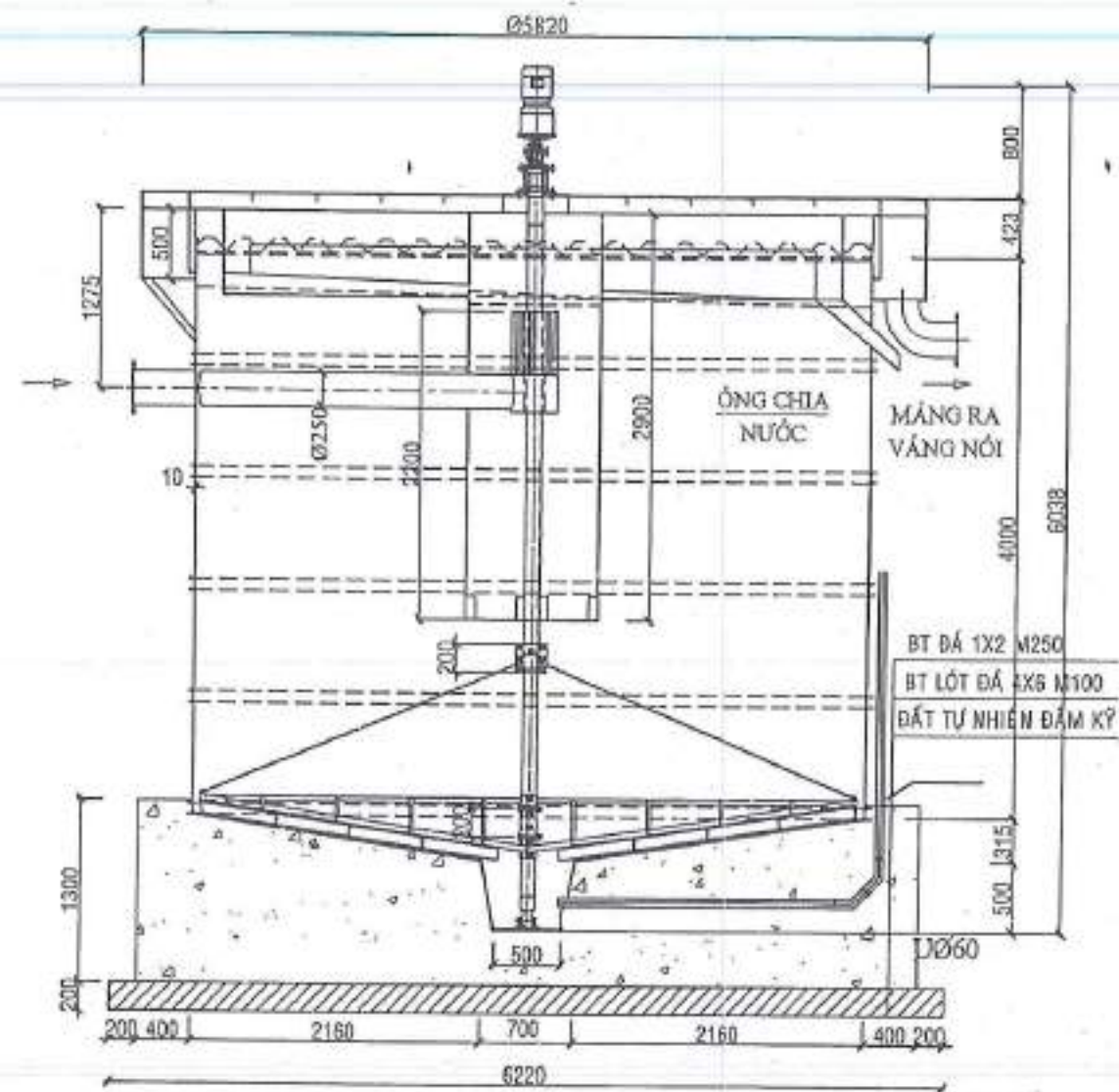


MẶT CẮT 1-1

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ
 	 	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẢN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	BÊ KEO TỤ - TẠO BÔNG
			Tổng số bản vẽ 12
			Bản vẽ số

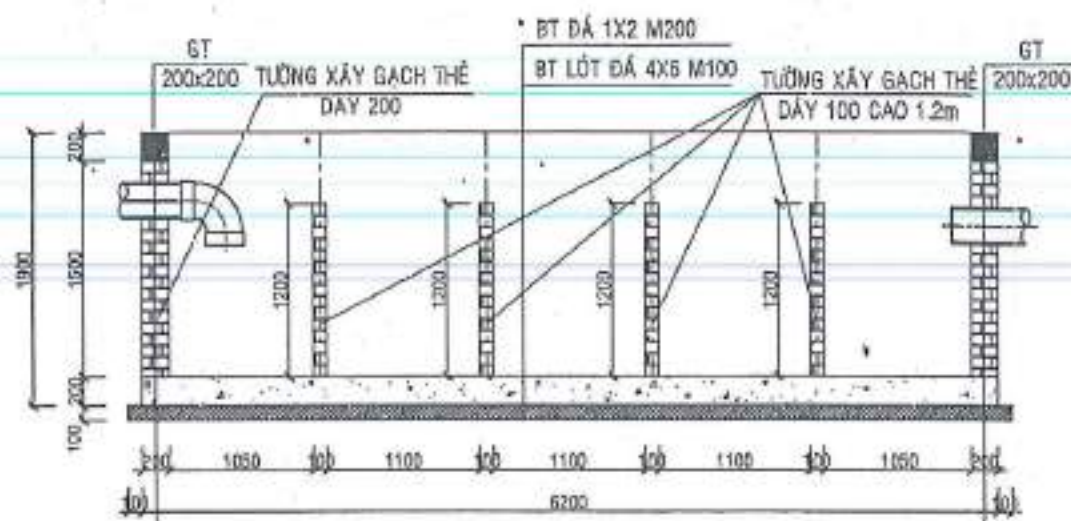


MẶT BẰNG ĐỂ BÊ LĂNG - TL:1/100

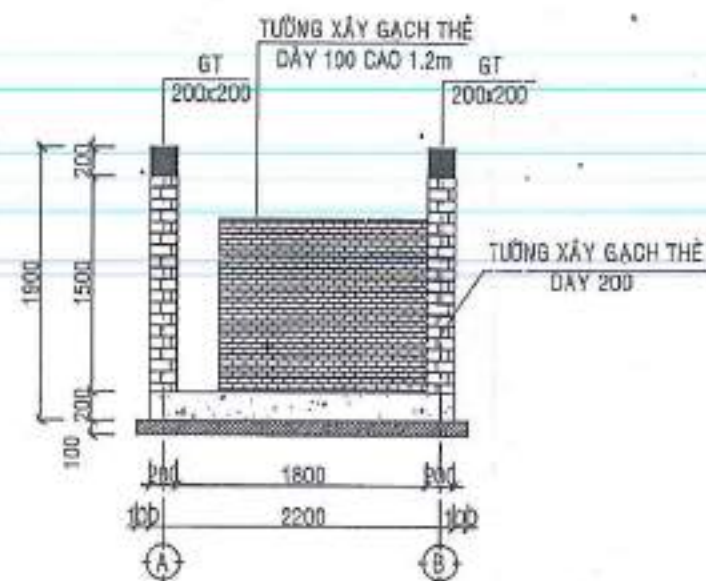


MẶT CẮT ĐỂ BÊ LĂNG - TL:1/100

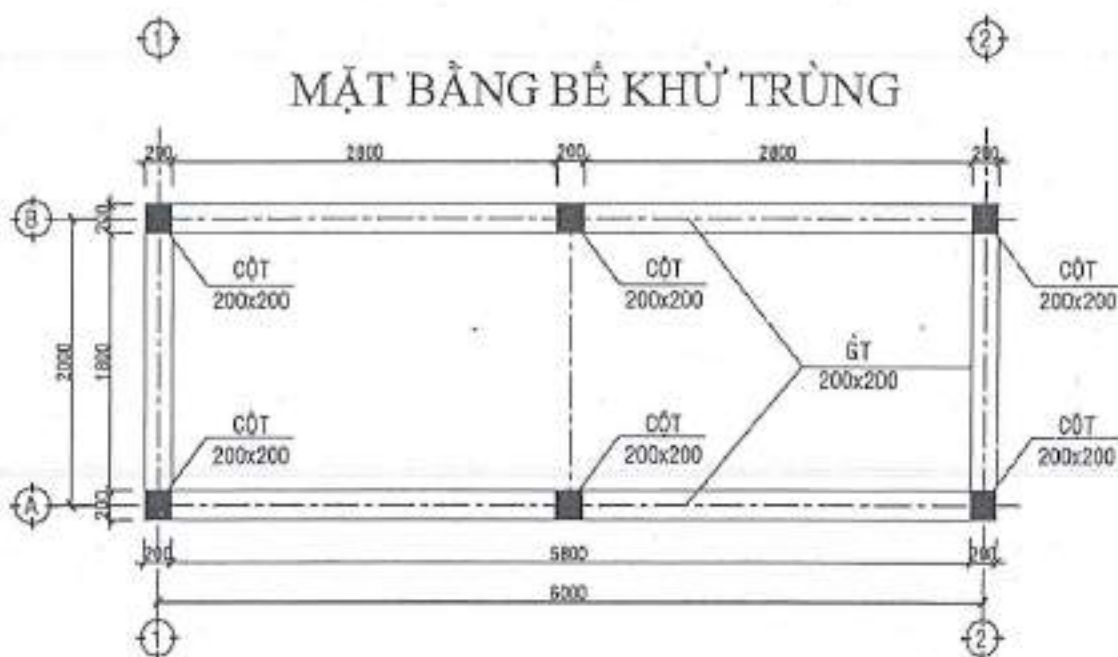
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Thắng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680M3/NGÀY	BÊ LĂNG TRÒN	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



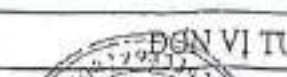
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



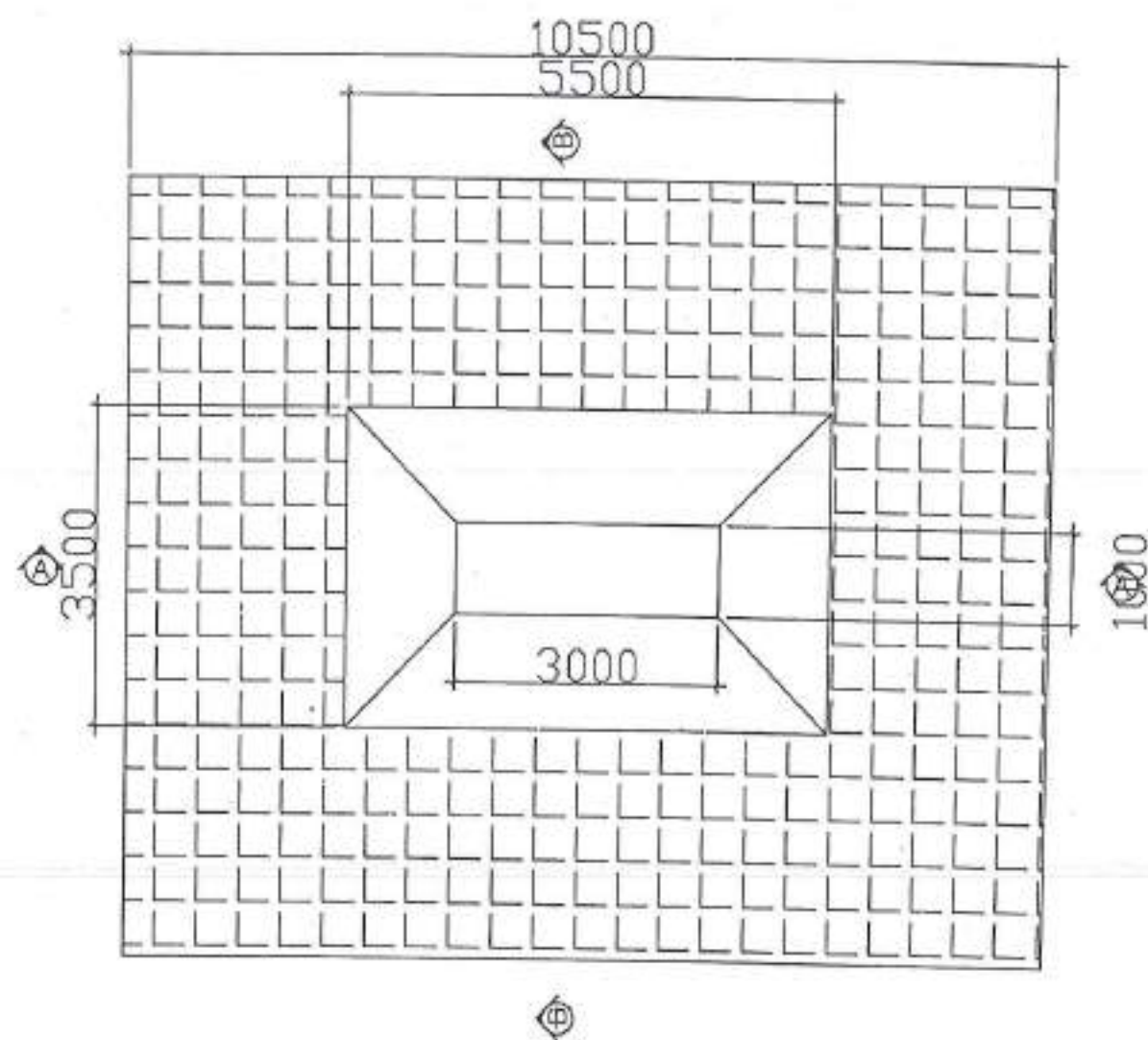
MẶT BẰNG BỂ KHỬ TRÙNG

 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Thắng</i>	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TỈNH BỐT SẢN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	BỂ KHỬ TRÙNG	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	

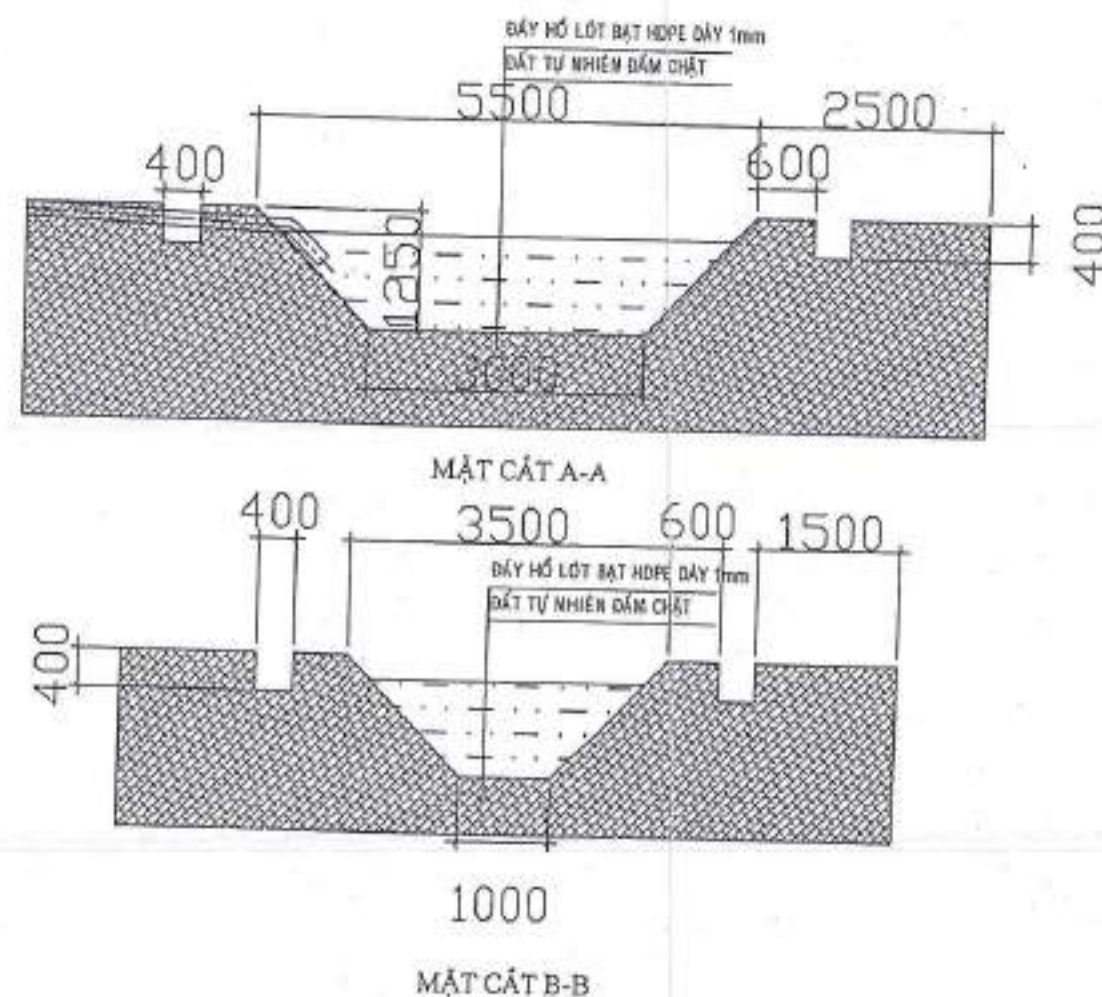


HỒ CHỨA NƯỚC SẠCH
KÍCH THƯỚC: 11x7x2.5m
KẾT CẤU:
- LÓT ĐÁY BẰNG BẠT HDPE

MẶT BẰNG HỒ CHỨA NƯỚC - TL: 1/100



MẶT CẮT HỒ CHỨA NƯỚC - TL: 1/100

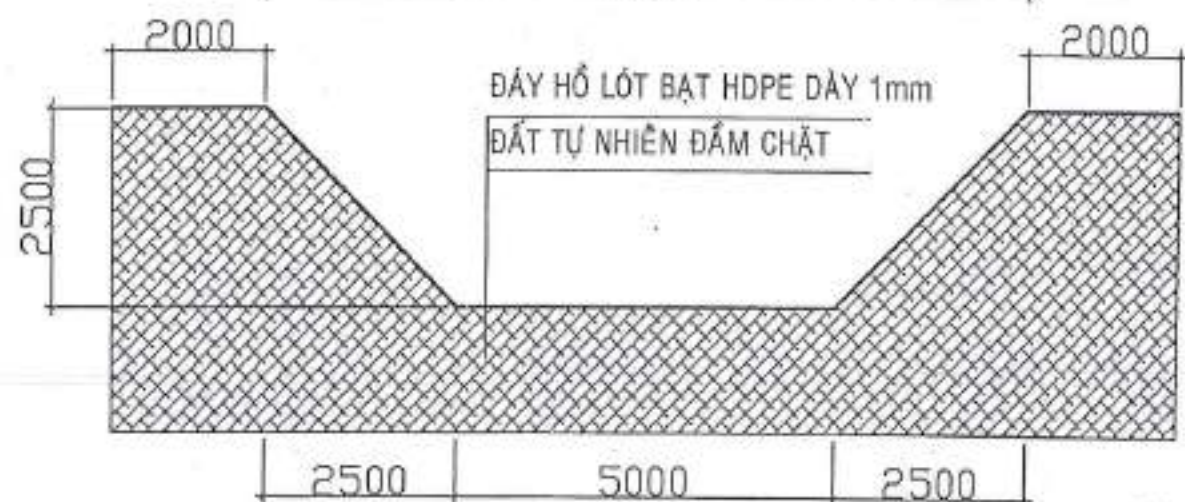
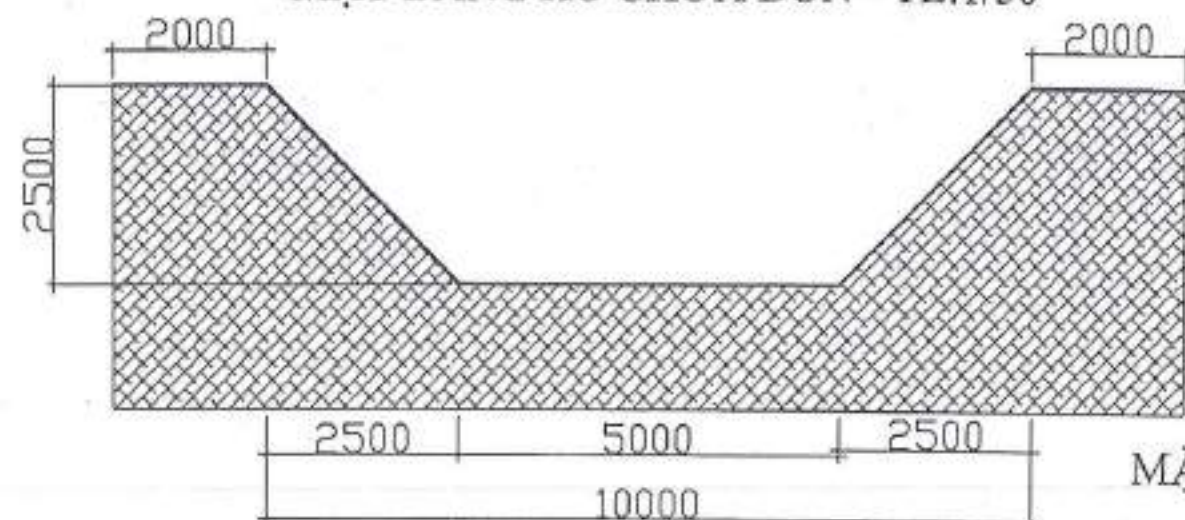


CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ
 Nguyễn Thị Minh Hải	 Võ Văn Thắng	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	CHI TIẾT HỒ CHỨA NƯỚC
			Tổng số bản vẽ 12
			Bản vẽ số



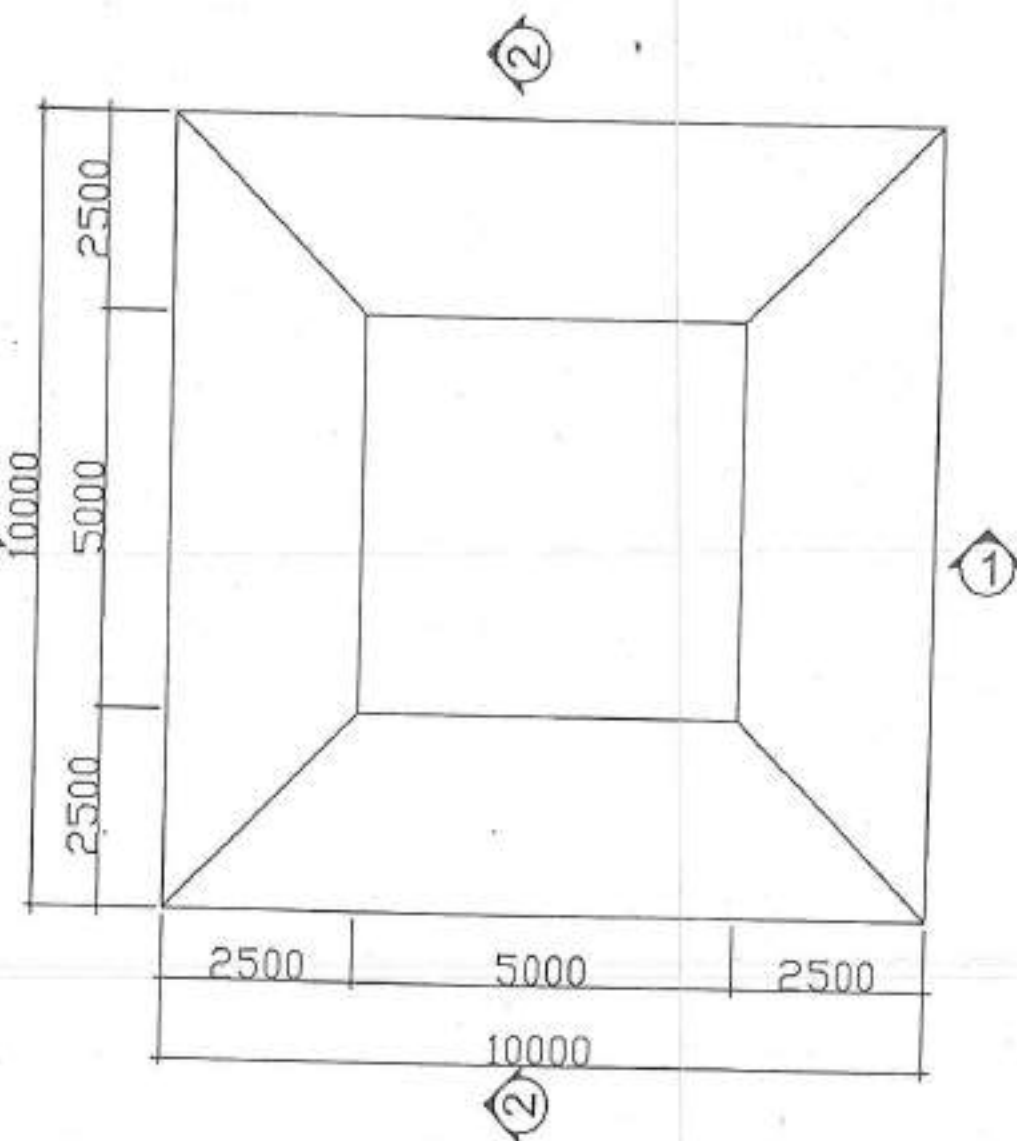
HỒ CHỨA BÙN KÍCH
THƯỚC: 10x10x2.5m
KẾT CẤU:
- LÓT ĐÁY BẰNG BẠT HDPE

MẶT BẰNG HỒ CHỨA BÙN - TL: 1/50

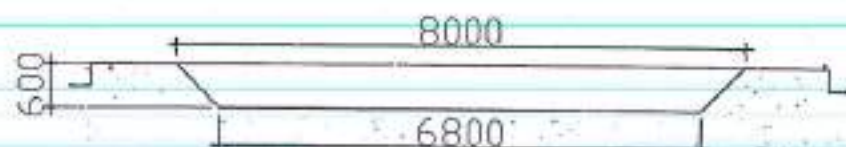


MẶT CẮT 1-1

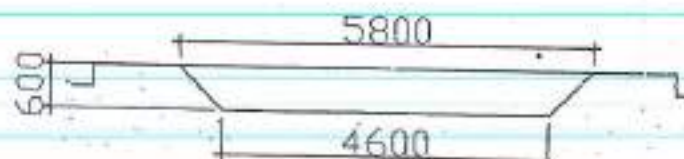
MẶT CẮT 2-2



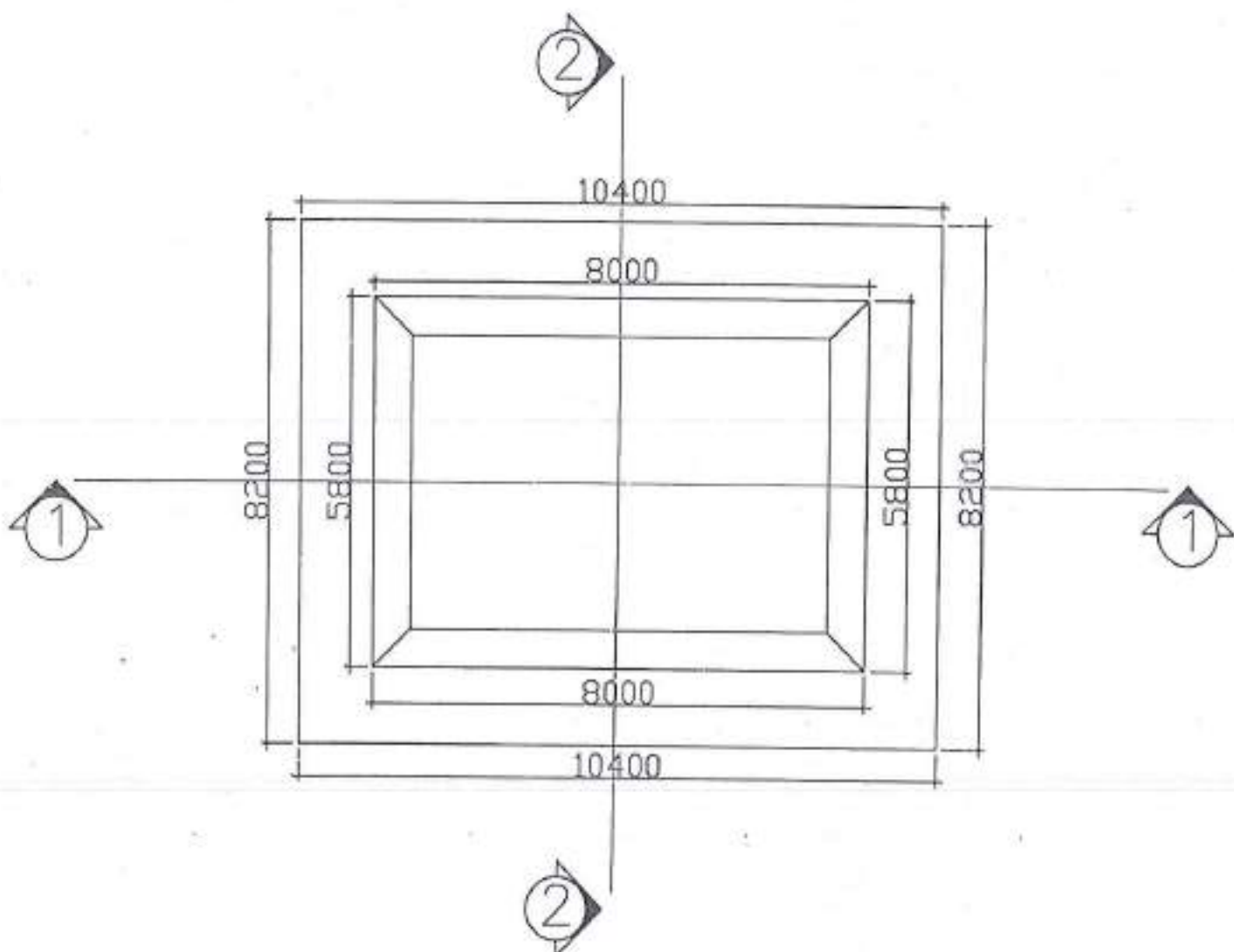
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ
 Nguyễn Thị Minh Hải	 Võ Văn Thống	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	CHI TIẾT HỒ CHỨA BÙN
			Tổng số bản vẽ
			Bản vẽ số



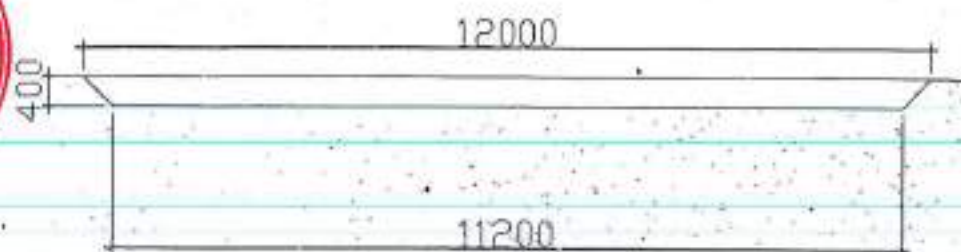
MẶT CẮT 1-1



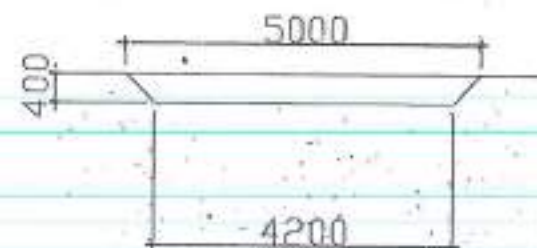
MẶT CẮT 2-2



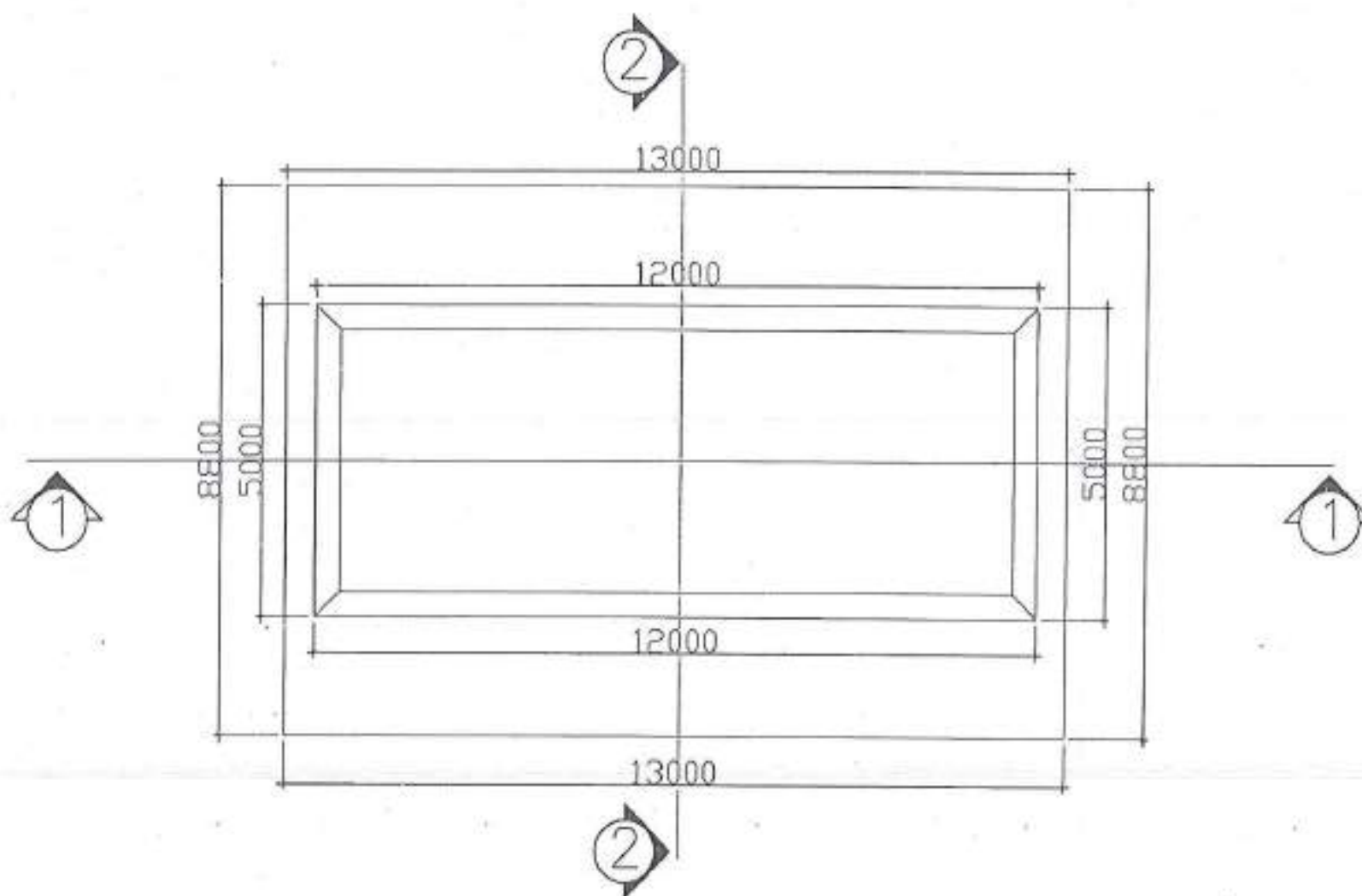
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TINH BỘT Sắn CÔNG SUẤT 1.680 M ³ /NGÀY	HỒ SINH HỌC 2	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



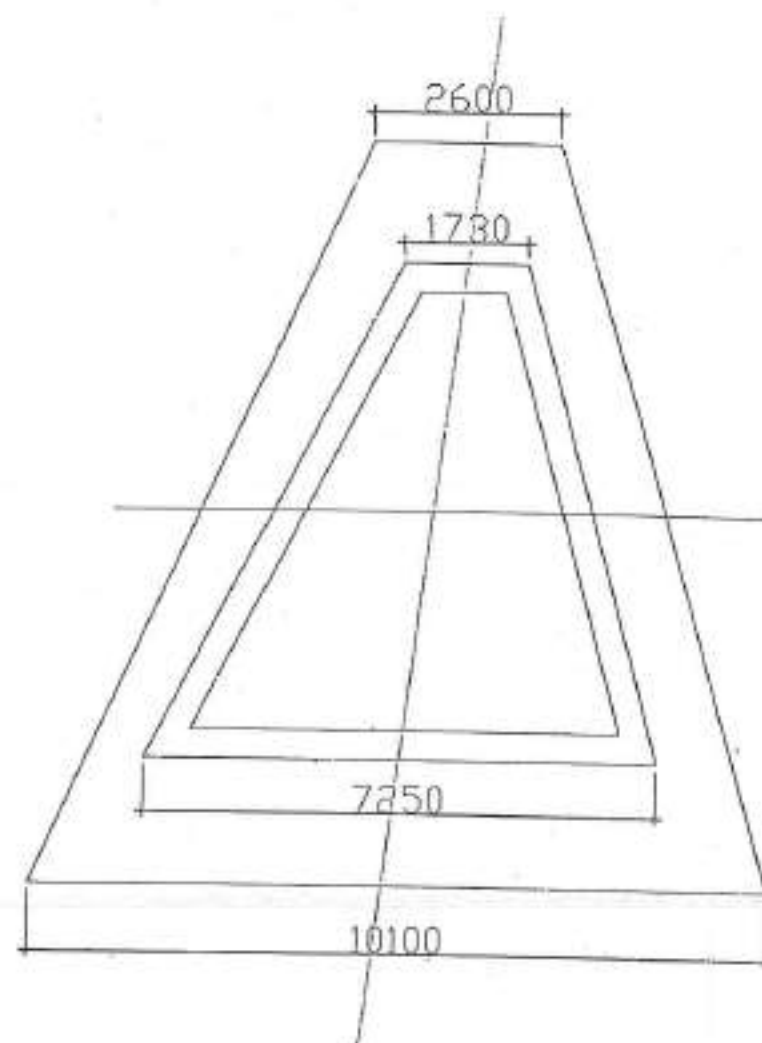
MẶT CẮT 1-1



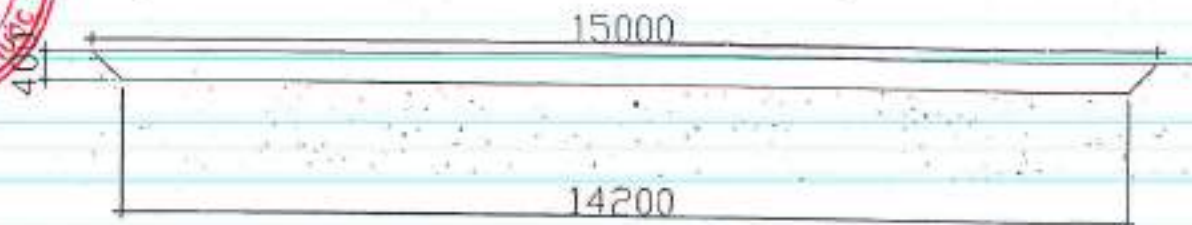
MẶT CẮT 2-2



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Vi Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỈNH BỘT SÂN CÔNG SUẤT 1.680M ³ /NGÀY	HỒ SINH HỌC 4	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



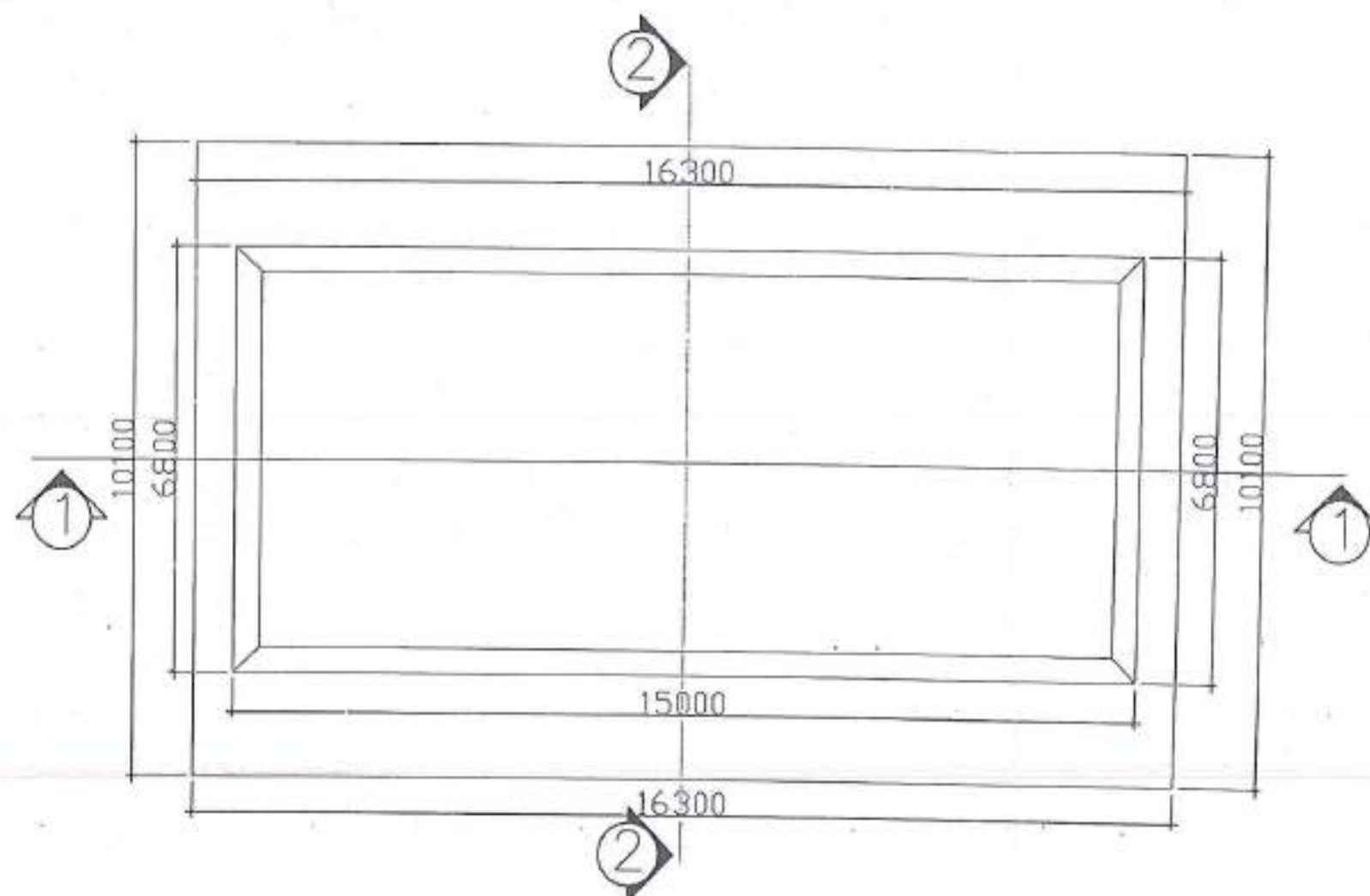
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Vi Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680 M ³ /NGÀY	HỒ SINH HỌC 5	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TRÌNH	TÊN BẢN VẼ	
 <i>Nguyễn Thị Minh Hải</i>	 <i>Võ Văn Hoàng</i>	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TINH BỘT SẴN CÔNG SUẤT 1.680 M ³ /NGÀY	HỒ SINH HỌC 6	
			Tổng số bản vẽ	Bản vẽ số
			12	



CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Phương pháp Hóa lý)

ĐỊA CHỈ: THÔN 2, XÃ ĐỨC LIÊU-HUYỆN BÙ ĐĂNG-TỈNH BÌNH PHƯỚC

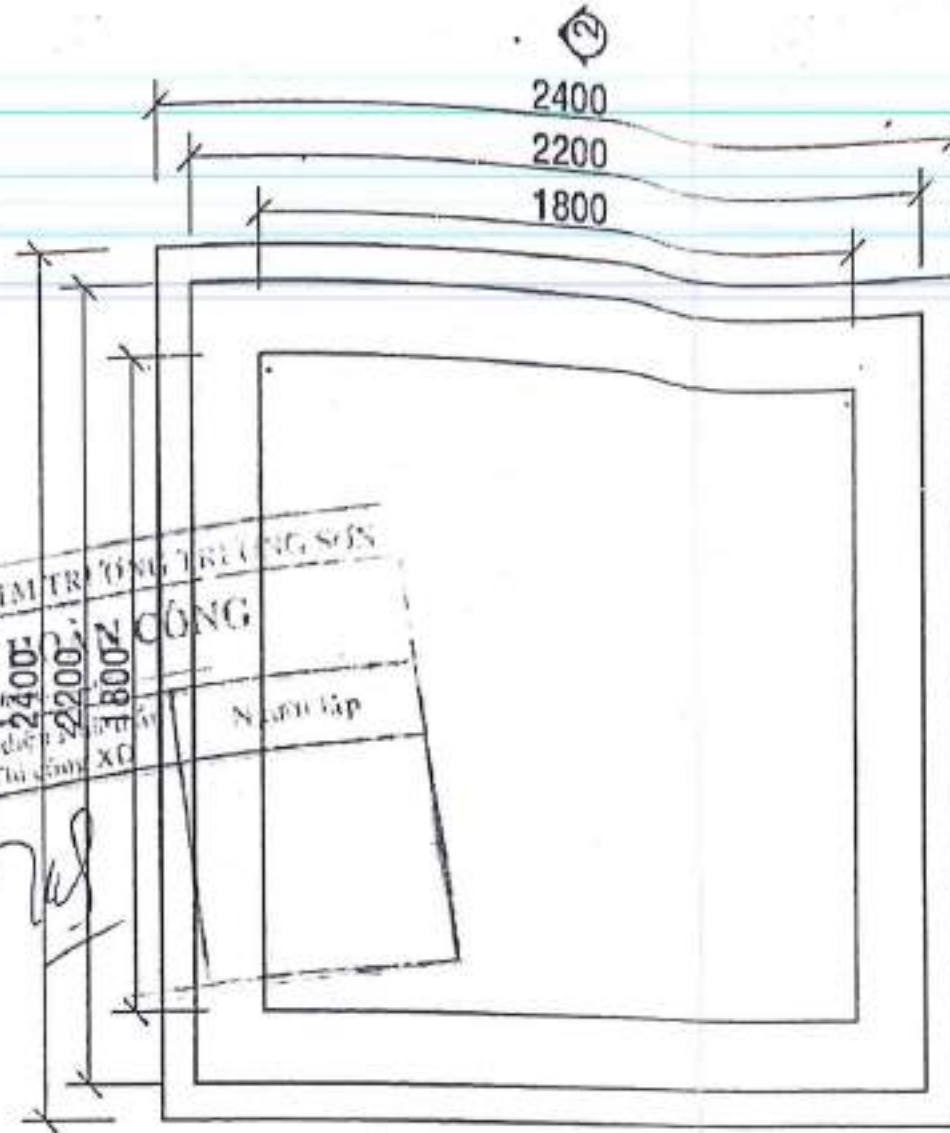
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC



ĐỨC LIÊU-THÁNG 8/2018



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ	
BẢN VẼ	
Kích thước	2400x2200x1800
Giám sát	Thi công
XD của CĐT	Nhà lắp

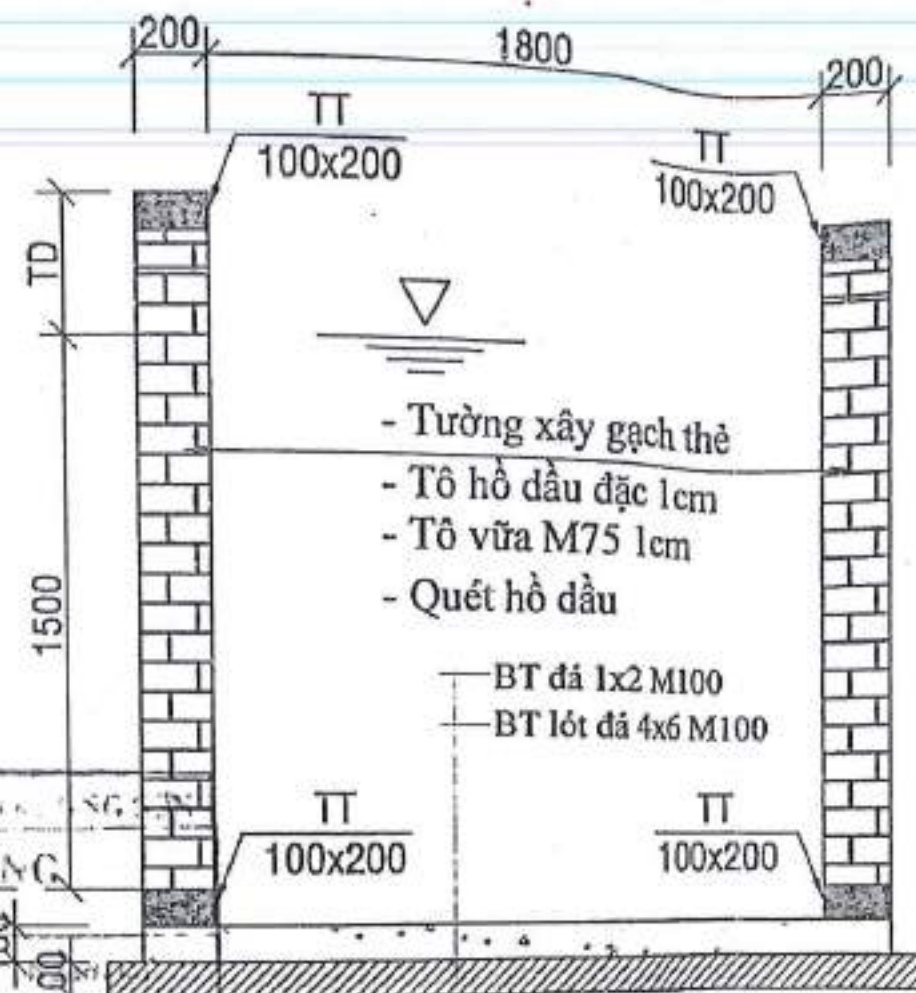


MẶT BẰNG BÊ TÊ

E		CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
Chức năng	Họ và tên	Chức vụ	Nơi làm việc	Ký hiệu: BKTYB-MB	
TGD	Ng.Th.Minh Hải	Thi công	BÊ TÊ	Số lượng	Tỷ lệ
Q.L.KT	Phạm Tiến Đức	Thiết kế	Vật liệu:	01	1:1
				Từ:	Số từ:



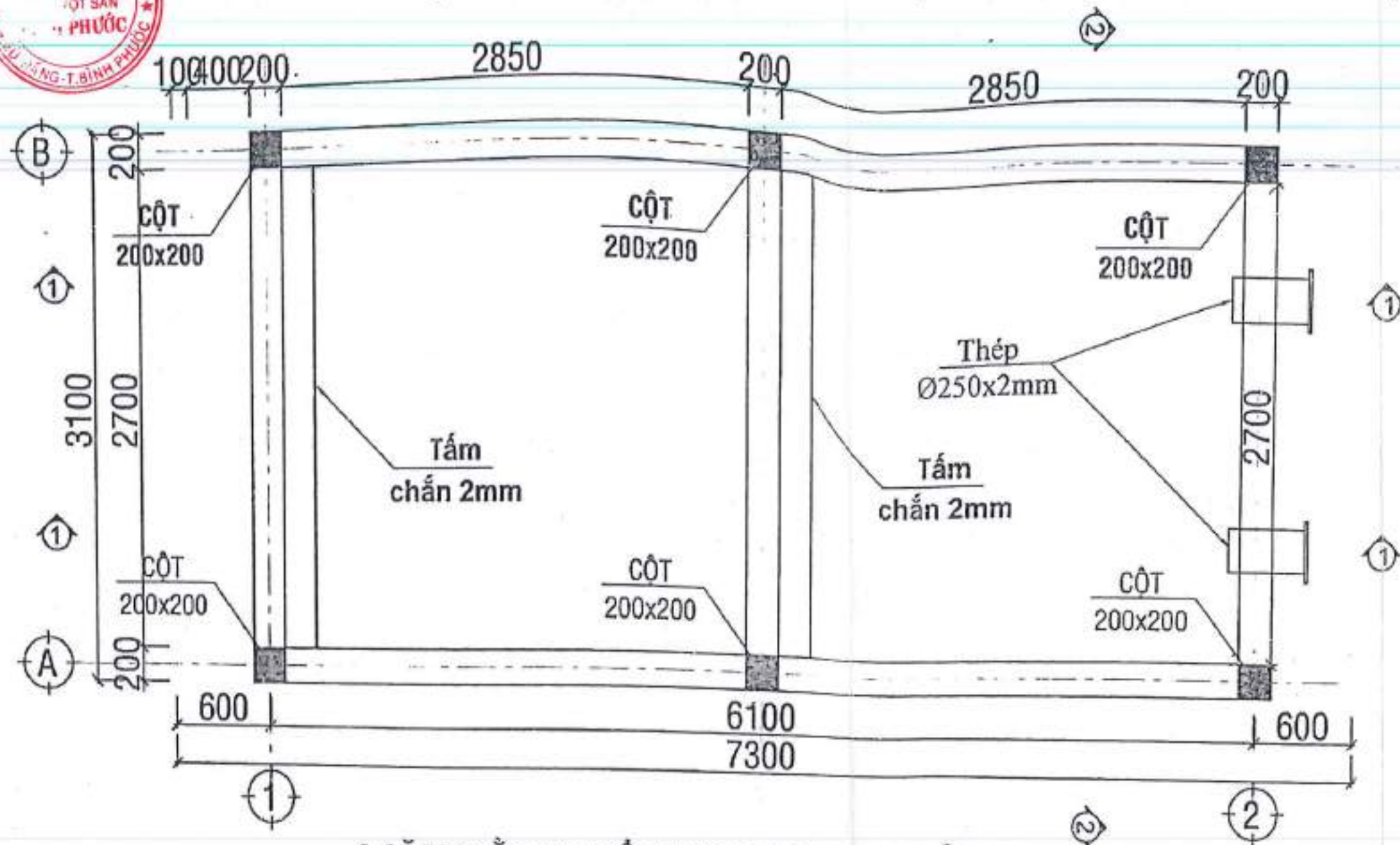
					
CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
Chức năng	Họ và tên	Chức năng	Họ và tên	Ký hiệu:	BKTB/MC1-1
TGD				Số lượng	01
Q.L KT	Ng.Th.Minh Hải			Khối lượng	1:1
Kiểm tra	Phạm Tiến Đức			Tỷ lệ	
Thiết kế	Trần Đức Thắng			Tờ:	
		BỂ T1 Vật liệu: -			



MẶT CẮT 2-2

CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHƯỚC
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
Kỹ sư: [Signature]
Thi công: [Signature]

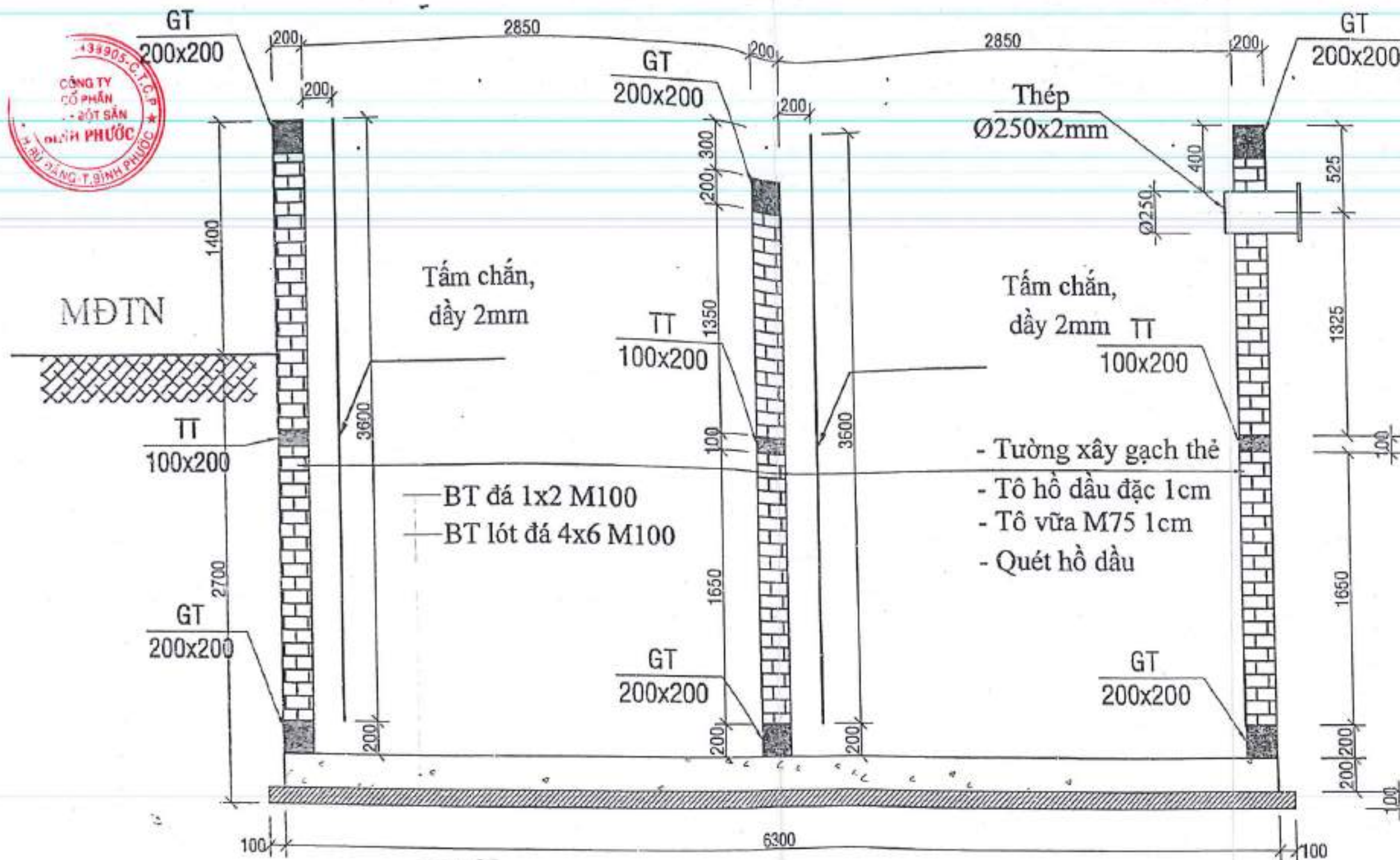
CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
Chức năng	Họ và tên	Ký hiệu	Đơn vị
TGD	Ng. Th. Minh Hải	BỀ T1	Tỷ lệ
Q.L. KT	Phạm Trần Đức	Vật liệu:	4:1
Kiểm tra	Trần Đức Thắng	Số lượng	Tỷ lệ
Thiết kế		01	4:1
		Từ:	Số từ:



MẶT BẰNG BÊ KEO TỤ, TẠO BÔNG

CÔNG TY TNHH DV TM TRÙNG TRÙNG SƠN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Người lập	Đã kiểm tra	Đã duyệt
XD của CĐT	Tại công XD	Ng. lập

E	CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ CÔNG TY SUCO THAI
	Chức năng	Họ và tên	
	TGD	Ng. Th. Minh P.	
	QL KT	Phạm Trần Đức	
	Kiểm tra	Trần Đức Thành	
Thiết kế		Ngày 18/12	Vật liệu:
		Số lượng	Số tư



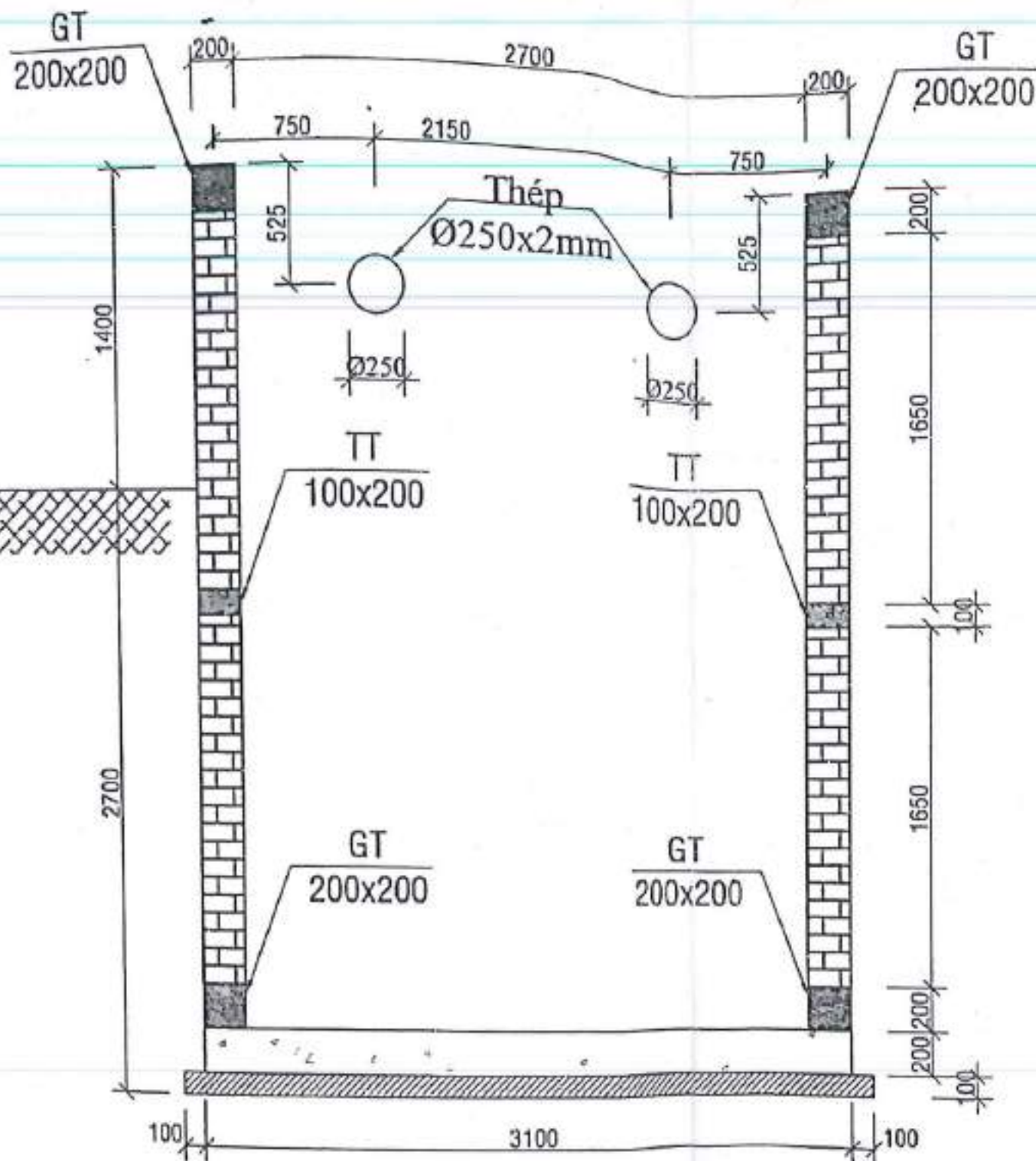
MẶT CẮT 1-1

ves the

 CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		 HỢP ĐỒNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	
Chức năng	Họ và tên	Ký hiệu	Tỷ lệ
TGD	Ng. Th. Minh Hằng	Ký hiệu: BKTĐB-MCI-1	01
Q.L. KT	Phạm Tiến Đức	Số tiền	1:1
Kiểm tra	Trần Đức Thắng	Từ:	Số từ:
Thiết kế		Vật liệu:	



MĐTN



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Chức năng	Họ và tên	Chức vụ
QL KT	Ng Th Minh Hai	
Kiểm tra	Phạm Tiến Đức	
Thiết kế	Trần Đức Thắng	

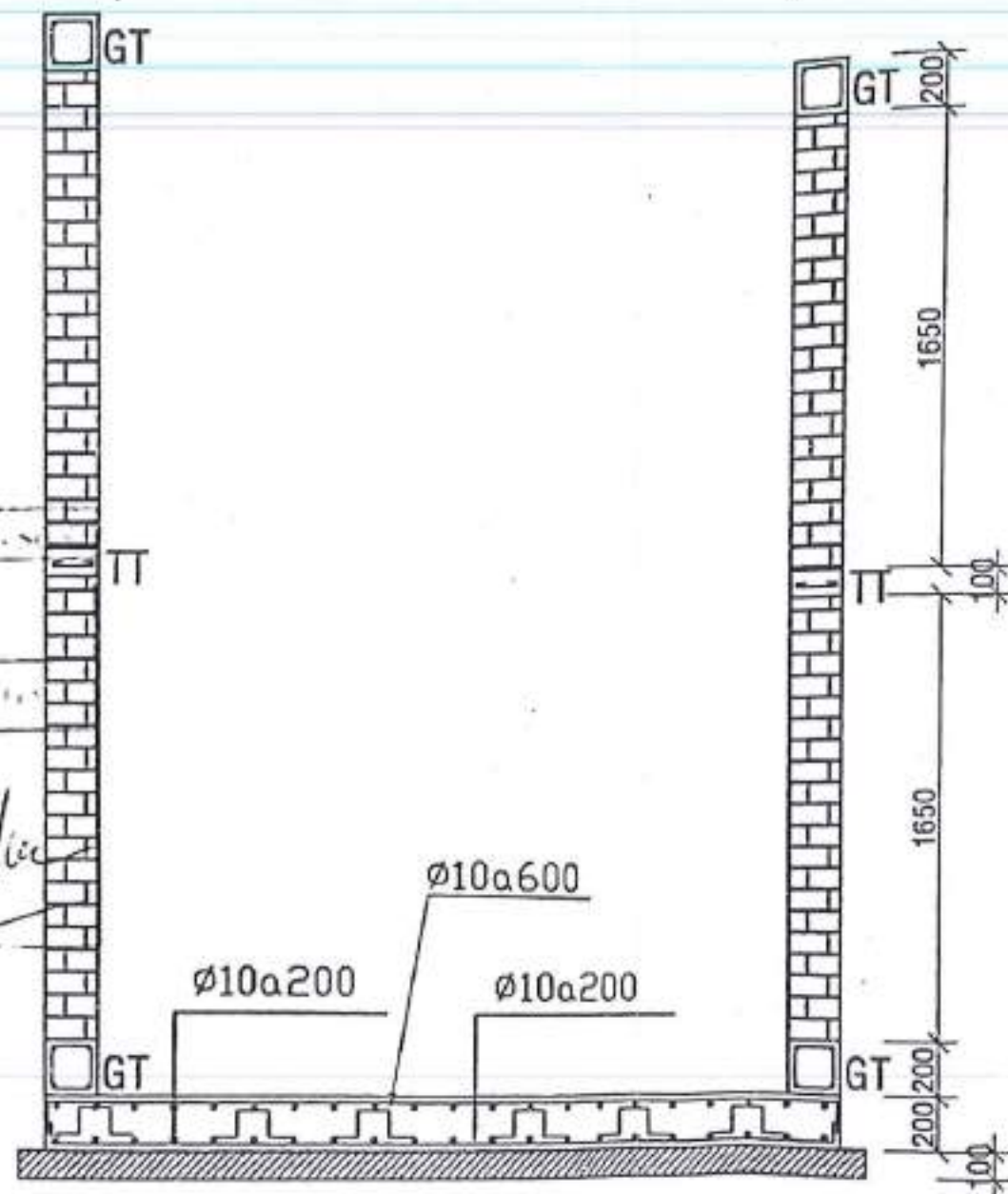
MẶT CẮT 2-2

CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC	
Chức năng	Họ và tên
TGD	
QL KT	Ng Th Minh Hai
Kiểm tra	Phạm Tiến Đức
Thiết kế	Trần Đức Thắng
Vật liệu:	

CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
Ký hiệu: BKT-B-MC2-2		
Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
01		1:1
Tờ	Số tờ	



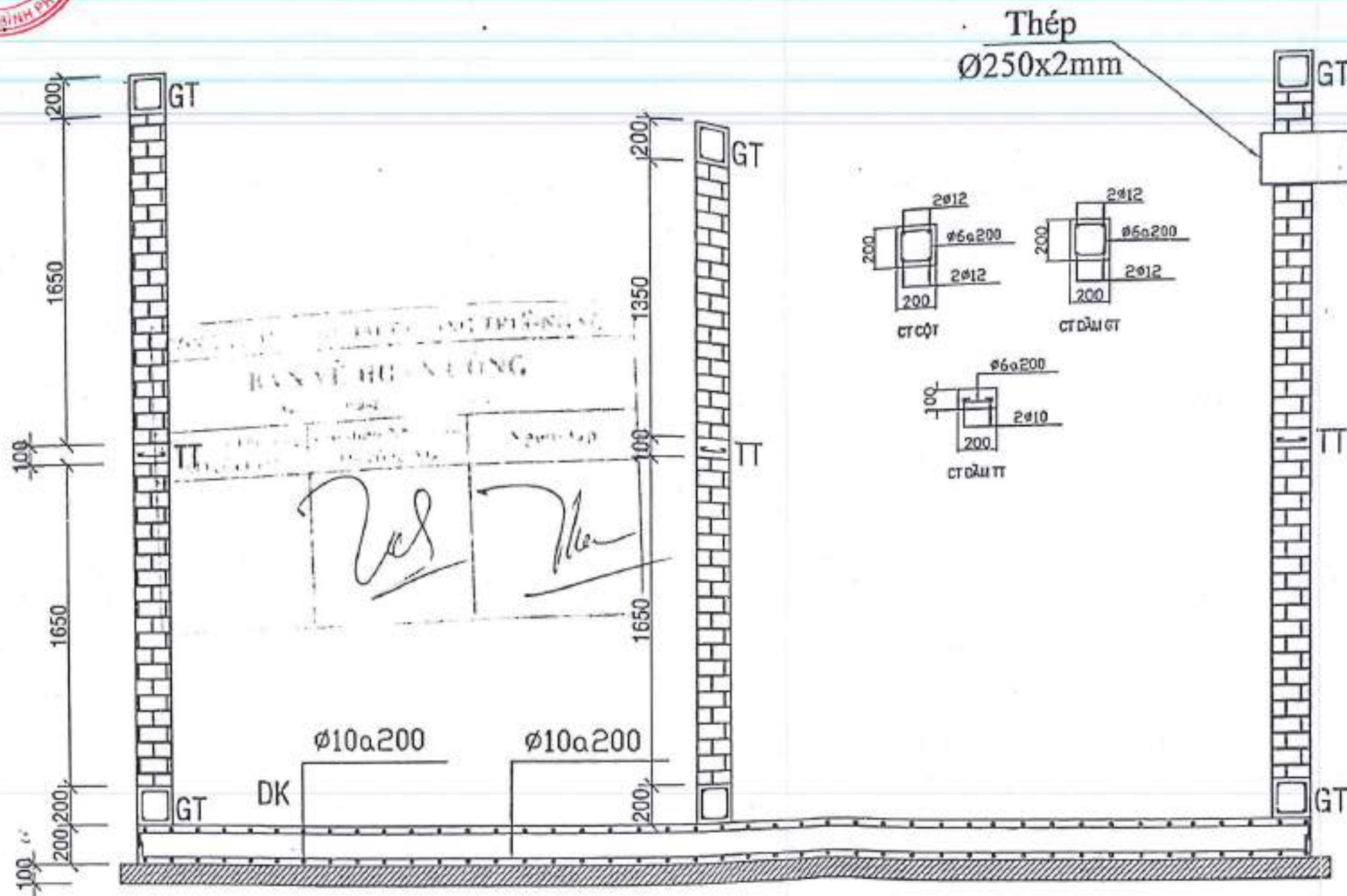
CÔNG TY CỔ PHẦN TẠO BÔNG TRƯNG LẬP		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Chức năng	Họ và tên	Chức vụ
	<i>Trần Đức Thắng</i>	
	<i>Trần Đức Thắng</i>	



BẢN VẼ BỐ TRÍ THÉP

CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
Chức năng	Họ và tên	Chức vụ	Ký hiệu: BKTIB-BTT-01		
TGD	Ng. Th. Minh Hải	Trưởng dự án	Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
Q1.KT	Phạm Tiên Đức	Thiết kế	01		1.1
Kiểm tra	Trần Đức Thắng		Từ	Số tờ	
Thiết kế					

Vật liệu:



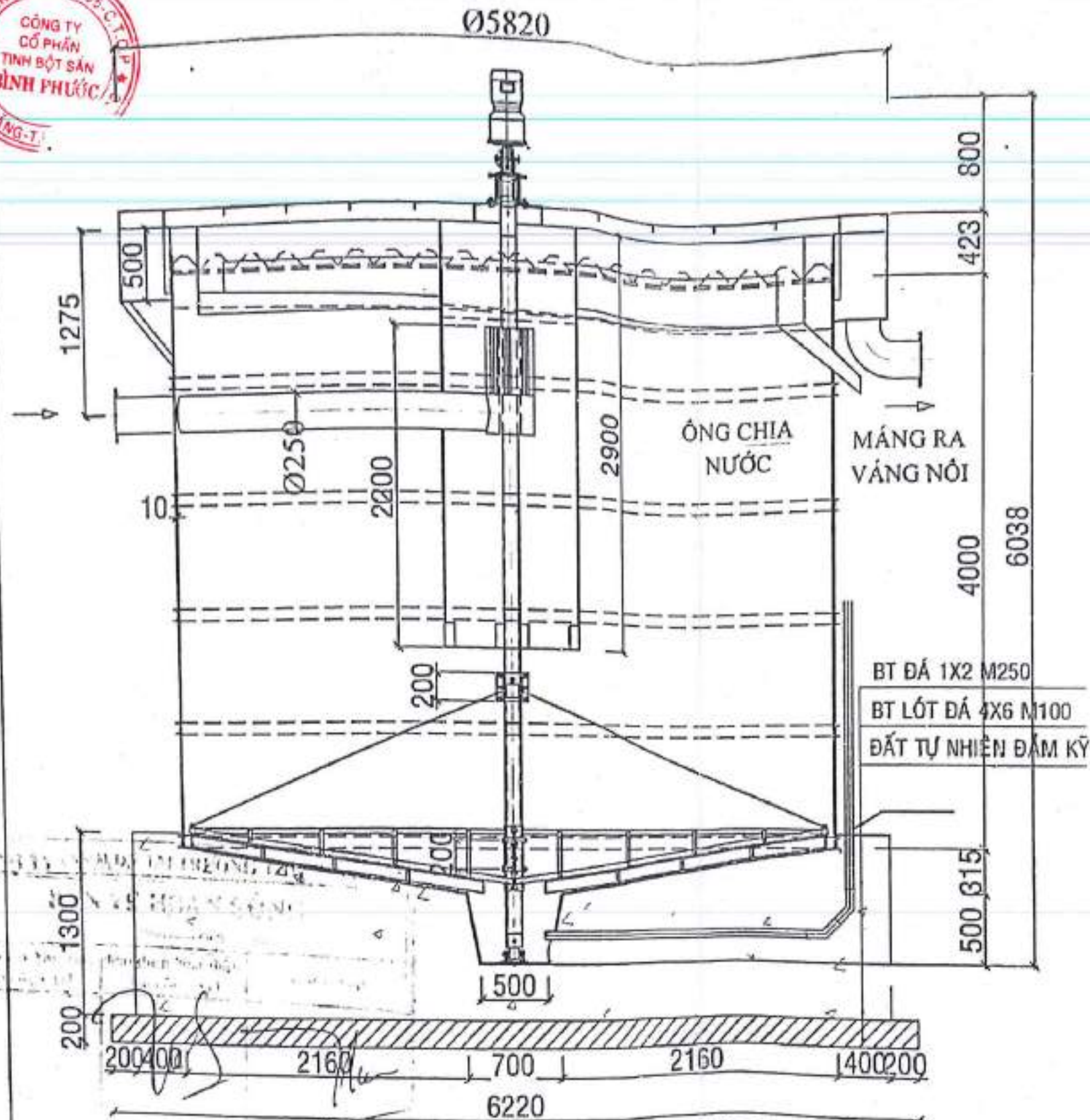
BẢN VẼ BỐ TRÍ THÉP

CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV CỔ BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI	
Chức năng	Họ và tên	Chức vụ	Ký hiệu
TỔ Đ	Ng. Th. Minh Hòa	ĐỀ KEO TỰ TẠO BÔNG	BKTTB-BT/02
QL KT	Phạm Tiến Đức	Vật liệu:	Số lượng
Kiểm tra	Trần Đức Thắng		01
Thiết kế			Tỷ lệ
			1:1

Hand-drawn technical drawing of a circular mechanical part, likely a cross-section of a pipe or a similar component. The drawing includes the following details:

- Overall Dimensions:**
 - Outer diameter: 6220
 - Inner diameter: 5820
 - Wall thickness: 200
- Internal Features:**
 - A central circular hole with a diameter of 700.
 - A horizontal slot or groove with a width of 100500100.
 - A vertical slot or groove with a width of 100500100.
- Labels and Text:**
 - Top label: "ANG - 1E.1/100"
 - Bottom label: "ANG"
 - Left label: "CƠ"
 - Right label: "CƠ"
 - Bottom right label: "CƠ"
- Dimensions and Measurements:**
 - Horizontal dimensions: 2160, 700, 2160, 400200
 - Vertical dimensions: 2160, 2160
- Handwritten Notes:**
 - Two handwritten signatures are present in the bottom right corner.

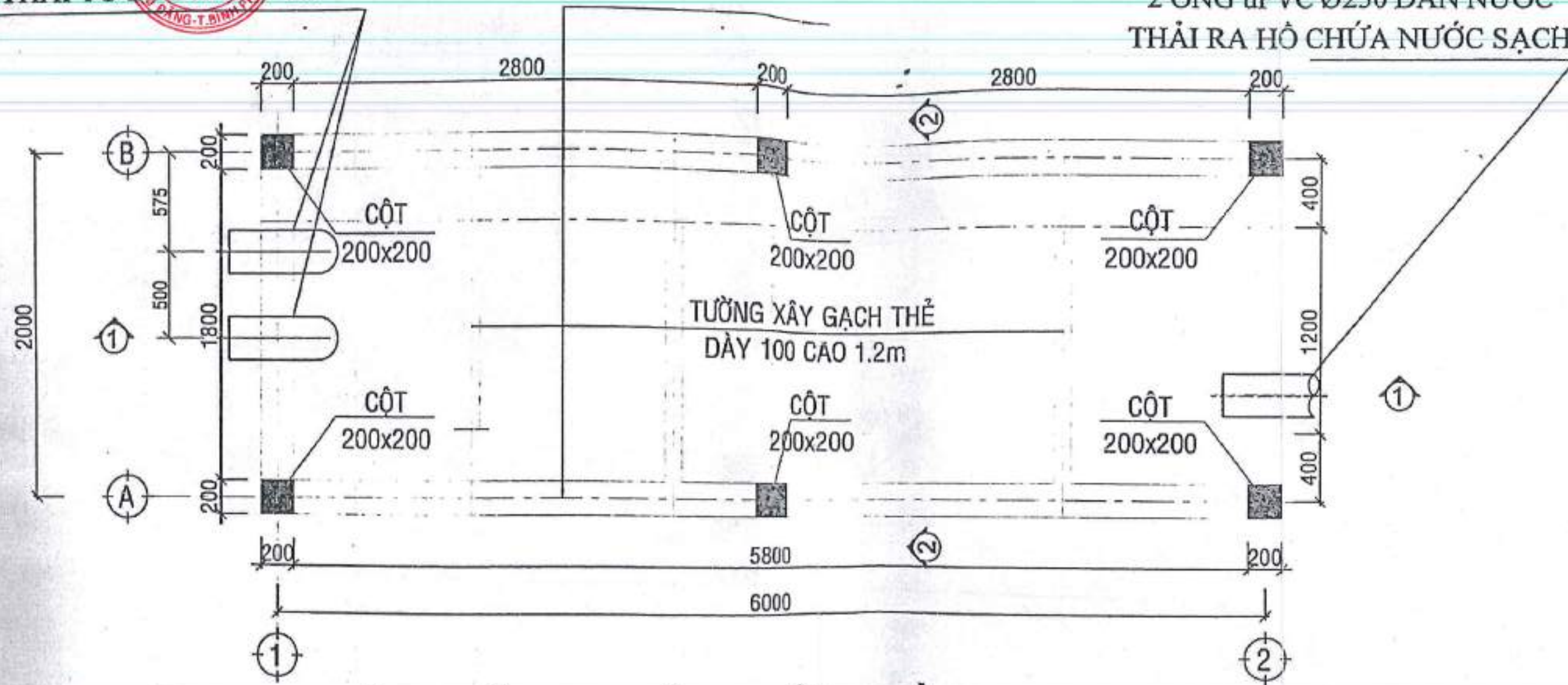
CÔNG TY CỔ PHẦN		HỆ THỐNG MỸ THUẬT
FCCOGEN BINH PHUOC		NƯỚC THẢI
Chức năng	Họ và tên	Ký hiệu
QL KT	Ng Thị Minh Hằng	BLB-MB-QĐ
Kiểm tra	Phạm Tiến Đức	Số lượng
Thước kẻ	Tiến Đức Thôn	12
Vật liệu: Bê tông		Số tờ
		11



CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC FOCOCEV		HỒ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐƠN VỊ: BLB-MC-BPL
Chức năng: QL KT Họ và tên: Ng. Th. Minh Hoi Kiểm tra: Phan Tien Duc Thiết kế: Tran Duc Thang	Địa điểm: Đ. L. LANG BUN Địa điểm: BÌNH YẾN - Đ. Đ. LANG Vật liệu:	Ký hiệu: BLB-MC-BPL Số lượng: 02 Từ: 11

2 ỚNG uPVC Ø250 DẪN NƯỚC
THẢI TỪ BỂ LĂNG VỀ

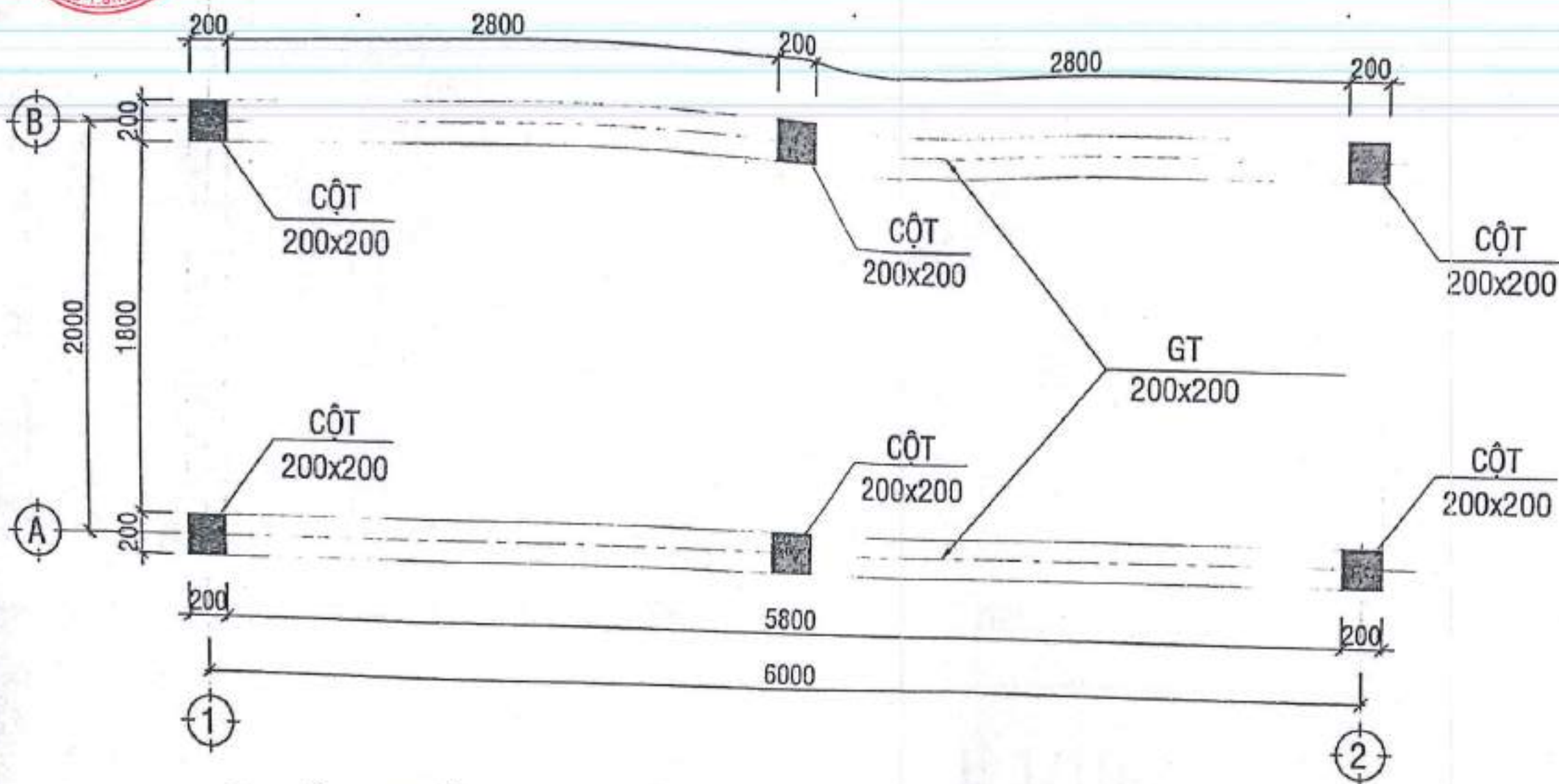
2 ỚNG uPVC Ø250 DẪN NƯỚC
THẢI RA HỒ CHỨA NƯỚC SẠCH



MẶT BẰNG BỂ KHỬ TRÙNG - TL:1/100

CÔNG TY TNHH DV TÀI TRƯỜNG TRƯỜNG SƠN		
IBẢN QUYỀN DAN CÔNG		
Giám sát Thi công	Thi công	Người vẽ
XD của CĐT	Thi công XD	

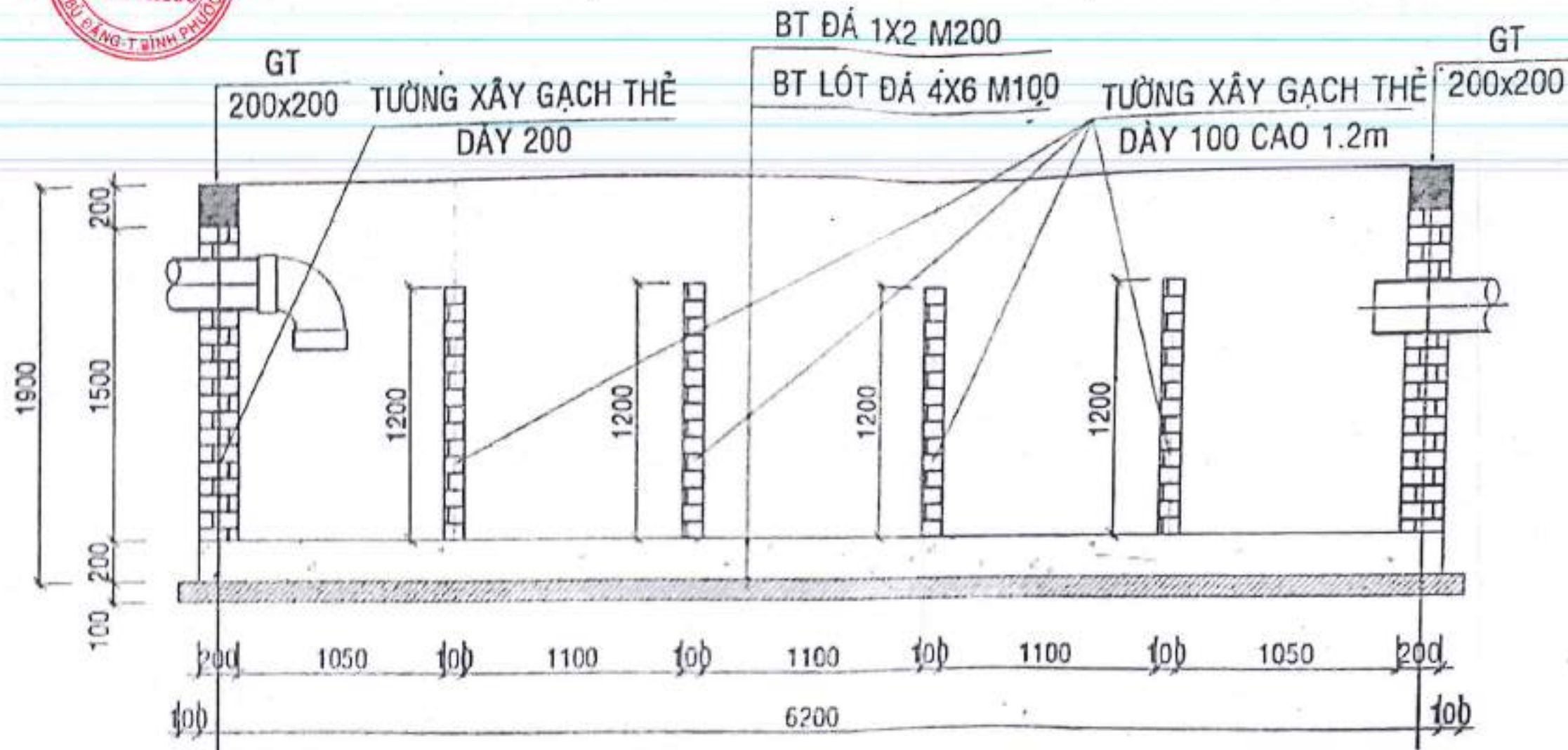
CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
BỂ KHỬ TRÙNG MẶT BẰNG		Ký hiệu: BKT-MB	
QL KT	Họ và tên	Số lượng	Khối lượng
Kiểm tra	Ng.Th.Minh.Hà	01	
Thiết kế	Phạm Tiến Đức	Tỷ lệ	1:1
	Tôn Đức Thắng	Tờ:	Số tờ:
	08/01/18	Vật liệu:	



MẶT BẰNG ĐÀ GIẰNG TƯỜNG - TL:1/100

CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHƯỚC	
BỀ KHỬ TRÙNG	
Giám sát Thi công	Thiết kế
XD của CĐT	

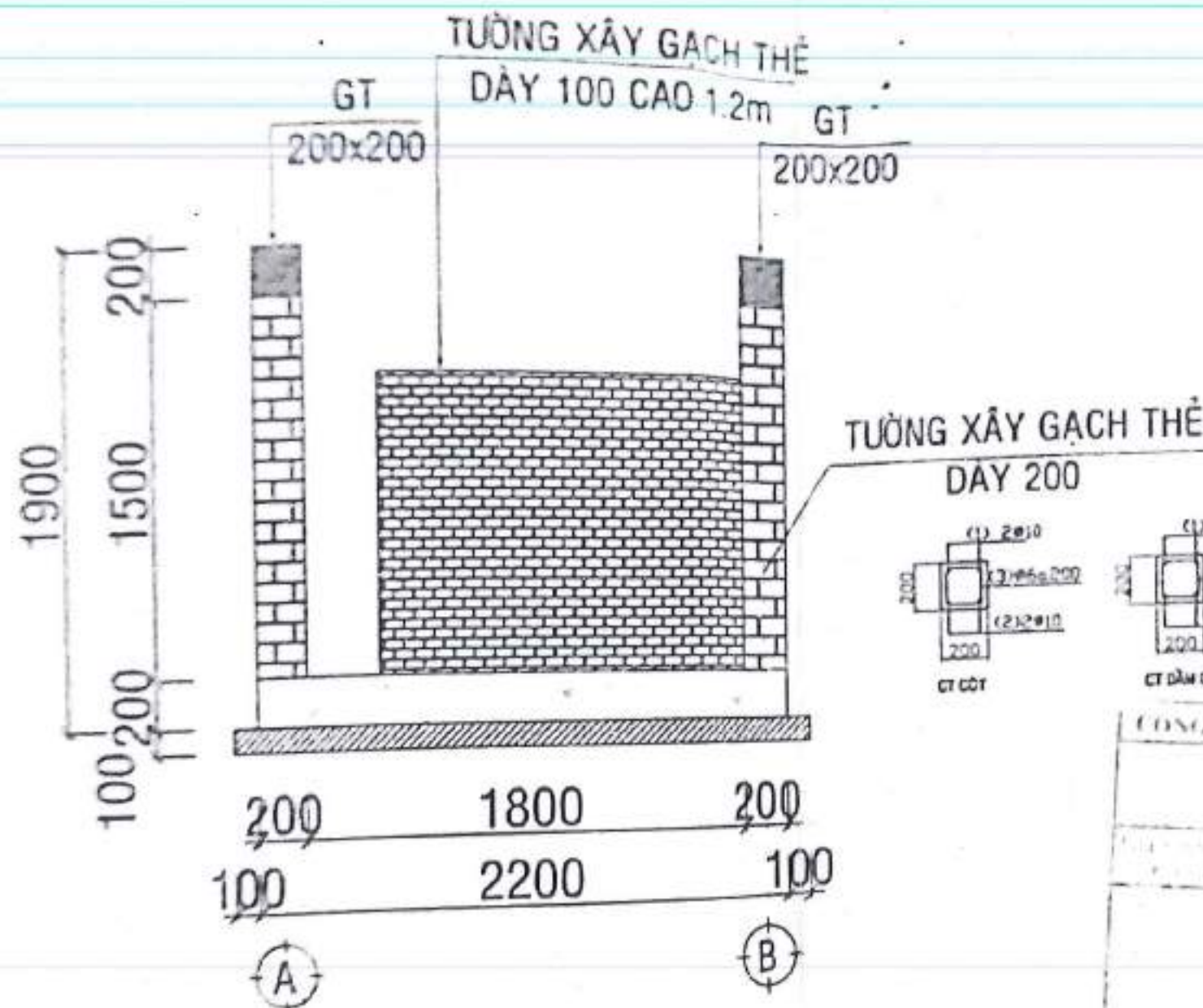
		CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHƯỚC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		BỀ KHỬ TRÙNG MB-ĐÀ GIẰNG	
Họ và tên	Chức vụ	Số lượng	Tỷ lệ
Ng Th Minh Hài	Trần Đức Thắng	01	1:1
Kiểm tra	Thiết kế	Từ:	SA
Vật liệu:			



MẶT CẮT 1-1; TỶ LỆ 1/100

CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHƯỚC	
BAN KIỂM TRA	
Ngày tháng năm	
24/7/16	

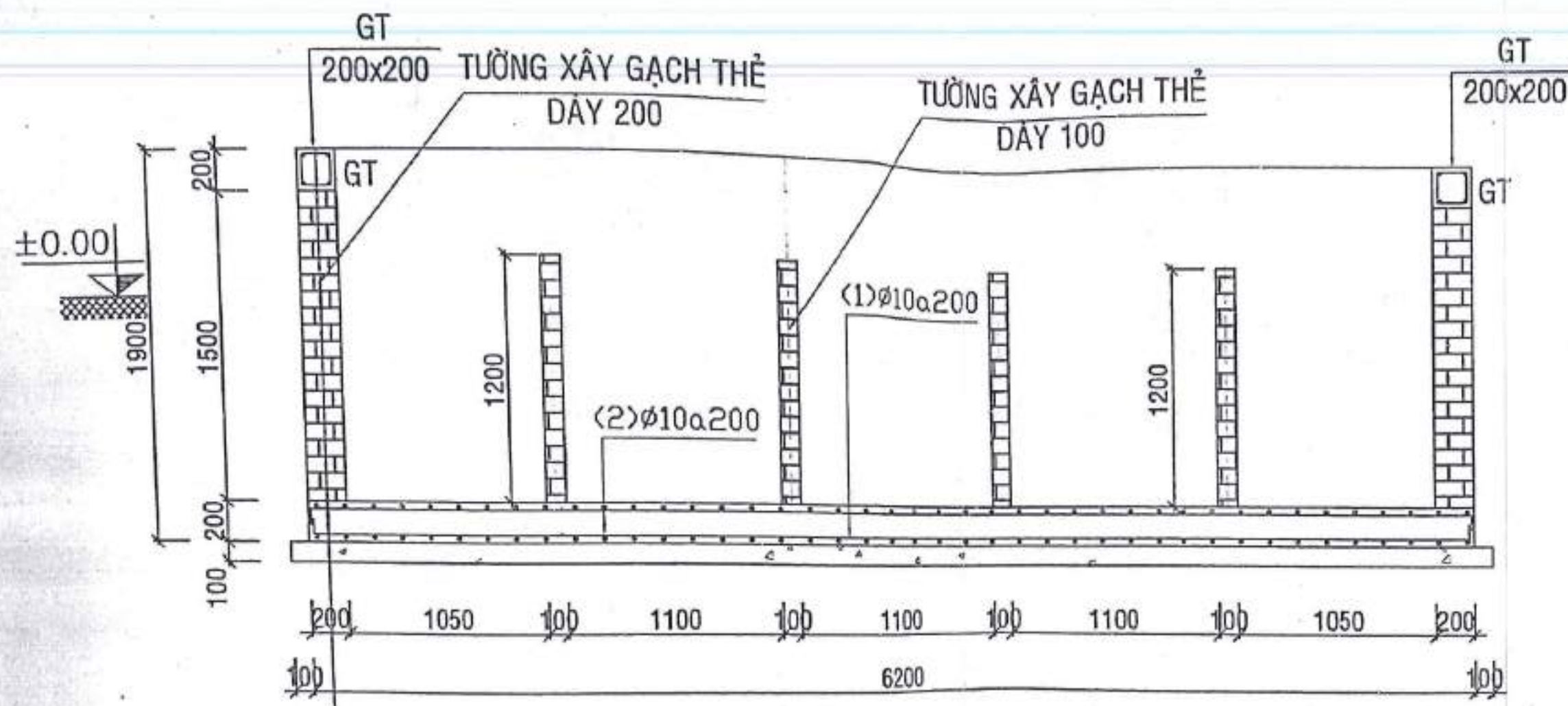
		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		Ký hiệu: BKT-MC1-1	
Họ và tên: Ng. Th. Minh Hải		Số lượng: 01	
Kiểm tra: Phạm Tiến Đức		Tỷ lệ: 1:1	
Thiết kế: Trần Đức Thắng		Số tờ: 1	
Vật liệu:			



MẶT CẮT 2-2; TỶ LỆ 1/100

CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH VÀ THIẾT KẾ	
BAN VẼ KỸ THUẬT	
Ngày: 15/03/2018	Thị trấn: Thủ Đức
Đã duyệt	Đã duyệt
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

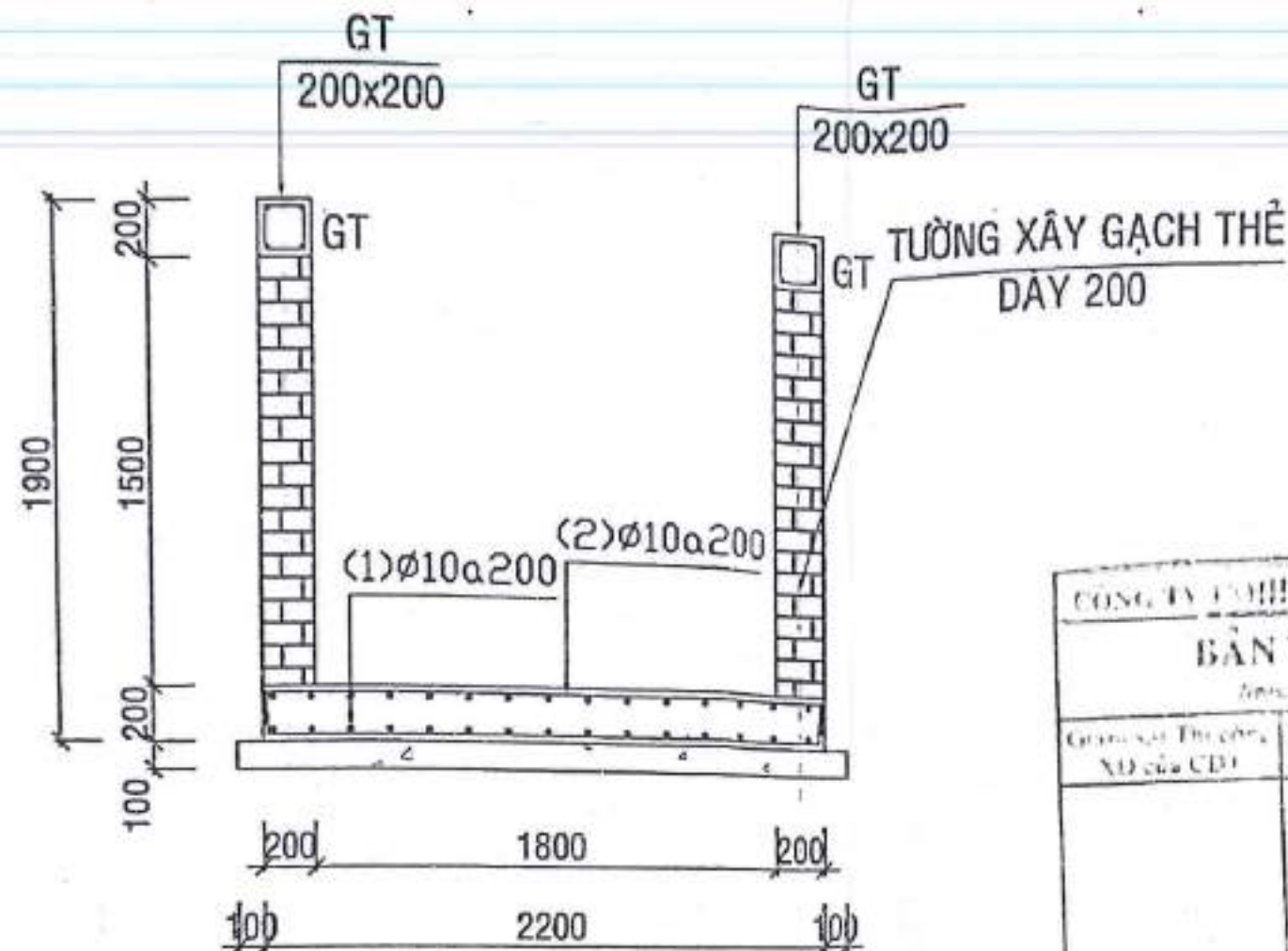
E CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC M.S.D.N: 3800438905-CTCP		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Thành phố Thủ Đức	
Dự án: ĐỀ KHU TRỪNG MẶT CẮT 2-2 Vật liệu:		Ký hiệu: BK T-MC 2-2 Số lượng: 01 Tỷ lệ: 1:1	
QTKT: <i>[Signature]</i> Kiểm tra: <i>[Signature]</i> Thiết kế: <i>[Signature]</i>	Họ và tên: <i>[Signature]</i> Chức vụ: <i>[Signature]</i> Ngày: 15/3/18	Số m: <i>[Signature]</i> Số m: <i>[Signature]</i>	



CHI TIẾT THÉP

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT Sắn BÌNH PHƯỚC		QUẢN LÝ SÀN
KẾ HOẠCH THI CÔNG		
Giám sát Thi công	Thi công	Người lập
XD CĐT	Thi công XĐT	

E CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
Họ và tên: Ng.Th.Minh Hải		Ký hiệu: BKT-BT-01	
Kiểm tra: Phạm Tiến Đức		Số lượng: 01	Tỷ lệ: 1:1
Thiết kế: Trần Đức Thắng		Gờ:	Số tờ:
Vật liệu:			



CÔNG TY CỔ PHẦN TINH BỘT SẢN BÌNH PHƯỚC		
BẢN VẼ HOẠNCÔNG		
Giám sát Thi công XD của CD	Đại diện nhà thầu Thi công XD	Ngày lập
	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

CHI TIẾT THÉP

CÔNG TY CỔ PHẦN COCEV BÌNH PHƯỚC			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY COCEV BÌNH PHƯỚC		
Q.L.KT	Họ và tên	Chức vụ	BỂ KHỬ TRÙNG BỘ TRÍ THÉP		
Kiểm tra	Ng.Th.Minh.Hải		Ký hiệu: BKT-BTT-02		
Thiết kế	Phạm.Tiến.Dức		Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
	Trần.Dục.Thắng		01		1:1
			Từ:	Số từ:	



A

7000

21000

11000

B

6000

2000

A

CÔNG TY TNHH CÔNG

BAN VE M

CHỨC VỤ: Trưởng Ban

AD

Tên người

Handwritten signatures and initials

B

E

CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC
FOCOCEV

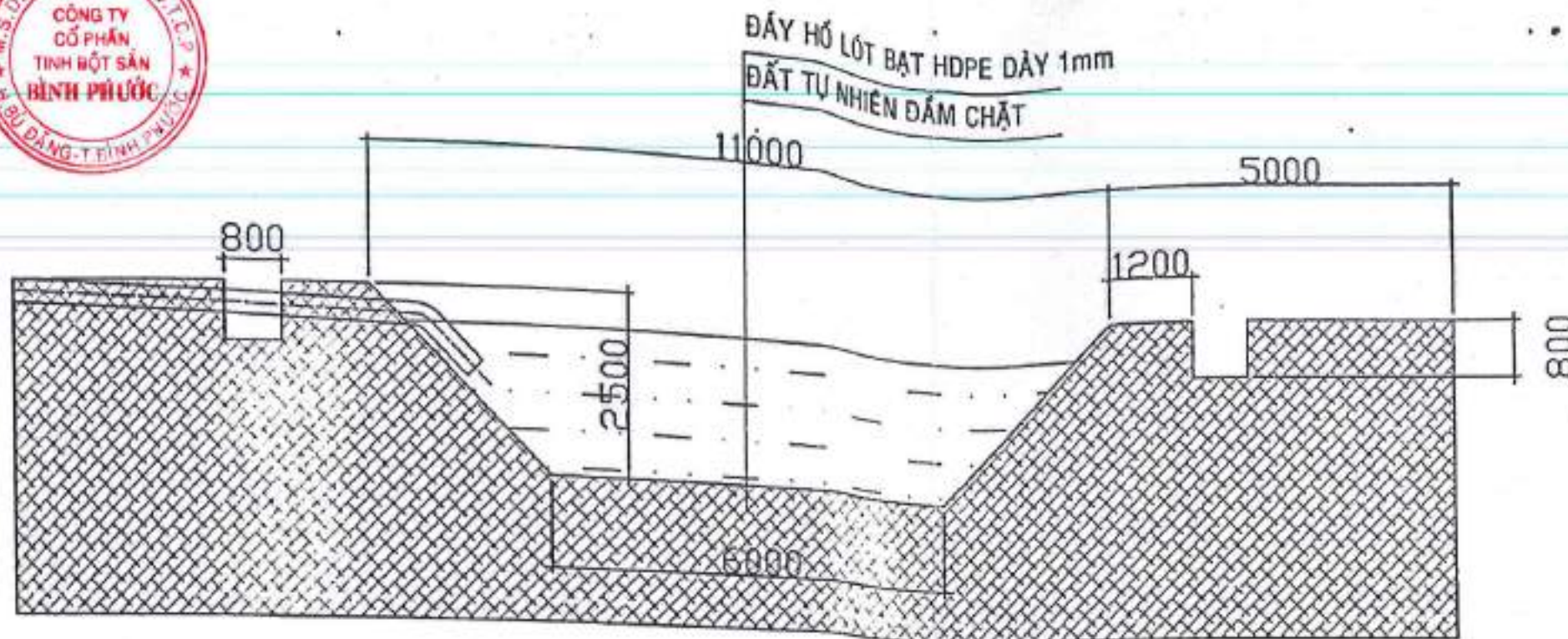
Chức năng	Họ và tên	Chức vụ	Ngày
GD	Lê Ngọc Khanh		
QL KT	Ngô Thị Minh Lệ		
Kiểm tra	Phạm Văn Đức		
Thay thế	Trần Văn Thành		

HỒ CHỨA NƯỚC SẠCH

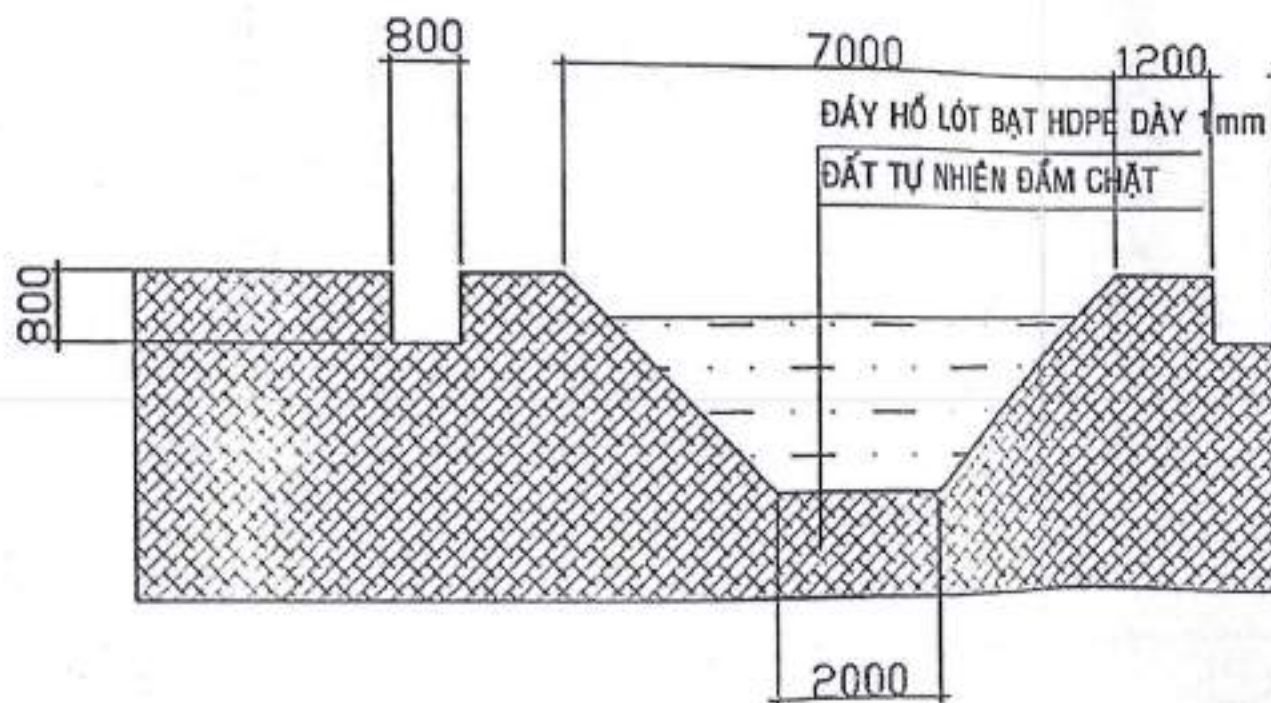
Vật liệu



Hệ thống xử lý nước thải
BÌNH PHƯỚC



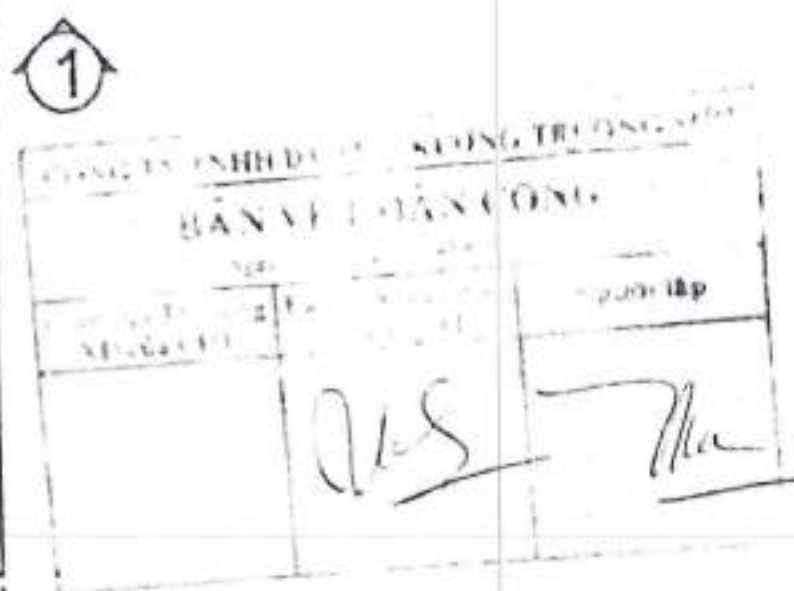
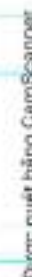
MẶT CẮT A-A



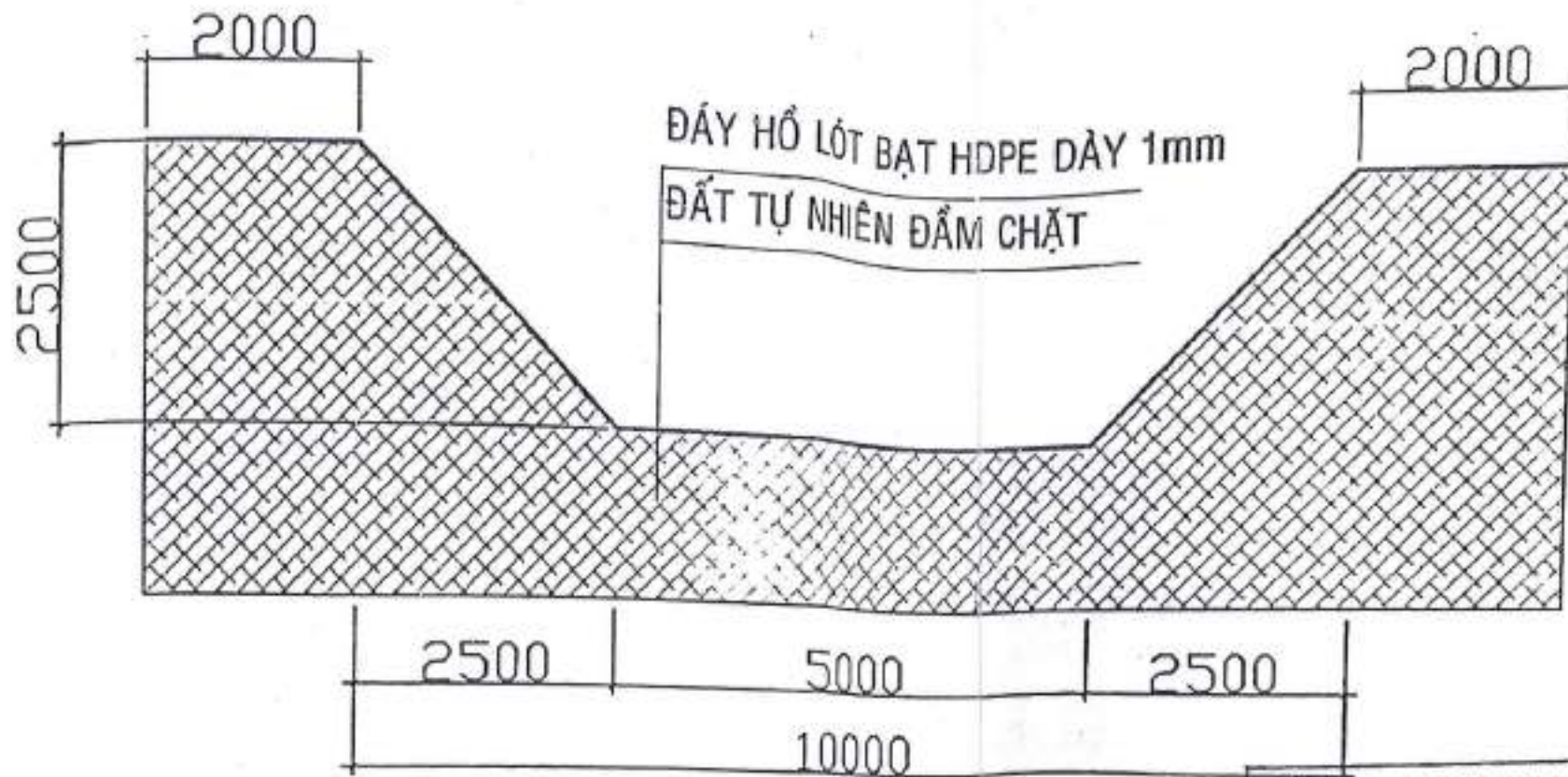
MẶT CẮT B-B

CÔNG TY TNHH XDVT		KINH SƠN	
3000 BAN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày tháng năm			
Giám sát thi công XD của CĐT	Đại diện nhà thầu Thi công XD	Người lập	
	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẠO CHỮA NƯỚC SẠCH		CÔNG TY CỔ PHẦN TẠO CHỮA NƯỚC SẠCH	
M.S.D.N. 0513574488-C.T.C.P.		M.S.D.N. 0513574488-C.T.C.P.	
Chức năng	Họ và tên	Chức năng	Họ và tên
GS	Lê Ngọc Khanh	GS	Lê Ngọc Khanh
QL KT	Ng. Văn Minh Hòa	QL KT	Ng. Văn Minh Hòa
Kiểm tra	Phạm Văn Thái	Kiểm tra	Phạm Văn Thái
Thiết kế	Trần Văn Thái	Thiết kế	Trần Văn Thái
Vật liệu		Vật liệu	
Số lượng		Số lượng	
Đơn vị		Đơn vị	
Tư vấn		Tư vấn	



 CÔNG TY CỔ PHẦN FOGOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
Chức năng LĐT N.L.AT A.von.Tra Thước kẻ	Họ và tên Lê Ngọc Khanh Ng. TN Minh Hiep Phạm Tuấn Đức Trần Đức Thuận	Ký hiệu HGB-MB Số lượng (1) Tỷ lệ 1:1	
HỒ CHỮA BÚN Vật liệu:		Tỷ lệ 1:1	



MẶT CẮT 1-1

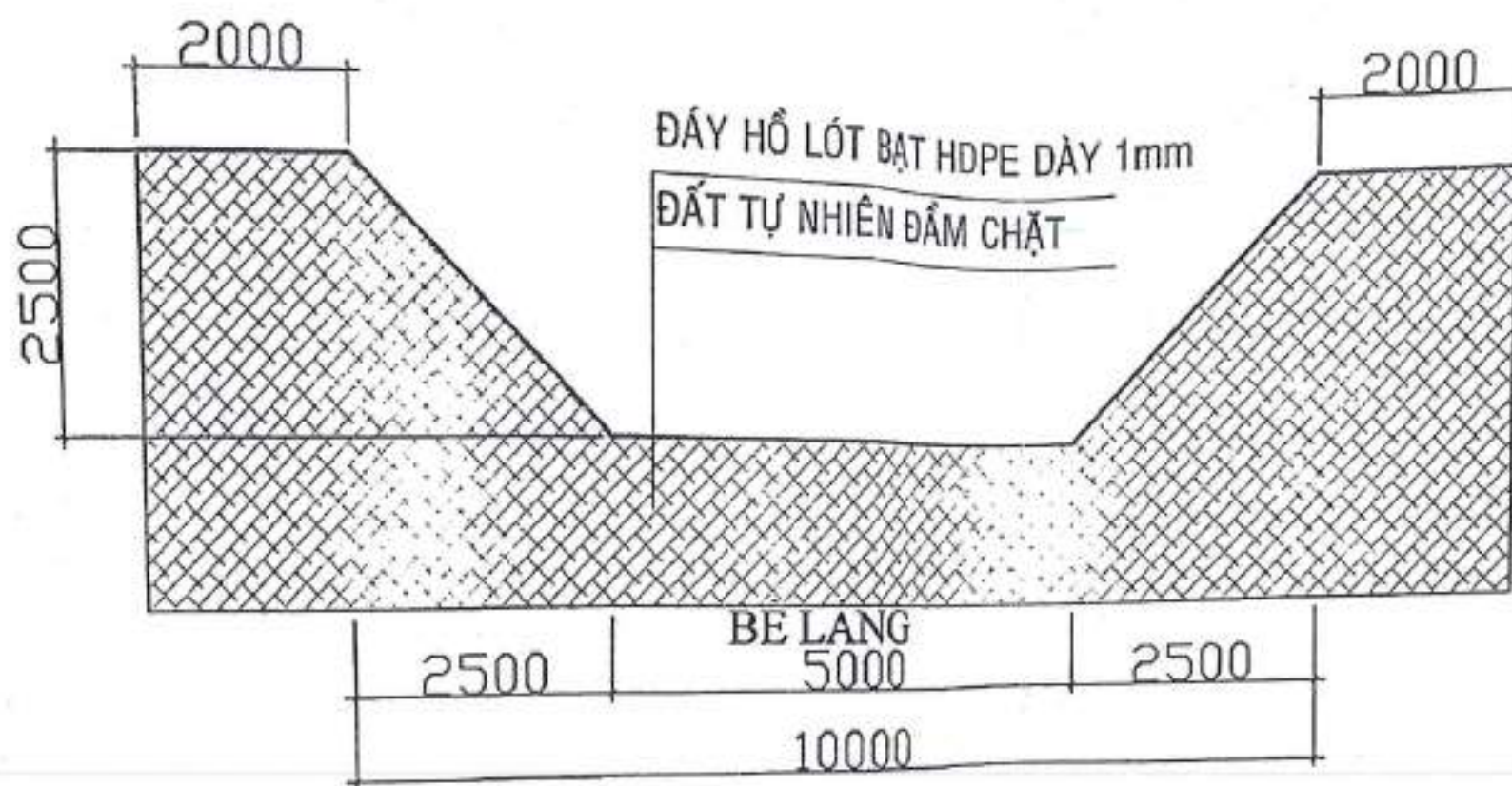
CÔNG TY TNHH DV T		
BẢN VẼ HẠNH CÔNG		
Ngày: 10/02/2018		
Giám sát Thi công XD của CĐT	Đại diện Nhà thầu Thi công XD	Ngày: 13/2

E	CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
	HỒ CHỨA BÙN		Ký hiệu: HCB-MCI-1	
	Vật liệu:		Số lượng: 01	Tỷ lệ: 1:1
			Số tờ: 1	

Chức năng: Ho và tên: Lữ Ngọc Khánh, Ng Th Minh Hải, Phạm Tiến Đức, Trần Đức Thắng

Ngày: 10/02/18

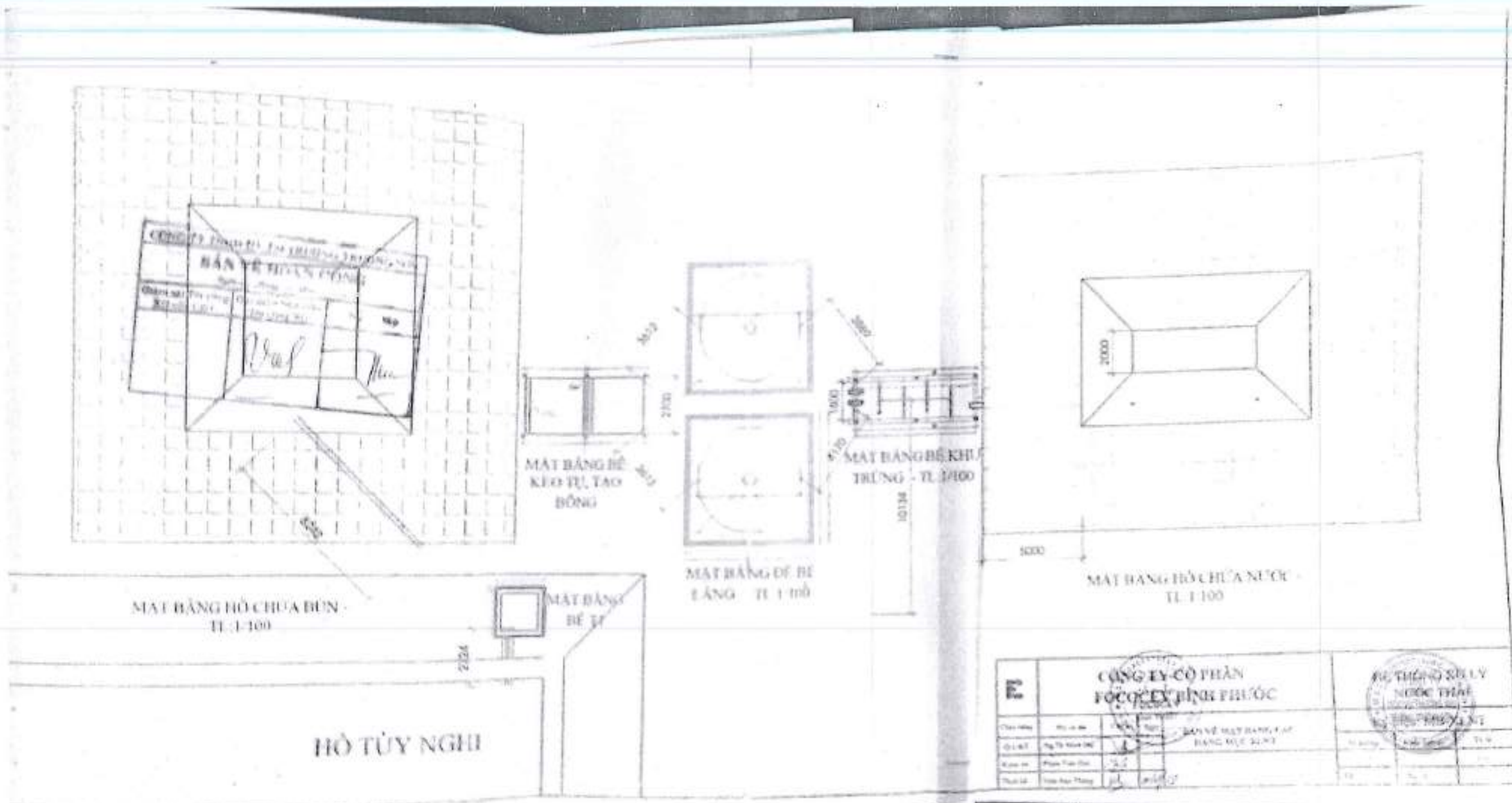
Red circular stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC, M.S.D.N. 3600438905-C.T.C.



CÔNG TY TNHH DV TM TRƯỜNG, TRƯỜNG MDT	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Giám sát thi công	XD của CC

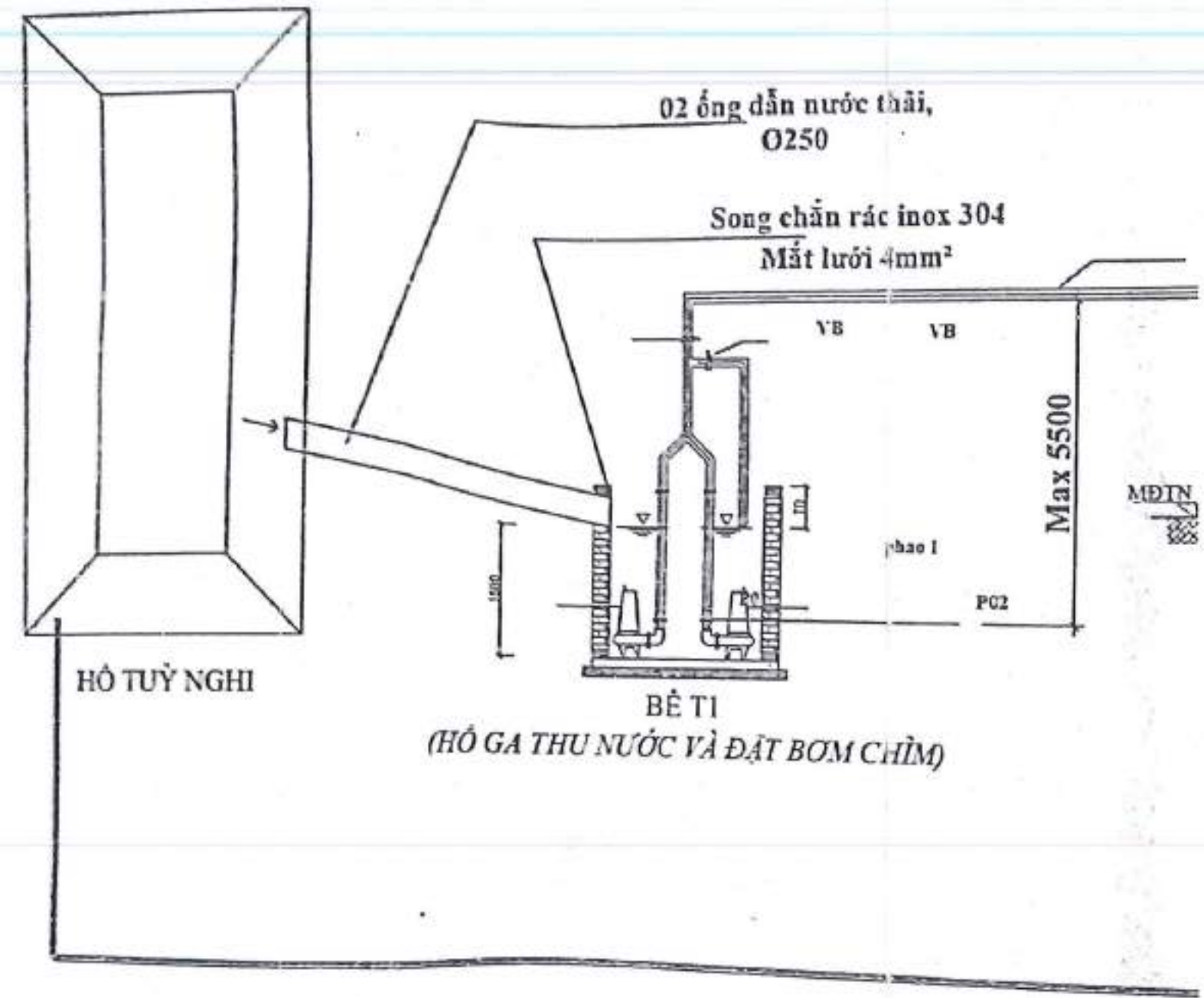
MẶT CẮT 2-2

	CÔNG TY CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		HỆ THỐNG XỬ LÝ	
	CỔ PHẦN FOCOCEV BÌNH PHƯỚC		NƯỚC THẢI	
	HỒ CHỨA BÙN		Ký hiệu: HCB-MC2-2	
	Vật liệu:		Số lượng: 01	
Chức năng	Họ và tên	Ngày	Số tự	
GD	Lê Ngọc Khanh	17/12/18	1-1	
QL KT	Ng Thi Minh Hà			
Kiểm tra	Phạm Tiến Đức			
Thiết kế	Trần Đức Thắng			



QUY TRÌNH CHẠY HỆ THỐNG

- Hệ thống có 2 bể lắng, nên có 2 bơm PV2, 2 cụm cánh khuấy P7 0.37 kw. 2 bể lắng này hoạt động song song nhau.
- P01 P02 chạy luân phiên 2 tiếng chạy 2 tiếng nghỉ và chạy theo phao báo mức nước đầy.
- Bơm PDL PV1 chạy theo P01 P02 và theo 2 phao trong bồn hòa chất.
- 2 Bơm PV2 chạy theo timer (Set theo thực tế) trong bể lắng.
- Cánh khuấy Nén PAC, Polymer chạy theo chế độ tự.
- 2 cánh khuấy tại bể keo tụ tạo bông chạy theo P01 P02. Nếu bơm P01 P02 nghỉ thì 2 cánh khuấy tại bể keo tụ tạo bông nghỉ chính xác 10-15 phút.
- Cụm 2 cánh khuấy P = 0.37 kw chạy theo P01 P02.
- BKT: 2 bơm chạy luân phiên 2 tiếng chạy 2 tiếng nghỉ và chạy theo phao báo mức nước đầy.



BẢN VẼ BỐ TÌ
CÁC HẠNG MỤC XỬ LÝ N

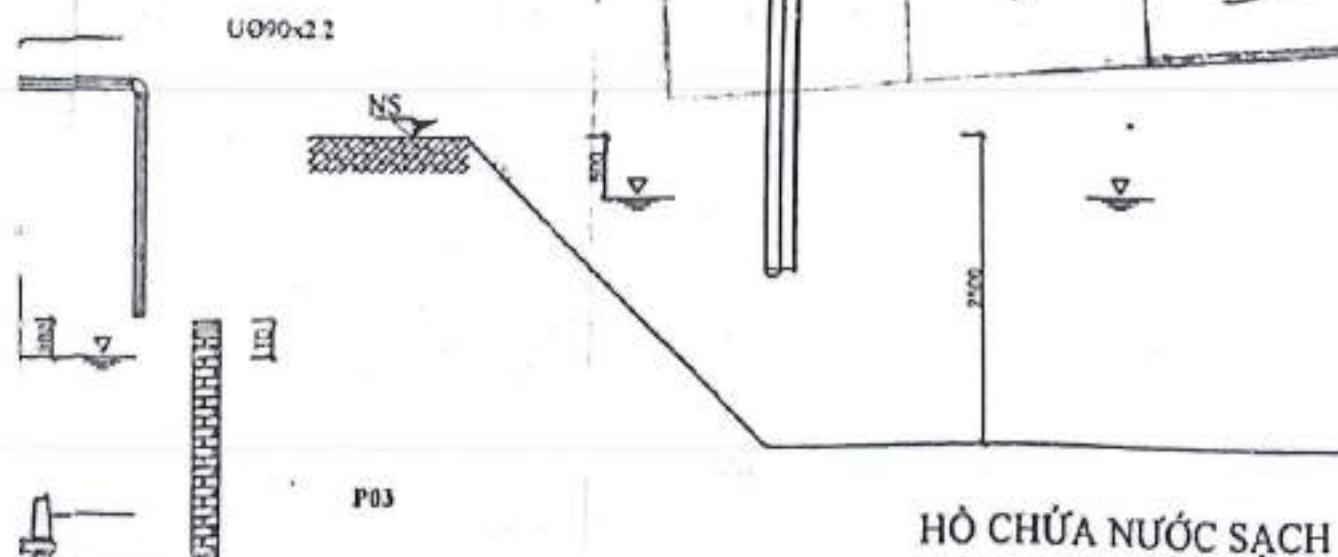
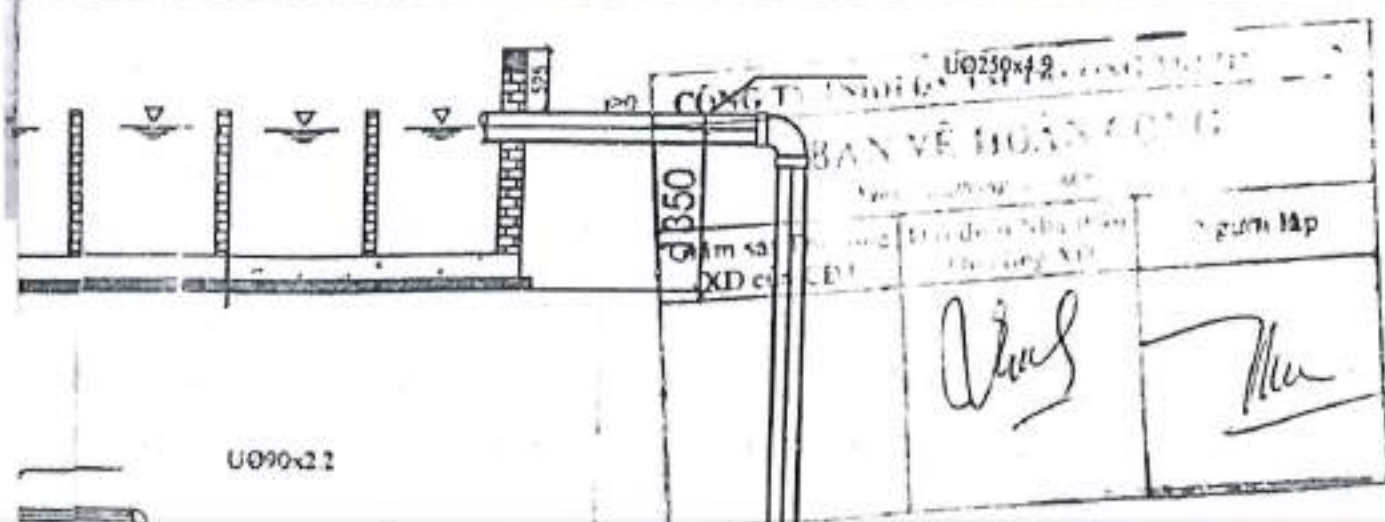
Ứ THIẾT BỊ VÀ CAO TRÌNH
 ƯỐC THẢI THEO PHƯƠNG ÁN HOÁ LÝ

(CHỮA N)



GHI CHÚ THIẾT BỊ

- P01/P02: Bơm chìm nước thải (Tsurumi, P: 3.7 kW, Q=70m³/h, H: 5 - 10m)
- BCT: Bơm trục ngang, số lượng 2 bơm (chạy luân phiên, Q=70m³/h, H: các nhà máy tự tính theo thực tế)
- P03: Bơm chìm nước thải (P: 0.75 kW, Q=10m³/h, H: các nhà máy tự tính theo thực tế)
 - PDL: Bơm định lượng (Q = 200l/h, H: 20-30m)
 - PVI: Bơm trục vít (Q = 200-1000 l/h, H: 20-30m)
 - PV2: Bơm trục vít bơm bùn từ bể lắng sang máy ép bùn (Q=3-8m³ h, H: 20-30m)
 - TØ250: Ống thép Ø250x2mm
 - UØ21/60/90/114/250: Ống nhựa uPVC Tiên phong Ø, độ dày tương ứng
 - VB: Van bi nhựa, Ø theo như đường ống
 - VIC: Van 1 chiều Ø theo như đường ống
 - NCN: Cáp nước sạch
 - Nhà máy tự tính toán thêm:
- Hệ thống điện, đường ống từ nhà xưởng ra HTXLNT và từ bể chứa nước sạch về rửa cù
- Số lượng đường ống nhựa uPVC, phụ kiện kết nối các hạng mục trong công trình theo cao trình thực tế
- Thiết bị phục vụ bể lắng hoá lý: bản vẽ mới chỉ thể hiện cho 1 bể, nhà máy phải bố trí và thể hiện cho bể còn lại để tính các thiết bị kèm theo
- Chọn loại bơm, cột áp bơm ly tâm trục ngang (BLT) bơm nước từ hồ nước sạch về phục vụ rửa cù theo thực tế tại nhà máy



BỂ T2
(ƯỚC SAU ÉP BÙN)

RỬA CÙ

BLT, SL.2

		CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHƯỚC FOCOCEV		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
Chức năng	Họ và tên	BẢN VẼ CAO TRÌNH CÁC HẠNG MỤC XLNT		Ký hiệu: GT-XLNT	
GD	Lữ Ngọc Khanh			Số lượng	
QL KT	Ng Th Minh Hân			Khối lượng	
Kiểm tra	Phạm Tiến Đức			Tỷ lệ	
Thiết kế	Trần Đức Thắng			1:1	
				Tờ: Số tờ:	

